

BỘ CÔNG THƯƠNG
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA



CẨM NANG
GIỚI THIỆU THỊ TRƯỜNG
CAMPUCHIA



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA



CẨM NANG
GIỚI THIỆU THỊ TRƯỜNG
CAMPUCHIA



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Biên soạn

Đỗ Việt Phương – Trưởng Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Cộng tác viên

**Trần Mạnh Tiệp Phòng Chính trị, Đại sứ quán Việt Nam
Trịnh Quang Minh tại Campuchia**



Hiệp hội VCBA – Chủ tịch Leng Rithy



**Ngân hàng BIDV – Chi nhánh
Campuchia (BIDC)**



Công ty Đá Granite Rithy (Davi)



**Tập đoàn Đối tác Chân thật,
Chi nhánh Campuchia**

Sách xuất bản trong khuôn khổ hoạt động biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Công Thương và các thương vụ, nhằm cung cấp thông tin cho quý độc giả, các doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm tham khảo, không có giá trị pháp lý cho hoạt động đầu tư kinh doanh. Bảo lưu bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác, góp ý quý báu của các tập thể và cá nhân để hoàn thiện nội dung trong quá trình biên soạn cuốn sách.

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam và Campuchia có mối quan hệ hữu nghị truyền thống, gắn bó trên tinh thần “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”. Quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước, hai dân tộc được dẫn dắt hiệu quả bởi mối quan hệ bền chặt giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Lãnh đạo cấp cao hai nước luôn quan tâm thúc đẩy mối quan hệ toàn diện ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất hơn. Hợp tác giữa các bộ, ngành và địa phương của hai nước cũng được hai bên chú trọng, tập trung vào các hoạt động giao lưu hữu nghị, kết nối, hỗ trợ cuộc sống cho nhân dân các tỉnh vùng biên, cũng như thúc đẩy hoạt động giao thương của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam - Campuchia.

Mối quan hệ chính trị - ngoại giao tốt đẹp, bền chặt đã tạo nền tảng vững chắc và tin cậy để cộng đồng doanh nghiệp hai bên phát triển quan hệ thương mại. Với đường biên giới dài 1258km, hơn 40 cửa khẩu trải dài trên 08 tỉnh Việt Nam và 09 tỉnh Campuchia, thương mại Việt Nam-Campuchia đã có những bước tăng trưởng vượt bậc trong thời gian qua. Nếu như năm 2010 kim ngạch trao đổi thương mại song phương đạt xấp xỉ 1,8 tỷ USD, thì năm 2024 đã lên đến 10,1 tỷ USD. Đặc biệt, 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều đã đạt 6,2 tỷ USD, tăng trưởng 16,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định hợp tác kinh tế - thương mại là trọng tâm hợp tác giữa hai nước từ nay đến năm 2030. Hai nước cũng đang triển khai các dự án kết nối kinh tế, giao thông như Dự án đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Phnom Penh, tăng cường mở các đường bay thẳng kết nối các điểm du lịch, kết nối du lịch biển... Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để có thể đạt mục tiêu 20 tỷ USD thương mại song phương như lãnh đạo hai nước đã đề ra.

Từ khi sang nhận nhiệm vụ tại Campuchia, tôi cảm nhận được sự quan tâm rất cao của các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đối với thị trường hết sức tiềm năng này. Một chiến

lược tiếp cận hợp lý, rõ ràng, cụ thể, dựa trên những nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc về thị trường Campuchia sẽ giúp cho các doanh nghiệp thành công trong kinh doanh và đầu tư tại địa bàn.

Tôi hoan nghênh và đánh giá cao Thương vụ thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia đã nỗ lực nghiên cứu và ban hành cuốn sách này. Tôi tin rằng những thông tin cần thiết về Campuchia và quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia trong cuốn sách này sẽ giúp các doanh nghiệp có những thông tin ban đầu về thị trường Campuchia. Tôi cũng rất mong sẽ ngày càng có nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm kinh doanh và đầu tư trên đất nước Chùa Tháp.

**Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
tại Vương quốc Campuchia
TS. Nguyễn Minh Vũ**



Thăm Chùa Bạc

Bạc mà chẳng bạc dưới trời xanh.

Lặng lẽ nằm đây giữa đất lành.

Phnom Penh trù phú, lòng thương mến.

Khoảnh khắc bình yên, đẹp như tranh.

Được trong màu nắng và mây trắng.

Mãi với thời gian, ngọn tháp cao.

Xa gần mến gửi vào trong gió.

Một chút tình riêng với ngàn sao.

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương I. TỔNG QUAN VỀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

1 . Thông tin cơ bản.....	11
2. Điều kiện tự nhiên.....	12
3. Khái quát lịch sử phát triển.....	12
4. Thể chế chính trị.....	14
5. Hội nhập.....	14
6. Tiền tệ.....	16
7 . Đô thị hóa.....	16
8. Y tế và chăm sóc sức khỏe	17
9. Môi trường.....	18
10. Phân chia hành chính địa giới.....	18
11. Hiến pháp	19
12. Quốc hội	19
13. Quốc kỳ	20
14. Biểu tượng quốc gia	20
15. Di sản quốc gia	20
16. Kinh tế	21
17. Lao động	23
18. Kiều hối và nợ công.....	24
19. Ngoại thương	24
20. Dự trữ ngoại hối.....	28
21. Năng lượng	29
22. Viễn thông.....	31
23. Giao thông vận tải.....	32
24. An ninh quốc phòng.....	33
25. Bầu cử	33

Chương II. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Nền tảng cơ sở cho phát triển kinh doanh	34
2. Chính sách kinh tế.....	35
3. Hệ thống pháp lý.....	38
4. Thương mại điện tử và số hóa	39
5. Chính sách, điều kiện kinh doanh về dịch vụ và du lịch	40
6. Lĩnh vực xây dựng và hạ tầng	41
7. Ngân hàng và Tài chính.....	42
8. Giá cả và chính sách tiền tệ.....	43
9. Giao thông vận tải.....	45
10. Ngành năng lượng và điện lực.....	46
11. Chiến lược ngũ giác giai đoạn I.....	48
12. Quy định quản lý vật liệu và hóa chất	49
13. Quy định quản lý công nghiệp	50
14. Khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Campuchia	50
15. Thuế	56
16. Quy định hải quan.....	68
17. Hàng nhập khẩu	69
18. Hàng xuất khẩu.....	70
19. Miễn thuế, hoàn thuế-thuế quan	71
20. Lưu kho, tạm trữ hàng hóa.....	71
21. Thủ tục xuất nhập khẩu	72
22. Xuất xứ.....	75
23. Quá cảnh hàng hóa	77
24. Thuế xuất khẩu.....	77
25. Biểu thuế nhập khẩu	78
26. Hiệp định thương mại tự do với ASEAN	79
27. Quy định xuất khẩu phế liệu.....	80
28. Một số nội dung quản lý mặt hàng thịt	81

29. Quy định kiểm soát thương mại.....	84
30. Danh mục hàng hóa kiểm soát, quy trình cấp phép	85

Chương III. Ngoại thương Campuchia

1. Bối cảnh chung nền kinh tế và ngoại thương.....	87
2. Đối tác thương mại chính.....	88
3. Chủ trương nâng cao hội nhập, thúc đẩy ngoại thương.....	92
4. Trao đổi ngoại thương.....	92
5. Thông tin khái quát một số ngành hàng	93
6. Một số chỉ số kinh tế vĩ mô tham khảo	101

Chương IV. Định hướng chính sách

1. Chính sách đối ngoại chung	103
2. Quan hệ với một số đối tác chính	103
3. Định hướng chính sách thương mại.....	110
4. Nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế, thương mại, đầu tư của Campuchia trong những năm tới	112
5. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển và biện pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư.....	113
6. Biện pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với các nước.....	115
7. Khái quát ngoại giao kinh tế	115

Chương V. Quan hệ hợp tác Việt Nam - Campuchia

1. Hợp tác chính trị, ngoại giao	116
2. Hợp tác quốc phòng, an ninh.....	117
3. Hợp tác đầu tư.....	117
4. Hợp tác giáo dục, văn hóa.....	118
5. Hợp tác biên giới, cửa khẩu, cư trú.....	118
6. Cơ chế hợp tác Ủy ban hỗn hợp	119
7. Ý nghĩa và giá trị của tình đoàn kết Việt Nam - Campuchia	120
8. Khái quát hợp tác kinh tế thương mại	124
9. Thương mại biên giới và tiểu ngạch	125

10. Tình hình xuất khẩu nông sản của Campuchia	127
11. Chính sách gạo của Campuchia trước biến động chính sách của Ấn Độ....	129

Chương VI. Thuận lợi và khó khăn, giải pháp tiếp cận thị trường Campuchia

1. Thuận lợi khi kinh doanh đầu tư tại Campuchia	131
2. Hạn chế, khó khăn khi kinh doanh tại Campuchia	133
3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy, phát triển hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu với Campuchia.....	133
4. Cách tiếp cận thị trường	135
5. Một số điểm lưu ý.....	136
6. Định hướng hợp tác thời gian tới.....	138

Chương VII. Quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia

1. Khái quát chung	139
2. Trao đổi thương mại.....	139
3. Cơ cấu hàng hóa	142
4. Mục tiêu kim ngạch	148
5. Khuôn khổ pháp lý.....	150
6. Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương	150
7. Cửa khẩu quốc tế Việt Nam - Campuchia	151
8. Định hướng mặt hàng.....	153

Chương VIII. Đầu tư

1. Khái quát về tình hình đầu tư.....	155
2. Cơ quan quản lý.....	156
3. Đối tác chính.....	156
4. Đặc khu kinh tế.....	157
5. Chủ trương chính sách.....	157
6. Khuôn khổ pháp lý về đầu tư.....	158
7. Ưu đãi đầu tư.....	159
8. Một số lĩnh vực ưu đãi khi đầu tư vào Campuchia.....	159

9. Quyền của nhà đầu tư.....	162
10. Xu hướng đầu tư	163
11. Ngành nghề cụ thể có tiềm năng	164
12. Thủ tục đăng ký và thực hiện dự án đầu tư.....	165
13. Dừng- hủy bỏ dự án đầu tư	166
14. Thủ tục thành lập doanh nghiệp	168
15. Các dự án trọng điểm và định hướng đầu tư lớn của Campuchia	170
16. Định hướng đầu tư tại Campuchia	171
17. Lý do nên đầu tư vào Campuchia	174
18. Hạn chế trong việc đầu tư kinh doanh tại Campuchia và những nỗ lực để khắc phục	174

Chương IX. Tập quán và lưu ý khi sinh sống và làm việc tại Campuchia

1. Cách tiếp cận	176
2. Danh thiếp.....	176
3. Chào hỏi	176
4. Trang phục.....	177
5. Hàng không.....	177
6. Phương tiện.....	177
7. Liên lạc.....	178
8. Y tế và thuốc men	178
9. Giờ làm	178
10. Ngôn ngữ.....	179
11. Ngày lễ	179
12. Tết Cổ truyền Khmer (Chol Chnam Thmey).....	180
13. Visa và xuất nhập cảnh	181
14. Ẩm thực	181
15. Quà tặng	181

Chương X. Ý KIẾN HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP

1. Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia (VCBA)	183
2. Ngân hàng Agribank, Chi nhánh tại Campuchia.....	184

3. Công ty Runam Campuchia và Showroom Nội thất Quỳnh.....	188
4. Công ty Dropii và Nhà hàng Whistle, Champa-Magnolia	188
5. Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia	189
6. Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Campuchia (BIDC)	189
7. Liên doanh Viễn thông Viettel - Campuchia (METPHONE)	192
8. Công ty Sữa Angkor Milk	195
9. Công ty Điện Quang, Chi nhánh Campuchia	198
10. Công ty Đá Granite Rithy (Davi)	199
11. Tập đoàn Cao su, Chi nhánh Campuchia	199
Phụ lục I. Một số địa chỉ hữu ích	201
Phụ lục II. Một số hình ảnh quan hệ Việt Nam - Campuchia	202
Phụ lục III. Hiệp định thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia...	209
Phụ lục IV. Thông tư số 28/VBHN-BCT	217
Phụ lục V. Thỏa thuận Thúc đẩy thương mại song phương	225
Phụ lục VI. Luật Đầu tư Campuchia	232
Phụ lục VII. Danh sách nhà hàng, quán ăn ẩm thực Việt tại Phnom Penh, Campuchia	252

Chương I

TỔNG QUAN VỀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên nước: Vương quốc Campuchia.

Diện tích : 181.035km².

Thủ đô : Phnom Penh.

Vị trí địa lý: Vương quốc Campuchia (Campuchia) nằm ở phía Tây Nam bán đảo Đông Dương, Tây và Tây Bắc giáp Thái Lan, phía Bắc giáp Thái Lan và Lào, Đông Bắc giáp Lào và Việt Nam, phía Đông và Đông Nam có chung đường biên giới với Việt Nam và phía Nam, Tây Nam giáp biển.

Sông ngòi: Hệ thống sông ngòi tập trung tại lưu vực của các con sông Tonlé Thom, Tonlé Sap và đổ ra Vịnh Thái Lan. Campuchia có địa hình đồng bằng chiếm xấp xỉ 50%, còn lại là núi đồi bao quanh lãnh thổ về phía Tây Nam và phía Bắc. Núi cao nhất là đỉnh Aoral cao 1810m so với mực nước biển.

Dân tộc: Người Khmer chiếm hơn 90% dân số, gồm người Khmer Trung (Khmer Kandal), Khmer Thượng (Khmer Lơ chủ yếu tập trung ở phía Bắc) và Khmer Hạ (Khmer Krom, tập trung nhiều ở phía Nam). Ngoài ra còn có người Mã Lai, Chăm, Lào, Miến Điện, Việt Nam, Thái Lan, Hoa và một số dân tộc thiểu số khác. Dân số Campuchia chủ yếu tập trung ở vùng trung tâm đất nước và tại lưu vực các con sông. Mật độ dân số phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

Ngôn ngữ: Tiếng Khmer chiếm 95,8%, ngôn ngữ bản ngữ thiểu số 3%, Trung Quốc 0,6%, tiếng Việt 0,5 (2025).

Tôn giáo: Đạo Phật chiếm xấp xỉ 97,1% dân số. Cả nước có hơn 5000 ngôi chùa với hơn 70 ngàn tăng ni. Ngoài ra, còn có 2,1% dân số theo đạo Hồi và các đạo khác khoảng 1.5% (2025).

Dân số : 17,8 triệu người (năm 2025). Mật độ dân số: 101 người/km².

Tuổi thọ trung bình người dân đạt xấp xỉ 73 tuổi. Tăng trưởng dân số hơn 1%/năm

2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Campuchia có khí hậu nhiệt đới gió mùa từ tháng 5 đến 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Nhìn chung, thời tiết nóng ẩm quanh năm. Nhiệt độ giao động từ 24 - 36 độ C, tùy theo mùa.

Campuchia có nhiều tài nguyên thiên nhiên, trong đó có dầu mỏ, khí đốt, gỗ, đá quý, quặng khoáng sản và đá quý, mangan, photphat, tiềm năng thủy điện dồi dào và đất đai canh tác nông nghiệp... Đất canh tác chiếm khoảng 32% diện tích lãnh thổ, rừng xấp xỉ 55%, đồng cỏ 9%...

Nước này có các hồ lớn mang giá trị thủy lợi quan trọng, trong đó có hồ nước ngọt Tonle Sap với diện tích mặt nước lên tới 16000km². Ngoài ra, Campuchia cũng sở hữu hệ thống sông ngòi tập trung tại lưu vực các con sông lớn, đổ theo hướng ra vịnh Thái Lan.

Biển Hồ và các hồ chứa nhân tạo cũng đem lại cho Campuchia nguồn lực thủy lợi đáng kể, giúp điều tiết nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho nhân dân.

Campuchia có 2530km đường biên giới, trong đó với Lào là 555km, Thái Lan 817km, Việt Nam 1137km (Số liệu khác là 1258, nhưng chưa được xác thực). Quốc gia này có 443km đường bờ biển.

3. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Vương quốc Khmer ra đời vào cuối thế kỷ thứ 9 trên lãnh thổ của Đế chế Phù Nam và Chân Lạp trước đây. Kinh đô khi ấy có tên là Angkor. Từ cuối thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 13, Vương quốc Khmer phát triển hưng thịnh.

Những năm 60 của thế kỷ 19, thực dân Pháp xâm chiếm Bán đảo Đông Dương. Năm 1863, Campuchia bị đặt dưới sự bảo hộ của Pháp và đến năm 1884, trở thành thuộc địa của Pháp.

Năm 1941, Quốc vương Norodom Sihanouk đã vận động đấu tranh giành lại nền độc lập cho Campuchia. Ngày 09/11/1953, Pháp tuyên bố trao trả độc lập cho Campuchia. Tháng 4/1955, Quốc vương Sihanouk thoái vị nhường ngôi cho cha là Quốc vương Norodom Suramarith để thành lập Cộng đồng xã hội bình dân.

Trong cuộc Tổng tuyển cử vào tháng 9/1955, Cộng đồng xã hội bình dân đã giành được thắng lợi lớn, Hoàng thân Sihanouk trở thành Thủ tướng. Năm 1960, Quốc vương Norodom Suramarith qua đời, Hoàng thân Sihanouk được Quốc hội bầu làm Quốc trưởng Campuchia.

Ngày 18/3/1970, Lon Nol Siric Matak, được sự hậu thuẫn của Mỹ đảo chính lật đổ Hoàng thân Sihanouk, thành lập “Cộng hoà Khmer” (tháng 10/1970).

Ngày 17/4/1975, Pol Pot lật đổ Lon Nol, thành lập nước “Campuchia dân chủ”, thực hiện chế độ diệt chủng tàn khốc trong lịch sử của Campuchia.

Ngày 2/12/1978, Mặt trận Giải phóng Dân tộc Campuchia ra đời do Samdech Heng Samrin làm Chủ tịch. Ngày 07/1/1979, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia đã đứng lên lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot Iêng Xary, thành lập nước “Cộng hoà Nhân dân Campuchia”. Năm 1989, đổi tên thành “Nhà nước Campuchia”.

Ngày 23/10/1991, Hiệp định Hoà bình Campuchia được ký kết tại Thủ đô Paris, nước Pháp. Từ ngày 23 - 25/5/1993, Tổng tuyển cử lần thứ nhất ở Campuchia do Cơ quan quyền lực lâm thời của Liên hợp quốc (UNTAC) tổ chức.

Ngày 24/9/1993, Quốc hội mới và Chính phủ Liên hiệp CPP-FUNCINPEC (FUN) nhiệm kỳ I được thành lập, tên nước đổi thành Vương quốc Campuchia, theo chế độ Quân chủ lập hiến. Quốc vương Norodom Sihanouk lên ngôi.

Ngày 26/7/1998, Tổng tuyển cử lần thứ hai, tiếp tục là Chính phủ liên hiệp giữa Đảng CPP và FUNCINPEC. Samdech Techo Hun Sen làm Thủ tướng, Hoàng thân Ranariddh giữ chức Chủ tịch Quốc hội.

Ngày 27/7/2003, Tổng tuyển cử lần thứ ba, Chính phủ liên minh Đảng CPP-FUNCINPEC nhiệm kỳ III được thành lập, Samdech Techo Hun Sen tiếp tục giữ chức Thủ tướng, Hoàng thân Ranariddh giữ chức Chủ tịch Quốc hội.

Ngày 06/10/2004, Quốc vương Norodom Sihanouk tuyên bố thoái vị. Ngày 14/10/2004, Hội đồng Ngôi Vua bầu Hoàng tử Norodom Sihamoni làm Quốc vương Campuchia. Ngày 29/10/2004 Quốc vương Norodom Sihamoni chính thức đăng quang.

Cho đến nay, Quốc vương Norodom Sihamoni đã trị vì được 21 năm. Vương quốc Campuchia thịnh vượng, phát triển, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Chính phủ Hoàng gia Campuchia đang từng ngày từng giờ nỗ lực, năng động, tích cực nhằm thúc đẩy kinh tế xã hội đất nước đi lên, gia tăng kết nối và hội nhập.

4. THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ

Hiến pháp năm 1993 quy định Campuchia là quốc gia quân chủ lập hiến, phân định rõ giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, gồm có: Quốc vương, Hội đồng Ngôi Vua, Thượng viện, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Hội đồng Hiến pháp và các cơ quan hành chính các cấp.

Đứng đầu Nhà nước: Quốc vương Norodom Sihamoni (từ 2004).
Đứng đầu Chính phủ: Thủ tướng Techo Hun Sen (từ 1985 - 2023), Thủ tướng Thipadei Hun Manet từ tháng 8/2023 cho đến nay. Giúp việc cho Thủ tướng có các Phó Thủ tướng. Nội các Chính phủ do Quốc vương ký sắc lệnh bổ nhiệm.

Chủ tịch Quốc hội hiện nay là Samdech Khuon Sudary. Quốc hội có 125 ghế, bầu đại biểu theo chế độ phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm.

Thượng viện: Chủ tịch Thượng viện là Samdech Techo Hun Sen; nhiệm kỳ 6 năm; Thượng viện có 62 ghế.

Đảng cầm quyền tại Campuchia là Đảng Nhân dân Campuchia (CPP), đã nỗ lực đưa Chính phủ và Nhân dân vượt qua thử thách, phát triển kinh tế xã hội của đất nước....

5. HỘI NHẬP

Campuchia là thành viên của các tổ chức quốc tế: ADB, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICCT, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCS, ILO, IMF, IMO, INTERPOL, IOC, IOM, IPU, ISO, ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA,

UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO...

Campuchia thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết, không xâm lược, không can thiệp công việc nội bộ của nước khác, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ.

Quốc gia này thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 nước, có cơ quan đại diện tại hơn 60 nước, có quan hệ thương mại với khoảng 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Campuchia chú trọng quan hệ với các nước lớn, các nước tài trợ, nước láng giềng, đồng thời đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế.

Vương quốc Campuchia gia nhập Liên hợp quốc vào tháng 10/1955. Tháng 4/1999, Campuchia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN. Là thành viên thứ 148 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 9/2003. Tại Hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) 5 tại Hà Nội tháng 10/2004, Campuchia gia nhập ASEM.

Campuchia cũng tham gia nhiều cơ chế hợp tác khu vực, như Ủy hội Mekong Quốc tế (MRC); Hợp tác Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV); Hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS); Chiến lược hợp tác phát triển kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mekong (ACMECS)... Campuchia tham gia ngày càng tích cực, qua đó nâng cao vị thế và uy tín trong các thể chế hợp tác đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN và một số cơ chế hợp tác khu vực khác.

Chính phủ Hoàng gia Campuchia xác định mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2050; thúc đẩy ngoại giao và hội nhập theo hướng thu hút đầu tư nước ngoài, đa dạng hóa các nguồn đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút khách du lịch, quảng bá văn hóa đất nước trên trường thế giới.

Campuchia đã ký kết hiệp định với các nước:

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực RCEP ký ngày 15/11/2020, Campuchia thông qua ngày 21/6/2021 để có hiệu lực từ 1/1/2022.

12/10/2020: Ký kết Hiệp định Thương mại Tự do với Trung Quốc.

23/4/2021: Ký Hiệp định Tránh đánh thuế 2 lần với Đặc khu hành chính Macau, Trung Quốc.

10/2021: Ký Hiệp định Thương mại Tự do với Hàn quốc.

Ngày 29/12/2021: Quốc hội phê chuẩn FTA Campuchia – Nhật Bản.

Ngày 09/6/2023, ký Hiệp định Đối tác Toàn diện Campuchia – Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất CAM – UAE – CEPA. Hiệp định này được đánh giá là toàn diện hơn cả một hiệp định thương mại tự do.

Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với: Singapore, Trung Quốc, Thái Lan, Brunei, Việt Nam, Indonesia, HongKong, Malaysia và đang phê chuẩn Hiệp định với Thổ Nhĩ Kỳ...

Các thỏa thuận khác.

Chính phủ Hoàng gia Campuchia nhiệm kỳ 7 dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Manet tiếp tục nỗ lực triển khai nhiều biện pháp và dự án nhằm thúc đẩy nền kinh tế, tích cực triển khai Chiến lược Ngũ giác giai đoạn I, tập trung cải cách toàn diện kinh tế xã hội, tăng cường hội nhập, hướng tới mục tiêu đưa Campuchia trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2050.

6. TIỀN TỆ

Campuchia dùng song song hai đồng tiền trên thị trường là đồng USD và đồng Riel nội tệ. Tỷ giá USD: RIEL (KHR) USD – 4.1 (2025); 4,065 (2024). Ngân hàng Nhà nước Campuchia duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm điều tiết hiệu quả tỷ giá.

Tỷ giá hối đoái được duy trì ổn định nhiều năm nay với cơ chế tỷ giá linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng Nhà nước với hệ thống ngân hàng thương mại.

7 . ĐÔ THỊ HÓA

Ước tính dân cư đô thị Campuchia chiếm khoảng 26% dân số, chủ yếu tập trung ở các trung tâm thành phố lớn, các thị trấn. Tốc độ đô thị

hóa các khu vực dân cư tăng nhanh trong những năm gần đây. Tuy vậy, do dân số Campuchia chưa nhiều trong khi diện tích lãnh thổ rộng, nên mật độ dân số nhiều vùng còn khá thưa, còn nhiều không gian để phát triển.

Xu hướng tập trung dân cư và đô thị hóa được thấy rõ tại các khu vực thành thị bên lưu vực và các dải đồng bằng lớn của các con sông. Theo đó, vùng trung tâm đất nước và các tỉnh phía Nam nhiều đồng bằng và gần biển có xu hướng phát triển đô thị nhanh hơn so với những khu vực khác.

Ước tính con số tương đối về phát triển đô thị tại Campuchia khoảng 3%/năm. Riêng Thủ đô Phnom Penh quá trình đô thị hóa diễn ra đồng đều, gia tăng nhịp độ nhanh chóng trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, với số dân theo thống kê hiện nay xấp xỉ 2,2 triệu người.

Hạ tầng điện, đường, trường, trạm, hay cơ sở hạ tầng nói chung ngày càng hoàn thiện, trong khuôn khổ của Chiến lược Ngũ giác giai đoạn I đang được Chính phủ Campuchia đẩy mạnh.

Bên cạnh phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống nhân dân, Chính phủ Hoàng gia Campuchia đặc biệt quan tâm đến phát triển ổn định và đồng bộ nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế xã hội của đất nước một cách đồng đều, không chỉ tập trung ở trung ương hay các đô thị lớn, mà còn phát triển tới các tỉnh biên giới, vùng sâu, vùng xa điều kiện khó khăn hơn.

Vấn đề nước sạch cũng được cải thiện rất nhiều. Ước tính 99,3% dân số Campuchia được tiếp cận sử dụng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt và đời sống tại các vùng đô thị. Con số này tại các vùng nông thôn đạt khoảng 80%.

8. Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Vấn đề chăm sóc sức khỏe nhân dân được Chính phủ Campuchia quan tâm triển khai các chương trình cụ thể. Trong đó có các chương trình chăm sóc, tầm soát tới tận các phường xã. Campuchia chỉ khoảng

7,5% GDP cho lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ bác sĩ trên số dân tăng đáng kể trong những năm gần đây.

9. MÔI TRƯỜNG

Trong những thập niên trước, Campuchia ít nhiều phải đối mặt với vấn đề môi trường, chủ yếu đến từ các hoạt động khai thác đá quý bất hợp pháp tại những khu vực dọc biên giới với Thái Lan, khiến đa dạng sinh học bị giảm sút, nhiều khu vực rừng được ngập mặn có dấu hiệu thay đổi.

Ở một số khu vực, xói lở và rửa trôi đôi khi xảy ra, do yếu kém trong quản lý ngư trường dẫn đến nguồn lợi thủy sản có phần giảm, diện tích rừng giảm..., chất lượng không khí tại một số vùng công nghiệp cũng gây lo ngại cho Chính phủ.

Tuy nhiên, phải khẳng định rằng Campuchia không đối mặt môi trường lấy phát triển. Chính phủ luôn có các quyết sách nhằm đảm bảo phát triển xanh, bền vững, hài hòa; chủ trương kết hợp giữa phát triển kinh tế đi đôi với cải thiện các vấn đề về môi trường, thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường và biến đổi khí hậu.

Campuchia là thành viên của các Hiệp định Kyoto về biến đổi khí hậu, thời tiết và đa dạng sinh học, Thỏa thuận Paris về chống biến đổi khí hậu, Thỏa thuận cấm thử, sử dụng và phổ biến vũ khí hạt nhân, Hiệp định chống rác thải nguy hiểm, bảo tồn biển, bảo vệ tầng ô zôn, Thỏa thuận quốc tế về chống sa mạc hóa, Thỏa thuận bảo vệ các loài động vật nguy cơ tuyệt chủng, Thỏa thuận quốc tế về chống ô nhiễm tàu bè, Thỏa thuận bảo vệ rừng, chống săn bắt cá voi...

10. PHÂN CHIA HÀNH CHÍNH ĐỊA GIỚI

Campuchia được chia thành 24 tỉnh và 01 đơn vị hành chính đặc biệt, gồm có: Banteay Meanchey, Battambang, Kampong Cham, Kampong Chhnang, Kampong Speu, Kampong Thom, Kampot, Kandal, Kep, Koh Kong, Kratie, Mondolkiri, Oddar Meanchey, Pailin, Preah Sihanouk, Preah Vihear, Prey Veng, Pursat, Ratanakiri, Siem Reap, Stung Treng,

Svay Rieng, Takeo, Tbong Khmum. Thủ đô Phnom Penh là đơn vị hành chính đặc biệt.

11. HIẾN PHÁP

Campuchia tuân theo Hiến pháp năm 1947, đã qua nhiều lần sửa đổi. Lần sửa đổi Hiến pháp gần nhất được thực hiện năm 2022. Việc sửa đổi Hiến pháp phải dựa trên đề xuất của Quốc vương, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội (nếu được sự đồng thuận của ít nhất $\frac{1}{4}$ số đại biểu). Có một số điều khoản của Hiến pháp Campuchia không được phép sửa đổi theo quy định của Pháp luật.

Tuổi được phép bỏ phiếu là 18 tuổi . Bầu cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

Quốc vương Norodom Sihamoni trị vì từ ngày 29 tháng 10 năm 2004.

Người đứng đầu Chính phủ hiện nay là Thủ tướng Hun Manet, từ ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Thủ tướng do Quốc vương phê chuẩn trên cơ sở đề xuất của Quốc hội. Trước Thủ tướng Hun Manet là Thủ tướng Hun Sen (từ năm 1985), là người có công lao to lớn đối với cuộc đấu tranh giành độc lập, thoát nạn diệt chủng và phát triển đất nước Campuchia.

12. QUỐC HỘI

Quốc hội Campuchia bao gồm Thượng viện và Hạ viện. Hạ viện có 125 ghế, được bầu theo hình thức trực tiếp, nhiệm kỳ 5 năm. Bầu cử hạ viện gần nhất diễn ra ngày 23/7/ 2023 . Số ghế theo đảng được bầu như sau: CPP (120); Đảng khác (5). Tỷ lệ nữ giới là 13,6%. Dự kiến tháng 7 năm 2028 sẽ diễn ra cuộc bầu cử tiếp theo.

Thượng viện có 62 ghế, trong đó có 60 ghế được bầu theo cơ chế gián tiếp và 02 ghế chỉ định, nhiệm kỳ 6 năm. Lần bầu cử gần nhất là ngày 25 tháng 2 năm 2024. Tỷ lệ nữ giới là 19,4%. Lần bầu cử tiếp theo là vào tháng 2 năm 2030.

13. QUỐC KỲ

Quốc kỳ Campuchia có 3 dải màu, xanh phía trên và dưới, dải ở giữa màu đỏ có chiều rộng gấp đôi, ở giữa có biểu tượng ngôi chùa 3 tòa tháp, đại diện cho Angkor Wat. Màu đỏ và xanh là các màu truyền thống của Campuchia.



14. BIỂU TƯỢNG QUỐC GIA

- Đền Angkor Wat.
- Màu truyền thống xanh đỏ.
- Con vật biểu tượng: Rắn linh Naga.
- Quốc ca.

Quốc ca Campuchia là ca khúc có tên “Nokoreach” lời Chuon Nat, nhạc F. Perruchot và J. Jekyll. Ca khúc trở thành quốc ca vào năm 1941, sau đó được sử dụng tiếp từ năm 1993. Âm hưởng của quốc ca mang chất liệu nhạc dân gian Campuchia.

15. DI SẢN QUỐC GIA

Campuchia có một số di sản văn hóa được xếp hạng thế giới, gồm có đền Angkor, Preah Vihear; Sambor Prei Kuk và Koh Ker.

Hiện, Campuchia có tới 95% dân số theo đạo Phật, với hơn 70 ngàn tăng ni và hơn 5000 chùa trên cả nước.

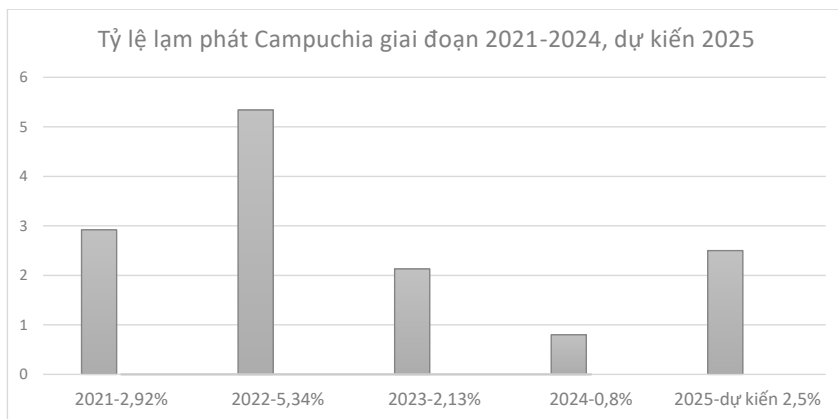
Bên cạnh đó, các di sản vật thể và phi vật thể, những công trình văn hóa mang nét kiến trúc Khmer trên cả nước đem lại cho Campuchia những giá trị văn hóa truyền thống rất đặc sắc.

16. KINH TẾ

Nền kinh tế Campuchia tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây. Tiềm năng phát triển kinh tế và trao đổi thương mại được thúc đẩy rất mạnh mẽ. Ước tính GDP theo sức mua năm 2022 đạt 111 tỷ USD, 2023 đạt khoảng 117 tỷ USD, năm 2024 122 tỷ USD với tỷ lệ tăng trưởng GDP các năm đạt lần lượt là 5,1%, 4,96% và năm 2024 ở mức 6%.

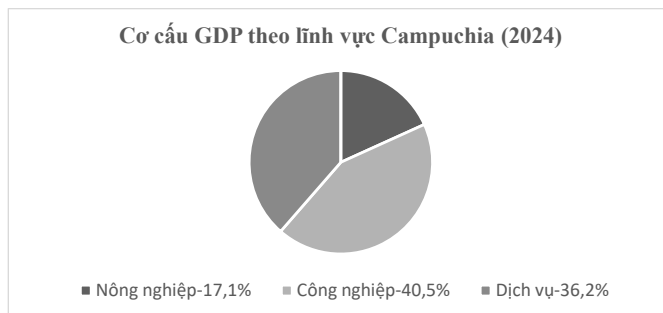
Xét về mức độ tăng trưởng GDP, Campuchia đứng vị trí trong khoảng từ 55 – 60 trên thế giới với mức GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2700USD.

Tỷ lệ lạm phát của Campuchia trong các năm qua là: 2021 ở mức 2,92%, 2022 ở mức 5,34%, 2023 là 2,13% và năm 2024 khoảng 0,8% (Theo Ngân hàng Trung ương Campuchia). Dự kiến lạm phát của Campuchia năm 2025 sẽ ở mức khoảng 2,5%.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia DVP-7/2025

Cơ cấu GDP theo lĩnh vực của Campuchia ước tính như sau: nông nghiệp 17,1%, công nghiệp 40,5% và dịch vụ 36,2% (2024).



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia - DVP 7/2025

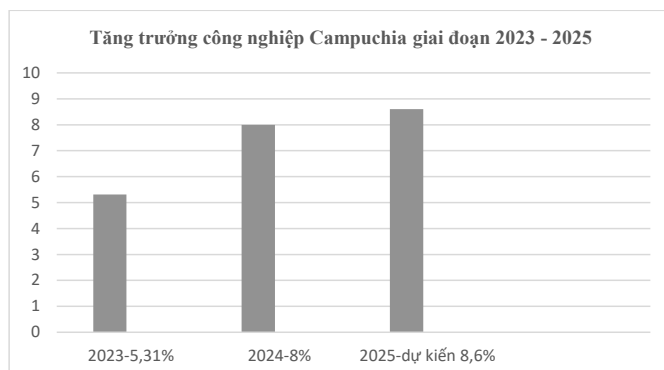
Năm 2024, theo tính toán của Chính phủ Hoàng gia, Campuchia đạt tăng trưởng GDP 6% và dự kiến mức tăng trưởng của năm 2025 sẽ đạt khoảng 6,3%.

Nền nông nghiệp Campuchia duy trì tốc độ phát triển tốt với sự gia tăng các loại sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Các nông sản chính của đất nước chùa Tháp có thể kể đến như sắn, gạo, ngô, mía đường, rau củ quả, dầu cọ, cao su, chuối, cói, thịt lợn, gà, cá, trứng, sữa, điều, lúa gạo...

Về công nghiệp, trong những năm gần đây Campuchia phát triển mạnh ngành du lịch, dệt may, may mặc, xây dựng, xay sát gạo, đánh bắt cá, gỗ và sản phẩm từ gỗ, cao su, xi măng, khai thác vàng, đá quý...

Campuchia đạt mức tăng trưởng công nghiệp khá tốt vào năm 2023 với mức tăng trưởng đạt 5.31% (2023), 8% (2024) và dự kiến 8,6% (2025).



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Trong năm 2024, nhờ những nỗ lực của Chính phủ, Campuchia đã duy trì môi trường phát triển kinh tế xã hội thuận lợi, là điểm đến đáng tin cậy cho các nhà đầu tư và du khách. Những yếu tố này góp phần thêm vào tiềm năng ngày càng lớn của Campuchia, mang lại lợi ích cho đất nước và người dân trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

Về xuất khẩu, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Campuchia (CCIA) kiêm Chủ tịch Hiệp hội Giày dép Campuchia (CFA) cho rằng thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghiệp sẽ tăng trưởng trong năm 2025 nhờ niềm tin vào sự lãnh đạo của Chính phủ Hoàng gia.

Trong các chuyến công tác nước ngoài, Thủ tướng Hun Manet nỗ lực rất nhiều để thu hút thêm nhà đầu tư, đồng thời có nhiều biện pháp tăng cường niềm tin của các đối tác nước ngoài. Vì thế, đầu tư và xuất khẩu được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới đây.

Trong năm 2025, tăng trưởng kinh tế Campuchia được một số tổ chức quốc tế dự báo sẽ vượt nhẹ mức 6%. Mục tiêu của đảng cầm quyền và Chính phủ đề ra là 6,3%. Tuy nhiên, triển vọng tích cực này vẫn phải đối mặt với một số rủi ro. Theo nhận định của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), những yếu tố có thể gây tổn thương cho nền kinh tế Vương quốc xuất phát từ sự giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, châu Âu và Mỹ.

Theo báo cáo của Bộ Thương mại, năm 2024, tổng kim ngạch thương mại quốc tế của Campuchia đạt gần 55 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu vượt 26 tỷ USD, tăng 15% và kim ngạch nhập khẩu đạt hơn 28 tỷ USD, tăng 18 %.

Các mặt hàng xuất khẩu chính bao gồm hàng may mặc, đạt 8,94 tỷ USD, tăng 25,84%; giày dép đạt 1,5 tỷ USD, tăng 24,30% và gạo đạt 1,5 tỷ USD, tăng 16,42%.

17. LAO ĐỘNG

Ước tính Campuchia có xấp xỉ 9,3 triệu lao động. Mức độ đào tạo và tay nghề của lao động Campuchia tăng lên rõ rệt theo thời gian. Xu hướng du học gia tăng tại Campuchia trong khoảng 15 năm qua. Những

sinh viên, kỹ sư trở về đóng góp cho sự phát triển của Campuchia ngày càng nhiều, có chất lượng và trình độ cao.

Mặt bằng chung về năng lực, trình độ và khả năng giao tiếp nắm bắt thông tin của người Campuchia gia tăng đáng kể trong những năm gần đây, nhờ vào chính sách giáo dục mở theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thu hút các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đem đến nhiều cơ hội học hành cho người dân, nhất là ở các khu vực trung tâm, thành thị trên cả nước. Những điều kiện học tập cũng ngày càng được mở rộng về các địa phương một cách đồng đều.

Mặt bằng tiếng Anh của lao động Campuchia được đánh giá khá tốt so với nhiều nước trong khu vực.

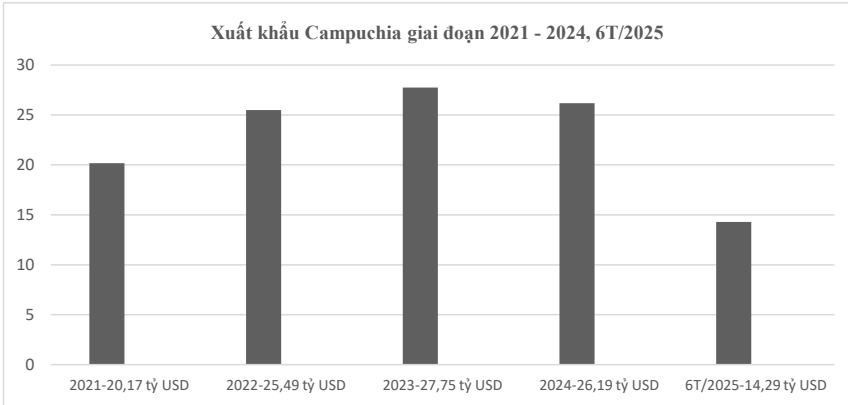
Tỷ lệ thất nghiệp của Campuchia luôn duy trì ở mức thấp, chỉ xấp xỉ 0,26% năm 2024, năm 2023 là 0,24%. Chất lượng việc làm vẫn chưa phải ở mức cao, nhưng về cơ bản người dân khi đủ tuổi trưởng thành đều có công việc và kế sinh nhai. Đặc biệt, lao động trong độ tuổi từ 15-24 thì tỷ lệ thất nghiệp chỉ vào khoảng 0,8%, rất thấp so với nhiều nước trên thế giới.

18. KIỀU HỒI VÀ NỢ CÔNG

Ước tính, lượng kiều hối người dân Campuchia ở nước ngoài gửi về trong nước đóng góp khoảng 6,7% GDP (2024), 6,57% (2023), 6,54% (2022), 6,9% (2021). Nợ công Campuchia chỉ vào khoảng 30% GDP.

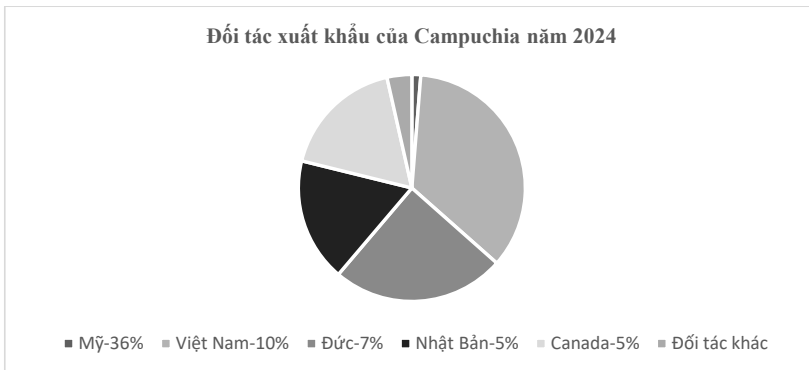
19. NGOẠI THƯƠNG

Về kim ngạch xuất khẩu: 26,19 tỷ USD (2024), 27,75 tỷ USD (2023), 25,49 tỷ USD (2022), 20,17 tỷ USD (2021).



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Các đối tác xuất khẩu chính của Campuchia gồm có: Mỹ 36%, Viet Nam 10%, Đức 7%, Nhật Bản 5%, Canada 5% (2024).



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

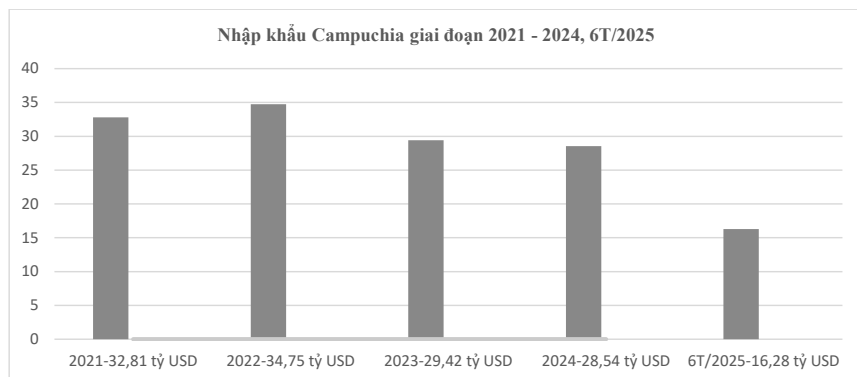
Hàng xuất khẩu chủ yếu gồm có: hàng may mặc, giày dép, gạo, điều, sắn, gỗ, khoáng sản... (2024).

Kim ngạch nhập khẩu: 28,54 tỷ USD (2024), 29,42 tỷ USD (2023), 34,75 tỷ USD (2022), 32,81 tỷ USD (2021).

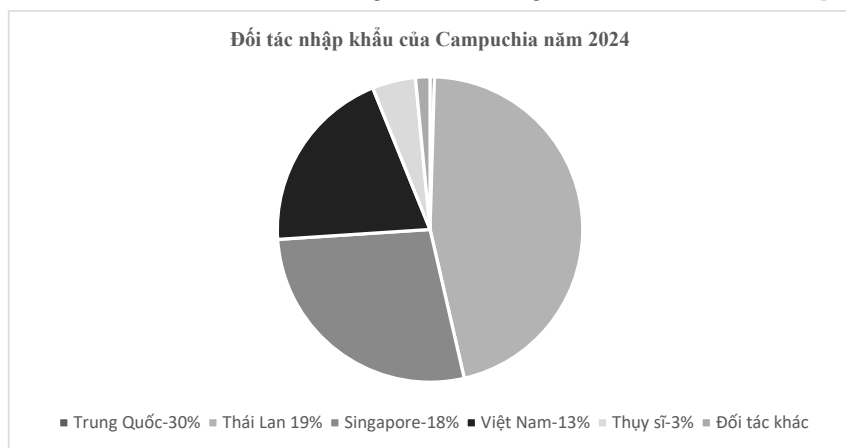
Đối tác nhập khẩu chính gồm: Trung Quốc 30%, Thái lan 19%, Singapore 18%, Việt Nam 13%, Thụy Sĩ 3% (2024).

Mặt hàng nhập khẩu chính là vàng, dầu tinh lọc, sợi, sản phẩm nhựa, phụ tùng thiết bị ô tô, nhiên liệu... (2024).

Campuchia cũng gia tăng hoạt động ngoại thương với các nước châu Á và trong khu vực, trong đó có các thị trường RCEP.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Năm 2024, kim ngạch thương mại giữa Campuchia với các nước thành viên Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đạt hơn 35 tỷ USD, tăng hơn 19% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, xuất khẩu của Campuchia sang thị trường RCEP đạt khoảng 10 tỷ USD, tăng 15%, trong khi nhập khẩu đạt khoảng 25 tỷ USD, tăng hơn 20%. 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch trao đổi ngoại thương giữa Campuchia và RCEP tăng trưởng mạnh, đạt hơn 16,47 tỷ USD, tăng trưởng 16,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Tăng trưởng kim ngạch thương mại giữa Campuchia và thị trường RCEP được đánh giá là nhờ Campuchia tăng cường xuất khẩu một số sản phẩm chủ lực mới như hạt điều, lốp xe và giày dép... và tăng nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường RCEP trong thời gian qua như: vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, hàng hóa phục vụ các dự án đầu tư... Hiện nay, trao đổi thương mại với các nước RCEP chiếm tỷ trọng quan trọng trên tổng ngoại thương Campuchia, có năm lên tới hơn 60%.

Campuchia vẫn tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội giao thương với thị trường RCEP, bởi nhiều nước thành viên có các mức thuế ưu đãi cao, do đã ký kết hiệp định thương mại tự do song phương với Campuchia.

Trên thực tế, RCEP đem lại những lợi ích cho cả hai phía, tạo đà tăng trưởng cho nền kinh tế Campuchia. Trong khuôn khổ Hiệp định, bên cạnh quan hệ thương mại còn có các hợp tác khác như sự hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực lao động, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, đầu tư...

Về ngoại thương, theo Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (GDCE), trong 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch ngoại thương của Campuchia với các nước đạt 30,57 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu của Campuchia đạt 14,29 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, và nhập khẩu đạt 16,28 tỷ USD, tăng 18%. 05 đối tác thương mại hàng đầu của quốc gia Đông Nam Á này là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam, Thái Lan và Nhật Bản.

Campuchia chủ yếu xuất khẩu hàng may mặc, giày dép và các sản phẩm xe đạp, cao su khô, gạo xay sát, chuối, hạt điều, xoài và nhãn, đồng thời nhập khẩu nguyên liệu thô cho hàng may mặc, giày dép và các sản phẩm phục vụ du lịch, xăng dầu, vật liệu xây dựng, ô tô và xe máy, sản phẩm điện tử, hàng tiêu dùng, dược phẩm và mỹ phẩm, cùng nhiều mặt hàng khác.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Campuchia như gạo, hạt điều, cao su, sầu, chuối, xoài, nhãn, rau củ... đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu hàng đầu của Campuchia là Trung Quốc, Mỹ, Việt Nam, Thái Lan, Nhật Bản, Indonesia, Malaysia,

Canada, EU, Đức, Tây Ban Nha với xu hướng đa dạng hóa các đối tác thương mại ngày càng gia tăng. Trung Quốc, Mỹ và châu Âu là những đối tác thương mại chính, có vai trò thúc đẩy tạo việc làm trong các ngành may mặc, giày dép và hàng hóa du lịch. Trong đó, Trung Quốc tiếp tục là đối tác hàng đầu của Campuchia với tổng kim ngạch hai chiều sau 5 tháng đạt 7,64 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm ngoái, tương đương xấp xỉ hơn 1/3 tổng trao đổi thương mại của Campuchia với thế giới. Xuất khẩu của Campuchia đạt 634 triệu USD, nhập khẩu xấp xỉ 7 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung vào các mặt hàng nguyên phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất trong nước như dệt may, da giày, điện tử, hàng phục vụ du lịch, một số loại máy móc công nghiệp nhẹ...

Hoa Kỳ đã thông báo sẽ áp dụng mức thuế 36%, giảm từ mức 49% trước đó, đối với tất cả các sản phẩm của Campuchia nhập khẩu vào thị trường Mỹ, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2025.

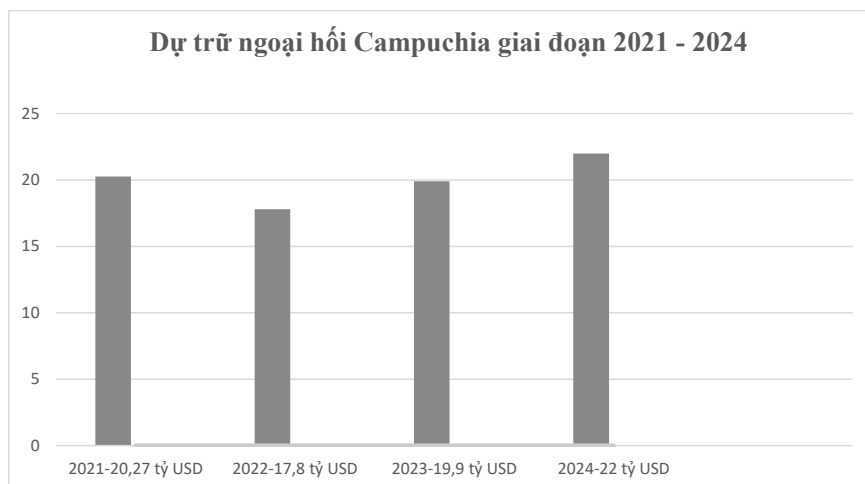
RCEP tiếp tục là đối tác quan trọng với tổng giao dịch tương đương 66% kim ngạch xuất nhập khẩu của Campuchia trong 4 tháng đầu năm, đạt tổng 12,63 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Campuchia đạt 3,6 tỷ USD, tăng trưởng 8%. Hết 6 tháng đầu năm tổng kim ngạch Campuchia - RCEP là hơn 16 tỷ USD.

Các mặt hàng nhập khẩu chính bao gồm xăng dầu, nguyên liệu cho ngành may mặc, giày dép và sản phẩm phục vụ du lịch, xe cộ, máy móc, thiết bị điện tử và hàng tiêu dùng.

Vừa qua, Thủ tướng Hun Manet đã kêu gọi tất cả các bên liên quan hợp tác để duy trì các thị trường hiện có và đa dạng hóa thị trường để xuất khẩu bền vững. Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng kêu gọi nâng cao chất lượng sản phẩm để thúc đẩy tính cạnh tranh trên thị trường.

20. DỰ TRỮ NGOẠI HỐI

Bao gồm cả ngoại tệ và vàng: 22 tỷ USD (2024), 19,9 tỷ USD (2023), 17,8 tỷ USD (2022), 20,27 tỷ (2021). Nợ nước ngoài ước khoảng 9 tỷ USD.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Tỷ giá hối đoái so với đồng USD: 4,100 (2024), 4,110 (2023), 4,102 (2022), 4,098 (2021).

21. NĂNG LƯỢNG

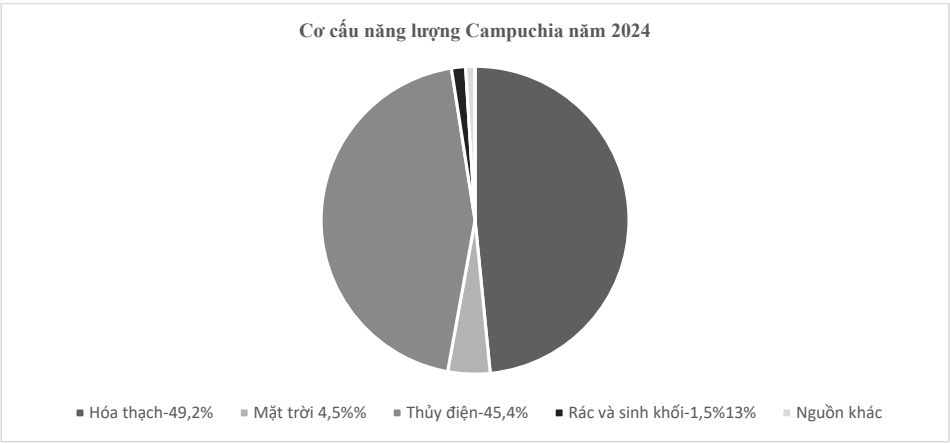
Campuchia đã điện khí hóa xấp xỉ 93% lãnh thổ. Tuy nhiên, tỉ lệ ở các vùng có khác nhau. Khu vực đô thị lên tới 99%. Vùng nông thôn khoảng 88%.

Tổng tiêu thụ điện năng của Campuchia khoảng 20 tỷ kWh, trong đó nhập khẩu xấp xỉ 3,56 tỷ kWh.

Cơ cấu phát điện của Campuchia như sau: Năng lượng hóa thạch 49,2% tổng công suất đặt, điện mặt trời 4,5%, thủy điện 45,4%, điện rác và sinh khối 1% và nguồn khác.

Sản lượng than khai thác mỗi năm đạt khoảng 120 ngàn tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ ngày càng gia tăng. Nguồn bù đắp chính là dựa vào nhập khẩu.

Nhu cầu tiêu thụ dầu của Campuchia ước khoảng 70000 thùng/ngày. Hiện nay, Chính phủ Campuchia quan tâm tới việc thúc đẩy phát triển năng lượng, nhất là các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng xanh thân thiện với môi trường và đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Năm 2024, tổng sản lượng điện của Campuchia đạt 19,41 tỷ KWh, tăng 15,47% so với cùng kỳ năm 2023 (16,8 tỷ KWh).

Chính phủ Campuchia có kế hoạch phát triển thêm 36 dự án điện trên cả nước giai đoạn 2024 – 2029, trong đó có 13 dự án đang triển khai xây dựng với tổng công suất khoảng 1275MW, 21 dự án phát điện mới tương đương xấp xỉ 3950MW, 02 dự án pin lưu trữ khoảng 2000MW (công suất tổng cả 2 dự án).

Chỉ tính riêng 21 dự án sau đã có tổng mức đầu tư lên tới 5,79 tỷ USD. Về nguồn phát, trong số 21 dự án đầu tư mới sẽ có 12 dự án điện mặt trời, 06 dự án điện gió, 01 dự án hỗn hợp điện sinh khối+mặt trời, 01 dự án LNG, 01 dự án thủy điện.

Theo thông tin từ Bộ Mỏ và Năng lượng Campuchia, năm 2024 hệ thống điện Campuchia có tổng công suất đạt 5044MW, với tổng 3890km lưới truyền tải (năm 2024 thêm 182km), 70 trạm tổng (năm 2024 tăng thêm 2 trạm).

Hiện, Campuchia có hợp đồng nhập khẩu điện từ các nước láng giềng khoảng 1030 MW, chủ yếu từ Thái Lan, Lào, Việt Nam. Trên thực tế, sản lượng điện nhập khẩu có biến động theo năm. Nhằm đảm bảo an ninh năng lượng phục vụ phát triển kinh tế, từ nay đến năm 2026,

Campuchia có kế hoạch nhập khẩu thêm từ 600 – 700 MW, trong đó dự kiến 300MW từ Lào, 100MW từ Thái Lan...

Hiện, Campuchia có khoảng 3,5 triệu hộ dùng điện, tương đương 95,24% tổng số hộ dân. Cũng trong năm 2024, có tổng số 99,15% số làng xã trên cả nước được tiếp cận điện lưới quốc gia, tăng 0,28% so với cùng kỳ năm 2023.

Đến nay, Campuchia còn 120 làng xã chưa có điện lưới. Lý do, đây là những khu dân cư nằm ở những khu vực có địa hình phức tạp, khó khăn, vùng ngập lụt mùa mưa, các đảo, làng nổi...

Kế hoạch của Chính phủ Campuchia trong 2 – 3 năm tới là thúc đẩy Tổng Công ty Điện lực, cùng với các nhà phân phối tư nhân sẽ đưa điện lưới tới thêm 51 làng xã. Như vậy, dự kiến chỉ còn lại 69 làng xã chưa có điện lưới, tương đương 0,49%.

Năm 2024, số hợp đồng đăng ký sử dụng điện mới tăng thêm 150,3 ngàn trên phạm vi cả nước.

22. VIỄN THÔNG

Trong thập niên vừa qua, sự phát triển viễn thông của Campuchia đạt kết quả rất tích cực. Cơ sở hạ tầng được nâng cao với nhiều nhà mạng cùng tiếp cận thị trường. Đầu tư mới về cơ sở hạ tầng viễn thông dựa trên khuyến khích và mở rộng chính sách thu hút đầu tư từ Chính phủ đã giúp cho người dân được sử dụng những tiện ích viễn thông, thông tin liên lạc ngày càng hiện đại.

Từ góc độ thị trường, với dân số như hiện nay, khả năng phát triển thị trường viễn thông cơ bản đã ở mức cao, bão hòa, nhất là đối với mảng di động. Với sự tham gia của 4 nhà mạng chia sẻ thị phần, người dân Campuchia đang có nhiều sự lựa chọn. Sự đa dạng hóa dịch vụ, tìm kiếm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ là khía cạnh mà các doanh nghiệp viễn thông cần hướng tới.

Đặc biệt, thúc đẩy phát triển mạng có dây và cố định là việc làm khó, nhưng còn có thể thúc đẩy để phát triển thị trường. Hạn chế và khó khăn

chính đối với ngành viễn thông Campuchia chính là vấn đề quỹ tần số. Chính phủ Campuchia có nhiều nỗ lực trong phát triển lĩnh vực viễn thông, trong đó có phát triển công nghệ và thúc đẩy hoạt động phủ sóng 5G trong thời gian tới.

Campuchia đã phủ sóng 4G trên cả nước, 5G thử nghiệm ở một số nơi, nhưng việc quản lý tần số khá chặt chẽ. Riêng về mạng có dây, hiện tổng số thuê bao cố định chỉ tương đương khoảng 20%. Mạng di động ước có khoảng 20 triệu thuê bao trên cả nước. Đây là số thống kê dựa trên đăng ký, còn lại thuê bao đang hoạt động và phát sinh cước ước tính có khoảng 17 triệu.

Đối với Internet, hiện có khoảng 10,2 triệu tài khoản đăng ký sử dụng, tương đương khoảng 60% dân số có Internet.

Các doanh nghiệp viễn thông nước ngoài đầu tư tại Campuchia, trong đó có Viettel của Việt Nam (METPHONE) được Chính phủ và Nhà nước Campuchia quan tâm hỗ trợ, đạt được những kết quả triển khai tích cực, có đóng góp chung vào sự phát triển và ổn định an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân Campuchia.

23. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Giao thông vận tải tại Campuchia ngày càng phát triển. Đây là một trong những ngành Chính phủ Campuchia quan tâm đầu tư, được đề cập trong Chiến lược ngũ giác giai đoạn I. Hệ thống đường giao thông, cao tốc của Campuchia ngày càng được cải thiện và xây dựng nhiều hơn.

Riêng hành khách vận chuyển theo đường hàng không mỗi năm ước tính khoảng từ 1,5 - 1,9 triệu.

Tính đến cuối năm 2024, toàn Campuchia có 13 sân bay. Quốc gia này có hơn 1000km đường sắt, 62 ngàn km đường bộ, trong đó dài nhựa 15 ngàn km. Các tuyến giao thông đường thủy ước khoảng 3500km, chủ yếu là dọc theo tuyến sông Mekong. Ngày càng có nhiều thêm các tuyến cao tốc nối Thủ đô Phnom Penh với các tỉnh của đất nước.

Vừa qua, Thủ tướng Hun Manet đã khuyến khích Bộ Công chính và Giao thông vận tải xem xét khả năng phát triển nhiều mạng lưới cơ sở hạ tầng đường thủy và các hoạt động vận tải đường thủy để thúc đẩy các hoạt động cạnh tranh và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế quốc gia dài hạn.

Campuchia hiện có 119 cảng và bến cảng, trong đó có hai cảng quốc tế - Cảng tự trị Phnom Penh và Cảng tự trị Sihanoukville, 88 cảng dọc theo sông và 31 cảng lớn nhỏ ở các khu vực ven biển. Bên cạnh đó, Campuchia còn có hai cảng quan trọng khác là Kampong Saom, Phsar Ream.

24. AN NINH QUỐC PHÒNG

Campuchia đã trải qua nhiều năm xây dựng và hoàn thiện các lực lượng đảm bảo an ninh và bảo vệ tổ quốc. Các lực lượng chính được củng cố có thể kể đến như:

Quân đội Hoàng gia Campuchia, Hải quân Hoàng gia Khmer, Không quân Hoàng gia Campuchia, Cảnh sát Hoàng gia, Ủy ban Quốc gia đối với An ninh Hàng hải (2024) - tương tự cảnh sát biển.

Campuchia cũng nỗ lực xây dựng và vun đắp các quan hệ hợp tác quốc phòng giữa Quân đội Hoàng gia với quân đội các nước, trong đó có Quân đội nhân dân Việt Nam. Sự hợp tác quốc phòng giữa quân đội hai nước từ trong quá khứ cho đến nay đã tạo nên sự gắn kết bền chặt và tình cảm trân trọng giữa lực lượng vũ trang hai nước.

25. BẦU CỬ

Cuộc bầu cử xã phường Campuchia lần thứ 5 vào ngày 5/6/2022 đã có 7,1 triệu cử tri đi bầu, trên tổng số 9,2 triệu người có quyền bầu cử tại Campuchia, đạt 77,91%. Trong tổng số 1652 xã/phường, Đảng CPP giành được 1.648 ghế trưởng xã/phường, Đảng Ánh nền giành được 04 ghế.

Hiện nay, Campuchia đang dần tiến hành các bước chuẩn bị cho cuộc bầu cử tiếp theo dự kiến diễn ra vào năm 2027 tới đây.

Chương II

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. NỀN TẢNG CƠ SỞ CHO PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Đảng Nhân dân Campuchia (CPP) tiếp tục lãnh đạo đất nước giành được nhiều thành tựu, góp phần nâng cao vai trò và vị thế của Campuchia trong khu vực và quốc tế. Kể từ khi nhậm chức, Thủ tướng Hun Manet tích cực tới thăm các nước đối tác quan trọng đối với kinh tế Campuchia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Thái Lan..., củng cố lòng tin với các quốc gia đối tác. Xu hướng hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng ở khu vực và trên thế giới cũng là yếu tố thuận lợi cho chiến lược ngoại giao kinh tế của Campuchia.

Chính sách đối ngoại của Chính phủ Hoàng gia Campuchia dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Manet gồm 3 điểm chính. Thứ nhất, khôi phục quan hệ với các đối tác truyền thống. Thứ hai, thiết lập quan hệ với các đối tác mới, đặc biệt ở Mỹ Latinh, châu Phi, Trung Đông và Trung Á. Thứ ba, củng cố, làm sâu sắc hơn mối quan hệ với các nước láng giềng thân thiện và quốc gia trong khu vực; tạo dựng lòng tin và uy tín của Campuchia với các nước ASEAN. Qua đó, có thể kết hợp gia tăng hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên, thúc đẩy đoàn kết nội khối.

Chính phủ Campuchia thể hiện cam kết đưa Campuchia thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển vào năm 2027, xác định năm 2024 là năm phục hồi kinh tế với mức tăng trưởng đạt 6%.

Chính phủ Campuchia đã phê duyệt dự thảo ngân sách hơn 9,3 tỷ USD cho năm 2025, với mức tăng trưởng kinh tế dự kiến là 6,3%. Sự tăng trưởng này được dự báo là nhờ tăng trưởng trong các lĩnh vực chính, bao gồm công nghiệp (8,6%), dịch vụ (5,6%) và nông nghiệp (1,1%).

Năm 2025, lạm phát dự kiến là 2,5%. GDP của Campuchia được dự báo đạt khoảng 51,39 tỷ USD và GDP bình quân đầu người khoảng 2.924USD. Ngân sách năm 2025 sẽ được sử dụng hỗ trợ phát triển thể chế, cơ sở hạ tầng, cải thiện nguồn nhân lực và đa dạng hóa kinh tế.

Ngân sách cũng tập trung vào việc tăng cường các dịch vụ công trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe người dân và cải cách hơn lĩnh vực tư pháp, các khuôn khổ pháp lý.

Nền kinh tế Campuchia dự báo sẽ tiếp tục phục hồi và phát triển trong năm 2025, hướng tới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2050. Chính phủ Campuchia đặt ra chiến lược quản lý nợ công giai đoạn 2024 - 2028, thúc đẩy quản lý nợ công ngày càng hiệu quả.

Chính phủ hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của việc quản lý nợ công, góp phần hỗ trợ việc triển khai chính sách thuế, quản lý và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển lĩnh vực tài chính, mở rộng nền tảng kinh tế, phát triển lĩnh vực ưu tiên và hỗ trợ tăng trưởng bền vững trong thời gian dài.

Theo đó, trên cơ sở nắm chắc các nguyên tắc then chốt từ năm 1993 cho đến nay, Chính phủ Campuchia đã 03 lần phê duyệt và đưa vào triển khai chiến lược quản lý nợ công: lần 1 giai đoạn 2011 - 2015, lần 2 giai đoạn 2015 - 2018 (cập nhật chiến lược lần 1) và lần 3 giai đoạn 2019 - 2023 theo nhiệm kỳ của Chính phủ.

Hiệu quả của việc quản lý nợ công đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao tiện ích đời sống cho xã hội như đường sá, cầu, đường sắt, bến cảng, sân bay, nhà máy điện, mạng lưới truyền tải và phân phối điện, nhà máy sản xuất và mạng lưới cung cấp nước sạch, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thủy lợi, trung tâm đào tạo nghề, nâng cao chất lượng giáo dục và cung cấp dịch vụ y tế..., từ đó chất lượng cuộc sống của nhân dân Campuchia ngày càng cải thiện và nâng cao.

2. CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Về cơ bản, chính sách kinh tế của Campuchia trong những năm gần đây theo đuổi sự hội nhập và mở cửa. Các chính sách tài chính, tiền tệ, điều tiết tỷ giá xoay quanh định hướng nêu trên. Duy trì sự ổn định của nền kinh tế là mục tiêu trước tiên được Chính phủ hướng tới.

Kiểm soát các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản và đảm bảo các chỉ tiêu có ảnh hưởng trực tiếp tới sự ổn định của nền kinh tế thông qua các công cụ chính sách cụ thể là phương pháp được Chính phủ Campuchia áp dụng.

Bên cạnh đó, việc hoạch định và điều chỉnh chính sách kinh tế theo lĩnh vực cho sát với điều kiện thực tế và nguồn lực, tiềm năng của đất nước cũng được nghiên cứu triển khai. Phương châm thu hút đầu tư vốn và công nghệ nhằm phát triển sản xuất trong nước, phục vụ tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu là định hướng chủ đạo.

Vào tháng 11 năm 2024, Thủ tướng Hun Manet tuyên bố việc thành lập hai cơ chế dưới sự giám sát trực tiếp của ông để tăng cường hỗ trợ cho cả nhà đầu tư trong và ngoài nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng trưởng hiệu quả của nền hành chính, hướng tới phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Hai cơ chế này là: 1) Ủy ban cố vấn chính sách thương mại, đóng vai trò là cố vấn chiến lược cho Chính phủ Hoàng gia, theo dõi các xu hướng toàn cầu và đảm bảo các chính sách đưa ra mang tính cạnh tranh. 2) Ủy ban thúc đẩy giải quyết tranh chấp khu vực tư nhân nhằm giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Thủ tướng cũng tái khẳng định sự hỗ trợ của Chính phủ Hoàng gia Campuchia đối với các doanh nghiệp và nhà đầu tư, cam kết tạo điều kiện và những cơ hội rộng mở cho các khoản đầu tư mới, chính sách ổn định và có thể dự đoán được, cùng sự kiên định trong việc thúc đẩy tăng trưởng sản xuất kinh doanh.

Chính phủ đang nỗ lực nghiên cứu và áp dụng các cơ chế nhằm thu hút đầu tư kinh doanh để các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn công nghệ và tri thức phát triển các dự án tại Campuchia. Các chính sách ưu đãi ngày càng rộng mở.

Bên cạnh đó, Chính phủ và các cơ quan bộ ngành Campuchia đang nỗ lực rà soát các khuôn khổ pháp lý, tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục, tinh gọn và giảm các thủ tục hành chính theo hướng thông thoáng để phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế, gia tăng kết nối hội nhập vào

đầu tư. Hiệu quả của nền hành chính đang được Hoàng gia, Đảng và Chính phủ Campuchia đặt lên là một nội dung trọng tâm.

Một nội dung khác đáng lưu ý là năm 2024 Bộ Thương mại Campuchia tổ chức phiên họp đầu tiên về chính sách ngành điều quốc gia giai đoạn 2022 - 2027. Bộ trưởng Bộ Thương mại Cham Nimul chủ trì phiên họp đầu tiên (21/8/2024) của Ủy ban liên bộ giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách ngành điều quốc gia giai đoạn 2022-2027.

Campuchia cũng có chính sách thúc đẩy nhằm phát triển sản xuất, chế biến và tiếp thị hạt điều để có sức cạnh tranh hơn, đảm bảo tính bền vững và đa dạng hóa kinh tế, đồng thời đưa Campuchia trở thành nhà sản xuất và cung cấp hạt điều quan trọng cho thị trường địa phương, khu vực và toàn cầu trong tương lai gần.

Campuchia đang nỗ lực khẳng định vị thế là quốc gia sản xuất và xuất khẩu hạt điều hàng đầu thông qua Chiến lược quốc gia về hạt điều 2022 - 2027. Chính phủ đặt mục tiêu tăng sản lượng hạt điều, phát triển các cơ sở chế biến, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và đơn giản hóa các chương trình tạo thuận lợi thương mại.

Từ cuối năm 2024, Ngân hàng Quốc gia Campuchia (NBC) đã áp dụng chính sách khuyến khích sử dụng đồng nội tệ Riel, theo đó, khuyến khích các doanh nghiệp mở tài khoản ngân hàng mới bằng đồng Riel.

Campuchia cũng cho đưa vào sử dụng ứng dụng “Bakong Tourists” giúp khách du lịch nước ngoài thanh toán bằng mã KHQR phổ biến tại hơn 3,3 triệu điểm bán lẻ. Để thực hiện điều này, khách du lịch quốc tế chỉ cần tải và cài đặt ứng dụng Bakong Tourists trên điện thoại di động của mình khi đến Campuchia, sau đó đăng ký để tạo tài khoản bằng thư điện tử.

Ngân hàng Quốc gia Campuchia (NBC) đang thúc đẩy dự án tích hợp mã QR code để sử dụng chung cho cả đồng Riel và đồng USD, mục đích là nhằm gia tăng sử dụng đồng Riel. Dự án này sẽ đơn giản hóa các giao dịch số và tạo điều kiện thuận lợi cho du khách nước ngoài thực hiện các giao dịch bằng đồng Riel của Campuchia.

Hiện Campuchia đang có 2 hệ thống mã QR Code, một cho việc giao dịch đồng USD và một cho đồng Riel. Ngân hàng Quốc gia Campuchia đã bắt tay thực hiện dự án từ tháng 3/2024 và chính thức yêu cầu các ngân hàng và các tổ chức tài chính vi mô thông báo cho các khách hàng lập thêm các tài khoản ngân hàng bằng đồng Riel khi họ chỉ có tài khoản bằng đồng USD. Một khi dự án hoàn thành, các giao dịch bằng đồng USD hay đồng Riel sẽ được thực hiện trên một mã QR Code chung.

Năm 2024, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng khuyến nghị Phòng Thương mại Campuchia tiếp tục thúc đẩy việc sử dụng đồng Riel nhằm tăng cường sức mạnh của nền kinh tế Campuchia, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực do sự biến đổi của tỷ giá ngoại hối trên thị trường quốc tế đối với nền kinh tế Campuchia.

3. HỆ THỐNG PHÁP LÝ

Thời gian qua, Campuchia nỗ lực điều chỉnh, cải thiện nhiều luật và văn bản dưới luật trên cơ sở rà soát, bổ sung các quy định pháp lý để cập nhật phù hợp với điều kiện phát triển và quản lý mới, trong đó có thể kể đến như:

- ✓ Luật Cạnh tranh được ban hành và có hiệu lực từ 5/10/2021.
- ✓ Quyết định số 227 đề cập đến các điều kiện và thủ tục của một thỏa thuận thương lượng và Quyết định số 178 nhấn mạnh các thủ tục đăng ký hợp nhất kinh doanh.
- ✓ Luật Đầu tư mới của Campuchia được quốc hội thông qua ngày 9/9/2021, được Quốc vương Norodom Sihamoni ký phê chuẩn ngày 15/10/2021.
- ✓ Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư ban hành vào tháng 6/2023.
- ✓ Luật Thương mại điện tử thông qua ngày 2 tháng 11 năm 2019.
- ✓ Luật Đối tác Công tư ban hành ngày 18/11/2021 thay thế Luật Nhượng quyền năm 2007.
- ✓ Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, được ban hành ngày 8 tháng 6 năm 2022.

- ✓ Văn bản quản lý nhập khẩu thực phẩm, thịt cá. Nghị định số 016. Thông tư số 263.
- ✓ Luật Thuế thông qua 2023.
- ✓ Ngày 5/7/2023, Quốc hội thông qua Luật về Quy tắc xuất xứ.
- ✓ Ngày 01/3/2024, Quốc hội thông qua Luật Giao thông đường thủy.
- ✓ Và nhiều văn bản khác.

Hiện nay, việc rà soát và cải thiện, bổ sung các quy định về khuôn khổ pháp lý vẫn được Chính phủ và các bộ, ngành Campuchia thực hiện thường xuyên theo hướng tạo thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội, mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư, làm động lực cho phát triển kinh tế đất nước, tuân thủ các quy định và cam kết quốc tế về pháp lý trong các lĩnh vực khác nhau.

4. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ SỐ HÓA

Thương mại điện tử của Campuchia được dự báo sẽ tăng trưởng 13,51% mỗi năm từ 2022 đến 2027 và đạt 2,1 tỷ USD vào năm 2027. Chính phủ Campuchia đã xây dựng Luật về thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng vào năm 2019, công bố Chiến lược thương mại điện tử vào năm 2020 và thông qua Luật Cạnh tranh vào năm 2021.

Theo báo cáo thị trường và phương tiện truyền thông, các cổng thương mại điện tử hàng đầu ở Campuchia bao gồm Glad Market, Tenbox, DigitalRain, Mall855 Camboticket, MAIO Mall, RoseRb.com, Aliexpress, TaoBao, MyPhsar, BookMeBus, Nika và EcamShopping và một số nền tảng khác.

Xu hướng chính phủ điện tử, hành chính số, thương mại điện tử đang được quan tâm và đề cập trên nhiều diễn đàn tại Campuchia. Đây cũng là xu hướng tất yếu của thế giới mà Campuchia mong muốn nhanh chóng thích ứng, tận dụng vào thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

5. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VỀ DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH

Du lịch được xác định là một trong bốn trụ cột của nền kinh tế Campuchia, bên cạnh hàng may mặc, giày dép và hàng hóa du lịch xuất khẩu, nông nghiệp, các ngành xây dựng và bất động sản.

Campuchia sở hữu nền văn hóa Khmer lâu đời đặc sắc, mang bản sắc riêng của người dân đồng bằng sông Mekong. Đặc tính con người, các nét kiến trúc, văn hóa phi vật thể, âm nhạc, ẩm thực có nét đặc trưng riêng rõ rệt. Đây là cơ sở hấp dẫn khách thập phương, từ đó phát triển du lịch.

Chủ trương của Chính phủ Campuchia là thúc đẩy phát triển du lịch không chỉ ở khu vực đô thị, trung tâm, mà khai thác tới các địa phương có tiềm năng để một mặt quảng bá văn hóa, mặt khác nhờ du lịch đem tới cho các địa phương sự phát triển ngày càng đồng đều hơn, bên cạnh các lĩnh vực kinh tế khác.

Theo Bộ Du lịch, năm 2024 Campuchia đón hơn 7 triệu lượt du khách quốc tế, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2023 (5,54 triệu), trong đó đông nhất là Thái Lan, với 1,8 triệu du khách, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm trước; khoảng 1,08 triệu du khách Việt Nam và 770 ngàn du khách Trung Quốc, tăng lần lượt 31,6% và 52,5%. Ngoài ra, còn có khoảng 200 ngàn khách Mỹ...

Chính phủ Campuchia chủ trương thúc đẩy phát triển tốt hơn nữa ngành du lịch, kết nối các hãng lữ hành ba các nước láng giềng theo hướng khi khách đến 1 nước có thể thuận lợi đến nước kia, để có thể tổ chức thành hành trình khép kín, tạo điều kiện phát triển chung cho du lịch các nước trong khu vực.

Bên cạnh thu khoản cố định, mục tiêu gia tăng các hình thức dịch vụ nhằm tăng thời gian lưu trú và mức chi tiêu thêm của khách tại thị trường du lịch chính là mục tiêu của ngành du lịch Campuchia.

Trong số khách quốc tế, 1,9 triệu du khách đến Campuchia bằng đường hàng không, tương đương khoảng 35,5 % tổng số du khách nước

ngoài, tăng 27 % so với cùng kỳ năm trước; số còn lại đến qua các cửa khẩu biên giới trên bộ và đường thủy.

Campuchia kỳ vọng sẽ đón 15 triệu du khách quốc tế và 20 triệu du khách nội địa vào năm 2030.

6. LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ HẠ TẦNG

Theo báo cáo thường niên của Bộ Quản lý đất đai, quy hoạch đô thị và xây dựng (MLMUPC), Campuchia đã thu hút 4,3 tỷ USD vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng vào năm 2024, giảm 15% so với năm 2023.

Các dự án với tổng diện tích hơn 10 triệu m², giảm 15,17% so với năm 2023. Năm 2023, các dự án có diện tích hơn 12 triệu m² với tổng vốn đầu tư là 5,1 tỷ USD.

Bộ Xây dựng Campuchia được cho là đã phản ứng hiệu quả với chiến lược Ngũ giác giai đoạn I của Chính phủ Hoàng gia và năm trụ cột chính sách ưu tiên chính do Thủ tướng Hun Manet đề ra.

Bộ này chủ trương lập kế hoạch phát triển cho nhiều khu vực khác nhau ở Campuchia để phù hợp với mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao thông qua hoàn thiện các cơ sở hạ tầng cần thiết như trường học, bệnh viện, nước, điện và đường sá ở cả thành thị và nông thôn.

Ngoài ra, cơ quan này cũng hướng tới việc xây dựng các thành phố của Campuchia thành điểm đến hấp dẫn và văn minh, không chỉ thu hút người dân địa phương mà còn thu hút ngày càng nhiều người nước ngoài đến thăm đất nước Campuchia.

Về giao thông, đường bộ là phương thức vận tải chủ đạo ở Campuchia, chiếm 65% lưu lượng hàng hóa và 87% lượng hành khách.

Chính phủ Campuchia đã phát triển một số tuyến đường cao tốc để phục vụ phát triển kinh tế và thương mại. Tuyến đầu tiên từ thủ đô Phnom Penh đến tỉnh Preah Sihanouk ven biển với tổng chiều dài gần 200km.

Tuyến thứ hai từ Phnom Penh đến cửa khẩu để đi Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với tổng chiều dài 213km. Dự án được tài trợ bởi hơn 3 tỷ

USD của Trung Quốc. Hiện nay, Chính phủ cũng đang thúc đẩy xây dựng thêm các chuyến cao tốc nhằm kết nối vùng miền, rút ngắn thời gian lưu thông cho người và hàng hóa.

Về vận tải đường sắt, Campuchia có hai tuyến đường sắt, đều xuất phát từ Phnom Penh, với tổng số khoảng 600km đường ray, một đến biên giới Thái Lan và một đến Sihanoukville. Tập đoàn Đường sắt Trung Quốc đang có kế hoạch xây dựng một tuyến đường sắt Bắc Nam dài 405 km tại Campuchia, từ đó gia tăng năng lực vận tải, trong đó có thúc đẩy ngành thép Campuchia. Nếu được xây dựng, tuyến đường sắt này có thể được kết nối với tuyến đường sắt qua Thái Lan và Lào.

Bên cạnh đó, Chính phủ Campuchia quan tâm phát triển thêm các tuyến đường bộ, mở thêm các cửa khẩu với các nước, hình thành thêm các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế nhằm gia tăng lưu lượng hàng hóa trao đổi, cũng như thúc đẩy giao lưu giữa người dân các nước lân cận.

Phát triển hạ tầng logistic cũng là lĩnh vực được Chính phủ Campuchia và các bộ ngành liên quan quan tâm, nhằm tăng kết nối kinh tế, giảm chi phí hậu cần, nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa Campuchia, biến Campuchia dần trở thành điểm đến kết nối giao thương, nhờ vào vị trí địa lý trung tâm tại khu vực Đông Nam Á.

7. NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH

Hệ thống ngân hàng Campuchia được đánh giá là khá mở với sự tham gia của rất nhiều các ngân hàng trong và ngoài nước. Điều này phản ánh tư duy quản lý tài chính theo hướng mở cửa và hội nhập cao. Tại Campuchia có rất nhiều ngân hàng thương mại hoạt động. Có những ngân hàng hoạt động đã nhiều năm tại đây và đạt kết quả kinh doanh tích cực. Người dân Campuchia, vì thế, có nhiều sự lựa chọn dịch vụ khác nhau. Trong số đó, có các ngân hàng Việt Nam đang hoạt động tại Campuchia như: MB, Agribank, SHB, BIDC, Sacombank. Gắn bó với Campuchia và đồng hành cùng các doanh nghiệp hai nước đã nhiều năm, những ngân hàng này có đóng góp lớn trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các hoạt động đầu tư kinh doanh tại sở tại, cũng

như là cầu nối vững chắc quan trọng cho các dự án đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam sang Campuchia.

Năm 2024, các tổ chức tài chính và ngân hàng của Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng chậm chủ yếu do sự phục hồi chậm của các ngành xây dựng và bất động sản, theo báo cáo thường niên của Ngân hàng Quốc gia Campuchia (NBC).

Tính đến cuối năm 2024, các khoản vay chưa thanh toán tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, lên 59,9 tỷ USD, trong khi tiền gửi của khách hàng tăng 16,3% lên 57 tỷ USD.

Cũng trong năm này, tài sản lưu động trong hệ thống ngân hàng và tài chính của Vương quốc đã tăng lên 91,1 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Về tiền gửi, các ngân hàng và tổ chức tài chính ghi nhận mức tăng trưởng 16,3 % vào năm 2024, phản ánh hệ thống ngân hàng đang phục hồi với sự tin tưởng gia tăng từ công chúng.

Hiện nay, Campuchia có 79 ngân hàng thương mại, 09 ngân hàng chuyên ngành, 85 tổ chức tài chính vi mô và 114 tổ chức tín dụng nông thôn, với 23,3 triệu tài khoản tiền gửi và hơn 4 triệu tài khoản tín dụng.

Quốc gia Đông Nam Á này cũng đã đăng ký khoảng 30 triệu tài khoản ví điện tử, tính đến cuối năm 2024.

8. GIÁ CẢ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Tỷ lệ lạm phát năm 2024 chỉ là 0,8%, mức thấp nhất trong hơn một thập kỷ, trong khi năm 2023 là 2,1%. Theo báo cáo của Ngân hàng Quốc gia Campuchia (NBC).

Lạm phát thấp được đánh giá là do giá nhiên liệu giảm, giá thực phẩm tăng chậm và lạm phát cơ bản thấp. Đồng thời, các biện pháp của Chính phủ Hoàng gia nhằm nới lỏng giá lương thực và nhiên liệu, cùng với việc đồng Riel tăng giá, đã góp phần làm giảm áp lực lạm phát, với tỷ giá hối đoái trung bình là 4.071 Riel/01 USD, đồng Riel tăng giá 0,9% (4.110 Riel vào năm 2023).

Theo Ngân hàng Quốc gia Campuchia, giá hàng hóa và dịch vụ liên quan đến nhiên liệu tiếp tục giảm 2,1% do giá dầu thô thế giới giảm, kết hợp với các biện pháp giảm giá xăng của Chính phủ. Tại Campuchia, giá xăng tiếp tục giảm 6,2% (-5,6% vào năm 2023), trong khi giá nhiên liệu giảm 0,9% (1% vào năm 2023) và giá khí đốt tiếp tục tăng trưởng âm 0,9% (-4,7% vào năm 2023).

Lạm phát lương thực giảm xuống mức trung bình 1,2% (3,3% vào năm 2023), chủ yếu nhờ giá cá giảm 0,1% (4,2% vào năm 2023) và giá thịt lợn tăng thấp hơn 0,1% (2,6% vào năm 2023). Giá thịt bò tăng 0,5% (2,7% vào năm 2023), do nguồn cung trong nước tăng cùng với các ưu đãi thuế thực phẩm của Chính phủ.

Tuy vậy, giá rau củ và trái cây đóng góp nhiều nhất vào mức tăng giá thực phẩm trong năm qua, lần lượt tăng 4,4% và 2,5% (nhưng thấp hơn mức tăng lần lượt 5,1% và 4,2% của năm 2023) do áp lực lạm phát từ các nước đối tác nhập khẩu.

Lạm phát cơ bản giảm xuống 0,8% (2,1 % vào năm 2023) do giá nhà tăng trưởng thấp hơn 0,3% (2% vào năm 2023) và chi phí bảo trì, sửa chữa nhà ở giảm 1,8% (4,6% vào năm 2023), do tăng trưởng tín dụng và du lịch hàng không thấp hơn, kết hợp với tác động của giá thực phẩm và nhiên liệu giảm.

Ngân hàng Quốc gia Campuchia tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt và thận trọng thông qua các công cụ chính nhằm duy trì ổn định giá cả và hỗ trợ hoạt động kinh tế. Cụ thể, cung tiền chung (M2) tăng 17,5%, được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng tiền gửi ngoại tệ là 19,9%, tiền gửi bằng Riel là 12,5%, trong khi tiền tệ lưu thông giảm 2,8% (năm 2024).

Theo dự báo của Ngân hàng Quốc gia Campuchia, năm 2025, tăng trưởng kinh tế Campuchia dự kiến đạt 6,2%, lạm phát dự kiến ở mức là 2,5%.

Việc lạm phát duy trì ở mức thấp trong nhiều năm liên tiếp, trong bối cảnh nền kinh tế vận hành đồng thời cả đồng USD và nội tệ Riel, cho thấy năng lực điều hành hệ thống tài chính của Chính phủ Campuchia rất tốt.

9. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Năm 2024, ngành hàng không Campuchia tăng trưởng đáng kể khi 03 sân bay quốc tế lớn cùng đón số lượng hành khách cao kỷ lục, lên tới 6,2 triệu hành khách, theo số liệu từ Ban Thư ký Nhà nước về hàng không dân dụng (SSCA) công bố.

Theo đó, số lượng các chuyến bay đã tăng 14%, đạt tổng số 58.354 chuyến, khối lượng vận tải hàng hóa hàng không đạt gần 80.000 tấn, tăng 40% so với năm 2023.

Giới chuyên gia cho rằng, hiệu suất tích cực của các sân bay có được là nhờ các biện pháp chủ động của Chính phủ Campuchia trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch hàng không và những nỗ lực phát triển hợp tác của chính các hãng hàng không.

Có 31 hãng hàng không quốc gia và quốc tế khai thác các chuyến bay đến và đi từ ba sân bay quốc tế, bao gồm 131 chuyến bay đến và đi từ Sân bay quốc tế Phnom Penh mỗi ngày, 52 chuyến bay đến và đi từ Sân bay quốc tế Siem Reap Angkor mỗi ngày và 6 chuyến bay đến và đi từ Sân bay quốc tế Sihanoukville/ngày.

Vào năm 2025, khả năng kết nối chuyến bay dự kiến sẽ tăng thêm, trong khi một số hãng hàng không đã kết nối dịch vụ của họ với Campuchia.

Chính phủ Hoàng gia đặt mục tiêu thúc đẩy hơn nữa sự tăng trưởng của ngành hàng không bằng cách thu hút các hãng hàng không mới, mở rộng kết nối đường bay đến các thị trường chính và nâng cao cơ sở vật chất của các sân bay.

Chính phủ Campuchia đang nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng sân bay và nâng cao dịch vụ hàng không, góp phần vào sự tăng trưởng của ngành, bao gồm nâng cao cơ sở vật chất, xây dựng Sân bay quốc tế Techo trị giá 1,4 tỷ USD. Sân bay hạng 4F dự kiến sẽ hoàn thành việc xây dựng vào tháng 7 năm 2025 và được đưa vào vận hành, đóng góp chung vào tăng trưởng dịch vụ tại Campuchia.

Theo thiết kế, sân bay này có thể tiếp nhận các chuyến bay xuyên lục địa đường dài bao gồm các máy bay cỡ lớn như Airbus A380-800 và Boeing 747-800. Với việc đưa sân bay này vào khai thác, ngành hàng không dự kiến sẽ đón 13 triệu lượt khách/năm, trong khi năng lực tiếp nhận hiện nay chỉ đạt xấp xỉ 7 triệu khách/năm.

Theo Bộ Du lịch Campuchia, năm 2024 ngành du lịch đã trở lại trạng thái trước dịch bệnh Covid-19 với việc đón khoảng 6,7 triệu khách du lịch quốc tế vào năm 2024, tăng 22,9% so với năm 2023 và tăng 1,4% so với năm 2019. Luân chuyển khách nội địa đạt khoảng 22 triệu lượt trong cùng kỳ.

Lượng khách du lịch nước ngoài đến Campuchia nhiều nhất từ Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc, Lào và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, về vận tải hàng không, ước tính cho đến nay mới chỉ phục hồi tương đương khoảng 70% so với thời điểm trước dịch Covid 19.

Campuchia còn phát triển cả vận tải đường bộ và đường thủy với số km đường xây mới, sửa chữa và nâng cấp ngày càng tăng lên, gia tăng kết nối giữa các vùng trên cả nước và nhất là kết nối các cửa khẩu.

Trong những năm qua, Chính phủ Campuchia tăng cường thu hút đầu tư và cả dùng ngân sách quốc gia để cải thiện, xây dựng và nâng cấp hệ thống đường giao thông, cầu cống, các dự án đường cao tốc nối giữa các tỉnh trọng yếu và ra đến các cửa khẩu, đem lại sự thông thương cho hàng hóa và phương tiện. Vì thế mà hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa không ngừng tăng lên.

Về đường thủy, chủ chương của Chính phủ Campuchia là tăng cường đầu tư kết nối các tuyến đường thủy, xây dựng các cảng hàng hóa và du lịch, bao gồm cả các tuyến kết nối quốc tế và nội địa, góp phần tăng cường các tuyến du lịch trong nước và với các nước lân cận.

10. NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

Hiện nay, ngành điện lực Campuchia vẫn được quản lý, điều hành theo Luật Điện lực được ban hành vào tháng 02 năm 2001 và sửa đổi, bổ sung năm 2015. Luật Điện lực Campuchia cung cấp khuôn khổ pháp lý

cho sự phát triển của các khu vực, với sự tham gia của khu vực tư nhân vào việc sản xuất và phân phối trên cơ sở cạnh tranh.

Luật Điện lực Campuchia năm 2001 và bản sửa đổi năm 2015 quy định khung pháp lý về cung cấp điện, dịch vụ và giấy phép, đồng thời thành lập Cơ quan Điện lực Campuchia (EAC).

Tất cả các nhà cung cấp dịch vụ về điện đều phải có giấy phép, điển hình là Giấy phép phát điện, do EAC cấp. Đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép phát điện có quyền sở hữu, vận hành và quản lý các cơ sở phát điện. Tuy nhiên, trách nhiệm của EAC là phê duyệt mức giá và phí, nghĩa là các nhà sản xuất điện không được tự quy định mức giá bán điện.

Đơn vị được cấp phép phải có báo cáo gửi EAC định kỳ hàng năm, đồng thời tuân theo các tiêu chuẩn và quy trình, ví dụ như các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến thiết bị đo lường. Luật Điện lực cũng quy định EAC có quyền thu hồi giấy phép đối với những hành vi vi phạm Luật Điện lực.

Chính phủ quan tâm phát triển ngành năng lượng nói chung, coi đây là trụ cột quan trọng của nền kinh tế. Để có đủ năng lượng cho phát triển kinh tế, vấn đề thu hút đầu tư cho lĩnh vực năng lượng được Chính phủ Hoàng gia và Bộ Năng lượng và Mỏ Campuchia rất quan tâm.

Campuchia không chỉ thu hút phát triển các dự án ngành điện lực mà còn có thăm dò phát triển các dự án dầu mỏ, khí đốt, than đá, năng lượng sinh khối, theo hướng tiến tới phát triển năng lượng xanh, ưu tiên phát triển và khai thác năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, nhằm tuân thủ các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Phát triển kinh tế xã hội đi đôi với chất lượng môi trường và cuộc sống trong lành cho người dân.

Mới đây, tại Diễn đàn Kinh doanh ASEAN Campuchia 2025 được tổ chức ngày 06/3/2025, nội dung đầu tư và phát triển năng lượng chiếm một thời lượng khá lớn, thu hút sự quan tâm trao đổi của các diễn giả và các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong nước và quốc tế tham gia thảo luận. Diễn đàn là sự kiện thường niên, diễn ra dưới sự bảo trợ của Chính phủ Campuchia do Phòng Thương mại Campuchia phối hợp với các cơ quan trực thuộc ASEAN đồng tổ chức.

11. CHIẾN LƯỢC NGŨ GIÁC GIAI ĐOẠN I

Ngày 24/8/2023, tại cuộc họp đầu tiên của Nội các Chính phủ Hoàng gia Campuchia khóa 7, tân Thủ tướng Hun Manet đã chính thức công bố triển khai thực hiện Chiến lược Ngũ giác giai đoạn I nhằm thúc đẩy phát triển các khía cạnh kinh tế - xã hội, từng bước đưa Campuchia trở thành quốc gia có thu nhập ngày càng tăng trong những năm tới.

Được xây dựng dựa trên nền tảng của các Chiến lược Tam giác và Tứ giác, Chiến lược Ngũ giác được ra đời với mục đích xác định lại bối cảnh chính trị của Campuchia và thúc đẩy các mặt kinh tế xã hội của đất nước, hướng tới mục tiêu là trở thành nền kinh tế có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nền kinh tế có thu nhập cao vào năm 2050.

Ngoài các mục tiêu giống như trong Chiến lược Tứ giác là “tăng trưởng, việc làm, công bằng và hiệu quả”, Chiến lược Ngũ giác đã đưa thêm một mục tiêu mới là phát triển “bền vững” nhằm giải quyết các nhu cầu ngày càng tăng của quốc gia.

Để hiện thực hóa được điều này, Chính phủ Campuchia đã xác định 5 ưu tiên cốt lõi cần tập trung phát triển trong giai đoạn I là: “con người, đường sá, nước, điện và công nghệ”. Với các mục tiêu và ưu tiên đó, yêu cầu đặt ra cho Campuchia là cần thắt chặt hơn nữa quan hệ với các quốc gia láng giềng và các quốc gia trong khu vực.

Trên cơ sở đánh giá các xu hướng của thế giới cũng như khu vực và để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược Ngũ giác giai đoạn 1 đã nêu ra chủ trương trong chính sách đối ngoại của Campuchia trong thời gian tới.

Campuchia sẽ tiếp tục theo đuổi một chính sách đối ngoại độc lập và dựa trên luật lệ, chống mọi hình thức can thiệp từ bên ngoài, xây dựng tình hữu nghị và hợp tác tốt đẹp với tất cả các quốc gia, các tổ chức quốc tế, đồng thời tích cực góp phần thúc đẩy sự nghiệp hòa bình, ổn định, an ninh, hợp tác và thịnh vượng ở khu vực và thế giới.

Với khu vực Đông Nam Á, Campuchia mong muốn thúc đẩy quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng nhằm đạt được tầm nhìn phát triển biên

giới thành khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng, đồng thời sẽ tiếp tục giải quyết các vấn đề biên giới với các nước láng giềng trên cơ sở của luật pháp quốc tế.

Có thể nói, chính sách đối ngoại của Campuchia vẫn trung thành với những nguyên tắc cũ, nhất quán, ít thay đổi, tiếp tục gắn bó mật thiết với các quốc gia trong khu vực.

12. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VẬT LIỆU VÀ HÓA CHẤT

Về quản lý vật liệu và hóa chất, Campuchia tuân theo các hướng dẫn của WHO, FAO, công ước và nghị định thư quốc tế, căn cứ xếp loại theo các yếu tố sau đây: hóa chất gây tác động tới an ninh quốc gia và khu vực; tác động tới sức khỏe con người, động vật và thực vật; ô nhiễm môi trường.

Campuchia thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro và tiếp nhận thông báo của bên thứ ba để quản lý các hóa chất nguy hiểm bao gồm: axit và chất phóng xạ, chất tạo màu và phụ gia thực phẩm, CFC, POP, Kali nitrat và Sarin hoặc khí gas.

Hồ sơ quốc gia Campuchia chia hóa chất thành mười nhóm:

- ✓ Phân bón hóa học.
- ✓ Thuốc trừ sâu.
- ✓ Hóa chất sản xuất dược phẩm.
- ✓ Nguyên liệu hóa chất công nghiệp.
- ✓ Kim loại và các sản phẩm hợp chất của kim loại.
- ✓ Nhiên liệu khoáng và sản phẩm dầu mỏ.
- ✓ Sản phẩm hóa chất dùng cho người tiêu dùng.
- ✓ Hóa chất dùng cho phòng thí nghiệm.
- ✓ Chất thải hóa học.
- ✓ Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP).

Campuchia không phải là một nước công nghiệp phát triển nên không có hoạt động sản xuất và xuất khẩu các loại hóa chất này. Nhìn chung, các loại hóa chất trên được các ngành khác nhau nhập khẩu và sử dụng.

Chủ yếu các công ty tư nhân nhập khẩu hóa chất để phân phối, bán, hỗ trợ sản xuất và sử dụng cho hoạt động khai thác của mình. Ngoài ra, có một lượng nhỏ hóa chất được nhập khẩu bởi các bộ và các tổ chức khác phục vụ thí nghiệm, phân tích, trong khuôn khổ các chương trình nghiên cứu bệnh truyền nhiễm, để can thiệp ngay lập tức vào công tác phòng chống dịch bệnh...

Việc nhập khẩu hóa chất yêu cầu nhà nhập khẩu phải tuân thủ chặt chẽ, thực hiện các thủ tục và quy định của Chính phủ.

13. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Campuchia đã chứng kiến sự tăng trưởng vững chắc kể từ năm 1998, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình khoảng 8%.

Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á, tốc độ tăng trưởng kinh tế này có xu hướng tiếp tục tăng lên do các ngành công nghiệp chính của Campuchia đang có điều kiện phát triển tốt với các chính sách kêu gọi thu hút đầu tư ngày càng mở rộng của Chính phủ Hoàng gia.

Một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của Campuchia là ngành hàng may mặc và giày dép. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan và Thuế quan Campuchia (GDCE), trong năm 2024, Campuchia đã xuất khẩu hơn 3 tỷ USD hàng sản xuất ngoài ngành may mặc, tăng 8% so với năm 2023.

Các ngành kinh tế chủ chốt khác như công nghiệp nhẹ, du lịch, nông nghiệp, xây dựng cũng có mức tăng trưởng tích cực.

14. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH TẠI CAMPUCHIA

a. Luật Quản lý chất lượng, an toàn sản phẩm, dịch vụ

Luật Quản lý chất lượng, an toàn sản phẩm, dịch vụ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2016, được cập nhật ngày 14 tháng 11 năm 2023, gồm 5 Chương và 24 Điều.

Luật điều chỉnh tất cả các doanh nghiệp thương mại, tất cả các hoạt động sản xuất vì mục đích thương mại, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu

và thương gia, nhà cung cấp dịch vụ, nhà quảng cáo sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; đặc biệt là về thủ tục kiểm tra, kiểm soát biên giới về chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Các điều chỉnh lớn của Luật trong thời gian qua có một số điểm đáng chú ý:

- ✓ Xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm, bao gồm sản phẩm hoá chất phải có giấy chứng nhận phù hợp đối với một số sản phẩm: có thể gây hại cho sức khỏe hoặc sự an toàn của người tiêu dùng; có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại công bằng; có thể bảo tồn và nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất tại địa phương; được yêu cầu bởi thương mại quốc tế hoặc các công ước quốc tế. Việc kiểm tra giấy chứng nhận hợp quy là trách nhiệm của Bộ Thương mại và các bộ liên quan.
- ✓ Bộ Thương mại có trách nhiệm ký kết các thỏa thuận hợp tác kỹ thuật quốc tế về kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trừ khí đốt và dầu mỏ.
- ✓ Nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ phải dán nhãn chất lượng theo đúng các điều kiện quy định tại Điều 59 của Luật. Thể thức xác định nhãn chất lượng sẽ được xác định bằng thông tư hướng dẫn theo đề nghị của Bộ Thương mại và các bộ liên quan.
- ✓ Thiết lập một hệ thống tiêu chuẩn quốc gia nhằm cung cấp các quy phạm, tài liệu tham khảo khác hỗ trợ giải quyết các vấn đề kỹ thuật, thương mại liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có thể xảy ra nhiều lần trong quan hệ giữa các đối tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và xã hội. Tổ chức và hoạt động của Viện Tiêu chuẩn Quốc gia được quy định qua một nghị định riêng.
- ✓ Nghiêm cấm mọi hình thức quảng cáo thương mại mang tính lừa dối, gây nhầm lẫn, sai sự thật hoặc có khả năng gây nhầm lẫn về chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi liên quan đến các nội dung sau: sự mong đợi về sản phẩm; nhận dạng, chủng loại, bản chất, nơi xuất xứ, chất lượng vật lý hoặc thành phần dinh dưỡng...

b. Luật Quản lý thuốc trừ sâu và phân bón

Luật Quản lý thuốc trừ sâu và phân bón được ban hành ngày 14 tháng 1 năm 2012 gồm 12 chương được chia thành 119 điều và 1 phụ lục bao gồm Bảng chú giải thuật ngữ nhằm xác định việc quản lý tất cả các loại thuốc trừ sâu và phân bón ở Vương quốc Campuchia và có các mục tiêu sau: hỗ trợ chính sách phát huy tiềm năng hiệu quả của ngành nông nghiệp, vì sự phát triển của nền kinh tế xã hội và quốc gia; để đảm bảo kiểm soát an toàn và hiệu quả thuốc trừ sâu và phân bón, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc thực hiện các yêu cầu tiêu chuẩn về thuốc trừ sâu và phân bón đối với tất cả các hoạt động liên quan đến các sản phẩm này; giảm thiểu rủi ro do sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón gây ra cho người nông dân và người dân trên toàn quốc được hưởng lợi thông qua đảm bảo an ninh lương thực, an toàn thực phẩm, sức khỏe cộng đồng và sự bền vững của môi trường.

Luật này áp dụng đối với việc quản lý và thực hiện các yêu cầu tiêu chuẩn về: các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nguyên liệu hoặc hoạt chất và các thành phần khác của thuốc trừ sâu, phân bón được sử dụng làm đầu vào cho sản xuất nông nghiệp; mọi hoạt động của các thể nhân hoặc pháp nhân là thương nhân, nhà bào chế, nhà điều hành dịch vụ kiểm soát sinh vật gây hại, nhà quảng cáo, nhà tài trợ và người sử dụng các loại thuốc trừ sâu và phân bón.

Việc quản lý thuốc trừ sâu và phân bón ở Campuchia thuộc thẩm quyền chung của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản. Trong đó, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản được quy định các nhiệm vụ cụ thể như:

- ✓ Đảm bảo quản lý hiệu quả thuốc trừ sâu và phân bón phù hợp với chính sách quốc gia về ngành nông nghiệp.
- ✓ Rà soát, xây dựng khuôn khổ pháp lý về yêu cầu tiêu chuẩn, thủ tục trước và sau đăng ký đối với các loại thuốc trừ sâu, phân bón.
- ✓ Kiểm tra, đánh giá việc đáp ứng tiêu chuẩn đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- ✓ Phân tích, kiểm định thành phần thuốc bảo vệ thực vật và đảm bảo phân tích phân bón tại phòng thí nghiệm và thực hiện khảo nghiệm hiệu lực sinh học tại ruộng thí nghiệm để đánh giá trước và sau đăng ký.
- ✓ Thực hiện đăng ký, cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và thu phí dịch vụ đối với các hoạt động này theo quy định của pháp luật.
- ✓ Triển khai chương trình nghiên cứu về thuốc trừ sâu, phân bón và tác hại của chúng trong sản xuất nông nghiệp.
- ✓ Triển khai chương trình khuyến nông, nâng cao nhận thức cộng đồng và chương trình đào tạo về thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.
- ✓ Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan, khu vực tư nhân, xã hội dân sự và các đối tác phát triển trong khuôn khổ tiếp cận thông tin về nhận thức của người dân và sự tham gia thực thi pháp luật hiệu quả.
- ✓ Giám sát, kiểm soát và có biện pháp thực thi pháp luật đối với mọi hoạt động quản lý và việc thực hiện các yêu cầu tiêu chuẩn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.
- ✓ Thực hiện hợp tác quốc tế, giữ vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia, chịu trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các công ước, thỏa thuận quốc tế về thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp.
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác về mặt quản lý.

c. Luật Quản lý các nhà máy và thủ công mỹ nghệ

Luật được ban hành ngày 01 tháng 01 năm 2007 gồm 8 chương và 58 điều. Luật này điều chỉnh tất cả các nhà máy và hoạt động sản xuất thủ công mỹ nghệ trên toàn quốc nằm dưới sự lãnh đạo và điều hành của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp, Khoa học công nghệ và Đổi mới) mà không ảnh hưởng đến thẩm quyền của các bộ trưởng và tổ chức liên quan khác.

Nhà máy và thủ công mỹ nghệ trong Luật này có nghĩa là nhà cửa, địa điểm hoặc phương tiện để sản xuất và biến đổi nguyên liệu thô hoặc

bán thành phẩm thành sản phẩm mới và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác như lắp ráp, sửa chữa, thử nghiệm, đóng gói, làm đầy, bảo trì, bảo quản hoặc cải tiến để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Để thành lập nhà máy phải có giấy phép của Bộ nêu trên. Việc quản lý chất lượng, xác định tiêu chuẩn, đăng ký, đóng dấu tiêu chuẩn sản phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bộ Công nghiệp, KHCN và Đổi mới cấp các giấy chứng nhận liên quan đến sản xuất theo đơn đề nghị của chủ nhà máy, nếu xét thấy cần thiết. Các hóa chất sử dụng tại các nhà máy phải được sự phê duyệt của Bộ Công nghiệp, Khoa học công nghệ và Đổi mới đối với sản phẩm công nghiệp.

Các làng nghề được phép thành lập và hoạt động với điều kiện chủ làng nghề thông báo với chính quyền địa phương và đăng ký tại Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp của họ đặt trụ sở. Các hóa chất nhuộm, tạo màu... sử dụng phải được sự cho phép của Bộ trên.

d. Luật Dầu khí

Luật Dầu khí gồm 9 chương với 72 điều, mục tiêu là quản lý, phát triển tài nguyên dầu khí bền vững và hiệu quả nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích lâu dài của đất nước. Mục tiêu cụ thể của nó là xác định thẩm quyền và quy định quản lý ngành dầu khí.

Liên quan đến ngành dầu khí ở Campuchia, có hai hoạt động kinh doanh chính là hoạt động hạ nguồn và hoạt động thượng nguồn. Hoạt động kinh doanh xăng dầu này thuộc thẩm quyền của Bộ Mỏ và Năng lượng.

e. Luật về đặc khu kinh tế

Năm 2023, Hội đồng Phát triển Campuchia đã hoàn thiện dự thảo luật mới về các đặc khu kinh tế (SEZ), nhằm thu hút đầu tư bằng cách đưa ra các ưu đãi, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy cạnh tranh công bằng. Theo CDC, Luật này được thông qua năm 2024.

Khu kinh tế đang thu hút đầu tư vào nhiều lĩnh vực, bao gồm điện tử, linh kiện, lắp ráp phương tiện, năng lượng mặt trời và xe đạp. Campuchia

hiện đang cố gắng đa dạng hóa nền kinh tế, là bước đi để thoát khỏi sự phụ thuộc vào lĩnh vực giày dép và may mặc. Do đó, luật SEZ mới có thể giúp đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa nền kinh tế, thúc đẩy kết nối và tạo ra các cụm công nghiệp mới.

Đầu tư tại Campuchia, đặc biệt là vào các SEZ, đang mở rộng và đa dạng hóa, thu hút nhiều lĩnh vực mới như điện tử, linh kiện ô tô, sản xuất lốp xe, đồ nội thất, xe đạp, năng lượng mặt trời, đồ trang trí và các sản phẩm khác nhằm xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

SEZ là cơ chế hiệu quả để thu hút đầu tư vào lĩnh vực phi may mặc và giày dép do cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động đầu tư và dịch vụ thành gói trong khu vực, cũng như các yếu tố khác như an toàn, sự tin cậy, vấn đề quản lý liên quan đến người lao động cũng ngày càng tốt và hiệu quả hơn...

f. Một số văn bản quản lý về hóa chất khác

Nghị định về phân loại và ghi nhãn hóa chất, 2009

Nghị định về danh mục hàng hóa cấm và hạn chế, 2007

Tuyên bố số 110 về quản lý và kiểm soát việc sử dụng, xuất nhập khẩu và phân phối hóa chất trong ngành công nghiệp, 2004.

Bên cạnh đó, Campuchia cũng đang nghiên cứu đưa ra lộ trình mới nhằm cải tổ ngành dệt may, một trụ cột kinh tế chiếm hơn 1/3 tổng sản phẩm quốc nội của cả nước. Bản đồ chuyển đổi công nghiệp cho ngành dệt may giai đoạn 2024 - 2027 nhằm mục đích chuyển đổi và chuyển dịch nhiều hơn các nguồn lực công nghệ dựa trên kỹ năng của đất nước để xây dựng một ngành công nghiệp bền vững và cạnh tranh toàn cầu.

Các bộ luật về quản lý về công nghiệp và hóa chất của Campuchia đều đã được soạn thảo từ khá lâu. Các nội dung của luật đều quy định chung và còn chưa được cập nhật thường xuyên, khiến vẫn còn một số bất cập trong việc triển khai các công tác quản lý.

Ngành công nghiệp sản xuất và công nghiệp hóa chất của Campuchia hiện còn khá sơ khai, chủ yếu phải nhập khẩu máy móc và hóa chất

từ nước ngoài nên các quy định cần cập nhật và sửa đổi bổ sung thêm trong tương lai.

15. THUẾ

Thuế tại Campuchia về cơ bản tuân thủ theo thông lệ quốc tế, nhưng cũng có những nét riêng trong quá trình áp dụng, thường được chia làm 3 cấp độ quy mô giao dịch tính thuế: nhỏ, trung bình và lớn.

Campuchia là thị trường kinh doanh đầy tiềm năng, nên có nhiều các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư và mở rộng thị trường sang đây. Trong khuôn khổ cuốn sách, chỉ xin điểm khái quát những loại thuế mà doanh nghiệp phải trả khi hoạt động kinh doanh ở Campuchia.

Theo quy định của Tổng cục Thuế Campuchia, các doanh nghiệp kinh doanh tại Campuchia cần kê khai và nộp thuế theo thời hạn quy định.

a) Một số loại thuế chính

Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh cần nộp một số loại thuế chính sau đây:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Thuế tối thiểu.
- + Thuế giá trị gia tăng.
- + Thuế khấu trừ.
- + Thuế thu nhập cá nhân.
- + Thuế thu nhập

Thuế thu nhập tiêu chuẩn 20% theo cơ chế tự đánh giá tổng kết hàng năm. Doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế thu nhập của năm trước trong khoảng thời gian từ 01/01 đến 31/03 của năm sau.

Có 3 loại quy mô doanh nghiệp: doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp lớn. Vào ngày 12 tháng 1 năm 2021, Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia ban hành Quyết định số 009 về việc phân loại lại người nộp thuế theo cơ chế tự đánh giá. Quyết định số 009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, mục đích chính là xác định các tiêu chí dành cho doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn.

Phân loại người nộp thuế theo Quyết định số 009 dựa vào doanh thu hàng năm theo cơ chế tự đánh giá, xác định doanh nghiệp lớn, vừa, nhỏ.

Loại hình	Doanh thu hàng năm
Doanh nghiệp nhỏ	- Doanh thu hàng năm từ 250 triệu Riel (61.400USD) đến 1 tỷ Riel (245.000USD) cho các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại hoặc dịch vụ; - Doanh thu hàng năm từ 250 triệu Riel (61.500USD) đến 1,6 tỷ Riel (393.000USD) cho lĩnh vực công nghiệp; - Doanh thu hoặc doanh thu dự kiến trên 60 triệu Riel (14.700 USD) trong ba tháng liên tiếp mỗi năm dương lịch; - Tham gia đấu thầu, tư vấn giá, khảo sát giá trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
Doanh nghiệp vừa	- Doanh thu hàng năm từ 1 tỷ Riel (245.000USD) lên 4 tỷ Riel (983.000USD) cho lĩnh vực nông nghiệp; - Doanh thu hàng năm từ 1 tỷ Riel (245.000USD) đến 6 tỷ Riel (1,4 triệu USD) cho lĩnh vực thương mại và dịch vụ; - Doanh thu hàng năm từ 1,6 tỷ Riel (393.000USD) lên 8 tỷ Riel (1,9 triệu USD) cho lĩnh vực công nghiệp. - Các doanh nghiệp được thành lập dưới dạng văn phòng đại diện hoặc pháp nhân; - Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài, cơ quan kỹ thuật của nước khác, tổ chức quốc tế; - Các hiệp hội phi chính phủ, các tổ chức chính phủ cấp quốc gia và địa phương.
Doanh nghiệp lớn	- Doanh thu hàng năm trên 4 tỷ Riel (983.000USD) cho lĩnh vực nông nghiệp; - Doanh thu hàng năm trên 6 tỷ Riel (1,4 triệu USD) cho lĩnh vực thương mại và dịch vụ; - Doanh nghiệp được đăng ký là công ty đa quốc gia hoặc văn phòng chi nhánh nước ngoài; - Doanh nghiệp được đăng ký là Dự án đầu tư đủ điều kiện (Qualified Investment Project - QIP).

Theo Quyết định số 009, Tổng cục Thuế cũng có thẩm quyền xác định lại việc phân loại người nộp thuế dựa trên giá trị tài sản hàng năm của doanh nghiệp nếu doanh thu kê khai không phản ánh đúng doanh thu thực tế.

Loại hình	Giá trị tài sản hàng năm
Doanh nghiệp nhỏ	- Tài sản hàng năm trị giá từ 200 triệu Riel (49.000USD) đến 1 tỷ Riel (245.000USD) cho lĩnh vực thương mại, dịch vụ và nông nghiệp; - Tài sản hàng năm trị giá từ 200 triệu Riel (49.000USD) đến 2 tỷ Riel (491.000USD) cho lĩnh vực công nghiệp.
Doanh nghiệp vừa	- Tài sản hàng năm trị giá từ 1 tỷ Riel (245.000USD) đến 2 tỷ Riel (491.000USD) cho lĩnh vực thương mại, dịch vụ và nông nghiệp; - Tài sản hàng năm trị giá từ 2 tỷ Riel (491.000USD) đến 4 tỷ Riel (983.000USD) cho lĩnh vực công nghiệp.
Doanh nghiệp lớn	- Tài sản hàng năm trị giá hơn 2 tỷ Riel (491.000USD) cho các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và nông nghiệp; - Tài sản hàng năm trị giá hơn 4 tỷ Riel (983.000USD) cho lĩnh vực công nghiệp.

Ngoài ra, các công ty sản xuất dầu khí và khai thác tài nguyên thiên nhiên sẽ phải chịu thuế suất thu nhập doanh nghiệp 30%. Các thực thể tham gia vào các dự án đầu tư đủ điều kiện (QIP) thường sẽ hưởng thuế suất 0%.

+ Thuế tối thiểu

Thuế tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu hàng tháng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), không phân biệt người nộp thuế lãi hay lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Theo Luật Quản lý tài chính 2017, thuế tối thiểu không còn áp dụng đối với các doanh nghiệp lưu trữ hồ sơ kế toán phù hợp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định rõ về cách hiểu thế nào là “lưu trữ hồ sơ kế toán phù hợp”. Vì thế, các doanh nghiệp thường vẫn nộp loại thuế này.

+ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

VAT được đánh vào hàng hóa và dịch vụ cũng như việc bán tài sản cố định. Thuế suất tiêu chuẩn là 10%.

Chỉ một số doanh nghiệp đủ điều kiện được hưởng thuế VAT 0%, nếu tham gia vào các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu các ngành công nghiệp may mặc, dệt may và giày dép...

+ Thuế khấu trừ

Thuế khấu trừ là khoản tiền doanh nghiệp nộp thuế khấu trừ trực tiếp từ thu nhập đối với một số khoản thanh toán nhất định của cá nhân, công ty cư trú hay không cư trú ở Campuchia, sau đó nộp khoản thuế này lại cho Nhà nước.

Cá nhân cư trú là cá nhân có quốc tịch Campuchia hoặc người đã ở Campuchia trên 182 ngày bất kỳ, trong một năm dương lịch. Công ty cư trú là công ty được thành lập ở Campuchia hoặc có địa điểm kinh doanh tại Campuchia và có nguồn thu nhập từ Campuchia. Ngoài 2 trường hợp trên, sẽ được coi là thuộc trường hợp không cư trú.

Xem thêm bảng tóm tắt dưới đây về các khoản thanh toán chịu thuế khấu trừ theo mức thuế suất:

Các khoản thanh toán	Cư trú	Cư trú
Thuê văn phòng, nhà xưởng	10 %	14 %
Trả cổ tức	0 %	14%
Lãi suất (*)	15%	14%
Bản quyền	15%	14%
Dịch vụ	15%	14%

(*)Thuế khấu trừ không áp dụng cho lãi suất được thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính đã đăng ký tại Campuchia.

Thuế khấu trừ không áp dụng cho chi phí tái bảo hiểm tài sản hoặc rủi ro.

+ Thuế thu nhập cá nhân

Ở Campuchia, thuế thu nhập cá nhân chưa được thực thi hoàn toàn. Tuy nhiên, thuế thu nhập cá nhân có thể xem là một phần có liên quan đến thuế tiền lương (TOS) và thuế phụ bổ sung (FBT) dành cho cá nhân nhân viên làm việc cho người sử dụng lao động trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp đã được đăng ký.

Campuchia ban hành ngưỡng thu nhập chịu thuế mới đối với thuế thu nhập hàng năm của hộ kinh doanh cá thể, công ty hợp danh và thuế

tiền lương hàng tháng cho nhân viên cư trú theo Nghị định số 196, hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (KHR)
0 - 18,000,000	0 %
18,000,001 - 24,000,000	5 %
24,000,001 - 102,000,000	10%
102,000,001 - 150,000,000	15%
Trên 150,000,000	20%

Bảng tính thuế thu nhập hàng năm của hộ kinh doanh cá thể, công ty hợp danh áp dụng từ 01/01/2023.

Thu nhập tính thuế (KHR)	Thuế suất	Thu nhập thuế phải nộp
0 - 1,500,000	0 %	Miễn thuế
1,500,001 - 2,000,000	5 %	(Thu nhập chịu thuế X 5%) - 75,000
2,000,001 - 8,500,000	10 %	(Thu nhập chịu thuế X 10%) - 175,000
8,500,001 - 12,500,000	15 %	(Thu nhập chịu thuế X 15%) - 600,000
Từ 12,500,001 trở lên	20 %	(Thu nhập chịu thuế X 20%) - 1,225,000

Bảng tính thuế tiền lương hàng tháng mới cho nhân viên cư trú áp dụng từ ngày 01/01/2023. Nhân viên không cư trú: cố định thuế 20%. Thuế phụ bổ sung (FBT): cố định thuế 20%.

Giống như nhiều quốc gia khác, hệ thống thuế doanh nghiệp tại Campuchia được thiết lập:

- ✓ Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước: Thuế doanh nghiệp là một trong những nguồn thu chủ yếu để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công cộng.
- ✓ Điều chỉnh hoạt động kinh doanh: Thuế doanh nghiệp đóng vai trò như một công cụ để điều chỉnh hoạt động kinh doanh, khuyến khích các ngành nghề ưu tiên và hạn chế các hoạt động gây hại.

- ✓ Đảm bảo công bằng xã hội: Thuế doanh nghiệp giúp phân phối lại thu nhập, giảm bớt bất bình đẳng và đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế.
- ✓ Bảo vệ sản xuất trong nước: Thuế doanh nghiệp có thể được sử dụng để bảo vệ các doanh nghiệp trong nước trước sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài.

b) Cơ quan quản lý thuế tại Campuchia

Cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm quản lý thuế tại Campuchia là Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu (tiêu thụ đặc biệt) Campuchia. Tuy nhiên, việc quản lý thuế doanh nghiệp cụ thể thường được giao cho các đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc Tổng cục Hải quan và những cơ quan này có nhiệm vụ chính sau đây:

- ✓ Quản lý thuế, áp dụng các quy định về thuế doanh nghiệp, thu thập và kiểm tra hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp.
- ✓ Kiểm tra và thanh tra các doanh nghiệp để đảm bảo việc chấp hành pháp luật về thuế.
- ✓ Xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.
- ✓ Hỗ trợ doanh nghiệp, cung cấp thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

c) Nguyên tắc của hệ thống thuế

Hệ thống thuế doanh nghiệp tại Campuchia được thiết kế dựa trên một số nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong quá trình thu thuế. Dưới đây là các nguyên tắc quan trọng:

+ Nguyên tắc toàn cầu thu nhập

Doanh nghiệp phải nộp thuế trên toàn bộ thu nhập phát sinh từ các hoạt động kinh doanh tại Campuchia, bất kể nguồn gốc của thu nhập đó. Điều này có nghĩa là mọi lợi nhuận phát sinh trên lãnh thổ Campuchia đều phải chịu thuế.

+ Nguyên tắc tính thuế song trùng

Trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể bị đánh thuế hai lần: một lần tại nước có trụ sở chính và một lần tại Campuchia nếu có hoạt động kinh doanh tại đây. Do đó, việc nắm rõ các hiệp định tránh đánh thuế song trùng là rất quan trọng để bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp.

+ Nguyên tắc tính thuế theo thời gian

Thuế doanh nghiệp được tính và nộp theo kỳ, thường là hàng tháng hoặc hàng quý. Doanh nghiệp cần lưu ý lịch trình nộp thuế để tránh các quy định về mức phạt không đáng có.

+ Nguyên tắc tự nguyện khai báo

Doanh nghiệp có trách nhiệm tự khai báo thu nhập và tính toán số thuế phải nộp. Doanh nghiệp phải duy trì sổ sách kế toán rõ ràng và chính xác.

+ Nguyên tắc công khai, minh bạch

Các quy định về thuế doanh nghiệp cần được công bố công khai để doanh nghiệp có thể nắm rõ và thực hiện đúng quy định. Việc này không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch mà còn giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.

Chính sách và hệ thống thuế doanh nghiệp tại Campuchia có thể được bổ sung theo thời gian. Thông tin thường được cập nhật từ các nguồn chính thức như Tổng cục Hải quan hoặc các công ty tư vấn thuế có thể giúp cho các doanh nghiệp hiểu và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

d) Một số loại thuế doanh nghiệp chính tại Campuchia

Khi kinh doanh tại Campuchia, doanh nghiệp cần hiểu rõ về các loại thuế doanh nghiệp chủ yếu để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tối ưu hóa nghĩa vụ thuế. Dưới đây là các loại thuế quan trọng mà bạn cần lưu ý:

Đối tượng nộp thuế: Tất cả tổ chức và cá nhân có hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế tại Campuchia.

Mức thuế suất: Thuế suất CIT thường dao động từ 20% đến 25%, tùy vào quy mô và lĩnh vực kinh doanh. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nhận được mức thuế suất ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong cạnh tranh.

Cách tính thuế: Thuế CIT được tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp, sau khi đã trừ đi các chi phí. Công thức tính như sau:

$$\text{Thuế CIT} = \text{Lợi nhuận chịu thuế} \times \text{Mức thuế suất}$$

Có thể có nhiều khoản khấu trừ và miễn giảm thuế, tùy từng trường hợp.

+ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Hầu hết hàng hóa và dịch vụ cung cấp tại Campuchia đều chịu thuế VAT. Mức thuế VAT thường là 10%, nhưng có thể thay đổi theo các loại hàng hóa và/hoặc dịch vụ.

▷ Cách tính thuế: Thuế VAT được tính trên giá trị gia tăng. Công thức tính như sau:

$$\text{Thuế VAT} = \text{Giá bán (bao gồm thuế)} \times \text{Mức thuế suất}$$

Doanh nghiệp có quyền khấu trừ thuế đầu vào.

+ Thuế tài sản

Đối tượng nộp thuế: Tổ chức và cá nhân sở hữu bất động sản, phương tiện giao thông và các tài sản có giá trị lớn.

Mức thuế suất: Thay đổi tùy thuộc vào loại hình và giá trị tài sản.

Cách tính thuế: Được tính dựa trên giá trị thị trường của tài sản.

+ Các loại thuế khác

▷ Thuế xuất khẩu

Đánh vào hàng hóa xuất khẩu, mức thuế suất khác nhau tùy theo hàng hóa. Thuế nhập khẩu đánh vào hàng hóa nhập khẩu, theo biểu thuế quy định.

▷ Thuế tiêu thụ đặc biệt

Áp dụng cho hàng hóa như rượu, thuốc lá, xăng dầu, nhằm hạn chế tiêu dùng các sản phẩm không khuyến khích hoặc có hại...

Hệ thống thuế tại Campuchia có thể thay đổi theo thời gian. Doanh nghiệp cần cập nhật thông tin thường xuyên từ các nguồn chính thức. Ngoài ra, việc tham khảo ý kiến chuyên gia về kế toán hoặc luật sư chuyên về thuế sẽ rất hữu ích để việc tính thuế và nộp thuế đúng theo quy định thủ tục, tránh được những sơ suất và thậm chí, những khoản phạt theo quy định mà nhỡ ra không cần phải chi trả.

e) Thủ tục nộp thuế doanh nghiệp

+ Đăng ký thuế

Đăng ký thuế là bước đầu tiên và bắt buộc để doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Campuchia. Qua việc đăng ký, doanh nghiệp sẽ được cấp mã số thuế và trở thành đối tượng nộp thuế.

Hồ sơ cần thiết: Đơn đăng ký thuế theo mẫu, giấy phép đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty, các giấy tờ chứng minh về vốn điều lệ, tài sản...

+ Nơi nộp hồ sơ

Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

+ Thời gian xử lý

Thường là vài ngày làm việc để hoàn tất thủ tục đăng ký.

+ kê khai thuế

Kê khai thuế là việc doanh nghiệp tự tính toán và khai báo số thuế phải nộp cho cơ quan thuế.

Hồ sơ kê khai: Biểu mẫu kê khai thuế (được cung cấp bởi cơ quan thuế), các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí, tài sản...

Thời hạn kê khai: Thường là hàng tháng hoặc hàng quý, tùy thuộc vào quy định của từng loại thuế và quy mô doanh nghiệp.

Hình thức kê khai: Có thể kê khai trực tiếp tại cơ quan thuế, qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống kê khai trực tuyến.

+ Nộp thuế

Hình thức nộp thuế:

Nộp trực tiếp tại ngân hàng: Doanh nghiệp sẽ được cấp mã số thuế để nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thuế.

Nộp qua hệ thống ngân hàng điện tử

Thời hạn nộp thuế: Thông thường, doanh nghiệp phải nộp thuế trước ngày 15 của tháng tiếp theo sau kỳ kê khai.

f) Báo cáo thuế

Mục đích: Báo cáo thuế là việc doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan thuế các thông tin về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và số liệu liên quan đến thuế.

Hồ sơ báo cáo: Báo cáo tài chính, báo cáo thu nhập, các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan thuế,

Thời hạn báo cáo: Thường là hàng năm, trước khi kết thúc năm tài khóa.

Các quy định có thể thay đổi: Hệ thống thuế của Campuchia có thể được điều chỉnh theo thời gian, do đó doanh nghiệp cần cập nhật thông tin mới nhất.

Tư vấn chuyên môn: Để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về thuế và tránh các rủi ro, doanh nghiệp nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia kế toán hoặc luật sư chuyên về thuế.

Hệ thống kê khai trực tuyến: Campuchia đang dần chuyển đổi sang hình thức kê khai thuế trực tuyến để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

g) Các yếu tố ảnh hưởng đến thủ tục nộp thuế

Loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ngành nghề kinh doanh, các ngành nghề khác nhau có thể có các quy định về thuế khác nhau.

Quy mô doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn thường có các quy định về báo cáo thuế phức tạp hơn so với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

h) Các chính sách ưu đãi thuế doanh nghiệp

Campuchia đang tích cực triển khai nhiều chính sách ưu đãi thuế hấp dẫn nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy phát triển kinh tế nội địa. Sau đây là một số ưu đãi thuế chính:

+Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư mới

Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp mới thành lập thường được miễn thuế thu nhập trong những năm đầu và hưởng mức thuế thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện cho sự phát triển ban đầu.

Ưu đãi thuế nhập khẩu: Máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất kinh doanh có thể được miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu, giúp giảm chi phí đầu tư ban đầu.

Ưu đãi thuế đất sử dụng: Doanh nghiệp có thể được miễn hoặc giảm thuế đất trong một khoảng thời gian nhất định, góp phần giảm gánh nặng tài chính.

+Ưu đãi thuế cho các khu vực đặc biệt:

▷ Khu kinh tế đặc biệt

Doanh nghiệp đầu tư vào các khu kinh tế này thường nhận được nhiều ưu đãi thuế hơn, bao gồm miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu và thuế đất sử dụng trong thời gian dài.

▷ Khu công nghiệp

Tương tự, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cũng có thể hưởng các ưu đãi thuế tương tự như các khu kinh tế đặc biệt, khuyến khích phát triển ngành công nghiệp.

▷ Ưu đãi thuế cho các ngành nghề ưu tiên

Ngành công nghiệp chế biến: Các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến thường được ưu tiên về thuế để thúc đẩy công nghiệp hóa đất nước.

Ngành công nghệ cao: Doanh nghiệp hoạt động trong công nghệ cao và nghiên cứu phát triển có thể nhận được ưu đãi thuế đặc biệt để khuyến khích đổi mới sáng tạo và áp dụng công nghệ tiên tiến.

Các ngành nghề khác: Chính phủ Campuchia cũng có các chính sách ưu đãi cho các ngành nghề như du lịch và nông nghiệp, tùy thuộc vào chính sách hiện hành. Doanh nghiệp cần đáp ứng một số điều kiện nhất định về vốn đầu tư, tạo việc làm và công nghệ để đủ điều kiện nhận ưu đãi.

Thời gian hưởng các ưu đãi thuế thường được quy định cụ thể trong giấy phép đầu tư. Nhà đầu tư cần chuẩn bị hồ sơ và thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư một cách đầy đủ để được hưởng các ưu đãi thuế.

Những chính sách ưu đãi thuế này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế Campuchia.

Chỉ cần quan tâm, nếu bạn là doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang đối tác bên Campuchia theo điều kiện DDP hoặc công ty có chi nhánh/VP đại diện bên Campuchia, thì có trách nhiệm đóng thuế. Thường sẽ có các cách đóng thuế sau:

- ✓ Người của giao nhận bên Campuchia sẽ đến văn phòng Nhà nhập khẩu lấy tiền thuế bằng tiền mặt và ra ngân hàng đóng hộ.
- ✓ Nhà nhập khẩu chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản hải quan. Hoặc áp dụng với công ty trading có văn phòng ở Việt Nam và Campuchia, nếu vào thời điểm đóng thuế, văn phòng Campuchia đang cần xoay vòng vốn và cần tiền từ công ty mẹ chuyển sang thì có thể chuyển tiền thuế vào tài khoản công ty FWD ở Việt Nam. Sau đó, công ty giao nhận đầu Campuchia sẽ đóng thuế giúp bạn. Lưu ý, không chuyển thông qua kênh chợ đen, có thể nhanh hơn, nhưng có rủi ro và tốn chi phí.

Ngoài thuế quan còn một số loại phí xấp xỉ 0.4% thuế nhập khẩu (tối thiểu 20USD), không có hóa đơn. Khách hàng lần đầu giao dịch với thương nhân Campuchia thường không hiểu đây là khoản gì. Đây thực chất là các loại phí nhỏ như phí chuyển tiền, đóng cho ngân hàng và một số phí vặt khác. Tuy nhiên, với một số đơn hàng có thuế nhập khẩu lớn, phí tính thuế có thể lên đến vài trăm USD.

Giá trị hàng hóa được thể hiện bằng đồng USD trên hóa đơn, các bên (shipper/cnee/fwd) giao dịch với nhau bằng USD, nhưng khi đóng thuế, tiền thuế sẽ được quy đổi sang đồng Riel (đơn vị tiền tệ ở Campuchia), do đó sẽ phát sinh chênh lệch giữa số tiền đóng thuế và số tiền thuế thực tế vì sự chênh lệch tỷ giá do đổi tiền và hải quan hay ngân hàng. Khoản chênh lệch này thường không lớn.

Đối với các mặt hàng thông thường, có thể tra cứu thuế nhập khẩu Campuchia thông qua Website Tổng cục Hải quan và Campuchia: <http://www.customs.gov.kh/publication-and-resources/customs-tariff-of-cambodia/>. Ứng dụng trên điện thoại: cho cả phiên bản Androi và IOS, hoặc tra cứu trực tiếp biểu thuế. Riêng đối với một số mặt hàng như xe hơi, máy móc, xe nâng, cần cẩu... đã qua sử dụng, giá trị tính thuế được tính theo chiếc/kg, phụ thuộc vào đời xe/đời máy và từng trường hợp cụ thể...

16. QUY ĐỊNH HẢI QUAN

Từ năm 2000, Campuchia đã có thông tư của Bộ Thương mại về hoạt động kinh doanh của các công ty thương mại, cho phép các công ty đăng ký với Bộ Thương mại dù là nước ngoài hay trong nước có thể được quyền tham gia kinh doanh tự do.

Campuchia ban hành Luật Hải quan từ tháng 7/2007 nhằm quản lý kiểm soát và thu thuế, thuế quan và phí các loại đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Đồng thời, kiểm soát và điều tiết việc di chuyển, lưu trữ và quá cảnh của các loại hàng hóa, ngăn chặn lừa đảo, buôn lậu, hàng giả. Từ đó, góp phần triển khai các định hướng chính sách về thương mại quốc tế của Chính phủ Hoàng gia Campuchia. Việc ban hành luật còn giúp áp dụng các loại tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động hải quan và thuận lợi hóa thương mại.

Cơ quan chịu trách nhiệm thực thi là Tổng cục Hải quan và thuế gián thu (tiêu thụ đặc biệt) và chịu sự chỉ đạo và giám sát của Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia.

Lãnh thổ hải quan được hiểu là lãnh thổ trên bộ, đường biển hay không phận, cũng như phần đảo ngoài khơi của Vương quốc Campuchia. Chính phủ Hoàng gia có thể thiết lập các đặc khu với các chế độ hải quan riêng.

Về nguyên tắc chung, Luật Hải quan được áp dụng đồng đều trên toàn lãnh thổ, công bằng với tất cả các thể nhân và không có miễn trừ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu đều chịu sự điều chỉnh của Luật Hải quan, bị áp thuế được quy định cụ thể trong Biểu thuế Hải quan.

Chính phủ Hoàng gia có thể ban hành nghị định bổ sung nhằm bảo vệ nhà sản xuất trong những trường hợp cụ thể, có thể cấm hoặc hạn chế nhập khẩu bởi các nguyên nhân an ninh quốc gia, trật tự xã hội, các tiêu chuẩn về đạo đức, tôn giáo, bảo vệ sức khỏe, cuộc sống của con người, động thực vật, bảo vệ các tài sản quốc gia mang giá trị nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc.

Nhằm đấu tranh chống lại nạn buôn lậu và hàng giả, Bộ Kinh tế và Tài chính có thể ban hành quy định xác định các loại hàng cần phải đánh thuế cao hay hàng nhạy cảm, có thể đưa ra các biện pháp kiểm soát bổ sung hoặc giới hạn vận tải, lưu thông, tàng trữ hay sở hữu.

17. HÀNG NHẬP KHẨU

Tất cả hàng hóa nhập khẩu phải được khai báo hải quan. Bộ Kinh tế và Tài chính chịu trách nhiệm ban hành các quy định về thời gian, cách thức, yêu cầu hồ sơ, các trường hợp và ngoại lệ liên quan đến hàng nhập khẩu vào lãnh thổ Campuchia.

Không ai có thể lấy hàng khi hàng hóa chưa được khai báo hải quan theo quy định. Hải quan có thể cho phép dỡ hàng từ khu vực thông quan trước khi các loại thuế, phí được thanh toán trong trường hợp và mục đích đưa hàng vào khu vực lưu kho hải quan tạm thời.

Hàng nhập khẩu cũng có thể được giải phóng bởi chức trách hải quan trong chế độ tiếp nhận tạm thời, nếu lô hàng có đủ chứng minh sẽ được tái xuất. Hàng tạm nhập sẽ được kiểm soát hải quan chặt chẽ cho đến khi các điều kiện tiếp nhận tạm thời kết thúc và hàng hóa được tái xuất khẩu.

18. HÀNG XUẤT KHẨU

Tất cả các hàng hóa xuất khẩu buộc phải khai báo hải quan. Bộ Kinh tế và Tài chính là cơ quan chủ quản ban hành các quy định liên quan đến hàng hóa xuất khẩu.

▷ Phân loại thuế quan, xuất xứ và giá trị hải quan

Bất cứ nhà nhập khẩu hay người đại diện, khi khai báo hải quan cho hàng nhập khẩu sẽ phải khai phân loại thuế quan, xuất xứ hàng hóa và giá trị lô hàng nhằm phục vụ công tác tính thuế và phí. Hải quan sẽ xác thực lại mức thuế và xuất xứ của lô hàng nhập khẩu.

Trong vòng 3 năm sau ngày đăng ký khai báo hải quan, chức trách hải quan Campuchia vẫn có thể tiến hành các hoạt động thanh tra, hậu kiểm, kiểm toán, điều tra về lô hàng đã thông quan nhập khẩu nhằm xác định lại phân loại thuế quan hay xuất xứ thông qua việc thông báo chính thức cho chủ hàng.

Tất cả các vi phạm được phát hiện sẽ được xử lý, bao gồm cả việc truy thu thuế, phí hay các khoản phạt theo quy định đối với nhà nhập khẩu. Thuế được tính dựa trên cơ sở Biểu thuế Campuchia.

Đối với hàng nhập khẩu, thuế được tính trên cơ sở xuất xứ của nước sản xuất. Nước xuất xứ được tính là quốc gia nơi mà sản phẩm đó ra đời.

Giá trị hàng nhập khẩu được tính theo các nguyên tắc: là giá trị giao dịch của sản phẩm khi được bán để xuất khẩu sang Campuchia. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị giao dịch thì căn cứ trên giá trị của mặt hàng tương tự.

Nếu cả hai phương thức trên vẫn không xác định được thì sẽ tính dựa trên phương pháp khấu trừ loại suy hoặc thông qua công thức tính toán quy ước.

Giá trị hải quan hàng hóa là giá trị hàng hóa tại điểm xuất khẩu và các chi phí vận tải, vận hành logistic, không kể thuế xuất khẩu, các loại thuế phí nội địa đặc thù của nước đi.

19. MIỄN THUẾ, HOÀN THUẾ-THUẾ QUAN

Thuế và thuế quan tại Campuchia không áp dụng đối với hàng hóa được đưa vào lãnh thổ hải quan Campuchia dưới dạng quá cảnh hay chuyển tàu.

Campuchia áp dụng miễn thuế và thuế quan đối với các hàng hóa nhập khẩu được miễn căn cứ theo bất kỳ điều khoản của bất kỳ luật nào của Campuchia cho phép miễn, trong đó có hàng hóa của ngoại giao đoàn, lãnh sự, các tổ chức quốc tế, các cơ quan hợp tác kỹ thuật của chính phủ các nước.

Miễn một phần thuế và thuế quan nhập khẩu

Miễn thuế và thuế quan một phần có thể được cho phép đối với hàng hóa là các loại hạt giống, con giống cho mục đích phát triển nông nghiệp, hàng hóa dưới chế độ tiếp nhận tạm thời, hàng hóa và các loại vật liệu được cụ thể hóa trong bất kỳ luật nào của Campuchia có quy định được miễn một phần.

Khai báo hải quan là bắt buộc đối với hàng xuất nhập khẩu, dù được miễn hay không được miễn thuế quan. Khai báo phải được tiến hành bởi chủ hàng hoặc người được ủy quyền đại diện thay mặt thực hiện khai báo.

Nhà nhập khẩu hoặc chủ hàng có trách nhiệm nộp thuế và thuế quan. Khi hàng hóa trong chế độ lưu trữ hải quan tạm thời, lưu kho hải quan thì đơn vị giao nhận, vận hành có trách nhiệm đóng thuế, phí.

20. LƯU KHO, TẠM TRỮ HÀNG HÓA

Lưu trữ hải quan tạm thời được hiểu là hàng tạm trữ tại khu vực hải quan trong thời gian hoàn tất thủ tục khai báo hải quan. Bộ Kinh tế và Tài chính ban hành các quy định cụ thể đối với quá trình này.

Kho ngoại quan là các cơ sở kho bãi mà các hãng tàu có thể để hàng lưu lại trong một thời gian nhất định dưới sự kiểm soát của hải quan, mà chưa phải trả ngay thuế quan hay thuế.

Có 03 loại kho ngoại quan tại Campuchia:

Kho ngoại quan chung là kho được cấp phép bởi Bộ Kinh tế và Tài chính và mở cho bất kỳ khách hàng nào có nhu cầu và xin được lưu kho hàng hóa thông qua giấy phép.

Kho ngoại quan riêng, được cấp phép bởi giám đốc chi cục hải quan, chỉ được sử dụng bởi một số lượng giới hạn cụ thể, là các đối tượng được phép lưu kho một loại hàng cụ thể mang tính đặc thù, phục vụ mục đích sử dụng cụ thể đặc thù nào đó, như các nhà nhập khẩu và kinh doanh hàng hóa trong khu vực miễn thuế.

Kho ngoại quan đặc biệt cũng do giám đốc chi cục hải quan cấp phép để lưu kho các loại hàng hóa nguy hiểm, có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các loại hàng hóa khác, hoặc yêu cầu các điều kiện bảo quản riêng biệt.

Trong một số trường hợp nhất định, Bộ Kinh tế và Tài chính có thể có thẩm quyền cho phép thành lập các kho ngoại quan phục vụ lưu kho hàng hóa cho sản xuất, chế biến hoặc lắp ráp chế tạo các sản phẩm thành phẩm.

Hàng hóa được lưu tại các kho này được miễn thuế và thuế quan. Dầu mỏ, xăng, khoáng sản quý hay các sản phẩm từ dầu mỏ có thể được lưu tại các chế độ kho ngoại quan diện này.

21. THU TỤC XUẤT NHẬP KHẨU

Hệ thống SAD đã được đưa vào áp dụng trong hoạt động hải quan Campuchia theo cách thủ công từ năm 2008, sau đó hệ thống ASYCUDA World được đưa vào thử nghiệm tại cảng Sihanoukville từ tháng 5 năm 2008.

Hiện nay, SAD được triển khai áp dụng đối với tất cả các giao dịch thông quan hải quan và ASYCUDA được sử dụng tại cảng Sihanoukville,

sân bay quốc tế Phnom Penh, 3 cảng quanh Thủ đô Phnom Penh và điểm hải quan tại Bavet, giáp với biên giới Việt Nam.

Hiện nay, sau khi khai báo hải quan có tới 90% hàng hòa xuất nhập khẩu được thông quan trong vòng 24 giờ.

Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu Campuchia hiện đang sử dụng hệ thống thủ tục thông quan hàng hóa PCA, hậu kiểm. Hậu kiểm trên thực tế đã áp dụng đối với nhiều giao dịch tại hải quan để đẩy nhanh tiến độ thông quan.

Tuy vậy, công tác hậu kiểm vẫn là công việc khó khăn, chủ yếu dựa trên việc thanh tra các nhà nhập khẩu lớn hay có nguy cơ không tuân thủ cao. Hậu kiểm đôi khi gây thất thu và ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả quản lý hàng hóa thông quan.

a) Thủ tục nhập khẩu

Tàu đến cảng, đội tàu dẫn thông báo hải quan, CamControl và Cảnh sát nhập cảnh.

Đội trưởng hải quan cử 2 nhân viên tham gia cùng nhóm thủ tục bao gồm tàu dẫn, Camcontrol, chức trách cảng, cảnh sát nhập cảnh và nhân viên cách ly hàng hóa. Nhóm này sẽ thực hiện chức năng của mình trong việc giải phóng hàng hóa và thủy thủ đoàn từ tàu.

Sau khi thực hiện các thủ tục liên quan đến tàu, hải quan cho phép xuống hàng, chức trách cảng và hải quan cùng giám sát việc xuống hàng, kiểm tra đối chiếu với vận đơn và xác nhận điều kiện tem niêm phong.

Hàng được lưu trong kho và nhận bởi nhà vận hành giao nhận. Trước khi nhà nhập khẩu tiếp cận các khâu thủ tục thì trách nhiệm kiểm soát và lưu giữ hàng thuộc về chức trách kho cảng.

Đăng ký vào máy tính được thực hiện bởi cả hải quan và kho. Hàng được lưu kho tạm trữ 45 ngày và nếu vượt sẽ bị phạt 1% trên tổng giá trị/ngày. Hàng lưu kho tạm trữ vượt 3 tháng sẽ được chuyển sang kho hải quan.

Nhà nhập khẩu làm 3 bộ hồ sơ khai báo với các giấy tờ liên quan như hóa đơn, vận đơn, danh mục hàng, giấy phép nhập khẩu (nếu có), báo cáo về quá trình và nguồn gốc...

Sau khi đánh giá và tính toán, nhà nhập khẩu trả thuế quan bằng tiền mặt hoặc đảm bảo tại ngân hàng hoặc kho bạc, bao gồm cả phí lưu kho.

Hải quan tiến hành kiểm tra hàng hóa đồng thời với CAMCONTROL. Việc kiểm tra này được tiến hành trên xác xuất và máy móc được sử dụng để hỗ trợ và giảm công sức nhân viên.

Khi hàng được trả, các công ten nơ được cẩu lên xe tải đưa ra khỏi khu vực cảng. Hải quan tại cửa ra có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu giấy tờ và các biên nhận để xác nhận hàng đã đóng đầy đủ các khoản phải nộp và đối chiếu số công ten nơ với vận đơn.

Để biết thêm chi tiết, độc giả có thể tham khảo thêm tại Trang : <http://www.customs.gov.kh/ProImports.html>.

b) Thủ tục xuất khẩu

Phần lớn hàng hóa xuất khẩu được kiểm tra bởi văn phòng xuất khẩu tại Phnom Penh, là nơi container được kiểm tra và niêm phong. Chức trách hải quan cảng thường không mở công kiểm tra, mà chỉ kiểm tra đối chiếu các hồ sơ có liên quan đến lô hàng và niêm phong. Nếu không có gì bất thường cần kiểm tra sâu hơn thì các container sẽ được đưa lên tàu.

Tất cả các hàng xuất khẩu cần được kiểm tra bởi Tổng cục Hải quan GDCE theo diện xác suất, cơ bản hay cụ thể. Đối với nhiều loại hàng trong đó có hàng dệt may được kiểm tra và niêm phong container tại văn phòng xuất khẩu theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hàng trước khi lên tàu, nếu thuộc diện chịu thuế xuất khẩu sẽ được kiểm tra đối chiếu lại xem đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thuế chưa.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập đường link: <http://www.customs.gov.kh/ProExports.htm>

Campuchia được hưởng tối huệ quốc từ phía Hoa Kỳ, EU và một số quốc gia phát triển khác. Quốc gia này cũng được hưởng biểu thuế ưu đãi và tiếp cận tự do hạn ngạch tới thị trường EU trong khuôn khổ Sáng kiến mọi thứ trừ vũ khí EBA, đó là một phần của hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU. EBA được cấp cho Campuchia kể từ tháng 2/2001. Campuchia cũng được hưởng các ưu đãi thuộc các chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập của Mỹ và Nhật Bản. Tuy nhiên, một số cơ chế đó hiện nay, Campuchia đã không còn được hưởng nữa.

22. XUẤT XỨ

Trong quá khứ, có những thời kỳ Campuchia không có các yêu cầu cụ thể về hàm lượng nội địa đối với sản phẩm nhập khẩu. Cũng có nghĩa rằng, không có hạn chế về việc sử dụng các loại nguyên liệu nhập khẩu, thành phần hay bộ phận sản xuất hàng hóa nhập khẩu, ngoại trừ các vật liệu, nguyên liệu ấy có hại đối với sức khỏe con người, môi trường hay xã hội.

Hiện nay, nguyên tắc này vẫn được cơ bản áp dụng như vậy. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu tại Campuchia cần lưu ý đến quy tắc xuất xứ và các tiêu chí xuất xứ ROO đối với hàng xuất khẩu.

Ở thời điểm được hưởng các ưu đãi thuế quan phổ cập, các sản phẩm xuất khẩu phải có xuất xứ từ nước được hưởng ưu đãi. Để được chứng nhận là có xuất xứ từ nước xuất khẩu, các sản phẩm từ Campuchia cũng phải đáp ứng những yêu cầu về tiêu chí nhất định.

Nếu sản phẩm được sản xuất tại Campuchia và hoàn toàn sử dụng nguyên liệu từ đây thì đương nhiên được công nhận xuất xứ, nhưng nếu hàng được sản xuất từ nguyên liệu nhập từ các nước khác thì phải trải qua đủ quá trình chế biến, cũng như một số tiêu chí kỹ thuật khác để có thể được coi là có xuất xứ, bao gồm cả chuyển mã...

Trong khuôn khổ ưu đãi EBA, hàm lượng nội địa tối thiểu là 40%, nhưng trong một số trường hợp nguyên tắc cộng gộp ASEAN và EU có thể được chấp nhận. Để chứng minh sợi có xuất xứ từ ASEAN, nhà xuất khẩu dệt may Campuchia phải cung cấp được chứng nhận GSP của nhà cung ứng sợi ASEAN.

Hàm lượng nội địa được thể hiện trong chứng nhận xuất xứ sản phẩm theo Form A, cấp bởi nước xuất khẩu và được công nhận bởi nước nhập khẩu. Khi còn trong khuôn khổ ưu đãi thuế quan GSP, sản phẩm Campuchia xuất sang Mỹ cần có hàm lượng nội địa tối thiểu 35% và áp dụng nguyên tắc cộng gộp.

Đối với chứng nhận xuất xứ hàng nhập khẩu vào Campuchia từ các nước Đông Nam Á thì tuân thủ theo CO form D.

Áp dụng C/O Form D cho hàng xuất khẩu chính ngạch từ Việt Nam đi Campuchia hay hàng quá cảnh Việt Nam đi Campuchia. Hàng xuất khẩu đi Campuchia, hay hàng quá cảnh từ nước thứ 3 nhập vào Campuchia, lưu ý đến tính hợp lệ của C/O.

C/O hợp lệ sẽ giúp doanh nghiệp nhận được mức ưu đãi thuế nhập khẩu. Hải quan Campuchia sẽ soi xét và kiểm tra rất kỹ C/O.

Để tránh bị hải quan bác bỏ C/O Form D, cần phải lưu ý các điểm chính sau :

- ✓ C/O Form D phải hợp lệ theo quy định quốc tế.
- ✓ Mã HS phải chính xác theo mô tả hàng hóa.
- ✓ Cung cấp hình ảnh hàng hóa rõ ràng, các tiêu chuẩn kỹ thuật, Catalog hàng hóa.
- ✓ Trước khi đóng hàng đi Campuchia, hãng tàu cần gửi bản draft trước cho bên giao nhận để trình với hải quan.

Hàng chính ngạch là thủ tục tờ khai chính ngạch giữa hãng tàu và người được ủy quyền đứng tên trên tờ khai xuất và tờ khai nhập, và phương thức vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, qua biên giới từ Việt Nam đi Campuchia.

Thường có 2 hình thức chính ngạch, chính ngạch đóng đầy đủ thuế và chính ngạch có áp dụng CO Form D được miễn giảm thuế nhập khẩu.

Hàng chính ngạch là hình thức vận chuyển hàng hóa đường bộ đi qua cặp cửa khẩu quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia, phải làm thủ tục hải quan xuất khẩu ở Việt Nam và thủ tục hải quan nhập khẩu ở Campuchia.

Ưu điểm của hàng chính ngạch là đảm bảo tính an toàn, ít rủi ro xảy ra, chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Công ty nhập khẩu ở Campuchia ưa thích loại hình vận chuyển này thường là các nhà máy sản xuất, công ty thương mại lớn, có uy tín.

Thủ tục hải quan đối với hàng chính ngạch gồm có :

Thủ tục đầu xuất khẩu (Việt Nam) hồ sơ gồm có: hợp đồng mua bán, hóa đơn, danh mục hàng, vận đơn, giấy tờ khác nếu có.

Thủ tục đầu nhập khẩu (Campuchia): hợp đồng mua bán, hóa đơn, danh mục hàng, VAT, CDC nếu có...

23. QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Là hình thức vận chuyển đa phương thức (land – sea – land) từ một nước thứ 3 quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, sau đó làm thủ tục quá cảnh ở cảng Cát Lái, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài – Bavet vào lãnh thổ Campuchia.

Hàng hóa quá cảnh Việt Nam đi Campuchia có 2 lợi ích chính sau:

- ✓ Giảm thời gian vận chuyển xuống mức tối đa.
- ✓ Chi phí vận chuyển thấp nhất.

Thời gian hàng hóa Campuchia khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam cho phép không quá 30 ngày, từ ngày ETA. Sau khi đã mở tờ khai độc lập thì trong vòng 24h, hàng hóa phải ra khỏi cửa khẩu Việt Nam.

Hàng quá cảnh Việt Nam – Campuchia có hai chiều: hàng từ nước thứ 3 nhập quá cảnh Việt Nam, sau đó xuất đi Campuchia và hàng xuất từ Campuchia, quá cảnh Việt Nam, sau đó xuất đi nước thứ 3. Hàng quá cảnh được hai nước áp dụng các thỏa thuận song phương.

24. THUẾ XUẤT KHẨU

Campuchia không áp dụng thuế xuất khẩu đối với nhiều mặt hàng, nhưng vẫn duy trì một danh mục nhất định như:

- ✓ Cao su tự nhiên 2%, 5% và 10% phù thuộc vào mức độ và hình thức xử lý.

- ✓ Đá quý chưa qua chế tác, cắt 10%; gỗ chế biến 5% và 10%.
- ✓ Cá, giáp xác, nhuyễn thể và một số sản phẩm thủy sản khác, thường là 10%...
- ✓ Phí quản lý xuất khẩu cũng được áp với một số mặt hàng, trong đó có hàng dệt may...

Tuy nhiên, danh mục này vẫn thường được điều chỉnh thường xuyên theo xu hướng ngày càng ít dần các tiểu dòng bị áp thuế xuất.

25. BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU

Cho đến nay, Biểu thuế nhập khẩu của Campuchia được ban hành và sửa đổi 6 lần theo chu kỳ 3 - 5 năm. Biểu thuế nhập khẩu Campuchia được chia tới cấp 8 số, gồm 24 chương được phân loại theo nguyên tắc và thông lệ quốc tế.

Với nền kinh tế mở cửa và ngày càng tăng cường hội nhập, Biểu thuế của Campuchia thường xuyên được rà soát cho phù hợp với các cập nhật của Biểu thuế HS toàn cầu và nhất là phù hợp với các biểu thuế ưu đãi trong khuôn khổ hợp tác khu vực và song phương cùng các quốc gia mà Campuchia có hiệp định hay thỏa thuận.

Biểu thuế nhập khẩu Campuchia thường xuyên được rà soát, sửa đổi bổ sung. Tất cả hàng nhập khẩu đều phải chịu mức thuế từ 0-35%, cá biệt có một số trường hợp có thể có mức 50%, dù hiếm. Đa số các nhóm hàng tập trung vào các mức 0, 3, 5, 7, 10, 15, 35%.

Thuế giá trị gia tăng 10% cũng được áp với đa số sản phẩm, ngoại trừ danh mục riêng. Phần lớn hàng hóa nhập khẩu vào Campuchia được hưởng ưu đãi 0% trong các khuôn khổ hiệp định, nhất là từ Việt Nam và một số nước trong khu vực ASEAN, là ưu đãi trong khuôn khổ ATIGA.

Một số sản phẩm như dược phẩm, sách in, quặng, xỉ, tàn tro, khí, dầu lửa và các sản phẩm dầu lửa... có mức thuế suất 7%. Các loại quả và hạt, mỡ động thực vật, mỡ, sản phẩm nuôi, đường kẹo, da thô, trang sức và phụ kiện, kim loại quý hay mạ kim loại quý, xe đạp và phương tiện tương tự, kể cả xe 3 bánh không gắn động cơ, nhạc cụ... có mức thuế 15%.

Rượu, xe máy, đồng hồ và linh kiện... chịu mức thuế quan có thể lên đến 35%...

Điều đáng lưu ý là biểu thuế và mức thuế quan áp dụng thường xuyên được rà soát và thay đổi, phụ thuộc vào nhu cầu xuất nhập khẩu, tình trạng của ngành sản xuất trong nước và một số yếu tố quan trọng khác. Nên việc kiểm tra với hải quan thường xuyên đối với các nhà nhập khẩu là cần thiết để cân đối chi phí.

26. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VỚI ASEAN

Campuchia là thành viên của ASEAN từ năm 1999 và nỗ lực rà soát giảm thuế quan theo khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các nước khác.

Trong đó, có hiệp định ASEAN - Trung Quốc vào năm 2002, khi hiệp định khung được ký kết. Năm 2010, mức ưu đãi ASEAN Trung Quốc về 0% được áp dụng với nhiều dòng thuế.

Với Ấn Độ, năm 2003 Hiệp định Hợp tác Kinh tế ASEAN Ấn độ được ký kết, theo đó hai bên thỏa thuận ưu đãi đến năm 2013 thuế quan Ấn độ và 5 quốc gia ASEAN gồm có Singapore, Thái lan, Indonesia, Malaysia, Brunei giảm về 0%. Năm 2016, thuế quan của Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam và Philippines cũng giảm về 0%.

Với Hàn Quốc, năm 2006, Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hàn Quốc được ký (ngoại trừ Thái lan). Theo đó, năm 2010 hai bên ưu đãi thuế quan 0% cho nhau. Năm 2016, Việt Nam giảm về 0% trong khuôn khổ hiệp định này.

Với Nhật Bản, năm 2008 Hiệp định Đối tác Kinh tế ASEAN - Nhật Bản được ký kết. Theo đó, đến năm 2018 Nhật Bản và ASEAN 6 dành cho nhau mức ưu đãi 0% cho 90% số lượng mặt hàng. Năm 2023, Việt Nam giảm về 0% đối với 90% dòng thuế. Năm 2026, Campuchia, Lào và Myanmar sẽ giảm về 0% thuế quan đối với 85% lượng mặt hàng.

Với Úc và NiuZilan, năm 2009 Hiệp định Khu vực Tự do Thương mại ASEAN - Úc - Niu Zi Lân được ký kết. Trong cùng năm, thuế quan

Singapore giảm về 0%. Năm 2020, thuế quan Úc và Niu Zi Lân về 0%. Brunei, Malaysia, Thailand, Philippines giảm về 0% đối với hơn 90% hàng hóa nhập khẩu từ hai nước kể trên. Việt Nam cũng vậy. Năm 2023, Lào cam kết giảm về 0% đối với hơn 88% số dòng thuế nhập khẩu từ hai quốc gia này. Năm 2024, Campuchia và Myanmar về 0% đối với 85% số dòng hàng. Năm 2025, Indonesia giảm về 0% đối với 93,2% dòng thuế nhập khẩu.

Tóm lại, Campuchia tuân thủ chặt chẽ các cam kết ưu đãi thuế quan trong khuôn khổ cam kết chung của ASEAN, được phân định theo lộ trình cụ thể. Lộ trình ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thành viên trong khu vực.

Ở góc độ đa phương, các cam kết và ưu đãi thuế quan ASEAN là khá sâu, làm cho đôi khi các nước thành viên chưa quan tâm tới việc đàm phán và ký kết các hiệp định song phương. Điều này cho thấy hiệu quả của cơ chế hợp tác đa phương ASEAN.

27. QUY ĐỊNH XUẤT KHẨU PHẾ LIỆU

a. Hoạt động quản lý phế liệu của Campuchia được quy định bởi các văn bản sau:

- ✓ Luật Bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên năm 1996.
- ✓ Thông báo số 447 về quản lý việc thải bỏ pin do Bộ Môi trường Campuchia ban hành năm 2016.
- ✓ Nghị định số 168 về quản lý túi nhựa do Bộ Môi trường Campuchia ban hành năm 2017.
- ✓ Nghị định số 209 về việc thực hiện danh mục hàng hóa cấm, hạn chế nhập khẩu do Bộ Kinh tế và Tài chính ban hành năm 2007.
- ✓ Nghị định số 036 về quản lý chất thải rắn do Bộ Môi trường Campuchia ban hành năm 1999.

b. Quy trình xuất khẩu phế liệu

Căn cứ các văn bản pháp lý hiện hành của Campuchia như được nêu ở trên, việc xuất khẩu phế liệu từ Vương quốc Campuchia ra nước ngoài

phải có sự chấp thuận của Bộ Môi trường. Bên cạnh đó, nhà xuất khẩu cũng cần phải xin giấy phép xuất khẩu từ Bộ Thương mại và giấy phép nhập khẩu từ nước nhập khẩu.

Bên cạnh đó, việc xuất khẩu phế liệu nguy hại phải phù hợp với các điều khoản và nguyên tắc của Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc xử lý chúng năm 1989, có hiệu lực từ ngày 5 tháng 5 năm 1992.

Phế liệu xuất khẩu ngoài việc đảm bảo phải có đủ giấy phép từ các cơ quan chức năng Campuchia quản lý về phế liệu và cấp giấy phép chuyên ngành (Bộ Môi trường, Bộ Thương mại), nhà xuất khẩu phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật từ nước nhập khẩu và được cấp giấy phép từ nước nhập khẩu các sản phẩm phế liệu đó.

Do đó, phế liệu sắt thép của Campuchia xuất khẩu vào Việt Nam phải đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và phải được Việt Nam cấp phép nhập khẩu thì mới có thể xuất khẩu từ Campuchia sang Việt Nam.

Một số công ty xuất khẩu phế liệu của Campuchia đã đáp ứng đủ các điều kiện và xuất khẩu chính ngạch phế liệu sắt thép sang Việt Nam và Việt Nam cũng trở thành nước nhập khẩu phế liệu sắt thép lớn nhất của Campuchia.

28. MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ MẶT HÀNG THỊT

a. Sản lượng tiêu thụ

Thị trường Campuchia với dân số khoảng 17 triệu người, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, thương nhân Campuchia phải nhập khẩu lợn sống chủ yếu từ các nước láng giềng như Việt Nam và Thái Lan. Thương nhân Campuchia chủ yếu nhập khẩu lợn sống và thịt lợn theo hình thức tiểu ngạch nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, và tránh phải xin các giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của cơ quan chức năng hai nước.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản biết, trong 5 năm trở lại đây, nhu cầu tiêu thụ thịt tại Campuchia đã tăng

từ 290.000 tấn năm 2019 lên 330.000 tấn vào năm 2023; riêng nhu cầu thịt lợn của Campuchia vào khoảng 7.000 – 8.000 con/ngày (1 con 60kg). Trong khi đó, nguồn cung trong nước có thể đáp ứng 6.000 con/ngày, cần nhập khẩu hơn 1.000 con/ngày.

Năm 2023, tổng nhu cầu thịt của Campuchia là 327.000 tấn, trong đó thịt bò, thịt trâu là 91.000 tấn, thịt lợn là 165.000 tấn, thịt gia cầm là 70.000 tấn, thịt cừu, thịt dê và các loại thịt khác là 1.000 tấn. Cũng theo đánh giá từ Bộ Nông nghiệp, sản xuất chăn nuôi trong nước có thể cung cấp khoảng 95% tổng nhu cầu sử dụng trong nước.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, Campuchia đã nhập khẩu tổng cộng 9.250 tấn thịt và gia súc, bao gồm 3.000 con lợn, 336 con dê, 400 con cừu, 3,55 triệu con gà sống, 170.000 con vịt sống (4.490 tấn) và các loại thịt hỗn hợp như thịt lợn, cừu, gà, vịt, ngỗng, thịt bò, thịt, xúc xích và các sản phẩm động vật (4.760 tấn).

b. Quy định nhập khẩu

Cơ quan chức năng Campuchia siết chặt công tác kiểm dịch đối với thịt lợn, sản phẩm thịt lợn nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới đường bộ. Thời gian qua, để ngăn chặn dịch tả lợn châu Phi (AFS) hiện đang bùng phát tại các nước châu Á, trong đó có Campuchia, Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp Campuchia đã đề nghị chính quyền các tỉnh biên giới của Campuchia ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép lợn sống, thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn vào Campuchia.

Hải quan yêu cầu các nhà nhập khẩu thịt đông lạnh phải có giấy phép của Bộ Nông nghiệp để có kho lạnh cũng như đặt cửa khẩu nhập khẩu. Theo Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, biện pháp này nhằm giúp quản lý, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép thịt đông lạnh vào Campuchia. Đại diện các cơ quan liên quan yêu cầu cơ quan hải quan tăng cường, chú ý từng biện pháp đã được đưa ra để phát huy hiệu quả, đặc biệt chỉ đạo cán bộ tại cửa khẩu không mở cửa cho thương lái nhập khẩu thịt đông lạnh vào Campuchia.

Theo Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt, các biện pháp này nhằm mục đích củng cố quy trình nhập khẩu thịt đông lạnh và nâng cao

tiêu chuẩn cho người tiêu dùng. Theo đánh giá từ Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt, các quy định mới của chính quyền cùng với các biện pháp thực thi chặt chẽ hơn sẽ được áp dụng đối với các nhà nhập khẩu sản phẩm thịt đông lạnh để đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng địa phương và ngăn chặn tình trạng “bất kỳ ai cũng có thể nhập khẩu thịt đông lạnh”.

Trên cơ sở đó, thịt lợn sống nhập khẩu vào Campuchia qua các cửa khẩu đường bộ bị kiểm tra rất gắt gao và cần đáp ứng đầy đủ giấy phép xuất nhập khẩu cũng như giấy tờ kiểm dịch theo đúng quy định cũng như phải xuất khẩu cho nhà nhập khẩu đã được cấp phép.

Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã quyết định cấm nhập khẩu nội tạng và thịt lợn đông lạnh từ ngày 12/9/2024 đến ngày 12/3/2025.

Theo thông báo chung của Bộ Thương mại và Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp ký ngày 11/9/2024, sau khi thực hiện các biện pháp cấm nhập khẩu tạm thời đối với mặt hàng nội tạng và thịt lợn đông lạnh (mã HS: 0206.41.00 và 0206.49.00) từ ngày 12/1/2024 tới nay, ngành chăn nuôi của nước này đã tránh được tác động do lượng hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài; việc nhập khẩu gan lợn đông lạnh, nội tạng và thịt lợn đông lạnh đã đe dọa và có thể gây thiệt hại tới ngành chăn nuôi lợn; lệnh cấm nhập khẩu tạm thời không áp dụng đối với các dự án đầu tư đủ điều kiện nhập khẩu các mặt hàng trên để làm đầu vào sản xuất xuất khẩu.

Quyết định này được đưa ra sau khi những người chăn nuôi gia súc ở Campuchia phàn nàn về giá cả giảm và không thể cạnh tranh với thịt nhập khẩu, buộc một số chủ trang trại phải từ bỏ nguồn cung cấp thịt trong nước vì lo ngại về tình trạng nhập khẩu thịt đông lạnh bất hợp pháp.

Theo thông báo từ Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt Campuchia, để tăng cường công tác quản lý nhập khẩu thịt đông lạnh, Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt Campuchia sẽ lập danh sách và chỉ cấp phép cho các công ty được đủ điều kiện nhập khẩu thịt đông lạnh khi đáp ứng đủ các điều kiện về giấy phép, kho bảo quản.

Các quy định mới cũng quy định rằng, kể từ năm 2024 các công ty nhập khẩu thịt đủ điều kiện phải nêu rõ mục tiêu kinh doanh của mình với cơ quan có thẩm quyền, chứng minh rằng họ có đủ phương tiện bảo quản lạnh để bảo quản thịt đông lạnh trong thời gian giao dịch hoặc đã ký hợp đồng thuê kho lạnh. Các quy định mới này được đưa ra với mục đích tránh bất kỳ ai nhập khẩu thịt nhưng không có cơ sở hạ tầng để dự trữ, gây nguy cơ làm hỏng, biến chất sản phẩm.

Tính đến tháng 10 năm 2024, chỉ 40 công ty được công nhận đủ điều kiện nhập khẩu sản phẩm thịt đông lạnh tại Cửa khẩu quốc tế Sihanoukville, Cảng quốc tế Phnom Penh, Cửa khẩu quốc tế Poipet, Quốc tế Bavet và cửa khẩu sân bay quốc tế.

Kể từ ngày 13/3/2025, khi các quy định cấm nhập khẩu hết thời hạn hiệu lực, việc nhập khẩu được trở lại bình thường cho đến khi có quy định mới.

29. QUY ĐỊNH KIỂM SOÁT THƯƠNG MẠI

Campuchia hiện không có cơ quan chuyên trách về việc quản lý các mặt hàng chiến lược mà được đặt dưới sự giám sát, quản lý chặt chẽ từ tất cả các cơ quan Chính phủ.

Tùy thuộc vào loại mặt hàng chiến lược thuộc trách nhiệm của bộ nào thì bộ đó chịu trách nhiệm cấp phép, quản lý và phải báo cáo Chính phủ cho phép xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật Campuchia.

Ví dụ: Đối với vũ khí và đạn dược, xin phép quản lý xuất nhập khẩu tại Bộ Quốc phòng; đối với các loại gỗ quý quản lý cấp phép của Bộ Nông, Lâm và Thủy sản, Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan Campuchia... Tất cả các mặt hàng chiến lược của Campuchia được quy định nằm trong danh mục hàng hóa bị cấm xuất khẩu, hạn chế xuất nhập khẩu.

Hàng hóa bị cấm và hạn chế hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu phải tuân theo một số điều kiện nhất định cho bất kỳ mục đích nào sau đây:

- ✓ Bảo vệ an ninh quốc gia;

- ✓ Bảo vệ trật tự công cộng và các tiêu chuẩn về sự đứng đắn và đạo đức; Bảo vệ tính mạng hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;
- ✓ Bảo vệ các báu vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử hoặc khảo cổ học;
- ✓ Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành Vương quốc Campuchia và thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc.

Ngoài ra, một số hàng hóa cần có giấy phép/giấy chứng nhận có liên quan do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và đã có trước khi nộp đơn xin giấy phép hải quan thì mới được xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Vương quốc Campuchia.

Do vậy, khung pháp lý kiểm soát thương mại chiến lược của Campuchia gồm: Quy định danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, hạn chế hàng hóa xuất, nhập khẩu (do Chính phủ quy định); yêu cầu vệ sinh và kiểm dịch thực vật (do Bộ Nông, Lâm và Thủy sản quản lý); yêu cầu kỹ thuật (Đối với một số loại sản phẩm nhất định, có thể cần phải có giấy phép chứng nhận rằng sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định; Các quy định kỹ thuật do Bộ Công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật và đổi mới; Tờ khai hải quan (hệ thống quản lý hải quan tự động ASYCUDA World do Tổng cục Hải quan); Giấy chứng nhận xuất xứ (do Bộ Thương mại cấp)...

30. DANH MỤC HÀNG HÓA KIỂM SOÁT, QUY TRÌNH CẤP PHÉP

Nghị định số 17/ANKr.BK ngày 20/2/2020 của Chính phủ Hoàng gia Campuchia quy định danh mục hàng hóa bị cấm và hạn chế xuất nhập khẩu và các mặt hàng yêu cầu giấy phép cần thiết cho việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu từ các cơ quan phụ trách, cụ thể gồm các nhóm hàng:

- ✓ Vũ khí và đạn dược và các bộ phận và phụ kiện của chúng;
- ✓ Ma túy bất hợp pháp và các chất hướng thần khác;

- ✓ Tác phẩm nghệ thuật văn hóa: các tác phẩm sưu tầm văn hóa và đồ cổ văn hóa;
- ✓ Lâm sản và sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ: gỗ thô (tròn); gỗ xẻ thô và thô; gỗ vuông có chiều rộng hơn 25cm ngay cả khi đã được làm nhẵn; dầu *Dyxsylum Lorreiri*; cây nho vàng, bột cây nho vàng; củi các loại, ngay cả khi bó lại và than củi;
- ✓ Chất cô đặc;
- ✓ Động vật và thực vật là biểu tượng của Vương quốc Campuchia: Động vật bốn chân (*Bos Sauveli*); chim (*Pseudibis gigantea*); bò sát (*Batagur baska*); cá (*Catkarou Siamensis*); thực vật (*Borassus Flabellifer*); hoa (*Mitrella Mesnyi*); quả chuối (*Musa Aromatica*)...

Chương III

NGOẠI THƯƠNG CAMPUCHIA

1. BỐI CẢNH CHUNG NỀN KINH TẾ VÀ NGOẠI THƯƠNG

Theo báo cáo tóm tắt ngân sách cho năm tài chính 2025 do Bộ Kinh tế và Tài chính (MEF) công bố ngày 17/01/2024, nền kinh tế Campuchia dự kiến tăng trưởng 6,3% vào năm 2025.

Mức tăng trưởng dự kiến sẽ làm tăng GDP với giá trị khoảng 209.163 tỷ Riel, tương đương khoảng 51,39 tỷ USD. Với mức tăng dự kiến trên, GDP bình quân đầu người tại Campuchia năm 2025 dự kiến sẽ đạt 2.924USD. Cũng theo dự báo, tăng trưởng kinh tế của Campuchia năm 2025 chủ yếu sẽ được hỗ trợ bởi các lĩnh vực chính như công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

Báo cáo nêu rõ rằng, ngành công nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức khoảng 8,6% vào năm 2025, được hỗ trợ bởi sự cân bằng giữa các phân ngành may mặc và phi may mặc, trong khi phân ngành xây dựng dự kiến sẽ tăng trưởng chậm hơn so với mức trước Covid-19.

Báo cáo cho biết, ngành dịch vụ dự kiến tăng trưởng 5,6% vào năm 2025, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng liên tục của các phân ngành dịch vụ khách sạn, thực phẩm và các dịch vụ hỗ trợ khác, trong khi phân ngành bất động sản dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm hơn.

Báo cáo cho biết thêm rằng, ngành nông nghiệp dự kiến tăng trưởng 1,1% vào năm 2025, được thúc đẩy bởi kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ của các phân ngành trồng trọt và chăn nuôi và sự phục hồi dần dần của phân ngành thủy sản.

Báo cáo cũng nêu rõ tỷ lệ lạm phát trung bình năm 2025 dự kiến sẽ được duy trì ổn định, vào khoảng 2,5%, chủ yếu là do hoạt động kinh tế trong nước bền vững và tình hình thị trường trong nước, cũng như giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế tương đối ổn định.

Tổng dự trữ ngoại tệ dự kiến khoảng 24,42 tỷ USD vào năm 2025, được cho là tạm đủ để cân đối trang trải nguồn cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa và ổn định thị trường.

Một đánh giá khác cho thấy, nền kinh tế Campuchia dự kiến sẽ tăng trưởng khoảng 6,3% vào năm 2025, chủ yếu được hỗ trợ bởi động lực liên tục trong các ngành hướng đến xuất khẩu, đặc biệt là ngành may mặc. Lạm phát tại Campuchia năm 2025 dự kiến sẽ ở mức 2,5%.

Tuy nhiên, dự báo của Ngân hàng Thế giới về kinh tế Campuchia có đối chọi khác biệt với tăng trưởng GDP của Campuchia dự kiến đạt 5,5 % cả năm 2025 và 2026.

Dự báo này được đưa ra trong Báo cáo “Cập nhật kinh tế Campuchia: Từ phục hồi đến khả năng phục hồi – Khai thác du lịch và thương mại làm động lực tăng trưởng” do Ngân hàng Thế giới công bố vào tháng 12/2024. Campuchia có thể thúc đẩy tăng trưởng hơn nữa bằng cách đa dạng hóa thương mại và cải thiện năng suất, Tania Meyer, Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Campuchia cho biết.

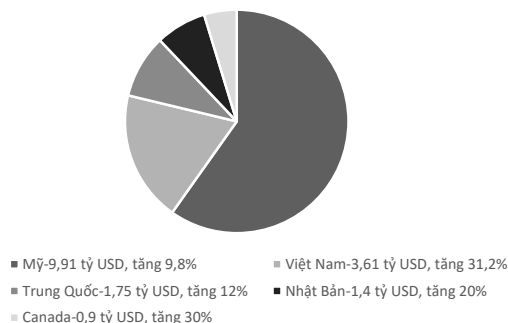
2. ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI CHÍNH

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu Campuchia, năm 2024, kim ngạch xuất nhập khẩu của Campuchia với các nước đạt xấp xỉ 55 tỷ USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 28,5 tỷ USD, tăng 16% so với 18,59 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 26,5 tỷ USD, tăng 16,5% so với 20,07 tỷ USD.

Theo thống kê của Campuchia (thấp hơn khoảng 30% so với thống kê của một số nước), Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn nhất đối với các sản phẩm của Campuchia với tổng kim ngạch xuất khẩu là 9,91 tỷ USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước, tiếp theo là Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản với kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 3,61 tỷ USD, 1,75 tỷ USD và 1,4 tỷ USD. Nhật Bản là thị trường lớn thứ 4 của Campuchia, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1.4 tỷ USD, tăng 20% và kim ngạch nhập khẩu đạt 600 triệu USD, tăng 15.6%.

Canada là thị trường lớn thứ 5 với kim ngạch xuất khẩu vượt 900 triệu USD, tăng gần 30% và kim ngạch xuất khẩu đạt 48 triệu USD, giảm hơn 10%.

Đối tác xuất khẩu chính của Campuchia năm 2024 (theo Thống kê Campuchia)



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Các sản phẩm xuất khẩu chính của Campuchia là hàng may mặc, máy móc, thiết bị điện, giày dép, đồ da, ngũ cốc, đồ nội thất, cao su, trái cây, rau quả, ngọc trai, đồ chơi và hàng dệt may...

Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Campuchia, tiếp sau là Mỹ, Việt Nam, Thái Lan và Nhật Bản.

Campuchia đã xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc với giá trị 3 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, Campuchia chỉ khoảng 12 tỷ USD để nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia này, tăng 25% so với năm 2023.

Theo Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt, kim ngạch thương mại của Campuchia với các nước tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đạt 28 tỷ USD trong năm 2024, tăng 18 % so với cùng kỳ 2023; trong đó, Campuchia xuất khẩu sản phẩm trị giá 8 tỷ USD sang các nước RCEP, tăng 17%, nhập khẩu hàng hóa trị giá 21 tỷ USD từ các nước RCEP, tăng 17,3%.

Theo báo cáo của Bộ Thương mại, kim ngạch thương mại của Campuchia với các nước thành viên Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đạt 16,47 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2025, tăng 16,3% so với mức 14,17 tỷ USD cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu của Campuchia đạt 4,3 tỷ USD, tăng 8% từ mức 3,97 tỷ USD; kim ngạch nhập khẩu đạt 12,17 tỷ USD, tăng 19,4% so với mức 10,2 tỷ USD cùng kỳ năm 2024.

Cũng theo báo cáo của Bộ Thương mại Campuchia, 5 đối tác thương mại hàng đầu của nước này trong RCEP là Trung Quốc (7,6 tỷ USD, tăng 27,5%), Việt Nam (3,8 tỷ USD, tăng 8%), Thái Lan (1,9 tỷ USD, tăng 8,3%), Nhật Bản (1 tỷ USD, tăng 28%) và Indonesia (469 triệu USD, giảm 2,2%).

Theo báo cáo chính thức từ Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu, cũng trong thời gian trên, kim ngạch thương mại của Campuchia với các nước đạt 30,57 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu của Campuchia đạt 14,29 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, và nhập khẩu đạt 16,28 tỷ USD, tăng 18%.

Báo cáo cho biết, năm đối tác thương mại hàng đầu của quốc gia Đông Nam Á này là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam, Thái Lan và Nhật Bản.

Campuchia chủ yếu xuất khẩu hàng may mặc, giày dép và các sản phẩm du lịch, xe đạp, cao su khô, gạo xay sát, chuối, hạt điều, xoài và nhãn; nhập khẩu nguyên liệu thô cho hàng may mặc, giày dép và các sản phẩm du lịch, xăng dầu, vật liệu xây dựng, ô tô và xe máy, sản phẩm điện tử, hàng tiêu dùng, dược phẩm và mỹ phẩm, cùng nhiều mặt hàng khác.

Campuchia đạt doanh thu xuất khẩu hơn 2,87 tỷ USD từ các sản phẩm nông nghiệp trong sáu tháng đầu năm 2025, với khối lượng hơn 7,8 triệu tấn nông sản, tăng 27,66% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Campuchia xuất khẩu hơn 4,2 triệu tấn nông sản ngoài gạo, hơn 3,1 triệu tấn lúa và hơn 380.000 tấn gạo xay sát trong nửa đầu năm 2025.

Trong 06 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Campuchia đạt 2,87 tỷ USD, trong đó xuất khẩu ngoài gạo chiếm hơn 1,926 tỷ USD, xuất khẩu thóc đạt hơn 638 triệu USD và xuất khẩu gạo xay sát đạt hơn 307 triệu USD.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su và gỗ cao su của Campuchia đạt khoảng 150 triệu USD, tăng 19,74% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể, doanh thu từ xuất khẩu cao su đạt 148,1 triệu USD và gỗ cao su đạt 1,69 triệu USD. Mặc dù doanh thu tăng, sản lượng cao su xuất khẩu lại giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 76.467 tấn.

RCEP góp phần thúc đẩy tăng trưởng thương mại của Campuchia với các nước và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Nhật Bản và Singapore được xác định là 05 đối tác thương mại hàng đầu của Campuchia trong khuôn khổ RCEP.

Điều này cho thấy, các nước khu vực RCEP đang trở thành đối tác thương mại ngày càng quan trọng đối với Campuchia và RCEP là động lực thúc đẩy tăng trưởng thương mại của nước này, bất chấp chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và nhu cầu toàn cầu suy yếu. RCEP đã tạo động lực thúc đẩy hợp tác thương mại khu vực, mang lại lợi ích to lớn cho tất cả các nước thành viên”.

RCEP đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Campuchia bằng cách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và tạo ra các cơ hội kinh doanh mới.

Sự gia tăng xuất khẩu hàng hóa của Campuchia sang thị trường các nước thành viên RCEP cho thấy nhu cầu của thị trường khu vực RCEP đối với các hàng hóa và sản phẩm đến từ Campuchia, cũng như niềm tin và sự lạc quan về triển vọng xu hướng tích cực này sẽ tiếp tục, mang lại lợi ích cho sự phát triển kinh tế và thịnh vượng của Campuchia.

Vào đầu tháng 7/2025, Campuchia đã chính thức được Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) cấp phép xuất khẩu sầu riêng tươi trực tiếp sang thị trường Trung Quốc, sau khi ký kết Nghị định thư vào tháng 4/2025. Quyết định này được đưa ra sau khi GACC đánh giá và phê duyệt đơn đăng ký của 122 trang trại sầu riêng và 30 cơ sở đóng gói đáp ứng các tiêu chuẩn Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP), kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của Trung Quốc.

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia (MAFF) đã kêu gọi tất cả chủ sở hữu các trang trại và cơ sở đóng gói được phê duyệt tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu của Nghị định thư, bao gồm việc không sử dụng các chất độc hại, thuốc trừ sâu và hóa chất bị cấm. Ngoài ra, Bộ cũng kêu gọi các trang trại và cơ sở đóng gói khác có nhu cầu xuất khẩu sầu riêng nhanh chóng nộp đơn đăng ký với Tổng cục Nông nghiệp để được đánh giá.

3.CHỦ TRƯỞNG NÂNG CAO HỘI NHẬP, THÚC ĐẨY NGOẠI THƯƠNG

Chủ trương hội nhập kinh tế thế giới của Campuchia được thể hiện qua quan điểm của lãnh đạo nước này khi Thủ tướng Hun Manet đã cho biết Campuchia cũng đang theo đuổi các hiệp định thương mại tự do với nhiều quốc gia, kêu gọi các bên liên quan và nhà sản xuất duy trì năng lực, chất lượng và lòng tin.

Thủ tướng Campuchia cũng đặt mục tiêu chuyển đổi nền kinh tế Campuchia từ việc dựa vào xuất khẩu nguyên liệu thô sang sản xuất các sản phẩm bán thành phẩm và thành phẩm để cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu, với mục tiêu cùng cùng nhằm nâng cao sinh kế của người dân Campuchia.

Quan hệ hợp tác thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia duy trì đà tăng trưởng trong thời gian qua. Việt Nam sẽ vẫn là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Campuchia. Mặc dù có những biến động bất lợi trên thị trường quốc tế, kim ngạch xuất khẩu giữa Việt Nam với Campuchia vẫn đạt những kết quả khả quan.

Hai nước còn nhiều tiềm năng để tiếp tục thúc đẩy hợp tác trong những lĩnh vực cụ thể như sản xuất hàng tiêu dùng, năng lượng, khai thác khoáng sản, chế biến và nuôi trồng nông, lâm thủy sản, logistics, viễn thông...

Theo báo cáo của Tổng cục Cao su, Campuchia đã xuất khẩu 350 ngàn tấn cao su, tăng 2,6% về lượng và thu được hơn 500 triệu USD, tăng 22,5 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá bán một tấn mủ cao su là 1.621USD cao hơn 264USD so với cùng kỳ năm ngoái. Các điểm đến xuất khẩu cao su của Campuchia chủ yếu là Malaysia, Việt Nam, Singapore và Trung Quốc.

4. TRAO ĐỔI NGOẠI THƯƠNG

Theo báo cáo từ Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt Campuchia (GDCE), năm 2024 Campuchia đã xuất khẩu hàng hóa trị giá khoảng 26,19 tỷ USD, tăng 15,7% so với mức 22,64 tỷ USD vào năm 2023.

Ở chiều ngược lại, Campuchia nhập khẩu 28,54 tỷ USD hàng hóa từ các đối tác thương mại, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch thương mại của Campuchia đạt hơn 54,74 tỷ USD, tăng 16% so với mức 46,82 tỷ USD của năm 2023.

Các sản phẩm xuất khẩu chính của Vương quốc là hàng may mặc, máy móc, thiết bị điện, giày dép, đồ da, ngũ cốc, đồ nội thất, cao su, trái cây, rau quả, ngọc trai, đồ chơi, hàng dệt may...

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Campuchia bao gồm thuốc men và thực phẩm bổ sung, hàng tiêu dùng, thực phẩm, đồ uống...

Kim ngạch ngoại thương Campuchia giai đoạn 2020 - 2024

Đơn vị: Tỷ USD

KN	2020	2021	2022	2023	2024	6T/2025	Ghi chú
XK	17,2	16,9	16,8	22,64	26,19	14,29 - tăng 16% so với cùng kỳ	
NK	18,6	25,2	16,4	24,18	28,54	16,28 - tăng 18% so với cùng kỳ	

Nguồn: Nghiên cứu

5. THÔNG TIN KHÁI QUÁT MỘT SỐ NGÀNH HÀNG

a) Thương mại gạo

Xuất khẩu gạo của Campuchia: Theo báo cáo của Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã thu được hơn 1,8 tỷ USD từ xuất khẩu thóc và gạo thành phẩm trong năm 2024; trong đó, xuất khẩu 650 ngàn tấn gạo sang 66 quốc gia và vùng lãnh thổ. 26 quốc gia trong Liên minh châu Âu và các nước ASEAN là các đối tác mua hàng quan trọng của Campuchia. Trung Quốc mua từ Campuchia khoảng 150 ngàn tấn gạo.

Các thị trường còn lại gồm châu Phi, Trung Đông, Mỹ, Canada, Australia, New Zealand... cũng nhập khẩu một lượng nhất định giúp cho đầu ra gạo Campuchia trở nên đa dạng hơn so với các thời kỳ trước đây.

Các loại gạo xuất khẩu của Campuchia bao gồm 73,21% gạo thơm, 21,71% gạo trắng, 1,74% gạo hữu cơ và 3,34% gạo khác. Ngoài gạo đã xay

xát, Campuchia cũng xuất khẩu hơn 4 triệu tấn thóc ra thế giới, thu về hơn 1,3 tỷ USD.

Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã thu được 187 triệu USD từ xuất khẩu lúa và gạo xay trong tháng đầu tiên của năm 2025. Trong đó, Campuchia đã xuất khẩu 59.086 tấn gạo, thu về 48 triệu USD.

Hơn 36.714 tấn đã được xuất khẩu sang Liên minh châu Âu, thu về 29,79 triệu USD, 3.772 tấn sang Trung Quốc trị giá 2,56 triệu USD, 9.413 tấn sang bốn quốc gia ASEAN trị giá 7,31 triệu USD và 9.187 tấn sang các điểm đến khác với tổng doanh thu là 8,37 triệu USD.

Gạo Campuchia được xuất khẩu sang 45 điểm đến thông qua 39 nhà xuất khẩu, các loại gạo xuất khẩu bao gồm gạo thơm, gạo hữu cơ, gạo trắng, gạo đỏ và gạo japonica.

Campuchia cũng thu được 139 triệu USD từ việc xuất khẩu 619.489 tấn lúa sang các nước láng giềng.

Năm ngoái, Campuchia đã xuất khẩu 651.522 tấn gạo xay xát, tạo ra tổng doanh thu 491 triệu USD. Ngoài ra, Campuchia cũng thu được 1,496 tỷ USD từ việc xuất khẩu 5,1 triệu tấn lúa vào năm ngoái. Liên đoàn Lúa gạo Campuchia đặt ra mục tiêu xuất khẩu ít nhất một triệu tấn gạo xay xát vào năm 2025.

Vào đầu năm 2025, Thủ tướng Hun Manet cho biết Chính phủ quan tâm đến mối quan tâm của nông dân và luôn ủng hộ giải quyết mọi vấn đề của nông dân.

Để giải quyết mối quan tâm ngày càng tăng của nông dân trên khắp Vương quốc về việc giá gạo giảm, Chính phủ Campuchia đã tăng khoản phân bổ lên 150 triệu USD cho các nhà xay xát gạo để mua lúa từ nông dân, ông cho biết.

Thủ tướng cũng khuyến khích CRF tăng cường hơn nữa sự hợp tác với các bộ và tổ chức chính phủ có liên quan để thúc đẩy xuất khẩu trực tiếp sang các thị trường quốc tế có giá trị gia tăng cao hơn.

b) Muối

Báo cáo của Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới cho thấy, các tỉnh Kampot và Kep đã sản xuất 81.154 tấn muối vào năm 2023, tăng 148,9% so với 32.900 tấn vào năm 2022.

Trong tổng sản lượng muối của hai tỉnh năm 2023, có 64.732 tấn đã bán hết. Hiện nay, Campuchia có 3.987ha ruộng muối, trong đó 3.489ha thuộc tỉnh Kampot và phần còn lại thuộc tỉnh Kep với tổng số 191 nhóm nông dân làm muối.

Thủ tướng Campuchia Hun Manet đã chỉ đạo Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới duy trì sự tập trung thận trọng vào việc tăng cường quản lý và bảo tồn các cánh đồng muối ở tỉnh Kampot và Kep, vốn là di sản nhiều đời tại Campuchia.

Theo Bộ Công nghiệp, một nhóm công tác đang làm việc để lập bản đồ ruộng muối để bảo vệ và việc thành lập một hiệp hội có chức năng quản lý việc sản xuất muối đang được tiến hành.

Trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều, sản lượng muối sụt giảm, buộc Campuchia phải nhập khẩu muối từ nước ngoài để cung cấp cho thị trường trong nước. Muối hiện có giá từ 10.000 Riels (2,5USD) đến 12.000 Riels (3USD) mỗi bao 50kg.

Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới cho biết, Campuchia cần từ 700.000 đến 100.000 tấn muối mỗi năm để đáp ứng nhu cầu trong nước. Ngoài muối nội, các tỉnh giáp Thái Lan, Việt Nam cũng nhập muối về bán. Năm 2014, 2015 và 2016, Campuchia thu hoạch hơn 100.000 tấn muối mỗi năm. Tuy nhiên, sản lượng đã giảm liên tục kể từ năm 2017, phần lớn do thời tiết không thuận lợi, mưa lớn.

Đời sống của diêm dân nói chung ở các quốc gia có ngành muối, trong đó có Campuchia, dù khó khăn nhưng cũng dần được cải thiện. Đây là nghề vất vả, cực nhọc, nhưng quan trọng đối với đời sống và một số ngành sản xuất khác.

c) Cao su

Campuchia thu được 919 triệu USD từ xuất khẩu cao su và các mặt hàng cao su vào năm 2023, tăng trưởng 69,6% so với năm trước. Trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu giảm, Campuchia thu được 121 triệu USD từ xuất khẩu các mặt hàng cao su trong các tháng đầu năm 2024, tăng 123,5% so với cùng kỳ, theo dữ liệu thương mại mới nhất của Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (GDCE).

Cả năm 2024, Campuchia thu về 666,2 triệu USD từ xuất khẩu latex cao su, tăng 35,4% so với mức 492 triệu USD của năm 2023. Mỗi tấn latex cao su có giá bình quân 1971USD năm 2024, cao hơn khoảng 634USD so với cùng kỳ năm 2023.

Cho đến nay, Campuchia có khoảng 426 ngàn hecta cao su, trong đó khoảng 330 ngàn hecta có thể khai thác do đã đủ tuổi khai thác.

Dữ liệu chỉ ra rằng, xu hướng tăng xuất khẩu cao su của Campuchia bắt đầu từ nửa cuối năm 2022, tiếp tục trong cả năm ngoái và kéo dài đến tháng 1 năm nay. Campuchia thu được 919 triệu USD từ xuất khẩu cao su và các sản phẩm từ cao su vào năm 2023, ghi nhận mức tăng trưởng 69,6% so với năm trước. Thị trường chủ yếu bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Singapore, Ấn Độ và EU.

Trong khi đó, theo Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) có trụ sở tại Kuala Lumpur, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đã tăng 9,1% trong tháng 12 năm 2024, đạt 1,5 triệu tấn. Heng Guan, Tổng Thư ký ANRPC cho biết, nhu cầu về cao su tự nhiên đã giảm 3,2%, đạt tổng cộng 1,2 triệu tấn.

Thái Lan là nước sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất năm 2024, tiếp theo là Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và Campuchia. Trung Quốc tiếp tục là nước tiêu thụ cao su tự nhiên lớn nhất, tiếp theo là Ấn Độ, Thái Lan và Malaysia.

Thị trường cao su tự nhiên toàn cầu đạt khoảng 15 triệu tấn, trong khi mức tiêu thụ vào khoảng 14,8 triệu tấn.

Theo các chuyên gia, thị trường cao su thiên nhiên tiếp tục phải đối mặt với những trở ngại lớn về kinh tế, đặc biệt do tốc độ tăng trưởng kém hơn dự kiến của nền kinh tế Trung Quốc từ quý II/2024. Trung Quốc là nước sản xuất lốp xe lớn nhất thế giới.

Thêm vào đó là những tác động của các cuộc chiến tranh Nga - Ukraine và Israel - Hamas kéo dài và chi phí vay cao do tăng lãi suất. Hậu quả là giá cao su trên thị trường quốc tế đã giảm hơn 15% trong năm 2023 so với cùng kỳ.

Trên thực tế, trong năm 2023 giá cao su trung bình ở Campuchia chỉ là 1.327 USD/tấn, giảm 230USD/tấn so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024, giá cao su có chuyển biến tốt hơn là điều kiện tốt và lợi thế cho ngành cao su Campuchia và các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực.

d) Hạt điều

Với sự quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ và khu vực tư nhân nhằm tăng cường chế biến và thúc đẩy xuất khẩu, Campuchia đang nỗ lực trở thành nước sản xuất hạt điều hàng đầu thế giới vào năm 2030.

Chính phủ Campuchia cũng dự kiến kế hoạch thành lập khu công nghiệp chế biến điều đầu tiên, một phần trong nỗ lực phát triển công nghiệp chế biến nói chung tại Campuchia.

Khu chế biến điều dự kiến được triển khai tại tỉnh Kampong Thom với tổng diện tích khoảng 600 héc-ta, cách thành phố Stung Sen, thủ phủ của tỉnh khoảng 13km. Đây là tỉnh có diện tích canh tác điều lớn nhất Campuchia.

Năm 2024, tổng sản lượng điều theo thống kê chính thức của Campuchia đạt 850.000 tấn, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu đạt 815.000 tấn, tăng 31%, trong đó Việt Nam vẫn là thị trường chính với 793.453 tấn.

Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Campuchia trong năm 2024 đạt mức 1.110USD/tấn, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, giá bình quân xuất khẩu hạt điều sang Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan giảm.

Ngược lại, giá bình quân xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc tăng 10,6%, lên mức 1.695USD/tấn; sang thị trường Đài Loan tăng 12,4%, lên mức 1.404USD/tấn.

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) và Bộ Thương mại (MoC) đã cùng soạn thảo Chính sách ngành điều quốc gia giai đoạn 2022 - 2027, nhằm mục đích tăng năng lực chế biến điều của Campuchia từ mức 5% hiện nay lên 25% vào năm 2027 và lên 50% vào năm 2032.

Theo MAFF, Campuchia hiện xuất khẩu khoảng 95% hạt điều thô, phần lớn được xuất khẩu sang Việt Nam.

e) Nông sản khác

Nông sản xuất khẩu chủ lực của Campuchia gồm lúa, gạo, sản tươi, xoài tươi và hạt điều sơ chế. Ngoài gạo, Campuchia xuất khẩu mỗi năm gần 10 triệu tấn nông sản các loại.

Sản tươi là mặt hàng gia tăng xuất khẩu mạnh mẽ trong những năm qua, nhất là năm 2024 với sản lượng mỗi năm dao động từ 2-3 triệu tấn.

Năm 2023, Campuchia xuất khẩu gần 8,45 triệu tấn nông sản (4,3 tỷ USD) sang khoảng 75 quốc gia và khu vực, trong đó Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan là những thị trường chính.

Đầu năm 2024, Thủ tướng Campuchia Hun Manet công bố thực hiện chính sách chiến lược mới để phát triển nông nghiệp. Chính phủ đặt mục tiêu đưa Campuchia trở thành một trong 10 quốc gia sản xuất nông nghiệp hàng đầu thế giới, đồng thời góp phần vào những nỗ lực lớn hơn nhằm trở thành nền kinh tế có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và quốc gia có thu nhập cao vào năm 2050.

Nông nghiệp và nông sản vẫn là lĩnh vực có đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân Campuchia trong nhiều năm qua.

f) Dệt may

Dệt may là ngành có đóng góp lớn cho Campuchia cả ở góc độ kinh tế và an sinh xã hội, với lực lượng lao động hơn 700 ngàn người, tạo ra xấp xỉ 7 tỷ USD mỗi năm, trong đó, thị trường EU chiếm 45% giá trị xuất khẩu.

Con số này bị thu nhỏ sau khi EU bắt đầu quá trình áp dụng thuế quan mới vào tháng 8/2020. Việc áp thuế trở lại dẫn đến hậu quả tài chính mà ít doanh nghiệp quốc tế nào sẵn sàng chấp nhận, có những doanh nghiệp dệt may gặp khó khăn.

Campuchia cũng phải đối mặt với việc phụ thuộc hoàn toàn vào vải nhập khẩu, hơn 60% là từ Trung Quốc.

Sau vài năm khó khăn, ngành này tại Campuchia dần ổn định trở lại, mặc dù trên thực tế vẫn gặp không ít áp lực cạnh tranh từ các nước xuất khẩu dệt may khu vực và thế giới.

Mặc dù chủ yếu là các đơn hàng gia công, ngành dệt may Campuchia vẫn là lĩnh vực có đóng góp lớn, tạo công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.

g) Khai khoáng và khoáng sản

Chính phủ Campuchia khuyến khích các nhà đầu tư đưa vốn vào ngành dầu mỏ và khí đốt, cũng như giúp quản lý hiệu quả các tác động môi trường từ ngành khai mỏ và nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản để đảm bảo sự minh bạch, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo.

Các nghiên cứu địa chất khoáng do các kỹ sư người Pháp và Trung Quốc tiến hành vào thế kỷ 19 cho thấy, Campuchia có các loại tài nguyên khoáng sản là dầu mỏ và khí đốt, đồng, vàng, kẽm, chì, thiếc, bauxite, quặng sắt...

Theo Bộ Công nghiệp, Khai mỏ và Năng lượng Campuchia, hiện có khoảng 60 công ty khai khoáng lớn nhỏ đến từ Australia, Trung Quốc, Hàn Quốc và doanh nghiệp bản địa đang tiến hành các nghiên cứu khả thi và thăm dò khoáng sản tại một số khu vực.

Những năm gần đây, hoạt động thăm dò khai thác vàng được đẩy mạnh tại Campuchia, với một số mỏ quy mô vừa và nhỏ được các công ty của Úc, Canada triển khai đánh giá trữ lượng và khai thác thương mại.

Trong đó, có mỏ đánh giá trữ lượng cho thấy có thể sản xuất khoảng 3 tấn vàng mỗi năm trong vòng 8 năm, hy vọng có thể mở rộng khai

thác và đạt được sản lượng cao hơn. Các mỏ vàng nếu được khai thác sẽ mang lại nguồn thu khoảng 185 triệu USD mỗi năm, trong đó thu nộp ngân sách quốc gia được khoảng 40 triệu USD mỗi năm.

Việc khai thác thành công một số mỏ vàng vừa qua tại Campuchia khẳng định hướng đi đúng đắn của Chính phủ trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên dưới lòng đất nhằm phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

h) Công nghiệp

Công nghiệp là lĩnh vực Chính phủ Hoàng gia Campuchia nhiệm kỳ 7 đang quan tâm thúc đẩy và sẽ tiếp tục tăng cường trong những năm tới đây. Tăng trưởng công nghiệp của Campuchia trong những năm qua đạt mức bình quân hơn 8%/năm. Hiện nay, công nghiệp Campuchia đóng góp 32,8% GDP cả nước (2024).

Mức đóng góp của lĩnh vực công nghiệp trong cơ cấu GDP ngày càng tăng lên trong những năm gần đây và với chính sách của Chính phủ như hiện nay, các ngành công nghiệp Campuchia sẽ có khả năng ngày càng phát triển.

Định hướng phát triển công nghiệp là nhu cầu tất yếu trong quá trình hiện đại hóa và nhằm gia tăng giá trị thặng dư của các sản phẩm Campuchia, trong đó có các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến.

Các ngành du lịch, may mặc, xây dựng, bất động sản và nông nghiệp chiếm phần lớn mức tăng trưởng. Ngành khai thác khoáng sản cũng thu hút một số nhà đầu tư quan tâm như khai thác bauxite, vàng, sắt và đá quý.

Chính sách đối ngoại của Campuchia tập trung vào việc thiết lập quan hệ với các nước láng giềng như Thái Lan và Việt Nam, cũng như gia tăng hội nhập kinh tế thế giới như ASEAN và WTO. Campuchia tiếp tục thu hút các nhà đầu tư với lao động dồi dào, mức lương cạnh tranh và ưu đãi thuế.

Tiềm năng của công nghiệp chế biến tại Campuchia dự kiến có nhiều khả năng được khai thác, là cơ hội tốt cho những nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư và doanh nghiệp Việt Nam. Chế biến để làm gia tăng giá trị hàng nông sản, vừa phục vụ nhu cầu trong nước, vừa hướng tới xuất khẩu là hướng đi phù hợp tại Campuchia trong những năm tới đây.

Các ngành công nghiệp chính như may mặc, xây dựng, xay xát gạo, đánh bắt cá, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su, xi măng, khai thác đá quý, dệt may... đã cho thấy nhiều kết quả tích cực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của Campuchia cũng như đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.

i) Dịch vụ

Ngành dịch vụ nằm trong định hướng thúc đẩy phát triển của Chính phủ Campuchia. Hiện nay, đóng góp của dịch vụ vào tổng GDP đang ở mức khoảng 41,9% và sẽ tiếp tục xu hướng gia tăng trong những năm tới đây.

Các lĩnh vực dịch vụ chính có thể kể đến như tài chính ngân hàng, đầu tư, pháp chế, hậu cần, giao thông vận tải, chuyển phát, đóng hàng, tín dụng, tư vấn các loại, du lịch, kinh doanh một số lĩnh vực dịch vụ... đang được gia tăng tại Campuchia trong những năm gần đây.

Với cơ sở hạ tầng dịch vụ ngày càng được nâng cao, lĩnh vực dịch vụ hứa hẹn sẽ ngày càng có đóng góp lớn vào nền kinh tế và ngân sách Campuchia.

Đặc biệt, những lĩnh vực có liên quan đến thúc đẩy đầu tư sẽ có nhiều cơ hội phát triển tại Campuchia vì thu hút đầu tư hiện nay đang là định hướng chủ đạo, nhận được sự quan tâm của Đảng Nhân dân Campuchia - CPP, Thủ tướng và Chính phủ Hoàng gia Campuchia nhiệm kỳ 7.

6. MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ THAM KHẢO

Sau đây là một số chỉ số kinh tế vĩ mô của Campuchia giai đoạn 2020-2024, dự báo 2025 và 2026 để các quý độc giả tham khảo:

Năm	GDP theo sức mua (Tỷ USD)	GDP đầu người theo sức mua (USD)	Tăng trưởng GDP	Lạm phát	Ước tính nợ công/ %GDP
2020	73.6	4,695.1	-3.5%	2.9%	31.6%
2021	78.1	4,930.0	4.2%	3.1%	33.4%
2022	84.6	5,289.9	6.0%	2.8%	35.4%
2023	92.0	5,693.4	6.3%	2.1%	38.0%
2024	100.1	6,136.5	6.0%	2.0%	41.0%
2025	108.9	6,610.2	6.3%	2,5%	43.9%
2026	118.5	7,119.0	6.5%	3.0%	46.7%

Nguồn: Nghiên cứu

Chương IV

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

1. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CHUNG

Theo quy định của Hiến pháp, Campuchia thực hiện chính sách trung lập, không liên kết vĩnh viễn, không xâm lược hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác; đồng thời, chú trọng quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng và khu vực.

Campuchia tích cực thúc đẩy chính sách phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, du lịch, hội nhập quốc tế và khu vực. Campuchia là thành viên LHQ, Phòng trào không liên kết, thành viên thứ 10 của ASEAN (tháng 4/1999), thành viên chính thức thứ 148 của WTO (tháng 9/2003), gia nhập ASEM tại Hội nghị cấp cao ASEM 5 (tháng 10/2004) tại Hà Nội.

Campuchia cũng tham gia các khuôn khổ hợp tác khu vực khác như: Ủy hội Mekong quốc tế (MRC); Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS); Hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawadi - Chao Praya - Mekong (ACMECS); Hành lang Đông Tây (WEC)...

2. QUAN HỆ VỚI MỘT SỐ ĐỐI TÁC CHÍNH

a. Quan hệ với Trung Quốc

Hai bên đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Campuchia - Trung Quốc. Trung Quốc đã hỗ trợ, ủng hộ, cấp nhiều viện trợ cho Campuchia để phát triển kinh tế - xã hội. Campuchia khẳng định lập trường kiên định ủng hộ chính sách “Một Trung Quốc” và ủng hộ sáng kiến “Vành đai, con đường”, cũng như các sáng kiến toàn cầu khác do Trung Quốc đề xuất.

Trung Quốc tiếp tục là nhà đầu tư trực tiếp hàng đầu vào Campuchia với khoảng 400 dự án, tổng vốn đầu tư hơn 7,5 tỷ USD được Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) phê duyệt kể từ năm 2023 đến nay.

Từ tháng 9 năm 2023 đến hết năm 2024, CDC đã thẩm định và ủng hộ cho các dự án mới, ước tính sẽ tạo ra khoảng 370.000 việc làm. Trong

số các dự án đầu tư, 261 dự án nằm ngoài các khu kinh tế đặc biệt (SEZ) và 130 dự án nằm trong các SEZ. Tính riêng trong năm 2024, các doanh nghiệp Trung Quốc đã ký các thỏa thuận đầu tư tại Campuchia với trị giá hơn 3 tỷ USD.

Trung Quốc cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Campuchia. Trong năm 2024, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước xấp xỉ 13 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc đang tiếp tục thúc đẩy hợp tác với Campuchia để tăng cường hơn nữa hợp tác tài chính, khuyến khích các tổ chức tài chính của cả hai nước cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ hợp tác thương mại và đầu tư.

Không chỉ là đối tác thương mại hàng đầu, Trung Quốc còn là nhà đầu tư lớn tại Campuchia. Từ năm 2017 đến 2022, Trung Quốc đã đầu tư hơn 15,6 tỷ USD vào cơ sở hạ tầng như đường bộ/đường cao tốc, cảng và sân bay, đồng thời đầu tư thêm 11 tỷ USD vào lĩnh vực năng lượng của Campuchia, tổng chiếm hơn 50% tỷ trọng đầu tư của Trung Quốc vào quốc gia Đông Nam Á.

Các công ty Trung Quốc đang đầu tư tại Campuchia có thể xuất khẩu sản phẩm của họ đến khắp các thị trường ASEAN với hơn 620 triệu dân. Các công ty thuộc sở hữu nhà nước của Trung Quốc thường tập trung vào các nhà máy thủy điện và các nguồn lực thiên nhiên, những lĩnh vực đầu tư dễ được thông qua và bảo hộ. Còn các công ty tư nhân của Trung Quốc tập trung đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp dệt may, du lịch và xây dựng, trong đó có xây dựng hạ tầng.

Đầu tư của Trung Quốc vào lĩnh vực dệt may đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội thông qua việc tạo cơ hội việc làm cho hơn nửa triệu công nhân Campuchia. Các nhà máy dệt may ở Campuchia chủ yếu thực hiện các đơn hàng gia công.

Hiện có trên 30 dự án đầu tư của Trung Quốc liên quan đến nông nghiệp và công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp, với khoảng 237.406 hecta đất, trong đó có 21 dự án đang hoạt động với 173.904 hecta.

Cho đến nay, chỉ có khoảng 42.081 hecta được gieo trồng, trong đó chủ yếu là cao su. Ngoài ra, có 7 dự án xay xát lúa gạo của Trung Quốc với năng suất khoảng 669.816 tấn/năm.

Trung Quốc cũng đã đầu tư vào việc xây dựng đặc khu kinh tế ở thành phố cảng Sihanoukville. Đây là một đặc khu kinh tế đầu tiên Chính phủ Trung Quốc đầu tư tại khu vực châu Á, do hai công ty của Campuchia và Trung Quốc đồng quản lý dự án. Hiện có hơn 100 nhà máy và công ty Trung Quốc hoạt động tại đặc khu kinh tế này với số vốn trị giá khoảng 3 tỷ USD.

Kể từ khi ký kết Tuyên bố chung, cam kết xây dựng Cộng đồng chung vận mệnh Trung Quốc - Campuchia vào tháng 2/2023, Trung Quốc cũng cam kết hỗ trợ Campuchia xây dựng thị trường chất lượng cao, trình độ cao và tiêu chuẩn cao.

Theo đó, hai bên nhấn mạnh ủng hộ lẫn nhau trong các vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi. Hai bên cũng nhất trí xây dựng khuôn khổ hợp tác “Lục giác Kim cương”, trong đó nêu bật 6 lĩnh vực ưu tiên, gồm chính trị, năng lực sản xuất, nông nghiệp, năng lượng, an ninh và nhân văn.

Trung Quốc cam kết hỗ trợ Campuchia triển khai việc quy hoạch, thiết kế, nghiên cứu khả thi việc xây dựng đường sắt và xúc tiến xây dựng dự án này. Hai bên mong muốn sớm triển khai kết nối đường sắt của Campuchia với tuyến đường sắt Trung Quốc - Lào - Thái Lan.

Trung Quốc và Campuchia cam kết thúc đẩy phát triển thương mại song phương, triển khai hợp tác nông nghiệp kỹ thuật số và tích cực đẩy mạnh việc xuất khẩu nông sản chất lượng cao của Campuchia vào Trung Quốc.

Về mua bán gạo, Campuchia và Trung Quốc đã ký một thỏa thuận mới nhằm tăng hạn ngạch xuất khẩu gạo xay xát sang Trung Quốc lên 500.000 tấn, tăng 25% so với thỏa thuận hạn ngạch cũ là 400.000 tấn.

Do Trung Quốc là thị trường chính của gạo Campuchia, nên việc hạn ngạch được mở rộng sẽ thúc đẩy xuất khẩu gạo của Campuchia và tăng cường đáng kể ngành nông nghiệp nước này. Hạn ngạch đầu tiên, được thống nhất vào tháng 8 năm 2014, bao gồm 100.000 tấn.

Campuchia đã xuất khẩu xấp xỉ 650 ngàn tấn gạo xay xát năm 2024, cùng với xuất khẩu thóc và gạo nguyên liệu đưa tổng doanh thu lên xấp xỉ 1,5 tỷ USD, theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF). Trong đó, 55 công ty đã xuất khẩu gạo xay xát đến 67 quốc gia và khu vực, Trung Quốc vẫn là quốc gia nhập khẩu chính mặt hàng này từ Campuchia.

Gạo thơm Sen Kro Ob của Campuchia đã được trao giải gạo ngon nhất tại Giải thưởng đánh giá chất lượng hương vị Trung Quốc - ASEAN về các giống gạo Indica chất lượng cao.

Quan hệ kinh tế giữa Campuchia và Trung Quốc càng trở nên chặt chẽ sau khi hai bên ký thỏa thuận thương mại tự do (CCFTA) có hiệu lực từ tháng 01/2022.

b) Quan hệ với Canada

Campuchia và Canada thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1952. Kể từ đó đến nay, Canada trở thành đối tác quan trọng của Campuchia trên nhiều lĩnh vực hợp tác. Hiện nay, Canada là đối tác lớn thứ 10 về cung cấp nguồn vốn ODA cho Campuchia. Năm 2023, tổng vốn ODA từ Canada tới Campuchia đạt 23,1 triệu USD.

Bên cạnh đó, Canada cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ triển khai Công ước Chống bom mìn tại Campuchia, với tổng kinh phí cho các chương trình rà phá bom mìn tại Campuchia lên tới 50 triệu USD, tính đến nay.

Quan hệ kinh tế giữa hai nước cũng không ngừng được tăng cường và mở rộng. Canada hiện là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Campuchia. Campuchia xuất khẩu khoảng 2 tỷ USD mỗi năm sang quốc gia Bắc Mỹ này. Canada dự kiến nâng cấp Đại sứ quán tại Phnom Penh trong năm 2025.

Theo ông Chheng Kim long, Chủ tịch Viện Nghiên cứu Tầm nhìn Chiến lược châu Á (AVI), việc Canada có kế hoạch nâng cấp Đại sứ quán tại Phnom Penh cho thấy Chính phủ nước này gia tăng sự quan tâm phát triển quan hệ với Campuchia nói riêng và với Khu vực Đông Nam Á nói chung. Điều này cho thấy hai bên đang tăng cường niềm tin chính trị dành cho nhau.

Tăng cường quan hệ ngoại giao sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hai quốc gia mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực như kinh tế, thương mại, văn hóa, an ninh và nhiều lĩnh vực khác.

c) Quan hệ Campuchia với Mỹ

Quan hệ Campuchia-Mỹ ấm dần sau chuyến thăm Campuchia của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ (04/6/2024). Mỹ tái khẳng định tình hữu nghị lâu dài, và nhấn mạnh cam kết của Bộ Quốc phòng Mỹ và Lực lượng vũ trang Hoàng gia Campuchia về quan hệ đối tác quan trọng, tăng cường hợp tác quốc phòng nhằm duy trì vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững của hai nước cũng như của toàn khu vực.

Các chuyên gia dự báo, Campuchia sẽ thúc đẩy quan hệ với Mỹ. Mỹ hiện nay tiếp tục giữ vị trí là nước nhập khẩu nhiều nhất của Campuchia, nhất là với các sản phẩm hàng dệt may, giày dép.

Chính phủ Campuchia cũng đang đề nghị Mỹ tiếp tục gia hạn chương trình thuế quan. Phổ cập GSP để thúc đẩy các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Campuchia sang Mỹ.

Năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều Campuchia - Hoa Kỳ đạt 10,18 tỷ USD, trong đó Campuchia xuất khẩu 9,9 tỷ USD, nhập khẩu xấp xỉ 264,2 triệu USD.

Ngày 02/4/2025, Hoa Kỳ đưa ra mức thuế áp vào hàng xuất khẩu Campuchia lên tới 49%. Phía Campuchia cho rằng, trên thực tế mức thuế bình quân Campuchia áp lên hàng hóa xuất khẩu của Mỹ chỉ là 29,4% với mức thuế dao động từ 0% đến 35%. Chính phủ Campuchia cũng rất nhanh có thư gửi Tổng thống Hoa Kỳ vào ngày 4/4/2025 để nghị hoãn thời gian áp thuế để hai bên có thời gian đàm phán, theo đó phía Campuchia sẵn sàng giảm ngay thuế đối với 19 mặt hàng, nhóm mặt hàng xuất khẩu của Mỹ về mức 5%.

d. Quan hệ Campuchia với Pháp

Pháp cam kết ủng hộ phát triển lĩnh vực nước sạch ở Campuchia (18/9/2024). Ông Cyrille Bellier - Giám đốc Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) phụ trách khu vực châu Á, Trung Đông, Đông Âu đã tới thăm dự án xây

dựng Nhà máy sản xuất nước sạch Bak Kheng giai đoạn 3 để kiểm tra tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng nước sạch khá hiện đại này, đồng thời trao đổi về hợp tác với Campuchia.

Nhà máy sản xuất nước sạch Bak Kheng giai đoạn 3 được khởi công xây dựng vào tháng 4/2024 và dự kiến xây dựng trong vòng 36 tháng với tổng vốn khoảng 252 triệu USD, trong đó 210 triệu USD là vay ưu đãi từ AFD và 42 triệu USD là vốn đối ứng của Cơ quan nước Phnom Penh.

Châu Âu cũng đã phê duyệt cấp viện trợ không hoàn lại 12 triệu USD cho dự án này. Trong thảo luận song phương về đối tác chiến lược Campuchia-Pháp về phát triển lĩnh vực nước sạch, Bộ trưởng Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Campuchia đã biểu dương sự ủng hộ và phối hợp chặt chẽ của AFD.

Bộ Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới ưu tiên cho dịch vụ nước sạch để sử dụng hàng ngày trong gia đình và thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là ở thành phố, khu vực đông dân cư, hành lang kinh tế, khu công nghiệp, nông - công nghiệp...

e. Quan hệ Campuchia và EU

Campuchia và EU tổ chức đối thoại công - tư để duy trì các nhà đầu tư châu Âu đầu tư vào Campuchia. Chiều ngày 17/9/2024, Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) Sun Chanthol và Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền của Liên minh châu Âu tại Campuchia Igor Driesmans, chủ trì đối thoại công - tư lần đầu tiên (Campuchia-EU) với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành liên quan, Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Campuchia, Chủ tịch Phòng Thương mại châu Âu tại Campuchia, Đại diện Hội đồng Doanh nghiệp EU - ASEAN, khu vực tư nhân và nhiều quan chức liên quan.

Đối thoại công - tư lần đầu tiên giữa Campuchia và EU là một phần của Cơ chế duy trì đầu tư, được tổ chức dưới sự đồng ý của Thủ tướng Hun Manet.

Cuộc đối thoại này như một chương trình nghị sự chính thức chung của tất cả các tổ chức liên quan của Chính phủ Campuchia và Liên minh

châu Âu nhằm lắng nghe và giải quyết mọi thách thức của các nhà đầu tư châu Âu đang đầu tư vào Campuchia và nâng cao niềm tin của các nhà đầu tư châu Âu khác dự định chọn Campuchia làm địa chỉ đầu tư.

f. Quan hệ Campuchia với Việt Nam

Việt Nam và Campuchia tiếp tục duy trì cơ chế hợp cấp cao 3 Đảng Việt Nam - Lào - Campuchia, đã tiến hành trao đổi gần 30 đoàn các cấp và gặp gỡ song phương bên lề hội nghị đa phương; nổi bật trong năm 2024 có chuyến thăm Việt Nam của Quốc vương Sihamoni (28 - 29/11) và chuyến thăm Campuchia của Chủ tịch nước Tô Lâm (12 - 13/7), của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn (21 - 24/11); duy trì cơ chế gặp ăn sáng giữa Bộ trưởng ngoại giao 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia là một điểm sáng trong quan hệ Việt Nam - Campuchia cũng như ba bên Việt Nam - Lào - Campuchia.

Mới đây, Tổng Bí thư ba đảng và Thủ tướng 3 nước đã tham dự Hội nghị cấp cao 3 đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 - 23/2/2025. Đây là hội nghị quan trọng mở ra thời kỳ mới cho hợp tác toàn diện giữa ba nước trong thời gian tới.

Vấn đề kết nối các nền kinh tế và tăng cường hợp tác toàn diện trên các mặt an ninh quốc phòng, ngoại giao, kinh tế thương mại, đầu tư, giáo dục, văn hóa... tiếp tục là nội dung được sự quan tâm lớn của nhân dân ba nước.

Bên cạnh quan hệ thương mại song phương tăng trưởng tốt với kim ngạch hơn 10 tỷ USD, Việt Nam và Campuchia đã và đang tận dụng những tiềm năng sẵn có để phát triển quan hệ đầu tư trên nhiều lĩnh vực. Đây là lĩnh vực tiềm năng và sẽ đóng góp nhiều vào sự gia tăng giao dịch thương mại giữa hai nước trong tương lai.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tính đến nay, Việt Nam có 215 dự án đầu tư sang Campuchia được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký là 2,94 tỷ USD, đứng thứ 2 trong số 79 quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài (sau Lào), chiếm 13,3% tổng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam.

Phân theo lĩnh vực đầu tư, hoạt động đầu tư của Việt Nam sang Campuchia tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp với 2,21 tỷ USD (chiếm 75% tổng vốn đăng ký); tiếp theo là hoạt động tài chính - ngân hàng - bảo hiểm 380 triệu USD (chiếm 13%); công nghiệp chế biến chế tạo 100 triệu USD (chiếm 3,4%); khai khoáng 58,5 triệu USD (chiếm 2%). Cho đến nay, vốn chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đạt khoảng 1,5 tỷ USD (chưa tính vốn huy động tại nước ngoài), chiếm 53,57% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Trong 07 tháng đầu năm 2025, các doanh nghiệp, nhà đầu tư Việt Nam mở rộng kinh doanh tại thị trường Campuchia. Nhiều doanh nghiệp quan tâm và có kế hoạch nghiên cứu khảo sát thị trường, cũng như tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Campuchia trước những định hướng thu hút của Chính phủ Campuchia trong thời gian qua.

Nhìn chung, hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Campuchia thời gian qua vẫn còn có hạn chế do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế thế giới và còn một số vướng mắc, trong đó có vấn đề thiếu thông tin cụ thể về các dự án và lĩnh vực. Một số yếu tố kỹ thuật cũng ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý của nhà đầu tư khi tham gia thị trường.

Tuy vậy, phía bạn đang trong quá trình rà soát, hoàn thiện các chính sách đa lĩnh vực theo hướng tạo điều kiện tối đa nhằm thu hút đầu tư. Quá trình ấy cần thời gian. Bối cảnh hiện nay cho thấy, đầu tư vào Campuchia, nhất là vào các ngành sản xuất và công nghiệp chế biến, các lĩnh vực dịch vụ nói chung là hướng đi tiềm năng trong trung và dài hạn.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI

Bộ Thương mại Campuchia bám sát định hướng và chỉ đạo của Chính phủ, nhất là bám sát các trụ cột của Chiến lược Ngũ giác giai đoạn I nhằm thúc đẩy phát triển ngoại thương theo hướng đa dạng hóa xuất khẩu, tăng cường xuất khẩu với hàm lượng giá trị gia tăng ngày càng cao, dựa trên thu hút những nguồn lực hỗ trợ nhằm phát triển công nghiệp chế biến.

Thu hút phát triển công nghệ từ bên ngoài để đầu tư cải thiện sản xuất trong nước là định hướng rõ ràng của Chính phủ Campuchia trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, Chính phủ Campuchia cũng đặc biệt quan tâm tới mở rộng kết nối với các nước láng giềng và khu vực thông qua kết nối hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông đường bộ, đường thủy, hàng không để phục vụ tốt cho việc thông thương, luân chuyển hàng hóa và hành khách giữa các quốc gia được thuận lợi.

Đẩy mạnh liên kết giữa các vùng trong nước, từng bước xây dựng và quy hoạch các vùng phát triển theo tiềm năng của các vùng và địa phương. Giới thiệu văn hóa truyền thống với du khách thập phương nhằm phát triển du lịch, đóng góp ngân sách.

Đặc biệt, kinh tế số và số hóa các hoạt động quản lý điều hành cũng là xu hướng mà Chính phủ và các bộ ngành Campuchia quan tâm theo đuổi.

Mới đây, Bộ Thương mại Campuchia phát triển Cổng thông tin FTA để thúc đẩy thương mại, trao quyền cho doanh nghiệp và tối đa hóa lợi ích từ các hiệp định thương mại đã ký kết.

Bộ này cho biết, Cổng thông tin FTA nhằm mục đích cung cấp một nền tảng trực tuyến toàn diện với thông tin thiết yếu giúp doanh nghiệp điều hướng và tận dụng các quan hệ đối tác thương mại đang mở rộng của Campuchia. Sáng kiến này là một phần trong các cải cách của Bộ Thương mại Campuchia nhằm hiện đại hóa dịch vụ công thông qua tự động hóa.

Các tính năng chính của Cổng thông tin FTA gồm cung cấp thông tin về quy tắc xuất xứ, thủ tục đăng ký xuất khẩu và thủ tục xin giấy chứng nhận xuất xứ. Việc phát triển Cổng thông tin FTA là một phần trong những nỗ lực của Chính phủ nhằm tăng cường quan hệ thương mại và thúc đẩy hội nhập kinh tế.

MoC đã triển khai các hệ thống công nghệ thông tin mới để tăng hiệu quả công việc và cải thiện chất lượng dịch vụ công bằng cách làm cho các nền tảng trực tuyến trở nên thuận tiện, nhanh chóng và an toàn hơn.

Theo Bộ Thương mại Campuchia, cơ quan này sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách và cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công thông qua tự động hóa, giảm chi phí và thời gian, duy trì sự ổn định của giá cả, đồng thời thúc đẩy thương mại trong nước, phát triển thị trường và phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

4. NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ CỦA CAMPUCHIA TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Mặc dù có gặp một số khó khăn trong năm 2023, nhưng nền kinh tế Campuchia đã phục hồi mạnh mẽ trong năm 2024 dưới sự dẫn dắt của Đảng Nhân dân Campuchia - CPP và Chính phủ nhiệm kỳ 7 do Thủ tướng Hun Manet dẫn đầu.

Theo đánh giá từ các tổ chức kinh tế thế giới như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) nền kinh tế Campuchia được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 5,8% vào năm 2024 và đạt mức tăng trưởng 6,0% vào năm 2025, nhờ sự phục hồi của ngành du lịch và triển vọng từ các ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Theo số liệu từ Hội đồng Phát triển Campuchia, năm 2024, Campuchia đã nhận được 414 dự án đầu tư cả trong và ngoài nước với tổng giá trị gần 6,9 tỷ USD.

Năm 2024, sự ổn định kinh tế vĩ mô của Campuchia được cải thiện đáng kể, chỉ số lạm phát trung bình là 2,1% vào năm 2023, chủ yếu do giá năng lượng toàn cầu giảm, vẫn được tiếp tục duy trì ở mức thấp trong năm 2024 là 0,8% và 2025 dự kiến ở mức khoảng 2,5%.

Dự báo nền kinh tế Campuchia sẽ tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn 2024 - 2028, được hỗ trợ bởi ngành sản xuất định hướng xuất khẩu mạnh mẽ hơn. Ngành công nghiệp ước tính tăng trưởng chậm lại ở mức 4,3% do ngành may mặc sụt giảm đơn đặt hàng từ các đối tác thương mại lớn, bao gồm Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu giảm.

Đồng thời, ngành xây dựng tiếp tục tăng trưởng với tốc độ chậm hơn do dòng vốn đầu tư nước ngoài phục hồi chậm hơn dự kiến, đặc biệt là trong các hoạt động xây dựng cao cấp như tòa nhà thương mại và chung cư.

Tuy nhiên, ngành sản xuất ngoài may mặc tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, bao gồm sản xuất định hướng xuất khẩu (năng lượng mặt trời, lốp xe, đồ nội thất, điện tử và các sản phẩm gia công khác) và sản xuất cho thị trường nội địa (thực phẩm, đồ uống và công nghiệp lắp ráp ô tô) đã bù đắp cho sự suy giảm của các tiểu ngành khác và đóng góp vào mức tăng trưởng chung của ngành.

Ngành dịch vụ dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ 7,2%, được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng liên tục của tiểu ngành dịch vụ khách sạn, thực phẩm và các dịch vụ hỗ trợ du lịch khác như vận tải, kho bãi và tiểu ngành bán buôn, bán lẻ.

Ngành nông nghiệp ước tăng trưởng 0,9 - 1,1% nhờ sự tăng trưởng của các phân ngành trồng trọt, lúa gạo và chăn nuôi, trong khi thủy sản tiếp tục đạt mức tăng trưởng chưa cao.

May mặc, giày dép và du lịch là ngành mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn nhất cho Campuchia. Các sản phẩm xuất khẩu khác là sản phẩm phi may mặc, linh kiện điện tử, nông sản, xe đạp và tấm pin mặt trời.

Chính phủ Campuchia hiện đang đặt mục tiêu củng cố tài chính dần dần từ năm 2024 trở đi để xây dựng lại nguồn dự trữ đã bị suy giảm kể từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, những thách thức như suy thoái kinh tế toàn cầu, nợ tư nhân gia tăng, giá năng lượng biến động và tình trạng dễ bị tổn thương về khí hậu có thể ảnh hưởng đến triển vọng dài hạn trong phát triển kinh tế nước này.

Mặt khác, giới chuyên gia đánh giá việc những năm tới đây Campuchia ra khỏi danh sách các quốc gia kém phát triển cũng tiềm ẩn nguy cơ đối với nền kinh tế, do có thể mất đi những hỗ trợ từ bên ngoài mà trước đây với vị thế cũ Campuchia vẫn được hưởng.

5. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN VÀ BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ

Các lĩnh vực Chính phủ Campuchia ưu tiên phát triển với các đối tác nước ngoài và được hưởng các ưu đãi về đầu tư:

- ✓ Công nghiệp công nghệ cao, sáng tạo và nghiên cứu phát triển;
- ✓ Các ngành hoặc nhà sản xuất mới với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính sáng tạo và sức cạnh tranh cao;
- ✓ Các ngành công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu;
- ✓ Công nghiệp hỗ trợ liên quan đến nông nghiệp, du lịch, chế tạo, công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu và các ngành công nghiệp chuỗi cung ứng;
- ✓ Công nghiệp điện và điện tử;
- ✓ Công nghiệp phụ tùng, lắp ráp và lắp đặt;
- ✓ Công nghiệp cơ khí và máy móc;
- ✓ Nông nghiệp, công nghiệp nông sản, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu;
- ✓ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực ưu tiên và phát triển cụm doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu công nghiệp, khu khoa học, công nghệ và khu công nghệ cao;
- ✓ Ngành du lịch và các hoạt động liên quan;
- ✓ Phát triển các đặc khu kinh tế;
- ✓ Công nghiệp kỹ thuật số;
- ✓ Đầu tư cho giáo dục, dạy nghề và nâng cao năng suất;
- ✓ Đầu tư vào lĩnh vực y tế;
- ✓ Phát triển cơ sở hạ tầng vật chất;
- ✓ Đầu tư vào lĩnh vực hậu cần;
- ✓ Đầu tư cho quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế tuần hoàn;
- ✓ Đầu tư vào năng lượng xanh, công nghệ góp phần thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu;
- ✓ Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư khác không được luật này liệt kê nếu Chính phủ Hoàng gia Campuchia xét thấy có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội.

6. BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VỚI CÁC NƯỚC

- ✓ Tạo dựng lòng tin trong khu vực và gia tăng lợi ích kinh tế với đa dạng các đối tác: Ngoại giao kinh tế là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Campuchia vì đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa các nguồn tăng trưởng kinh tế và các đối tác thương mại.
- ✓ Thông qua ngoại giao kinh tế, Campuchia có thể duy trì sự năng động và khả năng phục hồi kinh tế cũng như nâng cao uy tín và sự hiện diện của mình trên trường quốc tế
- ✓ Thúc đẩy hợp tác kinh tế với các nước lớn, trong đó có Mỹ, Trung Quốc, EU... Việc vạch ra một chiến lược ngoại giao kinh tế toàn diện như là một tín hiệu thông báo cho Mỹ và các nước phương Tây thấy được thiện chí hợp tác của Campuchia.

7. KHÁI QUÁT NGOẠI GIAO KINH TẾ

Ngoại giao kinh tế là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Campuchia, vì có vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa các nguồn tăng trưởng kinh tế và các đối tác thương mại.

Thông qua ngoại giao kinh tế, Campuchia có thể duy trì sự năng động và khả năng phục hồi phát triển nền kinh tế, cũng như nâng cao uy tín và sự hiện diện trên trường quốc tế.

Chủ trương hội nhập của Chính phủ cũng được thể hiện quan sự nỗ lực thúc đẩy công tác ngoại giao kinh tế, tìm kiếm sự hỗ trợ từ nguồn lực bên ngoài, thu hút đầu tư vốn và công nghệ cho phát triển đất nước.

Chương V

QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. HỢP TÁC CHÍNH TRỊ, NGOẠI GIAO

Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 24/6/1967, có truyền thống hợp tác, hỗ trợ nhau trong đấu tranh giải phóng dân tộc (chống Pháp, chống Mỹ), cũng như trong xây dựng và phát triển đất nước.

Năm 1979, quân tình nguyện Việt Nam giúp lực lượng cách mạng Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot và ngăn chặn sự quay trở lại của Khmer Đỏ. Tháng 10/1991, Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết. Campuchia tiến hành Tổng tuyển cử tháng 5/1993 do Liên hợp quốc bảo trợ và Chính phủ Hoàng gia Campuchia được thành lập.

Từ 1993 đến nay, quan hệ Việt Nam - Campuchia không ngừng được củng cố và phát triển về mọi mặt. Hai bên trao đổi nhiều chuyến thăm cấp cao. Trong chuyến thăm chính thức Campuchia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh vào tháng 3/2005, hai bên nhất trí phương châm phát triển quan hệ hai nước trong thời kỳ mới theo hướng: “Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”.

Hai nước duy trì cơ chế hội nghị cấp cao hai Đảng, chia sẻ rất nhiều nội dung trực tiếp và quan trọng, là kim chỉ nam cho hợp tác toàn diện giữa hai bên. Cùng với đó là các chuyến thăm cấp cao thường xuyên hàng năm, cũng như trao đổi đoàn các cấp đã không ngừng củng cố mối quan hệ truyền thống, hữu nghị tốt đẹp giữa Đảng và Nhân dân hai nước.

Các chuyến thăm hai chiều đã góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước. Các bộ, ngành, địa phương hai bên cũng xúc tiến việc trao đổi đoàn, là cơ sở để triển khai các hợp tác theo định hướng của lãnh đạo cấp cao.

Khi còn trên cương vị Chủ tịch nước, Tổng Bí thư Tô Lâm đã thăm chính thức Campuchia, bày tỏ vui mừng lần đầu tiên thăm cấp nhà nước tới Campuchia trên cương vị mới. Thủ tướng Hun Manet trân trọng việc Chủ tịch nước Tô Lâm thăm Campuchia không lâu sau khi nhậm chức,

thể hiện sự coi trọng của Đảng, Nhà nước Việt Nam và cá nhân Chủ tịch nước đối với đất nước và nhân dân Campuchia.

Hai nhà lãnh đạo thống nhất cao về những định hướng lớn, nổi bật là tiếp tục duy trì và củng cố tin cậy chính trị.

2. HỢP TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH

Hai bên cam kết tiếp tục đưa trụ cột hợp tác quốc phòng - an ninh đi vào chiều sâu, nhấn mạnh nguyên tắc không cho phép thế lực thù địch sử dụng lãnh thổ nước này để chống phá nước kia.

Hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong phòng chống tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên biên giới.

Tiếp tục xây dựng đường biên giới hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển bền vững.

Hỗ trợ nhau đào tạo cán bộ và nâng cao năng lực thực thi pháp luật.

3. HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Hai bên nhất trí đẩy mạnh triển khai các thỏa thuận đã ký như Bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia; đẩy nhanh kết nối giao thông, các cặp cửa khẩu, tích cực phối hợp với Lào triển khai tốt các gói du lịch “Một hành trình ba điểm đến” qua Campuchia - Lào - Việt Nam; khai thác tốt tuyến đường bay thẳng mới mở Hà Nội - Phnom Penh - Hà Nội của hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam...

Campuchia tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam. Hỗ trợ, bảo vệ các nhà đầu tư Việt Nam cũng là mục tiêu quan trọng của Chính phủ Campuchia nhằm tăng cường kết nối giữa khu vực tư nhân hai nước.

Theo thống kê, hiện có 215 dự án đầu tư của doanh nghiệp, nhà đầu tư Việt Nam tại Campuchia với tổng số vốn khoảng 2,94 tỷ USD. Trong đó, có những dự án lớn như Liên doanh Viễn thông Viettel Campuchia có tên gọi METPHONE với số vốn điều lệ bán đầu của dự án 40 triệu USD. Trải qua thời gian dài tái đầu tư và phát triển, tổng vốn đầu tư lũy kế cho

đến nay ước tính lên tới 800 triệu USD. Đây là dự án mà bên cạnh kinh doanh, có đóng góp nhiều vào hỗ trợ an sinh xã hội cho bà con sở tại...

Các dự án đầu tư liên quan đến tài chính của các ngân hàng Việt Nam sang Campuchia như MB, Agribank, SHB, Sacombank, BIDC cũng đem lại những tiện ích về dịch vụ cho doanh nghiệp và người dân Campuchia, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài trong các dự án đầu tư kinh doanh tại Campuchia.

Ở chiều ngược lại, đầu tư Campuchia vào Việt Nam có khoảng hơn 30 dự án có quy mô khác nhau với số vốn tăng dần theo thời gian, đem lại những lợi ích thiết thực cho cộng đồng doanh nghiệp.

4. HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA

Đánh giá cao tầm quan trọng của hợp tác phát triển nguồn nhân lực, lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí tăng cường hợp tác hợp tác văn hóa, giáo dục hơn nữa, trong đó có việc Việt Nam tiếp tục cấp học bổng cho sinh viên Campuchia sang học tập tại Việt Nam và ngược lại.

Cùng với việc hỗ trợ nhau nâng cao năng lực cho cán bộ, hai bên cũng sẽ chú trọng thúc đẩy thu hút sinh viên hai nước sang học tập tại mỗi nước ở các nhóm ngành phù hợp với xu thế phát triển mới như chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ, khoa học kỹ thuật, y dược, ngôn ngữ, văn hóa...

Ngoài ra, hai nước cũng quan tâm thúc đẩy hợp tác về giáo dục, đào tạo, năng lượng - điện, y tế, giao thông vận tải..., hợp tác giữa các địa phương hai nước, nhất là các tỉnh giáp biên và thành phố có quan hệ kết nghĩa, góp phần củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị láng giềng truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Campuchia.

5. HỢP TÁC BIÊN GIỚI, CỬA KHẨU, CƯ TRÚ

Hai bên nhất trí phối hợp thực hiện tốt các hiệp ước, hiệp định và thỏa thuận liên quan đến biên giới đã ký kết; tiếp tục đàm phán, tìm giải pháp công bằng, hợp lý thúc đẩy giải quyết các khu vực chưa hoàn thành phân giới cắm mốc trong thời gian tới.

Tăng cường hợp tác ngăn chặn đưa người qua biên giới trái phép, vận chuyển ma túy qua biên giới, bảo đảm an ninh an toàn cho nhân dân các tỉnh biên giới.

Nhất trí tiếp tục phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, trong đó chú trọng đến xây dựng và phát triển hệ thống cửa khẩu, bảo đảm kết nối giao thông thông suốt hai bên biên giới nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của hai nước nói chung và các địa phương biên giới nói riêng, tham gia hiệu quả vào các sáng kiến liên kết vùng, khu vực.

Việt Nam luôn mong muốn phía Campuchia tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng người gốc Việt an tâm, hòa nhập với cuộc sống ở sở tại, tiếp tục là cầu nối tình hữu nghị hai nước.

Trong tiếp xúc với phía bạn, Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia và cá nhân Đại sứ Nguyễn Minh Vũ luôn mong muốn các cấp lãnh đạo Campuchia tạo điều kiện hỗ trợ bà con gốc Việt trong các thủ tục giấy tờ để ổn định cuộc sống, đóng góp ngày càng nhiều vào đời sống kinh tế xã hội Campuchia, trong đó có việc nhập quốc tịch cho bà con.

Hai nước nhất trí hợp tác quản lý, sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong vì lợi ích cộng đồng người dân trên lưu vực, vì tương lai của các thế hệ mai sau và tình đoàn kết gắn bó giữa các quốc gia ven sông, trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi.

6. CƠ CHẾ HỢP TÁC ỦY BAN HỖN HỢP

Hai nước đã thành lập Ủy ban hỗn hợp về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật (tháng 4/1994). Tại mỗi kỳ họp của Ủy ban, hai nước kiểm điểm việc thực hiện các kế hoạch hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, thương mại, quân sự, an ninh..., đồng thời đưa ra các kế hoạch mới cho những năm tiếp theo.

Từ ngày 21 - 22 tháng 3 năm 2023, hai nước đã tổ chức Kỳ họp lần thứ 20 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia tại Thủ đô Hà Nội, với nhiều nội dung, thỏa thuận hợp tác hiệu quả.

Hai bên cũng đẩy mạnh hợp tác trong các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế như ASEAN, Ủy hội sông Mê công (MRC), Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS), Hành lang Đông - Tây (WEC), Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawady - Chao Praya - Mekong (ACMECS), CLMV...

Đây là cơ chế hợp tác cần được chú trọng để rà soát tổng thể các hợp tác song phương trong tất cả các lĩnh vực. Việc rà soát, bổ sung các hợp tác hai nước thông qua các bộ ngành chủ quản là cách thức nhanh nhất để đi đến thống nhất, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các hợp tác cụ thể.

7. Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ CỦA TÌNH ĐOÀN KẾT VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Từ nền tảng ban đầu do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thái Thượng hoàng Norodom Sihanouk xây dựng, mối quan hệ Việt Nam - Campuchia đã được các thế hệ lãnh đạo hai nước dày công vun đắp và phát triển, coi đây là mối quan hệ chiến lược, lâu dài, có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; nhân dân hai nước còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức,... nhưng với mong muốn và quyết tâm của hai Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước, mối quan hệ “Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài Việt Nam - Campuchia” nhất định tiếp tục được giữ gìn, phát triển và nâng lên một tầm cao mới, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới.

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược ba nước Đông Dương giữa thế kỷ XIX (1858 - 1860), nhân dân ở ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào đã ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (sau này là Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Khmer), nhân dân hai nước Việt Nam

và Campuchia đã giúp đỡ lẫn nhau xây dựng lực lượng cách mạng, liên minh chiến đấu, từng bước giành thắng lợi cho cả hai dân tộc.

Sức mạnh đoàn kết Việt Nam - Campuchia - Lào đã góp phần quan trọng buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (20/7/1954), chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào.

Sau khi thực dân Pháp rút khỏi Đông Dương, đế quốc Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn xâm lược với mức độ khác nhau đối với từng nước Việt Nam, Campuchia, Lào và trở thành kẻ thù chung của nhân dân Đông Dương.

Trước tình hình ấy, Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa chủ trương thắt chặt quan hệ với Chính phủ Vương quốc Campuchia và luôn coi trọng phát triển khối đoàn kết chặt chẽ giữa nhân dân hai nước vì mục tiêu chống đế quốc Mỹ xâm lược, vì độc lập, hòa bình và phồn vinh của hai dân tộc.

Ngày 24/6/1967, Việt Nam và Campuchia chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, đặt nền móng cho mối quan hệ ngoại giao đặc biệt giữa hai nước.

Nhờ có mối quan hệ tốt đẹp đó, Việt Nam có điều kiện chuyên chở hàng hóa, vũ khí qua cảng Sihanouk Ville và đường mòn Hồ Chí Minh qua lãnh thổ Campuchia để chi viện cho chiến trường miền Nam.

Sau khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia (năm 1970), quan hệ Việt Nam - Campuchia đã thực sự trở thành liên minh chiến đấu chống lại kẻ thù chung. Tình đoàn kết, liên minh chiến đấu Việt Nam - Campuchia - Lào thực sự là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp, đánh bại đế quốc Mỹ, giải phóng ba nước ngay trong năm 1975.

Hoàng thân Norodom Sihanouk đã khẳng định: “Việc giải phóng Phnom Penh và Sài Gòn cho thấy sự thống nhất và đoàn kết được xây

dựng trên cơ sở vững chắc của Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương lịch sử và hữu ích biết bao... Thắng lợi của Việt Nam cũng là thắng lợi của tất cả các dân tộc ở Đông Dương chúng ta và của toàn thể các dân tộc trong thế giới thứ ba. Thế giới nói chung và nước Campuchia nói riêng sẽ không bao giờ quên sự đóng góp vô giá và không gì so sánh nổi của các bạn vào thắng lợi đó”.

Khẳng định ý nghĩa và giá trị của tình đoàn kết Việt Nam - Campuchia và rộng hơn là khối đoàn kết Việt Nam - Campuchia - Lào đối với sự nghiệp chống đế quốc xâm lược của ba dân tộc, cố Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã từng nêu rõ: “Trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc của Việt Nam - Lào - Campuchia đối với chủ nghĩa thực dân, ba nước đã có sự gắn bó, phối hợp để chống kẻ thù chung, cho nên Việt Nam giúp Lào, Campuchia và ngược lại Lào, Campuchia cũng giúp Việt Nam. Ba dân tộc đều có sự phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau. Riêng về Việt Nam, chúng tôi luôn biết ơn Nhà nước và nhân dân hai nước Campuchia và Lào”.

Sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược thắng lợi (4/1975), nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia hơn lúc nào hết chỉ mong muốn được sống trong hòa bình, tiếp tục quan hệ hữu nghị, hợp tác, cùng nhau xây dựng, bảo vệ nền độc lập và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, lịch sử đã chứng minh hai nước Việt Nam - Campuchia tiếp tục bước vào mặt trận đoàn kết mới đó là: đoàn kết chống chế độ diệt chủng, hồi sinh dân tộc và tìm giải pháp chính trị toàn diện cho vấn đề Campuchia từ năm 1975 đến 1993.

Trong đó, Việt Nam giúp đỡ Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng, khôi phục quan hệ giữa hai nước (từ tháng 6 năm 1978 đến tháng 1 năm 1979); ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác; giúp Campuchia khắc phục hậu quả của chế độ diệt chủng, bước đầu ổn định đời sống nhân dân (1979 - 1982); hợp tác thực hiện ba mục tiêu chiến lược của cách mạng Campuchia (1983 - 1985); đổi mới quan hệ giữa hai Đảng, đẩy nhanh tiến trình rút chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam về nước, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tìm giải pháp chính trị ở Campuchia (1986 - 1989); hợp tác tìm giải pháp chính trị toàn diện cho vấn đề Campuchia (1989 -

1991); hợp tác trong việc thực hiện Hiệp định Paris về Campuchia (1991 – 1993).

Từ năm 1993, Việt Nam – Campuchia hợp tác toàn diện giai đoạn (1993 – 2010); củng cố, tăng cường, định hướng nội dung quan hệ hợp tác toàn diện.

Hội nghị hai và ba đảng diễn ra ngày 21 – 23/2/2025 vừa qua có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tính định hướng sâu sắc nhằm phát triển hợp tác toàn diện giữa ba nước, trong đó có quan hệ song phương tốt đẹp giữa Việt Nam và Campuchia.

Trước tình hình mới, các nhà lãnh đạo Việt Nam, Campuchia tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai đảng, hai nhà nước, coi đây là mối quan hệ chiến lược lâu dài, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của mỗi nước, cần phải được giữ gìn, phát huy và truyền tiếp cho các thế hệ mai sau.

Hai nước đều mong muốn tiếp tục được củng cố, phát triển mối quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước.

Hai bên nhất trí tăng cường, duy trì thường xuyên, hiệu quả các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai đảng, hai nước; đồng thời mở rộng hợp tác rộng rãi giữa các bộ, ngành, các tổ chức nhân dân, các địa phương, nhất là các địa phương có chung biên giới nhằm giúp đỡ nhau một cách thiết thực, có hiệu quả; không ngừng đẩy mạnh công tác giáo dục cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về tình đoàn kết hữu nghị truyền thống và quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam – Campuchia.

Hai bên cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ của hai nước về mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện Việt Nam – Campuchia.

Cần làm cho thế hệ mai sau hiểu sâu sắc rằng Campuchia và Việt Nam có quan hệ đoàn kết, hữu nghị lâu đời, nhân dân hai nước là những người láng giềng tốt đã từng đồng cam cộng khổ trong sự nghiệp đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia Samdech Hun Sen đã khẳng định: “Chúng ta có thể hỏi rằng, trên thế giới này, có đất nước nào đã giúp nhân dân Campuchia, đặc biệt là giải phóng khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot và ngăn chặn sự quay lại của chúng? Câu trả lời là nhân dân và quân đội Việt Nam. ...”.

Mặc dù các thế lực thù địch luôn tìm cách chia rẽ, song tình đoàn kết, hữu nghị và sự hợp tác giữa hai đảng, nhân dân hai nước vẫn được giữ gìn, vun đắp và ngày càng phát triển qua các giai đoạn của lịch sử, phù hợp với nguyên tắc mà lãnh đạo cấp cao hai đảng, hai nhà nước đã thống nhất. Đó là “Quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”.

Mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp là tài sản quý báu của hai đảng, nhân dân hai nước và là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước.

Hai bên cần tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, cơ hội nhằm xuyên tạc, phá hoại tình đoàn kết hữu nghị lâu đời giữa hai nước Việt Nam – Campuchia.

Dù còn khó khăn, với mong muốn và quyết tâm của hai đảng, nhà nước và nhân dân hai nước, mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống Việt Nam – Campuchia được tạo dựng bằng tình cảm chân thành và xương máu của hai dân tộc nhất định tiếp tục được củng cố, phát triển và nâng lên tầm cao mới vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

8. KHÁI QUÁT HỢP TÁC KINH TẾ THƯƠNG MẠI

Với lợi thế về điều kiện địa lý, mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa nhân dân hai nước, cũng như sự tương đồng về thị hiếu sản phẩm hàng hóa,

sự hỗ trợ của hai nền kinh tế, giao thương giữa Việt Nam và Campuchia đang đạt mức tăng trưởng tốt trong những năm qua.

Các mặt hàng xuất, nhập khẩu giữa hai nước có tính chất bổ sung cho nhau. Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo sang Campuchia trong khi Campuchia là nguồn cung của nhiều loại nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp trong nước của Việt Nam.

Campuchia là thị trường tiêu thụ mạnh các sản phẩm sắt thép, vật liệu xây dựng, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng của Việt Nam. Việt Nam cũng phát triển số lượng đáng ghi nhận các dự án tại Campuchia nhằm cung cấp nguyên liệu phục vụ cho sản xuất các sản phẩm công nghiệp trong nước, đặc biệt là cao su, hạt điều... góp phần giúp Campuchia ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế.

9. THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI VÀ TIỂU NGẠCH

Thương mại Việt Nam và Campuchia có thuận lợi khi hai nước có chung đường biên giới. Đóng góp của thương mại biên giới nói chung là rất quan trọng đối với quan hệ thương mại song phương. Hoạt động xuất nhập khẩu tiểu ngạch là một kênh quan trọng giúp cho giao thương thông thoáng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cư dân biên giới.

Trong suốt những năm qua, hai nước luôn tạo thuận lợi cho giao thương biên mậu. Chính phủ, các bộ ngành và địa phương các tỉnh biên giới của Việt Nam luôn quan tâm tạo điều kiện tối đa cho trao đổi hàng hóa giữa doanh nghiệp và cư dân hai bên. Các doanh nghiệp hai bên gắn kết thường xuyên vì lợi ích chung của hai phía.

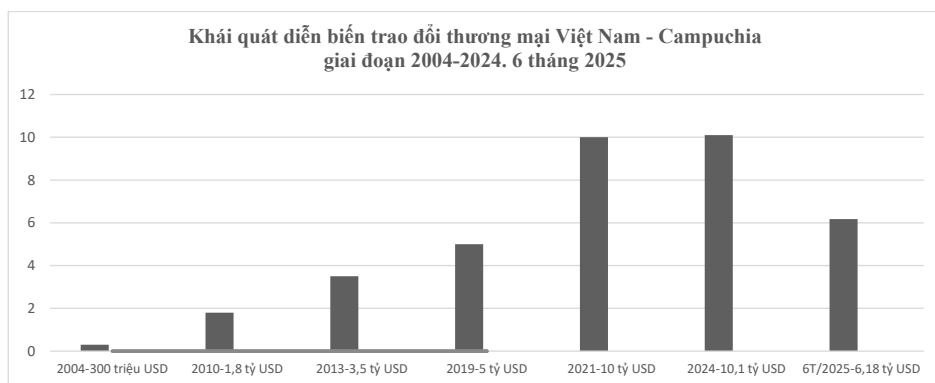
Về khuôn khổ pháp lý ưu đãi, hai nước có Hiệp định Thương mại biên giới, Thỏa thuận Thúc đẩy Thương mại song phương thời hạn 2 năm, cho đến nay đã gia hạn nhiều lần. Theo bản thỏa thuận gần nhất, Việt Nam dành cho Campuchia 29 dòng thuế về 0%. Ở chiều ngược lại, phía Campuchia dành cho phía Việt Nam 27 dòng thuế.

Cũng theo Thỏa thuận này, phía Việt Nam ưu đãi hạn ngạch 300 ngàn tấn gạo mỗi năm cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Campuchia,

tạo điều kiện về đầu ra ổn định cho mặt hàng gạo xuất khẩu Campuchia. Quy tắc quy đổi 2kg thóc tương đương 01kg gạo. Cùng với đó là hạn ngạch 3000 tấn lá thuốc lá để các thương nhân Campuchia xuất khẩu mặt hàng này sang Việt Nam, góp phần tăng cường quan hệ thương mại nông sản giữa hai nước tăng trưởng ổn định trong những năm qua.

Bên cạnh xuất nhập khẩu chính ngạch, các giao dịch tiểu ngạch cũng diễn ra thuận lợi giữa doanh nghiệp và cư dân biên giới hai nước. Trong những năm qua, về cơ bản Việt Nam vẫn tạo điều kiện tối đa về thông quan ở cả những cửa khẩu phụ cho cư dân biên giới, nhất là đối với các giao dịch đáp ứng các điều kiện quản lý chung.

Kết quả là thương mại song phương không ngừng tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, với mức độ tăng trưởng nhanh so với nhiều thị trường khác. Nếu như năm 2004 kim ngạch song phương chỉ đạt vài trăm triệu, thì năm 2010 đã đạt 1,8 tỷ USD, năm 2015 đạt xấp xỉ 3,5 tỷ, năm 2019 đạt 5 tỷ, năm 2021 cán mốc 10 tỷ và duy trì như vậy cho đến nay.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Trước đây, kim ngạch song phương cho thấy Việt Nam xuất siêu rất lớn thì những năm trở lại đây cán cân thương mại hai nước đã dần trở nên cân bằng, chênh lệch không lớn. Điều này chứng tỏ thương mại song phương nói chung, thương mại biên giới nói riêng đã được tạo thuận lợi mới có thể đạt kết quả tích cực như vậy. Đó chính là những nỗ lực của hai phía, trong đó có các cơ quan đơn vị, địa phương của Việt Nam.

Có thể đâu đó vẫn có những thông tin chưa đúng, chưa tích cực về quan hệ thương mại, thương mại biên giới giữa hai nước, nhưng trên thực tế cần tìm hiểu kỹ càng hơn trước khi đưa ra những đánh giá nhận định để đảm bảo khách quan trong nhận định những thuận lợi, khó khăn và các giải pháp cần thiết nhằm thúc đẩy thương mại song phương nói chung, thương mại biên giới nói riêng.

10. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA CAMPUCHIA

Theo báo cáo của Tổng cục Nông nghiệp - Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Campuchia đã xuất khẩu 8,82 triệu tấn nông sản trong năm 2024, tăng 53 % so với cùng kỳ năm 2023, thu về gần 5 tỷ USD.

Trong cùng kỳ năm 2023, Campuchia chỉ xuất khẩu khoảng 7,5 triệu tấn nông sản, thu về gần 4 tỷ USD. 6 tháng đầu năm 2025, Campuchia xuất khẩu 7,3 triệu tấn nông sản, thu về xấp xỉ 2,87 tỷ USD cho ngân sách nhà nước.

Các sản phẩm nông nghiệp góp phần vào tăng trưởng xuất khẩu của Campuchia bao gồm gạo, thóc, sắn tươi, bột sắn, hạt điều, ngô, nhãn tươi, xoài tươi, hạt tiêu, thuốc lá... Các sản phẩm đã được xuất khẩu sang 80 quốc gia bao gồm các đối tác chính là Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Xuất khẩu gạo của Campuchia tăng 2,74%, thóc tăng 53%, bột sắn tăng hơn 100%, hạt điều tăng hơn 50%, ngô tăng 250%, xoài tươi tăng hơn 100%, xoài khô tăng 38%, nhãn tươi tăng 120%, hạt tiêu tăng hơn 100% trong khi sắn lát khô giảm 8%, chuối tươi giảm 22% và một số sản phẩm nông nghiệp khác giảm 13%.

Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), năm 2024, Campuchia xuất khẩu xấp xỉ 650 ngàn tấn gạo xay xát. 6 tháng đầu năm 2025 xuất khẩu thóc đạt 3,1 triệu tấn tương đương hơn 600 triệu USD, gạo xay xát khoảng 387 ngàn tấn, đạt gần 400 triệu USD (xem thêm ở phần mặt hàng gạo).

Thời gian qua, Campuchia tích cực thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu gạo Campuchia sang thị trường

mới Trung Đông và châu Phi, đồng thời duy trì kết nối với các nước phát triển như Nhật Bản, UAE.

Sự phát triển này nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ và lĩnh vực tư nhân nhằm quảng bá gạo Campuchia và nâng cao chất lượng hàng hóa của Campuchia.

Một số giải pháp Campuchia đang thực hiện nhằm gia tăng xuất khẩu lúa gạo gồm có:

Tập trung nâng cao sản lượng, năng lực lưu trữ và tiêu chuẩn chất lượng gạo ngày càng tăng để thúc đẩy vị thế gạo Campuchia trên thị trường quốc tế.

Bộ Thương mại Campuchia ký với Tập đoàn COFCO của Trung Quốc về việc Campuchia xuất khẩu 500.000 tấn sang Trung Quốc mỗi năm để thúc đẩy mục tiêu chung xuất khẩu gạo của Campuchia đạt 1 triệu tấn trong năm 2025.

Bộ Thương mại Campuchia đang tiến hành đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu gạo, thúc đẩy đàm phán xuất khẩu gạo của Campuchia sang Singapore, Philippines, Hong Kong, Macao (Trung Quốc) và các nước khác trong nỗ lực đa dạng hóa thị trường và đối tác.

Bộ Thương mại Campuchia thông báo, Indonesia có kế hoạch nhập khẩu 250.000 tấn gạo từ Campuchia mỗi năm. Sự phát triển này góp phần hiện thực hóa kế hoạch của Campuchia nhằm đạt được mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo vào năm 2025. Hai nước ký MOU và thực hiện từ năm 2024.

Ngoài Indonesia, các quốc gia khác như Philippines cũng bày tỏ sự quan tâm đến việc nhập khẩu gạo từ Campuchia. Sự đa dạng hóa các thị trường gạo được kỳ vọng sẽ thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu gạo của Campuchia, hướng tới mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo ra nước ngoài vào năm 2025.

Theo Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp, cho dù hàng chục ngàn hecta lúa bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và sâu bệnh, tình hình sản xuất và xuất khẩu gạo trong năm 2024, 2025 của Campuchia được dự báo không

chịu tác động lớn. Vụ mùa năm 2024, Campuchia đã đối mặt với nhiều thách thức từ côn trùng, lũ lụt, hạn hán, biến động giá cả... nhưng các yếu tố này dự đoán không làm giảm sản lượng lúa gạo của Campuchia.

Năm 2025 dự kiến sản lượng gạo Campuchia sẽ vẫn được duy trì và phát triển hơn so với năm 2024, mặc dù giai đoạn những tháng đầu năm vấn đề giá lúa gạo biến động cũng ít nhiều ảnh hưởng đến người sản xuất và các nhà xuất khẩu.

Bên cạnh lúa gạo, hạt điều, sắn, dầu cọ, hoa quả, một số loại rau củ... vẫn là những mặt hàng nông sản của Campuchia được ưa chuộng tại một số quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

Tháng 7/2025, Campuchia đã xuất khẩu lô hàng 17 tấn sầu riêng đầu tiên trực tiếp sang thị trường Trung Quốc theo Nghị định thư ký kết vào cuối tháng 4/2025 giữa hai nước. Đây là loại quả thứ 5 và là nông sản thứ 9 của Campuchia được xuất khẩu trực tiếp sang Trung Quốc. Trong thời gian tới, Campuchia dự kiến tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu trực tiếp sang thị trường tỷ dân này đối với một số loại quả khác như chôm chôm, bơ...

Xuất khẩu nông sản Campuchia đang tăng trưởng tốt cả về khối lượng và giá trị, đóng góp ngày càng tăng cho ngân sách quốc gia.

11. CHÍNH SÁCH GẠO CỦA CAMPUCHIA TRƯỚC BIẾN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ

Ấn Độ thông báo gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu và áp giá sàn xuất khẩu đối với gạo trắng Non-basmati từ ngày 28/9/2024.

Campuchia chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu gạo thơm đặc sản chất lượng cao đến các thị trường truyền thống tại các nước phát triển như châu Âu, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và đang triển khai mở rộng thị trường sang khu vực Trung Đông và châu Phi.

Xét về phân khúc thị trường gạo, loại gạo của Campuchia hướng đến phân khúc người người tiêu dùng tại các nước phát triển và giá gạo giữ mức khá cao từ 850- 1000USD/tấn.

Campuchia sản xuất gạo theo hướng quan tâm sức khỏe người tiêu dùng, sử dụng giống lúa cổ truyền 6 tháng/vụ, hệ thống canh tác lúa ít cơ giới hóa, ít sử dụng phân, thuốc hóa học. Các giống lúa Campuchia sản xuất là giống lúa cổ truyền khả năng kháng rầy rất cao, dù năng suất chỉ khoảng 3 - 3,5 tấn/ha, nhưng nhờ hương vị đậm đà giàu dinh dưỡng, các sản phẩm gạo Campuchia từ lâu đã xuất khẩu được sang được cả những thị trường khó tính nhất như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu...

Trong đó, gạo thơm Phka Rumduol của Campuchia đã nhiều lần giành được giải gạo ngon nhất thế giới trong các cuộc thi gạo ngon quốc tế. Đây là giống lúa mùa sớm, hạt gạo trắng và dài có chất lượng rất thơm ngon, góp phần quảng bá thương hiệu gạo Campuchia với thị trường quốc tế.

Sau khi Ấn Độ thông báo gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu và áp giá sàn xuất khẩu đối với gạo trắng non-basmati từ ngày 28/9/2024, thị trường gạo thế giới có nguồn cung dồi dào và làm hạ nhiệt thị trường. Những quốc gia xuất khẩu gạo lớn như Việt Nam và Thái Lan càng thêm áp lực cạnh tranh, gặp nhiều khó khăn, nhất là khi vào vụ thu hoạch chính.

Theo đánh giá từ một số doanh nghiệp xuất khẩu gạo Campuchia, lượng gạo xuất khẩu lớn hơn từ Ấn Độ làm tăng nguồn cung gạo toàn cầu và sẽ tạo áp lực giảm giá gạo của các nước xuất khẩu gạo lớn như Pakistan, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam.

Tuy nhiên, do hướng tới phân khúc khách hàng tại các nước phát triển với giá gạo cao hơn so với Ấn Độ và Việt Nam, nên sau khi Ấn Độ gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu, về cơ bản Campuchia không có nhiều động thái điều chỉnh chính sách xuất khẩu gạo, ngoại trừ định hướng điều chỉnh cơ cấu giống và hướng tới đa dạng đối tác và thị trường xuất khẩu.

Chương VI

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, GIẢI PHÁP TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA

1. THUẬN LỢI KHI KINH DOANH ĐẦU TƯ TẠI CAMPUCHIA

Campuchia có nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam, cụ thể:

- ✓ Quan hệ hữu nghị Việt Nam – Campuchia tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động.
- ✓ Môi trường đầu tư và kinh doanh tại Campuchia khá ổn định và ngày càng được củng cố bởi Chính phủ Hoàng gia nhiệm kỳ 7 với Chiến lược ngũ giác giai đoạn I với trọng tâm hướng tới thu hút đầu tư và phát triển kinh tế.
- ✓ Campuchia đang rà soát các quy định và xóa bỏ dần những rào cản đối với việc thu hút đầu tư, trong đó có vấn đề thủ tục hành chính.
- ✓ Hệ thống ngân hàng và các dịch vụ tài chính đã phát triển mạnh tại Campuchia, giúp cho nhà đầu tư và doanh nghiệp có nhiều sự lựa chọn.
- ✓ Chính phủ Hoàng gia Campuchia là chính phủ cởi mở, hiện đại với các chủ trương thúc đẩy sự minh bạch trong các hoạt động kinh tế, đảm bảo sự công bằng, không phân biệt đối xử trong đầu tư kinh doanh.
- ✓ Campuchia có nguồn lao động dồi dào, được đào tạo ngày càng tốt, chi phí nhân công vẫn tương đối rẻ so với mặt bằng chung của các nước trong khu vực.
- ✓ Hệ thống pháp lý và các tòa án thương mại ngày càng được củng cố, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, theo hướng thuận lợi và thông thoáng hơn cho nhà đầu tư và doanh nghiệp.

- ✓ Cơ sở hạ tầng nói chung, trong đó có điện đường trạm, sân bay, cảng, kho bãi không ngừng được xây dựng và củng cố. Đường sá được mở rộng. Hệ thống giao thông được quan tâm đầu tư, đảm bảo cho sự lưu thông hàng hóa thuận tiện theo thời gian.
- ✓ Campuchia có sự hội nhập và kết nối sâu với các nền kinh tế, thị trường khu vực và trên thế giới. Là thị trường mang tính liên thông có thể đem đến những cơ hội gián tiếp cho các nhà đầu tư kinh doanh đến làm ăn tại đây.
- ✓ Campuchia cũng đã ký kết, tham gia nhiều khuôn khổ hợp tác ưu đãi sâu, đem lại những lợi thees xuất khẩu cho hàng hóa xuất xứ từ Campuchia.
- ✓ Campuchia là thị trường đang phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định.
- ✓ Ít rào cản về văn hóa. Do sự giao thoa giữa hai nước, doanh nghiệp Việt có thể dễ dàng tiếp cận khách hàng Campuchia. Đôi khi không có nhiều khác biệt về thị hiếu hay khẩu vị...
- ✓ Lợi thế về thương hiệu và chất lượng sản phẩm của Việt Nam.
- ✓ Riêng đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam, thuận lợi còn được thể hiện rõ qua trao đổi thương mại được phát triển trên nền mối quan hệ chính trị lâu đời, truyền thống, hữu nghị, được xây dựng và hun đúc bởi nhiều thế hệ Lãnh đạo và Nhân dân. Hai Đảng hai nhà nước luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của quan hệ song phương, là hai nước có gần bó lịch sử, cần quan tâm củng cố, tuyên truyền giáo dục để mối quan hệ ấy trường tồn và sâu sắc, cùng nhau phát triển đi lên.
- ✓ Bên cạnh đó, do có tới 1137km (có số liệu khác ghi 1258km nhưng chưa có kiểm chứng) đường biên giới chung, hoạt động kinh tế qua biên giới luôn đem lại những giá trị thiết thực cho nhân dân và thương nhân hai phía.

2. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN KHI KINH DOANH TẠI CAMPUCHIA

- ✓ Sự khác biệt về tư duy quản lý, hình thái chính trị đòi hỏi các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp cần có thời gian tìm hiểu, thích nghi.
- ✓ Văn hóa đặc sắc, đặc thù tạo nên những tập quán nên và không nên tại Campuchia cần hiểu để thực hành phù hợp và tôn trọng.
- ✓ Ngôn ngữ Khmer khá khó đối với người nước ngoài. Hoạt động đầu tư kinh doanh sẽ thuận lợi nếu hiểu được ngôn ngữ bản địa. Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi, mặt bằng chung sử dụng tốt tiếng Anh, nhưng trong kinh doanh sử dụng được tiếng bản địa là một lợi thế.
- ✓ Các chi phí dịch vụ khá cao, trong đó có các dịch vụ sửa chữa, ẩm thực, thuê mướn nhân công dịch vụ...
- ✓ Một số lĩnh vực có khuôn khổ pháp lý tiếp tục trong quá trình hoàn thiện, bổ sung cho phù hợp và đảm bảo công tác quản lý.
- ✓ Sự chống phá của các lực lượng đối lập đôi khi cũng gây những khó khăn nhất định trong công tác quản lý và ban hành áp dụng chính sách kinh tế xã hội. Điều này làm ảnh hưởng ít nhiều tới tâm lý của nhà đầu tư các nước, trong đó có doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam.
- ✓ Khác biệt về thị hiếu và thói quen tiêu dùng: Người Campuchia thường chuộng sản phẩm nhập khẩu từ Thái Lan và Trung Quốc, đòi hỏi sự đầu tư lớn vào tiếp thị và xây dựng thương hiệu.
- ✓ Khung pháp lý và thủ tục hải quan: Các quy định có thể thay đổi, đòi hỏi doanh nghiệp phải có đội ngũ chuyên trách để theo dõi và tuân thủ.

3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI, XUẤT NHẬP KHẨU VỚI CAMPUCHIA

Hai bên cần nỗ lực xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai các định hướng chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao tại hội nghị hai đảng, ba đảng

tại Thành phố Hồ Chí Minh về hợp tác toàn diện, trong đó có gia tăng kết nối kinh tế, thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại như một trụ cột hợp tác từ nay đến năm 2030.

Tập trung triển khai một số giải pháp, như:

a) Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và ổn định để hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất khẩu. Điều này có thể bao gồm việc thúc đẩy cải cách hành chính, giảm bớt thủ tục hành chính và tăng cường minh bạch trong quy trình hải quan và thuế.

Thúc đẩy việc xây dựng hạ tầng vận tải và giao thông hiệu quả để tăng cường khả năng kết nối thị trường hai nước. Việc cải thiện hạ tầng giao thông cả ở cả hai phía sẽ giúp giảm bớt chi phí vận chuyển và thời gian, từ đó làm cho hàng hóa Việt Nam có thể tiếp cận thị trường Campuchia một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Xem xét thúc đẩy việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của hàng hóa hai nước trên thị trường của nhau. Việc này có thể bao gồm hỗ trợ tài chính và chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, từ đó nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ.

Tiếp tục thúc đẩy việc ký kết và triển khai các thỏa thuận thương mại, đầu tư song phương. Các thỏa thuận này là cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa hai quốc gia, từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định cho các doanh nghiệp.

b) Đối với các hiệp hội và doanh nghiệp

Các hiệp hội cần chủ động quảng bá thông tin, đảm bảo rằng các doanh nghiệp thành viên của mình nắm vững thông tin về thị trường của nhau, bao gồm xu hướng tiêu dùng, quy định pháp lý và các chuẩn mực kỹ thuật để có thể điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm phù hợp.

Các doanh nghiệp cần tập trung tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh để thu hút người tiêu dùng. Việc tìm

hiếu và thích nghi với nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, người tiêu dùng mỗi nước là yếu tố quan trọng để có thể thành công tiếp cận thị trường hai phía.

Các doanh nghiệp cần nghiên cứu xây dựng mạng lưới phân phối rộng lớn và ổn định để đảm bảo rằng sản phẩm của họ có thể tiếp cận được người tiêu dùng một cách hiệu quả nhất.

Đặc biệt, đa dạng hóa xuất nhập khẩu các mặt hàng là điều cần làm để gia tăng kim ngạch bền vững, khai thác triệt để tiềm năng của mỗi bên.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác trao đổi thông tin thị trường, phối hợp với thương vụ để theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thị trường thế giới, nhất là tình hình các thị trường lớn để kịp đề xuất các biện pháp xử lý; chủ động có biện pháp ứng phó khi có diễn biến bất thường, thúc đẩy xuất khẩu.

Linh hoạt tổ chức, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, cả hình thức truyền thống và trực tuyến, nhằm tăng cường thúc đẩy hợp tác thương mại song phương.

Tăng cường nắm thông tin, diễn biến thị trường, vận động cơ quan có thẩm quyền dành sự quan tâm đến nguồn hàng và hoạt động phân phối, theo hướng đẩy mạnh quảng bá thông tin về nhà sản xuất và sản phẩm uy tín của Việt Nam đến người tiêu dùng Campuchia.

Thúc đẩy việc trao đổi đoàn nhằm kết nối chính sách, kết nối doanh nhân tìm kiếm cơ hội và đối tác kinh doanh, đầu tư.

4. CÁCH TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

Chọn đối tác phù hợp: Việc hợp tác với khách hàng, chủ đầu tư và nhà phân phối bản địa có kinh nghiệm và uy tín giúp sản phẩm dễ dàng tiếp cận khách hàng hơn.

Xây dựng thương hiệu và lòng tin: Cần có chiến lược quảng bá mạnh mẽ trên các kênh truyền thông, báo chí của Campuchia và tham gia hội chợ, triển lãm để gia tăng nhận diện thương hiệu.

Dịch vụ sau bán hàng: Cung cấp chế độ bảo hành, hỗ trợ khách hàng giúp tăng độ tin cậy và giữ chân khách hàng.

Thích nghi với văn hóa kinh doanh: Người Campuchia đề cao sự uy tín và quan hệ cá nhân, vì vậy, cần xây dựng mối quan hệ lâu dài, bền vững với đối tác và khách hàng.

5. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý

Trước khi quyết định hợp tác với các đối tác Campuchia, doanh nghiệp cần tìm hiểu nghiêm túc về đối tác và nên tham vấn với các cơ quan đại diện của Việt Nam tại Campuchia, nhất là Phòng Kinh tế, Cơ quan Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia, Hiệp hội DN Việt Nam - Campuchia (VCBA) để có được những thông tin cần thiết liên quan đến đầu tư và kinh doanh tại thị trường sở tại.

Việc quản lý xuất nhập khẩu chính ngạch của Campuchia rất thống nhất, tất cả hệ thống đăng ký khai báo đều bằng tiếng Anh, nếu các đơn vị nghiêm chỉnh thực hiện thì sẽ rất thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Doanh nghiệp Campuchia chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh doanh khá tự phát, nên cần chủ động đề xuất phương thức hợp tác và kiên trì tiến hành với đối tác trên tinh thần hỗ trợ nhau cùng phát triển thị trường. Các thương nhân Campuchia làm ăn khá nghiêm túc. Đây cũng là một điểm cộng khi tiến hành làm ăn với các thương nhân ở đây.

Cộng đồng bà con Việt kiều người Khmer gốc Việt tại Campuchia tương đối lớn. Đây là một lợi thế cho buôn bán giao thương vì Việt kiều nắm rõ thị trường hàng hóa, tiêu dùng, lao động và pháp luật sở tại. Đây cũng chính là nguồn tiêu dùng tiềm năng.

Đồng tiền USD và Riel Campuchia được sử dụng song hành, tiện lợi cho việc thanh toán và quy đổi tiền tệ. Hệ thống thanh toán kỹ thuật số nội địa rất thuận lợi với khoảng 80 ngân hàng thương mại đồng hành. Việt Nam có 5 chi nhánh ngân hàng tại Campuchia, là điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh và đầu tư.

Mức sống của người dân khá cao, chi phí sinh hoạt, đầu tư và vận hành doanh nghiệp cao.

Cần chú ý tới việc tuyển dụng, sử dụng lao động, đào tạo và giữ chân người lao động. Đây là yếu tố quan trọng để duy trì hoạt động của doanh nghiệp hay dự án đầu tư. Chú ý đặc biệt tới các quy định pháp lý liên quan đến vấn đề lao động và tiền lương, an sinh xã hội.

Cần lưu ý phong tục, tập quán, văn hóa của người Campuchia. Tại Campuchia có những ngày nghỉ lễ chính là tết Khmer, tết Pchum Ban, vua lên ngôi nên cơ bản người lao động sẽ được nghỉ. Các DN Việt Nam cần phải nắm và tìm hiểu kỹ để gắn kết giao thương thành công.

Cần chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách, pháp luật của Chính phủ Campuchia và Việt Nam trong đầu tư và kinh doanh tại Campuchia; giữ uy tín, tránh làm ăn chộp giật, ảnh hưởng đến uy tín của các DN khác tại Campuchia. Khi có vấn đề gì vướng mắc, nảy sinh, cần thông báo kịp thời cho các cơ quan đại diện của Việt Nam và Hiệp hội VCBA để phối hợp hỗ trợ, tư vấn tìm biện pháp xử lý.

Cần tăng cường đoàn kết, gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau giữa các DN Việt Nam đầu tư, kinh doanh tại Campuchia, chủ động thúc đẩy vai trò của VBCC trong định hướng, dẫn dắt, tập hợp các DN Việt Nam, nhất là các DN mới, DN nhỏ và mới sang đầu tư, kinh doanh tại Campuchia; gia tăng chính sách dùng hàng Việt, sử dụng sản phẩm dịch vụ của nhau nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp cùng phát triển.

Cần chủ động đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực về kế toán, thuế, đội ngũ chuyên gia nắm vững chính sách, luật pháp Campuchia liên quan đến lĩnh vực thuế, xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, lao động...

Quản lý về thuế tại Campuchia khá chặt chẽ, các doanh nghiệp cần tham khảo kỹ nhà nhập khẩu. Đặc biệt, doanh nghiệp đầu tư cần sử dụng dịch vụ kiểm toán để thực hiện việc khai thuế nộp thuế, tránh vì lợi ích trước mắt nhưng sẽ bị chế tài sau này, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cần chú ý làm tốt công tác an sinh xã hội tại nơi công ty, doanh nghiệp đứng chân và có dự án đầu tư của doanh nghiệp ta, từ đó hy vọng chính quyền địa phương ủng hộ các dự án của ta.

Khi sử dụng các dịch vụ, cần có hợp đồng pháp lý rõ ràng nhằm bảo vệ cho cả hai bên, các bên đề phòng khi xảy ra trục trặc.

6. ĐỊNH HƯỚNG HỢP TÁC THỜI GIAN TỚI

Về định hướng phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới, Việt Nam và Campuchia đều đang hướng tới mục tiêu nâng cao kim ngạch thương mại song phương. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã thống nhất mục tiêu sớm đạt 20 tỷ USD trao đổi thương mại song phương trong những năm tới đây.

Tại Hội nghị cấp cao hai đảng, ba đảng diễn ra ngày 21 - 23/2/2025, lãnh đạo cấp cao hai nước một lần nữa tái khẳng định quyết tâm thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại. Từ nay đến năm 2030, trụ cột hợp tác sẽ tập trung vào lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư, đặc biệt là sự gia tăng kết nối giữa hai và ba nền kinh tế.

Trên cơ sở đánh giá về bối cảnh hiện nay, Việt Nam và Campuchia cần tiếp tục đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại, công nghiệp giữa hai nước, hướng tới mục tiêu kim ngạch cao hơn trong thời gian tới thông qua việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ký kết mới các khuôn khổ pháp lý về thương mại.

Phổ biến thông tin về các ưu đãi thương mại song phương.

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm.

Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin đấu tranh chống buôn lậu qua biên giới.

Tăng cường trao đổi kinh nghiệm nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến tại Campuchia.

Cùng bàn bạc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh cho doanh nghiệp hai bên.

Chương VII

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Campuchia luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Việt Nam và Campuchia đã trở thành một phần quan trọng trong chiến lược đối ngoại của mỗi nước với việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và thúc đẩy hợp tác kinh tế song phương phát triển.

Đặc biệt, trong 15 năm qua, kim ngạch thương mại song phương luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng, là điểm sáng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Những năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu giữa hai nước không có sự chênh lệch nhiều và duy trì mức độ tăng trưởng đáng khích lệ.

Đáng lưu ý, Campuchia là nguồn cung của nhiều loại nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp trong nước của Việt Nam. Việt Nam cũng phát triển số lượng đáng ghi nhận các dự án tại Campuchia nhằm cung cấp nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm công nghiệp trong nước, bổ trợ cho nhau, trong đó có góp phần cùng Campuchia ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế.

Hơn nữa, Campuchia còn là thị trường tiêu thụ mạnh các sản phẩm sắt thép, vật liệu xây dựng, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng nói chung của Việt Nam.

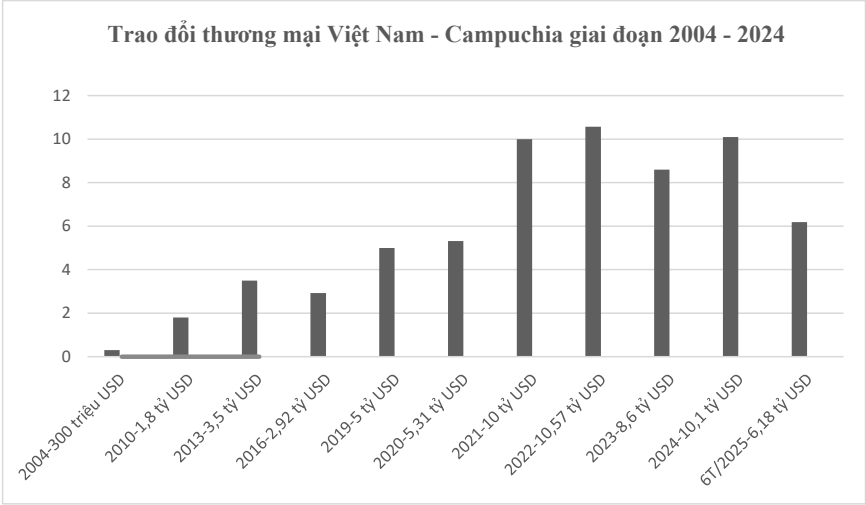
2. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2010 - 2015, kim ngạch thương mại Việt Nam - Campuchia tăng trưởng trung bình vào khoảng 18,5%/năm, tăng gần gấp đôi từ 1,8 tỷ USD năm 2010 lên tới 3,5 tỷ USD năm 2015. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia tăng trung bình 15,5%/năm, nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia tăng trung bình 32,7%/năm.

Giai đoạn 2016 – 2020, kim ngạch thương mại Việt Nam – Campuchia tiếp tục tăng trưởng trung bình 17%/năm, tăng từ 2,92 tỷ USD năm 2016 lên 5,31 tỷ USD năm 2020. Đặc biệt, ngay từ năm 2019, hai nước đã đạt và vượt mục tiêu kim ngạch 5 tỷ USD trước thời hạn mà lãnh đạo cấp cao hai bên đề ra (mục tiêu đề ra cho năm 2020).

Năm 2022, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Campuchia đạt 10,57 tỷ USD, tăng gần 11% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt 5,75 tỷ USD, tăng 19%; nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia đạt 4,82 tỷ USD, tăng 2,48% so với năm 2021. Năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Campuchia đạt 8,6 tỷ USD, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt 4,89 tỷ USD, giảm 15,9%, nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia đạt 3,68 tỷ USD, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Năm 2024, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Campuchia đạt hơn 9,43 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt xấp xỉ 5,31 tỷ USD, tăng 7,85% so với cùng kỳ 2023, nhập khẩu đạt 4,78 tỷ USD, tăng 30,3%. (Theo số liệu bổ sung, kim ngạch song phương đạt 10,18 tỷ USD, nhập khẩu đạt xấp xỉ 4,8 tỷ USD, xuất khẩu đạt khoảng 5,8 tỷ USD.



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

Kim ngạch XNK giữa hai nước giai đoạn 2019 - 2024 và 6T/2025

Đơn vị: Tỷ USD

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2024	6T/2025
Tổng Kim ngạch	5.28	5.32	9.54	10.57	8,57	9,43 (10,18)	6,18
Tăng trưởng (%)		0,84%	79,14%	10,85%			
Xuất khẩu	4.38	4.14	4.83	5.75	3.37	5,31 (5,8)	2,72
Tăng trưởng (%)		-5,32%	16,45%	19,07%	-20%	+7,4%	
Nhập khẩu	0,94	1,17	4,71	4,82	2,57	4,78	3,45
Tăng trưởng (%)		30,87%	299,85%	2,42%	- 15,9%	+30,3%	
Xuất siêu, nhập siêu (USD)	3.480.000	2.970.000	119.200.000	926.700.000	796.800.000	530.000.000	730.000.000

Theo số liệu chi tiết công bố chính thức cả năm 2024:

- ✓ Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia đạt 5,31 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 1,34% tổng xuất khẩu của Việt Nam.
- ✓ Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia đạt 4,78 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 1,4% trong tổng nhập khẩu của Việt Nam.
- ✓ Xuất siêu của Việt Nam sang Campuchia xấp xỉ 530 triệu USD. Điều này cho thấy, năm 2024, cán cân thương mại giữa hai nước trở nên cân bằng hơn.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam Campuchia đạt 7,01 tỷ USD, tăng 16,3%. Trong đó, xuất khẩu Việt Nam sang Campuchia đạt 3,23 tỷ USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ 2024; nhập khẩu từ Campuchia đạt 3,78 tỷ USD, tăng 28,1%.

3. CƠ CẤU HÀNG HÓA

a. Hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia

▷ Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Hàng dệt, may (đạt 741,4 triệu USD, tăng 8,8%); Sắt thép các loại (đạt 608,5 triệu USD, giảm 0,5%); Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (đạt 308,5 triệu USD, tăng 28,8%); Phân bón các loại (đạt 197,4 triệu USD, giảm 0,3%); Sản phẩm từ chất dẻo (đạt 176,1 triệu USD, tăng 41,6%); Giấy và các sản phẩm từ giấy (đạt 133,2 triệu USD, tăng 10,5%); Kim loại thường khác và sản phẩm (đạt 126,7 triệu USD, tăng 59%); Sản phẩm từ sắt thép (đạt 110,9 triệu USD, tăng 1,2%); Thức ăn gia súc và nguyên liệu (đạt 107,3 triệu USD, giảm 25%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 105,6 triệu USD, tăng 29,1%); Sản phẩm hóa chất (đạt 92 triệu USD, tăng 12,3%); Xơ, sợi dệt các loại (đạt 76,6 triệu USD, tăng 32,1%); Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc (đạt 60,9 triệu USD, tăng 8%); Gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 44,9 triệu USD, tăng 50%); Hóa chất (đạt 40,5 triệu USD, tăng 11,6%); Dây điện

và dây cáp điện (đạt 39,7 triệu USD, tăng 31,6%); Phương tiện vận tải và phụ tùng (đạt 36,7 triệu USD, giảm 1,3%); Gạo (đạt 32,3 triệu USD, giảm 0,5%); Hàng thủy sản (đạt 30 triệu USD, giảm 27,1%); Chất dẻo nguyên liệu (đạt 28,8 triệu USD, tăng 41,7%); Hàng rau quả (đạt 14,6 triệu USD, tăng 50,7%); Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (đạt 8,9 triệu USD, giảm 22,7%); Sản phẩm từ cao su (đạt 8,3 triệu USD, tăng 130,9%); Sản phẩm gốm, sứ (đạt 7,6 triệu USD, giảm 27,2%); Cà phê (đạt 6,5 triệu USD, tăng 68,6%); Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ (đạt 6 triệu USD, tăng 23,1%); Clanhke và xi măng (đạt 3,6 triệu USD, giảm 17,7%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 37,1 nghìn USD, giảm 87,6%)...

Về tốc độ tăng trưởng, phần lớn các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia có xu thế tăng trở lại kể từ đầu năm 2024. Những mặt hàng có kim ngạch lớn đã có xu hướng tăng trưởng kim ngạch trở lại như hàng dệt may tăng 8,83% (kim ngạch 741,4 triệu USD), nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 28,83% (kim ngạch 308,4 triệu USD), sản phẩm từ chất dẻo tăng 41,5% (kim ngạch 176,1 triệu USD); kim loại thường và sản phẩm tăng 56,6% (kim ngạch 107 triệu USD).

Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch lớn khác vẫn có xu hướng giảm như sắt thép các loại giảm 5,4% (kim ngạch 491 triệu USD), xăng dầu các loại giảm 31,8% (kim ngạch 225,5 triệu USD); phân bón các loại giảm 8,7% (kim ngạch 153,1 triệu USD).

**Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam
sang Campuchia 2024**

Đơn vị tính: USD

Một số mặt hàng chính thị trường Campuchia	2023	T11/24	T12/24	12T/24	So sánh tăng/giảm (%)	
					T12/24 so với T11/24	T12/24 so với 12T/23
Hàng thủy sản	46.288.359	3.099.109	3.330.519	36.462.717	7,5	-21,2
Hàng rau quả	12.016.657	1.318.650	954.696	16.896.342	-27,6	40,6
Cà phê	4.884.035	777.362	772.544	7.961.400	-0,6	63,0

Một số mặt hàng chính thị trường Campuchia	2023	T11/24	T12/24	12T/24	So sánh tăng/giảm (%)	
					T12/24 so với T11/24	12T/24 so với 12T/23
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	67.463.802	6.656.734	6.739.048	74.274.939	1,2	10,1
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	166.716.931	11.171.054	9.724.741	126.498.451	-12,9	-24,1
Cleanke và xi măng	4.875.206	274.997	401.836	4.237.357	46,1	-13,1
Xăng dầu các loại	437.997.360	23.771.935	24.970.509	314.222.143	5,0	-28,3
Hóa chất	44.217.220	4.917.388	4.676.263	50.039.396	-4,9	13,2
Sản phẩm hóa chất	99.055.993	8.329.980	10.019.325	110.072.287	20,3	11,1
Phân bón các loại	246.508.851	22.141.155	21.242.829	240.818.767	-4,1	-2,3
Chất dẻo nguyên liệu	25.306.561	2.565.644	3.180.042	34.518.563	23,9	36,4
Sản phẩm từ chất dẻo	145.997.970	12.558.025	14.564.241	203.214.921	16,0	39,2
Sản phẩm từ cao su	4.140.485	882.295	868.264	10.062.333	-1,6	143,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	39.188.358	6.583.928	6.146.750	57.448.089	-6,6	46,6
Giấy và các sản phẩm từ giấy	145.316.102	12.420.232	13.830.366	159.511.772	11,4	9,8
Xơ, sợi dệt các loại	68.431.914	5.160.158	8.126.845	89.965.954	57,5	31,5
Hàng dệt, may	806.336.918	66.234.706	80.582.316	888.165.647	21,7	10,1
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	290.653.900	31.759.857	31.781.059	372.247.796	0,1	28,1
Sản phẩm gốm, sứ	11.824.249	489.864	704.964	8.839.332	43,9	-25,2

Một số mặt hàng chính thị trường Campuchia	2023	T11/24	T12/24	12T/24	So sánh tăng/giảm (%)	
					T12/24 so với T11/24	12T/24 so với 12T/23
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	15.652.780	697.246	675.242	10.319.091	-3,2	-34,1
Sắt thép các loại	721.018.389	64.719.868	67.179.154	740.402.303	3,8	2,7
Sản phẩm từ sắt thép	129.590.339	13.055.061	13.779.697	137.448.649	5,6	6,1
Kim loại thường khác và sản phẩm	95.577.710	9.321.563	9.597.815	145.634.967	3,0	52,4
Điện thoại các loại và linh kiện	-	-	-	-	-	-
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	96.261.167	7.474.906	19.910.374	133.011.504	166,4	38,2
Dây điện và dây cáp điện	34.287.342	3.709.703	4.178.961	47.554.194	12,6	38,7
Phương tiện vận tải và phụ tùng	42.222.007	3.363.395	3.844.087	43.934.516	14,3	4,1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	6.260.544	575.967	556.026	7.107.196	-3,5	13,5

Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Hạt điều (đạt 1,1 tỷ USD, tăng 27,38%); Cao su (đạt 802,4 triệu USD, tăng 21,7%); Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (đạt 49,6 triệu USD, tăng 99,7%); Hàng rau quả (đạt 34,9 triệu USD, giảm 9,4%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 27,4 triệu USD, tăng 11,8%); Phế liệu sắt thép (đạt 24,3 triệu USD, giảm 57,8%); Kim loại thường khác (đạt 22 triệu USD, giảm 2,1%); Nguyên phụ liệu thuốc lá (đạt 17,9 triệu USD, tăng 210,5%); Vải các loại (đạt 17,5 triệu USD, giảm 54,4%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 7,8 triệu USD, giảm 85,2%); Gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 6,8 triệu USD, giảm 8,8%); Đậu tương (đạt 3,9 triệu USD, tăng 44,6%)...

Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam từ Campuchia
2024

Đơn vị tính: USD

Thị trường	2023	T11/24	T12/24	12T/24	So sánh tăng/giảm (%)	
					T12/24 so với T11/24	12T/24 so với 12T/23
Campuchia	3.668.824.757	428.999.967	434.409.992	4.782.097.698	1,3	30,3
Hàng rau quả	44.310.637	3.466.849	3.387.206	41.721.437	-2,3	-5,8
Hạt điều	836.583.739	5.249.369	1.109.987	1.066.407.930	-78,9	27,5
Đậu tương	10.861.422	7.829.537	1.449.682	12.813.080	-81,5	18,0
Nguyên phụ liệu thuốc lá	7.833.927	-	1.270.386	19.189.160	-	144,9
Cao su	884.418.599	143.454.585	175.105.224	1.119.500.483	22,1	26,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	9.579.614	628.012	644.187	8.088.592	2,6	-15,6
Vải các loại	42.039.286	292.610	844.855	18.681.700	188,7	-55,6
Phế liệu sắt thép	72.068.156	782.000	649.600	25.720.526	-16,9	-64,3
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	27.538.621	2.741.252	2.536.419	32.764.721	-7,5	19,0

Trong 2 quý đầu năm 2025, Campuchia tiếp tục là thị trường nhập khẩu quan trọng của Việt Nam. Chỉ tính riêng trong 5 tháng, Việt Nam nhập khẩu tới 3,25 tỷ USD, tăng 31,3% so với cùng kỳ. Xu thế nhập siêu gia tăng. Nếu như 3 tháng /2025 ta nhập siêu với mức tăng 26,6% so với cùng kỳ, thì 4 tháng con số này là 27,5% và 5 tháng là 31,3%.

Lý giải cho xu hướng nêu trên là bởi chủ trương gia tăng kết nối kinh tế giữa hai nước, nhất là từ hội nghị 2 đảng; thêm vào đó là vấn đề cơ cấu lại đối tác do tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các chính sách thương mại và thuế quan của các nước, trong đó có Hoa Kỳ. Hơn nữa, về mặt thị trường, giá một số mặt hàng nhập khẩu chủ lực của ta năm nay

tăng mạnh trên thị trường Campuchia, trong đó có hạt điều từ mức xấp xỉ 1450USD/tấn của năm 2024 lên 1800USD, dẫn đến tăng kim ngạch từ hơn 900 triệu USD lên gần 1,15 tỷ USD.

Mặt hàng cao su mặc dù giảm về lượng, nhưng giá trị lại gia tăng tới hơn 400USD/tấn, từ mức 1465USD lên 1950-1965USD/tấn, đưa tổng giá trị nhập khẩu trong 4 tháng lên 275,6 triệu USD.

Một số mặt hàng khác như điện tử, linh kiện, máy móc thiết bị, phụ tùng... cũng tăng mạnh, chủ yếu do gia tăng hàng quá cảnh Thái Lan.

Ngược lại, hàng khoáng sản, lâm sản, phế liệu, trong đó có đồ gỗ và kim loại thường, giảm sâu. Nguyên nhân là do Chính phủ Campuchia có xu hướng thắt chặt hơn xuất khẩu đối với các mặt hàng này.

**Một số mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Campuchia
6 tháng/2025**

Đơn vị: USD

Thị trường Campuchia	06/2024	T05/25	T06/25	06T/25	So sánh tăng/giảm (%)	
					T06/25 so với T05/25	06T/25 so với 06T/24
Hàng rau quả	30.511.534	7.221.892	946.524	33.480.431	-86,9	9,7
Hạt điều	1.000.848.369	186.234.772	29.986.593	1.350.888.155	-83,9	35,0
Đậu tương	2.669.885	864.750	221.250	2.717.750	-74,4	1,8
Nguyên phụ liệu thuốc lá	9.490.700	5.245.000	835.000	6.485.549	-84,1	-31,7
Cao su	364.637.824	73.971.370	76.572.359	424.781.588	3,5	16,5
Gỗ và sản phẩm gỗ	4.488.322	629.963	595.168	3.640.836	-5,5	-18,9
Vải các loại	12.726.572	1.397.702	1.400.850	9.179.335	0,2	-27,9

Thị trường Campuchia	06/2024	T05/25	T06/25	06T/25	So sánh tăng/giảm (%)	
					T06/25 so với T05/25	06T/25 so với 06T/24
Phế liệu sắt thép	18.246.341	747.500	-	2.099.800	-	-88,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	15.048.057	3.440.876	4.334.009	17.670.624	26,0	17,4

Nguồn: Hải quan Việt Nam

Về định hướng, Campuchia trong ngắn và trung hạn vẫn sẽ là thị trường cung ứng quan trọng cho Việt Nam đối với các mặt hàng điều, cao su, hoa quả, sản lát và một số nông sản đặc trưng, cũng như nguyên phụ liệu cho một số ngành sản xuất khác.

4. MỤC TIÊU KIM NGẠCH

Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên và Bộ trưởng Thương mại Campuchia Cham Nimul thống nhất rằng; thời gian qua, hợp tác thương mại – công nghiệp song phương Việt Nam–Campuchia có những bước phát triển đáng kể.

Trên cơ sở đánh giá những khó khăn hiện tại, đại diện hai nước đã thống nhất một số biện pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại, công nghiệp giữa hai nước, hướng tới mục tiêu kim ngạch cao hơn thông qua việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ký kết mới các khuôn khổ pháp lý về thương mại.

Bên cạnh đó, hai bên thống nhất tiếp tục phổ biến thông tin về ưu đãi thương mại song phương, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện xúc tiến thương mại; tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin đấu tranh chống buôn lậu qua biên giới. Đặc biệt, tăng cường trao đổi kinh nghiệm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp tại Campuchia.

Việt Nam mong muốn tiếp tục đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Campuchia; trong đó, có hợp tác về kinh tế, thương mại... vốn là lĩnh vực trọng tâm được lãnh đạo cấp cao và lãnh đạo các cấp của hai nước quan tâm, đặc biệt trong khuôn khổ cuộc họp hai đảng và ba đảng diễn ra từ 21 - 23/2/2025 vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, khẳng định hợp tác kinh tế song phương là trụ cột quan trọng giữa hai nước đến năm 2030.

Hai nước sẽ tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện các hiệp định, biên bản ghi nhớ đã ký kết, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và kinh doanh của hai nước tiếp tục xúc tiến tìm kiếm cơ hội tốt để đầu tư, trao đổi thương mại trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Đây là tiền đề để Việt Nam và Campuchia có thể sớm nâng kim ngạch thương mại lên 20 tỷ USD như kỳ vọng và mong mỏi của lãnh đạo cấp cao hai bên.

Trong bối cảnh quan hệ hợp tác và phát triển kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Campuchia đang mở rộng về quy mô và cải thiện chất lượng, để đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia, các chuyên gia cho rằng, cần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và ổn định để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.

Bên cạnh đó, thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam; đẩy mạnh ký kết và tích cực triển khai các thỏa thuận, trong đó có thỏa thuận thương mại với Campuchia.

Thương vụ cho rằng, bên cạnh sự nỗ lực của các cơ quan quản lý, các hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp cần nắm vững xu hướng tiêu dùng, quy định pháp lý và các chuẩn mực kỹ thuật để có thể điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm phù hợp.

Mặt khác, doanh nghiệp cần tạo ra sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao và giá cả cạnh tranh, phù hợp thị hiếu để thu hút người tiêu dùng Campuchia. Đặc biệt, xây dựng mạng lưới phân phối rộng lớn và ổn định trong thị trường Campuchia để đảm bảo sản phẩm có thể tiếp cận người tiêu dùng nhanh và hiệu quả. Nâng cao chất lượng sản phẩm, bao bì, các tiêu chí sản phẩm. Đồng thời, cần nâng cao trách nhiệm đối với sản phẩm và dịch vụ của mình trước người tiêu dùng sở tại.

5. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ

Hai nước đã ký kết nhiều văn bản pháp lý điều chỉnh quan hệ hợp tác song phương, có thể kể tên một số văn bản chính như:

- ✓ Hiệp định về hợp tác kinh tế thương mại. (03/4/1994)
- ✓ Hiệp định về thành lập Ủy ban hỗn hợp về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật (03/4/1994).
- ✓ Hiệp định về quá cảnh hàng hoá (03/4/1994)
- ✓ Hiệp định thương mại mới (24/3/1998).
- ✓ Nghị định thư về bán điện cho Campuchia (03/7/2000).
- ✓ Hiệp định về hợp tác khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp (28/8/2000).
- ✓ Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (26/11/2001)
- ✓ Hiệp định vận tải đường thủy Việt Nam - Campuchia (hiệu lực từ 2021)
- ✓ Hiệp định mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (26/11/2001)
- ✓ Hiệp định tương trợ tư pháp về lĩnh vực dân sự (21/1/2013)
- ✓ Hiệp định mậu dịch biên giới (tháng 11/2022).
- ✓ Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương (với 8 lần rà soát, đàm phán và ký kết gia hạn)...

6. THỎA THUẬN THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG

Thực hiện Tuyên bố chung ngày 10 tháng 10 năm 2005 giữa Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ Campuchia về việc hai nước thỏa thuận sớm đưa ra chính sách ưu đãi thuế quan cho hàng hóa có xuất xứ từ mỗi nước, được ủy quyền của Chính phủ hai nước, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia đã ký bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia (Bản thỏa thuận) nhằm dành ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu cho hàng hóa có xuất xứ từ mỗi nước.

Cho đến nay, hai bên đã nhiều lần đàm phán và tái ký thỏa thuận trong các giai đoạn năm 2006 - 2007, 2010 - 2011, 2012 - 2013, 2014 - 2015, 2016 - 2017, 2019 - 2020, 2021 - 2022, 2023 - 2024 và 2025 - 2026 (lần gần nhất ký kết ngày 28/4/2025 tại Hà Nội).

Tinh thần chung của Bản Thỏa thuận là Việt Nam và Campuchia lựa chọn, miễn thuế cho một số mặt hàng của mỗi nước trong mỗi giai đoạn, với tinh thần đi trước cam kết giảm thuế của Việt Nam và Campuchia trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA).

Theo Bản Thỏa thuận 2025 - 2026, Việt Nam dành ưu đãi thuế suất 0% cho 28 dòng hàng có xuất xứ Campuchia (với lá thuốc lá chưa chế biến và gạo được hưởng ưu đãi thuế suất theo hạn ngạch); Campuchia dành ưu đãi thuế suất 0% cho 25 dòng hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Đây là văn kiện hợp tác đem lại lợi ích thực chất cho cả hai nước, có ý nghĩa thúc đẩy trao đổi thương mại song phương, trong đó có thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia.

7. CỬA KHẨU QUỐC TẾ VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đóng vai trò đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại du lịch của các nước tiểu vùng sông Mekong và vùng Biển Đông, giữa ASEAN và Trung Quốc.

Bởi vậy, Chính phủ Việt Nam rất quan tâm và thông qua Quy hoạch vùng biên giới Việt Nam - Campuchia giai đoạn đến năm 2030 để phát triển thành một trong những vùng kinh tế động lực của cả nước về phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, phát triển thủy điện, thủy lợi, là đầu mối và cửa ngõ giao thông về đường bộ, đường thủy và đường hàng không quan trọng phía Tây và Tây Nam đất nước.

Nhằm đáp ứng nhu cầu giao lưu hợp tác qua biên giới, theo quy hoạch, toàn tuyến biên giới được phân thành 2 khu vực lớn là khu vực biên giới Tây Nam và khu vực biên giới Tây Nguyên; trong mỗi khu vực có tiềm năng hình thành các tiểu vùng kinh tế.

Chính phủ đã có quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2013 – 2020. Cho đến nay, hai nước đã thỏa thuận thành lập các cặp cửa khẩu quốc tế, cặp cửa khẩu chính và các cặp cửa khẩu phụ.

Các cặp cửa khẩu quốc tế từ Bắc xuống Nam bao gồm: 1) Lệ Thanh (Gia Lai) – Oyadav (Rattanakiri); 2) Hoa Lư (Đồng Nai) – Trapeang Sre (Kratie); 3) Xa Mát (Tây Ninh) – Trapeang Phlong (Tboung Khmurn); 4) Mộc Bài (Tây Ninh) – Bà Vệt (Svay Rieng); 5) Tân Nam (Tây Ninh) – Mean Chey (Prey Veng); 6) Bình Hiệp (Tây Ninh) – Pray Vo (Svay Rieng); 7) Dinh Bà (Đồng Tháp) – Bontia Chak Cray (Prey Veng); 8) Thường Phước (Đồng Tháp) – Koh Rokar (Prey Veng), đường sông; 9) Vĩnh Xương (An Giang) – Kaam Samnor (Kandal), đường sông; 10) Tịnh Biên (An Giang) – Phnom Den (Takeo); 11) Hà Tiên (An Giang) – Prek Chak (Kampot)... (Vui lòng xem thêm danh mục 23 cặp cửa khẩu kèm theo Phụ lục Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2025-2026 kèm theo).

Các cửa khẩu nêu trên đều được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo mô hình chuẩn gồm: nhà kiểm soát liên hợp, quốc môn, đường giao thông nội bộ, các khu chức năng... có thể kết nối hoạt động với hệ thống cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính biên giới đất liền trên toàn quốc, nhằm mục tiêu thông quan nhanh chóng và hiệu quả.

Xung quanh khu vực các cửa khẩu quốc tế, hai bên chủ trương phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Người dân và doanh nghiệp hai nước có thể đầu tư làm ăn và tham quan du lịch tại các khu kinh tế cửa khẩu.

Các khu kinh tế cửa khẩu cũng nằm trong quy hoạch phát triển 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia và đường xuyên Á. Hệ thống đường giao thông phát triển mạnh, xây dựng đường quốc lộ N1 nối liền các tỉnh có biên giới với khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch giao thông.

Hệ thống đường tuần tra biên giới xây dựng đầu thế kỷ XXI đóng vai trò nhất định trong phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội vùng biên giới. Thành quả phát triển vùng biên giới gắn liền với các nỗ lực của hai nước trong hoạch định và phân giới cắm mốc biên giới đất liền.

Cho đến nay, hai quốc gia đã tiến hành phân giới cắm mốc được 84% đường biên giới. Năm 2025, dự kiến sẽ tiến hành thêm được 6%. Hai nước rất tích cực thực hiện công tác đàm phán cắm mốc biên giới và ổn định cuộc sống cho dân cư hai nước tại các khu vực giáp biên.

8. ĐỊNH HƯỚNG MẶT HÀNG

Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Campuchia có nhiều tiềm năng, nhờ đó mà kim ngạch song phương tăng trưởng liên tục trong nhiều năm.

Tuy nhiên, vấn đề đa dạng hóa mặt hàng trao đổi sẽ giúp cho mục tiêu tăng trưởng bền vững kim ngạch song phương.

Đối với xuất khẩu sang Campuchia, các doanh nghiệp Việt Nam nên tập trung vào các sản phẩm hàng tiêu dùng, hàng chế biến ở cả 03 phân khúc bình dân, trung lưu và cao cấp. Các mặt hàng phục vụ lĩnh vực xây dựng, các dự án đầu tư, nguyên vật liệu các loại, hàng nhựa, máy móc thiết bị, nông cụ, phương tiện vận tải, thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch... cũng có thể tìm thấy cơ hội tốt tại thị trường này.

Đối với nhập khẩu, bên cạnh mặt hàng gạo, điều và cao su, ta có thể nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, hoa quả, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của người Khmer mang màu sắc văn hóa riêng, một số mặt hàng lâm sản trong giới hạn (nếu có).

Bên cạnh kinh doanh thương mại thông thường, có thể tính tới khả năng đầu tư sản xuất tại Campuchia để phục vụ nhu cầu trong nước với các ưu đãi, lao động, các chính sách thu hút, khuyến khích từ phía Chính phủ Campuchia. Đầu tư vào Campuchia mang tính khả thi, tất nhiên cần nghiên cứu kỹ thị trường và dung lượng, cũng như các vấn đề khác như thị hiếu, khẩu vị người tiêu dùng, phân khúc thị trường tiếp cận để từ đó đảm bảo đầu tư có hiệu quả, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, nhà đầu tư và người tiêu dùng sở tại.

Một nội dung cũng cần được doanh nghiệp và nhà đầu tư nghiên cứu kỹ là khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Cần lưu ý rằng, nền kinh tế Campuchia tuy chưa phát triển cao nhưng độ mở đã rất lớn. Các chính

sách điều hành rất linh hoạt. Sẽ khó tìm được một sự ưu ái nào mang tính phân biệt đối xử, ưu ái riêng.

Tiếp cận đối tác mới cũng không dễ dàng. Tập quán duy trì làm ăn với các đối tác truyền thống nhưng an toàn là điều thường thấy tại thị trường này.

Dù là kinh doanh thương mại hay đầu tư, nên chắc chắn về các vấn đề pháp lý ngay từ ban đầu để tránh các rủi ro vì “ngỡ” rằng.

Chương VIII

ĐẦU TƯ

1. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Theo Hội đồng Đầu tư Campuchia, trong năm 2024, Hội đồng đã phê duyệt 414 dự án mới và mở rộng, cả trong và ngoài các khu kinh tế đặc biệt, với tổng vốn đầu tư 6,9 tỷ USD, tạo ra khoảng 370.000 việc làm.

Trong số 414 dự án này, 10 dự án tập trung vào việc thành lập các khu kinh tế đặc biệt, với tổng vốn đầu tư khoảng 850 triệu USD, tạo ra khoảng 4.000 việc làm. Công nghiệp vẫn là động lực thúc đẩy đầu tư hàng đầu. Năm 2024, công nghiệp chiếm khoảng 69% tổng đầu tư.”

Có thể nói, việc gia tăng đầu tư là nhờ vào sự lãnh đạo tích cực, linh hoạt và năng động của Đảng Nhân dân Campuchia, của Thủ tướng Hun Manet và Chính phủ Hoàng gia với cách tiếp cận chủ động, linh hoạt và sáng tạo đối với lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài, phù hợp với quá trình tái cấu trúc kinh tế khu vực và toàn cầu.

Một báo cáo gần đây của Bộ Thương mại cho thấy, kim ngạch xuất khẩu của Campuchia thông qua các khu kinh tế đặc biệt (SEZ) đạt 5,7 tỷ USD năm 2024. Năm 2025, dự kiến Campuchia sẽ thẩm định và xem xét cấp phép đầu tư cho khoảng 500 dự án trên toàn quốc. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Hoàng gia, Hội đồng Đầu tư Campuchia (CDC), mà cụ thể là Ủy ban Xúc tiến Đầu tư trực thuộc CDC rất nỗ lực thu hút, kêu gọi, xúc tiến đầu tư nước ngoài vào Campuchia, trong đó có cả Chương trình xúc tiến thu hút đầu tư vào các tỉnh khu vực Đông Bắc với cơ chế một cửa và nhiều chính sách ưu đãi. Riêng ở khu vực này, các lĩnh vực được tập trung thu hút gồm có: phát triển nông nghiệp, du lịch – du lịch sinh thái và công nghiệp chế biến..., tất nhiên không loại trừ các lĩnh vực khác do nhà đầu tư và doanh nghiệp quan tâm triển khai.

Theo đánh giá của Chính phủ Hoàng gia về khuôn khổ tài chính công trung hạn đến năm 2025, ngành công nghiệp Campuchia dự kiến sẽ tăng trưởng 8,6% vào năm 2025, nhờ sự mở rộng các ngành sản xuất trong đó

có các phân ngành may mặc và ngoài may mặc, trong khi ngành xây dựng có thể sẽ tăng trưởng chậm hơn so với cùng kỳ.

Kết quả tăng trưởng của công nghiệp xấp xỉ 8% năm 2024 phản ánh rõ nét thành tựu của việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Campuchia trong những năm qua.

2. CƠ QUAN QUẢN LÝ

Cơ quan quản lý hoạt động đầu tư tại Campuchia là Hội đồng Đầu tư Phát triển Campuchia (CDC), cơ quan chính phủ có trách nhiệm hoạch định chính sách, xúc tiến, thu hút, thẩm định, cấp phép các dự án đầu tư trên cả nước, bao gồm cả trong và ngoài các đặc khu kinh tế.

Cơ quan này đưa ra quyết định dựa trên ý kiến của các cơ quan bộ ngành, quản lý lĩnh vực có liên quan.

Trong những năm qua CDC đã hoạt động rất tích cực, thu hút được nhiều vốn và công nghệ vào các dự án đầu tư trên khắp đất nước Campuchia.

3. ĐỐI TÁC CHÍNH

Theo Hội đồng Phát triển Campuchia, Trung Quốc tiếp tục là đối tác đầu tư lớn nhất vào Campuchia, chiếm tới 50% tổng vốn đầu tư. Năm 2024, Trung Quốc đầu tư khoảng 3,42 tỷ USD vào các dự án tại Campuchia, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Giai đoạn từ 2017 đến 2022, tổng đầu tư của Trung Quốc vào Campuchia ước đạt 15 tỷ USD.

Việt Nam cũng có tới 215 dự án đầu tư với tổng số vốn xấp xỉ 2,94 tỷ USD. Ngoài ra, Campuchia còn tiếp nhận đầu tư từ một số nước khác như Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan, Canada, Anh... Các dự án đầu tư đa dạng về phân loại, chủ yếu tập trung vào các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng, cung ứng dịch vụ, xây dựng...

Theo các chuyên gia, tăng trưởng lĩnh vực xây dựng tại Campuchia giai đoạn 2025 - 2028 có thể đạt tới 7,3%, chủ yếu là nhờ các dự án đầu tư nước ngoài được thu hút đúng thời điểm.

Các dự án đầu tư mới chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực may mặc, du lịch và giày dép, phát triển khách sạn, nhà máy thủy điện, cảng nước ngọt, nhà máy điện mặt trời, nhà máy chiếu sáng và phụ kiện, nông nghiệp, công viên giải trí, nhà máy lắp ô tô và các đặc khu kinh tế, cùng nhiều lĩnh vực khác.

Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia và người phát ngôn của Bộ này cho biết, thỏa thuận Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại Tự do Campuchia - Trung Quốc (CCFTA), cùng với luật đầu tư mới của Campuchia, là những yếu tố chính thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Campuchia.

4. ĐẶC KHU KINH TẾ

Campuchia hiện có 32 đặc khu kinh tế đang vận hành, với tổng số 883 dự án lớn nhỏ. Năm 2024, số dự án đầu tư vào các đặc khu kinh tế lên tới 49 dự án. Cũng trong năm này, Campuchia cấp phép thêm cho 10 dự án ở các đặc khu với tổng giá trị khoảng 850 triệu USD.

Theo con số công bố chính thức, tổng kim ngạch xuất khẩu từ các đặc khu đạt giá trị xấp xỉ 5 tỷ USD năm 2024.

Căn cứ kết quả cuộc thăm dò quốc tế độc lập, năm 2024 Campuchia đứng trong nhóm 20 quốc gia thu hút đầu tư nước ngoài mạnh nhất, được sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, căn cứ trên mức độ cải thiện môi trường đầu tư, nhất là chính sách ưu đãi tại các đặc khu kinh tế.

Bên cạnh các ưu đãi về chính sách chung đối với hoạt động đầu tư, Campuchia cũng dành cho các đặc khu những cơ chế thu hút và ưu đãi riêng biệt nhằm thu hút và giữ chân các nhà đầu tư nước ngoài.

5. CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH

Chính phủ Hoàng gia Campuchia rất tích cực, năng động trong việc thu hút đầu tư phát triển toàn diện các vùng kinh tế của đất nước. Thu hút đầu tư là nội dung được Thủ tướng Hun Manet đề cập trong các chuyến công du tới các quốc gia, kể từ khi được tin nhiệm điều hành Chính phủ.

Ở trong nước, hoạt động thu hút, kêu gọi, thẩm định, cấp phép đầu tư được Chính phủ đẩy nhanh từng ngày, từng giờ. Campuchia đang thay đổi và phát triển đi lên từng ngày.

Việc rà soát các khuôn khổ pháp lý theo hướng tạo điều kiện và thông thoáng hơn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư được Thủ tướng, Chính phủ Hoàng gia và Hội đồng Phát triển Campuchia thực hiện quyết liệt.

Trong những năm tới, dòng vốn đầu tư vào Campuchia sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhờ sự dịch chuyển các cơ sở đầu tư quy mô lớn sang các nước ASEAN và sự hỗ trợ liên tục của Chính phủ Hoàng gia đối với môi trường đầu tư hấp dẫn. Điều này bao gồm các nỗ lực xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, giảm chi phí và tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài.

Chủ trương chính sách thu hút đầu tư nhằm phát triển sản xuất trong nước, phục vụ nhu cầu người dân, nâng cao tính tự chủ, làm chủ công nghệ sản xuất và hướng tới đẩy mạnh xuất khẩu thu ngân sách, thực hiện chuyển giao công nghệ, tranh thủ sự hỗ trợ từ nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước chính là hướng đi của Campuchia trong những năm tới đây.

Điều này mở ra tiềm năng to lớn trong lĩnh vực hợp tác đầu tư kinh doanh để các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có nhà đầu tư và doanh nghiệp Việt Nam, có thể nghiên cứu, tham gia vì lợi ích của cả hai phía.

6. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ VỀ ĐẦU TƯ

Campuchia ban hành Luật Đầu tư (LoI) vào ngày 15 tháng 10 năm 2021 nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý công khai, minh bạch, có tính dự đoán được nhằm thu hút và xúc tiến đầu tư một cách có chất lượng, hiệu quả của các nhà đầu tư Campuchia hoặc nước ngoài tại Vương quốc (xem Phụ lục Luật Đầu tư Campuchia).

Luật này áp dụng cho tất cả các “dự án đầu tư đủ điều kiện”(QIPs), “dự án mở rộng các dự án đầu tư đủ điều kiện” (EQIPs) và “các dự án đầu

tư được đảm bảo” (GIPs) đã đăng ký với Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh, thành phố.

7. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Ưu đãi đầu tư trong các lĩnh vực và hoạt động quan trọng thông qua cơ chế ưu đãi cơ bản liên quan đến thuế, ưu đãi bổ sung và ưu đãi đặc biệt. Bảo đảm đầu tư một nhóm các biện pháp đảm bảo cho các nhà đầu tư và tài sản của họ theo luật, nhằm bảo đảm an toàn và ổn định môi trường đầu tư.

Chính sách và thủ tục hướng dẫn cơ bản về một số khía cạnh kỹ thuật được đề cập trong LOI, như đăng ký và chuyển nhượng dự án đầu tư.

Dự án đầu tư là dự án đầu tư đủ điều kiện, dự án mở rộng của dự án đầu tư đủ điều kiện và dự án đầu tư được bảo đảm.

Dự án đầu tư đủ điều kiện viết tắt là QIP, là dự án đầu tư đã được Hội đồng phát triển Campuchia hoặc ủy ban đầu tư tỉnh - thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký.

Dự án mở rộng của dự án đầu tư đủ điều kiện (viết tắt là EQIP) đề cập đến việc mở rộng QIP dưới mọi hình thức, bao gồm mở rộng các dây chuyền sản xuất hiện có, mở rộng bằng cách đa dạng hóa các dòng sản phẩm trong các sản phẩm tương tự, mở rộng thông qua việc lắp đặt các công nghệ mới nâng cao năng suất hoặc bảo vệ môi trường, mở rộng cơ sở hạ tầng để phục vụ dịch vụ viễn thông cơ bản, hoặc mở rộng dưới các hình thức khác sẽ được quy định trong nghị định.

Dự án đầu tư có bảo đảm (viết tắt là GIP) là dự án đầu tư đã đăng ký với Hội đồng phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố và nêu rõ rằng dự án đầu tư chỉ được bảo lãnh đầu tư mà không được hưởng ưu đãi về thuế.

8. MỘT SỐ LĨNH VỰC ƯU ĐÃI KHI ĐẦU TƯ VÀO CAMPUCHIA

- ✓ Công nghiệp công nghệ cao sáng tạo và nghiên cứu phát triển;
- ✓ Các ngành hoặc nhà sản xuất mới với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính sáng tạo và sức cạnh tranh cao;

- ✓ Các ngành công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu;
- ✓ Công nghiệp hỗ trợ liên quan đến nông nghiệp, du lịch, chế tạo, công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu và các ngành công nghiệp chuỗi cung ứng;
- ✓ Công nghiệp điện và điện tử;
- ✓ Công nghiệp phụ tùng, lắp ráp và lắp đặt;
- ✓ Công nghiệp cơ khí và máy móc;
- ✓ Nông nghiệp, công nghiệp nông sản, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu;
- ✓ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực ưu tiên và phát triển cụm doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu công nghiệp, khu khoa học, công nghệ và khu công nghệ cao;
- ✓ Ngành du lịch và các hoạt động liên quan khác của nó;
- ✓ Phát triển các đặc khu kinh tế;
- ✓ Công nghiệp kỹ thuật số;
- ✓ Đầu tư cho giáo dục, dạy nghề và nâng cao năng suất;
- ✓ Đầu tư vào lĩnh vực y tế;
- ✓ Phát triển cơ sở hạ tầng vật chất;
- ✓ Đầu tư vào lĩnh vực hậu cần;
- ✓ Đầu tư cho quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế tuần hoàn;
- ✓ Đầu tư vào năng lượng xanh, công nghệ góp phần thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu;
- ✓ Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư khác không được luật này liệt kê nếu Chính phủ Hoàng gia Campuchia xét thấy có tiềm năng phát triển kinh tế xã hội.

Ưu đãi cơ bản: Hoạt động đầu tư được đăng ký với tư cách là QIP có quyền lựa chọn các hình thức khuyến khích cơ bản trong hai phương án sau:

Phương án 1: Được miễn thuế thu nhập từ 3 năm đến 9 năm, tùy thuộc vào lĩnh vực và hoạt động đầu tư, kể từ khi có thu nhập đầu tiên. Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư, cũng như thời gian miễn thuế thu nhập sẽ được xác định trong Nghị định và/hoặc luật quản lý tài chính.

Sau thời gian miễn thuế thu nhập, QIP được hưởng khuyến khích nộp thuế thu nhập theo tỷ lệ lũy tiến theo thời gian tương ứng với tổng số thuế phải nộp như sau: 25% trong 2 năm đầu tiên; 50% trong 2 năm tiếp theo và 75% trong 2 năm gần nhất được miễn thuế trả trước trong thời gian miễn thuế thu nhập;

Được miễn thuế tối thiểu với yêu cầu phải có báo cáo kiểm toán độc lập;

Được miễn thuế xuất khẩu, trừ khi các luật và quy định khác có quy định khác;

Có quyền khấu trừ chi tiêu vốn thông qua khấu hao đặc biệt như đã nêu trong các điều khoản thuế hiện hành;

Đủ điều kiện để được khấu trừ lên đến 200% cho các chi phí quan trọng khác trong tối đa 9 năm. Luật Đầu tư nêu rõ các đảm bảo và bảo vệ đầu tư được cung cấp cho “Nhà đầu tư” là người thực hiện một dự án đầu tư đã đăng ký với CDC hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố.

Không phân biệt đối xử trong một số trường hợp đầu tư thua lỗ: Các nhà đầu tư sẽ không bị phân biệt đối xử khi liên quan đến việc bồi hoàn, bồi thường hoặc các biện pháp kinh tế khác trong trường hợp khoản đầu tư của họ bị thua lỗ do xung đột vũ trang, xáo trộn dân sự hoặc tình trạng khẩn cấp nếu có luật và chính sách của Chính phủ Hoàng gia Campuchia về bất kỳ điều kiện hợp lý về bồi hoàn và bồi thường.

Không phân biệt đối xử trên cơ sở quốc tịch nước ngoài: Các nhà đầu tư nước ngoài không phải chịu bất kỳ sự phân biệt đối xử nào do quốc tịch nước ngoài, ngoại trừ quyền sở hữu đất đai theo quy định của Hiến pháp Vương quốc Campuchia và bất kỳ quy định nào khác có hiệu lực.

Không quốc hữu hóa: Nhà nước sẽ không thực hiện bất kỳ hành động quốc hữu hóa nào có thể ảnh hưởng đến tài sản của các nhà đầu tư tại Vương quốc Campuchia.

Không trưng thu: Nhà nước không được thực hiện việc trưng thu có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến dự án đầu tư đã được phê duyệt hoặc thực hiện các biện pháp có tác động tương tự để trưng thu, trừ trường hợp vì lợi ích công cộng với các điều kiện sau:

- ✓ Không phân biệt đối xử;
- ✓ Bồi thường công bằng và chính đáng;
- ✓ Tuân thủ luật pháp và các thủ tục trưng thu có hiệu lực. Sự tập trung sâu rộng vào đầu tư sáng tạo và bền vững là một sự phát triển tích cực.

Không kiểm soát giá cả: Chính phủ Hoàng gia Campuchia không ấn định giá của các sản phẩm hoặc dịch vụ do dự án đầu tư tạo ra hoặc cung cấp.

9. QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư có quyền tự do mua ngoại tệ và chuyển về toàn bộ số ngoại tệ đó để thanh toán các nghĩa vụ tài chính liên quan đến khoản đầu tư của mình thông qua hệ thống ngân hàng được phép trung gian.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: Tài sản trí tuệ của nhà đầu tư được bảo vệ theo luật pháp và các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ của Vương quốc Campuchia.

Quyền sử dụng đất: Nhà đầu tư chỉ được phép sở hữu đất để thực hiện dự án đầu tư đối với người có quốc tịch Campuchia theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành.

Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất thông qua hình thức nhượng đất kinh tế hoặc thuê vĩnh viễn và thuê với thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư cũng có quyền:

- ✓ Thuê nhân viên nước ngoài quản lý hoặc vận hành dự án đầu tư trong hạn mức không vượt quá số lượng theo quy định của pháp luật và các quy định có hiệu lực trong trường hợp không tìm được nhân viên Campuchia đủ năng lực để quản lý hoặc vận hành dự án đầu tư. Việc cho phép thuê nhân viên nước ngoài dựa trên hoàn cảnh thực tế và không có giá trị vĩnh viễn.
- ✓ Xin giấy phép tạm trú dài hạn cho bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên trong thời gian dự án đầu tư của họ đang hoạt động.
- ✓ Xin giấy phép tạm trú dài hạn cho nhân viên nước ngoài và cho vợ/ chồng và con chưa thành niên của những nhân viên nước ngoài này trong thời gian hợp đồng lao động còn hiệu lực.
- ✓ Được cấp giấy phép lao động và sổ lao động cho bản thân và cho nhân viên nước ngoài của họ. Hội đồng phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố sẽ cấp giấy chứng nhận tư cách nhà đầu tư cho người có liên quan đến dự án đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư để xin giấy phép tạm trú dài hạn, giấy phép lao động và sổ lao động và các mục đích cần thiết khác theo quy định của thủ tục hiện hành.

10. XU HƯỚNG ĐẦU TƯ

a) Dịch vụ du lịch

Campuchia có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng cùng nền ẩm thực độc đáo. Do đó, nơi đây thu hút được rất nhiều du khách ghé thăm. Năm 2023, tổng doanh thu từ ngành du lịch Campuchia là 3 tỷ USD và tăng 115% so với năm 2022.

Năm 2024, du lịch Campuchia đã phục hồi và thu hút lượng khách quốc tế gần 8 triệu, vượt qua mức kỷ lục năm 2019 với 6,6 triệu người. Ước tính, khách du lịch trong nước lên tới 22 triệu lượt.

Nhận thấy tiềm năng của ngành này, hiện có rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam tham gia đầu tư các dịch vụ lưu trú, lễ hành kết nối với các tuyến du lịch sang Campuchia.

b) Bất động sản

Campuchia có bối cảnh kinh tế ổn định và tốc độ tăng trưởng GDP cao. Do đó, bất động sản là lĩnh vực nhận được rất nhiều sự quan tâm của các doanh nghiệp nước ngoài mới tham gia đầu tư vào Campuchia bởi khả năng sinh lời và tính ổn định cao.

Tuy nhiên, do luật chưa cho phép người nước ngoài đứng tên mua, yếu tố pháp lý đảm bảo chưa cao nên số lượng nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường bất động sản Campuchia còn chưa nhiều.

c) Nông nghiệp

Nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Campuchia, chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP. Thời gian qua, nhu cầu sử dụng các thiết bị, máy móc phục vụ cho nông nghiệp cũng tăng lên. Thu hút đầu tư cho phát triển sản xuất và công nghiệp chế biến nông sản là hướng đi Chính phủ Campuchia quan tâm. Trong khi đó, số đơn vị phân phối máy móc, thiết bị này tại Campuchia còn khá ít. Đây cũng là cơ hội và tiềm năng mà các doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam có thể xem xét, tìm hiểu.

d) Dệt may

Dệt may là ngành nghề chiếm tỷ trọng cao trong GDP tại Campuchia. Bên cạnh đó, với chi phí thuê nhân công chưa cao và tiềm năng mang lại lợi nhuận, ngành dệt may tại Campuchia được rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam mong muốn tham gia đầu tư. Mặc dù, ngành dệt may Campuchia trải qua nhiều khó khăn từ năm 2020 do vấn đề ưu đãi quốc tế giảm, nhưng đây sẽ vẫn là ngành được Chính phủ Hoàng gia Campuchia quan tâm duy trì phát triển bởi ngoài yếu tố kinh doanh, lĩnh vực này giúp giải quyết vấn đề an sinh xã hội. Ngành dệt may Campuchia giải quyết việc làm cho khoảng 700 ngàn lao động.

11. NGÀNH NGHỀ CỤ THỂ CÓ TIỀM NĂNG

- ✓ Các loại máy móc được sử dụng để phục vụ công nông nghiệp.
- ✓ Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- ✓ Sản xuất hàng dệt may.

- ✓ Kinh doanh dịch vụ logistics.
- ✓ Kinh doanh dịch vụ lưu trú.
- ✓ Phân phối vật liệu xây dựng.
- ✓ Đầu tư bất động sản.
- ✓ Sản xuất hàng tiêu dùng.
- ✓ Cung ứng các dịch vụ lễ hành;
- ✓ Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- ✓ Lĩnh vực khác...

12. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Một người có ý định thực hiện QIP, EQIP hoặc GIP, phải gửi đề xuất bằng văn bản lên Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư cấp tỉnh – thành phố. Theo Luật Đầu tư, đơn đề xuất dự án đầu tư có thể được thực hiện trực tuyến. Đơn đề xuất dự án đầu tư phải kèm theo một số thông tin nhất định theo quy định của nghị định.

Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ xem xét và phê duyệt đề xuất thông qua cơ chế dịch vụ một cửa, là cơ chế xem xét và quyết định đề xuất dự án đầu tư của đại diện các bộ và cơ quan liên quan tại Hội đồng Phát triển Campuchia theo sự phân công và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Nếu dự án đầu tư được đề xuất không nằm trong danh sách tiêu cực sẽ được xác định riêng bởi nghị định, Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký cho Người nộp đơn không muộn hơn 20 ngày làm việc (tham khảo thêm thông tin tại đây: www.cdc.gov.kh).

Đăng ký trực tuyến: <https://qip.cdc.gov.kh/login>. Các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký có thể được triển khai tự động. Việc nhận được giấy chứng nhận đăng ký không dẫn đến dự án đầu tư không được cấp các giấy phép khác theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành.

Tất cả các dự án đầu tư chịu sự giám sát và kiểm tra của Hội đồng Phát triển Campuchia để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

Chủ đầu tư phải cung cấp báo cáo theo tiến độ cụ thể do Hội đồng Phát triển Campuchia quy định về việc thực hiện dự án đầu tư.

Định dạng chi tiết của mẫu báo cáo sẽ được xác định theo hướng dẫn của Hội đồng Phát triển Campuchia. Mua, bán hoặc sáp nhập một dự án đầu tư, các quyền, đặc quyền và lợi ích khác mà QIP có được không thể được chuyển nhượng cho bất kỳ bên thứ ba nào, ngoại trừ thông qua việc mua, bán và sáp nhập dự án đầu tư.

Dự án đầu tư có thể được mua, bán hoặc sáp nhập mà không làm mất các ưu đãi, bảo đảm đầu tư và bất kỳ nghĩa vụ nào kèm theo nếu việc mua bán, sáp nhập phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và được thực hiện thông qua văn bản đề nghị với Hội đồng phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư cấp tỉnh - thành phố, nơi các thủ tục chi tiết sẽ do Nghị định quyết định.

13. DỪNG - HỦY BỎ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư có thể bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

- ✓ Không có khả năng tiếp tục thực hiện QIP;
- ✓ Pháp nhân thực hiện QIP bị giải thể;
- ✓ Không thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong luật và các quy định hiện hành;
- ✓ Theo đề nghị của các bộ, ngành có liên quan đối với dự án đầu tư có ảnh hưởng xấu đến môi trường, an ninh quốc gia, lợi ích công cộng, dân sinh hoặc theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Các thủ tục chi tiết để hủy bỏ sẽ do Nghị định xác định. Ngay cả khi dự án đầu tư bị hủy bỏ, nhà đầu tư không được miễn thuế và các nghĩa vụ khác.

Nhà đầu tư có thể khiếu nại việc hủy bỏ dự án đầu tư bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố theo thủ tục hiện hành.

Trong trường hợp có kháng nghị, Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban đầu tư cấp tỉnh – thành phố sẽ quyết định về việc kháng nghị này. Trong trường hợp không hài lòng với quyết định trên, nhà đầu tư kháng cáo có thể gửi đơn khiếu nại đến tòa án có thẩm quyền của Campuchia.

Tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà đầu tư liên quan đến dự án đầu tư có thể được giải quyết thông qua cơ chế hòa giải bởi Hội đồng phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh – thành phố theo yêu cầu bằng văn bản của Hội đồng phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư tỉnh – thành phố của bất kỳ bên nào trong tranh chấp.

Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu hòa giải, Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư cấp tỉnh – thành phố sẽ tổ chức hòa giải với nhà đầu tư và các bên liên quan khác (nếu cần thiết) để tìm ra giải pháp phù hợp.

Nếu cơ chế hòa giải trên không thành công, tranh chấp có thể được giải quyết thông qua:

- ✓ Trọng tài quốc gia hoặc quốc tế;
- ✓ Tòa án có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia.

Các khoản đầu tư được ưu đãi đầu tư và được sự cho phép của Luật Đầu tư năm 1994 và năm 2003, được coi là dự án QIP theo luật này.

Các khoản đầu tư không được ưu đãi đầu tư nhưng đã được bảo lãnh đầu tư và được sự cho phép của Luật Đầu tư năm 1994 và năm 2003, được coi là GIPs. QIP đã được miễn thuế thu nhập do Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc tiểu ban đầu tư cấp tỉnh – thành phố chấp thuận bằng văn bản trước khi ban hành luật này, được tiếp tục miễn thuế thu nhập còn lại.

Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình cho đến khi có sắc lệnh thay thế của Hoàng gia về tổ chức và chức năng của Hội đồng Phát triển Campuchia.

Luật Đầu tư mang lại khung pháp lý mới có lợi cho đầu tư nước ngoài, đặc biệt là thiết lập một cơ chế khuyến khích quan trọng cho 19

lĩnh vực và hoạt động đầu tư, bao gồm đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, quản lý và bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng hiệu quả, du lịch, đào tạo và nâng cao tay nghề, hậu cần, nghiên cứu và phát triển, cơ sở hạ tầng và nhiều thứ khác.

Luật này được kỳ vọng sẽ tăng khả năng cạnh tranh và sức hấp dẫn của Campuchia trên tinh thần đa dạng hóa cơ sở kinh tế, hỗ trợ đổi mới và thúc đẩy phục hồi kinh tế của đất nước trong bối cảnh đại dịch.

Địa chỉ CDC: Government Palace, Sisowath Quay, Wat Phnom, Phnom Penh, Cambodia. Website: www.cdc.gov.kh. Tel : 099 799 679/098 799 679. Email: helpdesk@cdc.gov.kh; info@cdc.gov.kh.

14. THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

a) Để thành lập và đăng ký doanh nghiệp tại Campuchia, cần chuẩn bị bộ hồ sơ gồm những văn bản sau:

- ✓ Điều lệ công ty theo có chữ ký của tất cả các thành viên Công ty (làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Hợp đồng thuê trụ sở Công ty tại Campuchia (bằng tiếng Khmer và tiếng Anh, có xác nhận của chính quyền địa phương sở tại, và kèm theo hóa đơn điện - nước - bưu điện nếu có, làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân của Giám đốc Công ty (Bản photo), (04 ảnh 4 x 6) có xác nhận công chứng (04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Giấy xác nhận của Chính quyền địa phương về việc không phạm tội hình sự (04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Lệ phí xin giấy phép thành lập công ty với số tiền lệ phí theo quy định.
- ✓ Điền thông tin và ký xác nhận vào các mẫu đơn theo quy định của Bộ Thương mại Campuchia khi đến Bộ Thương mại nộp hồ sơ (nếu Bộ yêu cầu).

b) Thủ tục thành lập công ty con, chi nhánh công ty, văn phòng đại diện
Hồ sơ gồm có:

- ✓ Điều lệ công ty có chữ ký của tất cả các thành viên. (làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Hợp đồng thuê trụ sở công ty tại Campuchia (bằng tiếng Khmer và tiếng Anh, có xác nhận nhận của cơ quan chính quyền địa phương sở tại và kèm theo hóa đơn điện - nước - bưu điện nếu có, làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân (bản photo) của giám đốc công ty (04 ảnh 4x6 cm) có xác nhận công chứng (04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương về không phạm tội hình sự (04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh).
- ✓ Lệ phí xin giấy phép thành lập công ty với số tiền lệ phí theo quy định.
- ✓ Điền thông tin và ký xác nhận vào các mẫu đơn theo quy định khi đến nộp hồ sơ tại Bộ Thương mại (nếu Bộ yêu cầu).
- ✓ Dịch và công chứng giấy thành lập công ty mẹ; điều lệ công ty mẹ (04 bản tiếng Anh).
- ✓ Giấy ủy quyền của tổng giám đốc/giám đốc cho người được làm giám đốc công ty/ trưởng chi nhánh công ty tại Campuchia (04 bản tiếng Anh).

Theo quy định, sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại sẽ cấp giấy phép đăng ký thành lập công ty/chi nhánh công ty tại Campuchia.

Doanh nghiệp cũng có thể làm thủ tục online qua mạng của Bộ Thương mại tại : www.businessregistration.moc.gov.kh. Tuy nhiên, đăng ký online vẫn cần đến trực tiếp để hoàn tất các thủ tục cần thiết.

15. CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ LỚN CỦA CAMPUCHIA

Quy hoạch tổng thể toàn diện về hệ thống vận tải và hậu cần Campuchia 2023 - 2033 được công bố chính thức. Campuchia đã chuẩn bị lộ trình xây dựng hệ thống vận tải và logistics di động để hỗ trợ doanh nghiệp.

Kế hoạch tổng thể về hệ thống vận tải và hậu cần của Campuchia cũng có sự tham gia nghiên cứu và chuẩn bị của JICA Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới và các công ty Trung Quốc.

Quy hoạch tổng thể toàn diện về hệ thống vận tải và hậu cần Campuchia giai đoạn 2023 - 2033 có tầm nhìn cải thiện, phát triển hơn nữa hệ thống vận tải và hậu cần với trọng tâm là thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng.

Các mục tiêu quy hoạch là:

- ✓ Mở rộng và nâng cao quy mô, năng lực của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông.
- ✓ Nâng cao hiệu quả của dịch vụ vận tải và cơ sở hạ tầng.
- ✓ Thúc đẩy và cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông để hỗ trợ các chính sách phát triển quốc gia.
- ✓ Tăng cường hiệu quả dịch vụ và chi phí logistics.

Quy hoạch tổng thể xác định 174 dự án ưu tiên, trong đó có 94 dự án đường bộ, 8 dự án đường sắt, 23 dự án giao thông đường sông, 20 dự án giao thông đường biển và 20 dự án giao thông hàng không.

Trong đó có 10 dự án logistics, 15 dự án và 4 dự án bổ sung. Các dự án này bao gồm các dự án kết nối một phương thức vận tải này với các phương tiện vận tải khác và đến các trung tâm hậu cần, cũng như 90 dự án ngắn hạn và trung hạn và một số dự án dài hạn.

Theo ước tính, các dự án này cần tổng nguồn tài trợ là 36,679 tỷ USD, trong đó nhu cầu ngắn hạn và trung hạn từ năm 2023 đến năm 2027 là khoảng 19,926 tỷ USD, nhu cầu dài hạn tương đương 3,985 tỷ USD.

Theo số liệu thống kê, tính đến nay, Việt Nam có 215 dự án đầu tư sang Campuchia được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài là 2,94 tỷ USD, đứng thứ 2 trong số 79 quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài (sau Lào).

Phân theo lĩnh vực: hoạt động đầu tư từ Việt Nam sang Campuchia tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp với tổng vốn đăng ký 2,21 tỷ USD (chiếm 75% tổng vốn đăng ký); tiếp theo là hoạt động tài chính - ngân hàng - bảo hiểm 380 triệu USD (chiếm 13%); công nghiệp chế biến chế tạo 100 triệu USD (chiếm 3,4%); khai khoáng 58,5 triệu USD (chiếm 2%)...

Gần đây, một số doanh nghiệp, nhà đầu tư Việt Nam đã quay trở lại nghiên cứu, khảo sát thị trường và tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Campuchia. Các doanh nghiệp Việt Nam đang đầu tư, kinh doanh tại Campuchia thời gian qua gặp vẫn gặp một số vướng mắc do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế thế giới đến quá trình đầu tư, kinh doanh và những vướng mắc từ các yếu tố khách quan và chủ quan.

16. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ TẠI CAMPUCHIA

Dù không dễ dàng, Thương vụ cho rằng Campuchia là thị trường đầu tư tiềm năng, bởi ngành sản xuất còn nhiều dư địa để phát triển. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng, nhựa, đồ uống vẫn còn dư địa để phát triển.

Chế biến nông sản nhằm gia tăng giá trị hàng xuất khẩu cũng là hướng đi có thể tính đến tại Campuchia.

Chính phủ Hoàng gia trong những năm qua đã triển khai nhiều cải cách, trong đó có các ưu đãi về thuế, tạo môi trường kinh doanh thân thiện.

Bên cạnh đó, cơ chế thông tin và đối thoại giữa các cơ quan chính phủ với các nhà đầu tư cũng tạo thêm thuận lợi cho các doanh nghiệp trong

triển khai và tháo gỡ các vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Tất nhiên để hài lòng 100% các mong muốn cũng là việc không dễ thực hiện.

Chính phủ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến lĩnh vực kinh tế tư nhân và hợp tác công tư với các khuôn khổ pháp lý được điều chỉnh và nhiều diễn đàn trao đổi thông tin, cùng tìm các giải pháp phối hợp.

Đặc biệt, đầu tư vào các tỉnh khu vực Đông Bắc là định hướng tốt trong những năm tới đây. Kể từ tháng 5/2025, Chính phủ Campuchia ban hành Chương trình thu hút đầu tư khu vực Tây Bắc, chủ trương thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư vào khu vực này, tập trung các nhiều lĩnh vực trong đó có phát triển nông nghiệp, du lịch, du lịch sinh thái, thúc đẩy công nghiệp chế biến...

Nằm ở vị trí trung tâm ASEAN, Campuchia có vị trí thuận lợi tại thị trường khu vực. Các đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giao thông, hậu cần, kết nối và liên kết kinh tế giúp giảm các chi phí và tối ưu hóa các giao dịch kinh doanh tại Campuchia.

Phát triển kinh tế số và số hóa, xu hướng chính phủ điện tử được nêu trong khung chính sách xã hội Campuchia giai đoạn 2021 - 2035. Theo đó, Campuchia sẽ phát triển theo hướng tăng cường sáng tạo, thúc đẩy năng suất, thương mại điện tử, đầu tư công nghệ, cũng chính là một trụ cột quan trọng trong chiến lược ngũ giác giai đoạn I đang triển khai. Đây cũng chính là những lĩnh vực mà các đối tác nước ngoài, trong đó có Việt Nam, có thể nghiên cứu khả năng tham gia đầu tư kinh doanh, hay cung ứng dịch vụ tại sở tại.

Campuchia cũng đặc biệt quan tâm đến phát triển năng lượng bền vững từ các nguồn tài nguyên phong phú, trong đó có điện mặt trời hay thủy điện rất có tiềm năng đầu tư. Quy hoạch phát triển điện lực 2022 - 2040 đã vẽ ra con đường rõ ràng cho việc mở rộng phát triển năng lượng tái tạo, đảm bảo môi trường đầu tư ổn định và có thể dự đoán được.

Cùng với đó là mục tiêu trung hòa carbon của Chính phủ Campuchia vào năm 2050, cho thấy lĩnh vực năng lượng sạch có tiềm năng tăng trưởng dài hạn.

Việt Nam và Campuchia có quan hệ đầu tư, tuy còn có thể phát triển hơn rất nhiều. Campuchia đầu tư vào Việt Nam, chỉ hơn 30 dự án với tổng số vốn khoảng 178 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, có hơn 215 dự án với tổng số vốn khoảng 2,95 tỷ USD tính đến nay, trong đó có những dự án có tiếng vang lớn như METphone, Thaco Agri, Angkor Milk, các ngân hàng lớn của Việt Nam, Việt Nam Airlines...

Trong đó, Công ty Liên doanh Viễn thông Metfone đã đạt được nhiều thành tựu sau hơn 15 năm có mặt tại thị trường Campuchia, khẳng định đây là điển hình cho hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Campuchia. Bên cạnh hình ảnh doanh nghiệp năng động, Metfone đã đi vào trái tim người dân Campuchia thông qua các hoạt động an sinh xã hội tại Campuchia. Metfone đã có chính sách đồng hành cùng Chính phủ Campuchia triển khai Chính phủ điện tử khi phổ cập dịch vụ viễn thông, tiên phong hỗ trợ chuyển đổi số trong Chính phủ và các Bộ, ngành của Campuchia; phát triển tài chính số.

Năng lực hiện nay của các doanh nghiệp hai bên hoàn toàn phù hợp và đáp ứng được việc thâm nhập, tìm chỗ đứng và phát triển thị phần ở mỗi nước. Có thể khẳng định, hoạt động đầu tư của Việt Nam vào Campuchia đã có chuyển biến mạnh mẽ và còn rất nhiều cơ hội.

Việt Nam Airlines cũng có những bước phát triển vững vàng, dù đã trải qua không ít khó khăn. Tới nay đã có đường bay thẳng Hà Nội - Phnom Penh của Vietnam Airlines, theo đó hãng hàng không quốc gia Việt Nam khai thác đường bay thẳng giữa Hà Nội và Phnom Penh với tần suất 4 chuyến bay khứ hồi mỗi tuần. Hai bên cũng đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) và Hãng hàng không Quốc gia Campuchia (Cambodia Angkor Air-nay đã đổi tên thành Air ASIA CAMBODIA) về tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác song phương, cung cấp dịch vụ hàng không với chất lượng tiêu chuẩn cao nhất trên các đường bay giữa Việt Nam và Campuchia và Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Vietnam Airlines, Tổng Công ty Du lịch

Sài Gòn (Saigon Tourist Group), Hiệp hội Du lịch Campuchia (CATA) và Cambodia Angkor Air về hợp tác thúc đẩy du lịch, hàng không “Hai quốc gia – Một điểm đến”.

17. LÝ DO NÊN ĐẦU TƯ VÀO CAMPUCHIA

Khi một nhà đầu tư đến với Campuchia, họ quan tâm đến ít nhất là 03 vấn đề chính: sự ổn định chính trị, ổn định kinh tế vĩ mô, hành lang pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp.

Campuchia còn có thể cung cấp cho các nhà đầu tư thêm các yếu tố như khả năng hội nhập vào thị trường quốc tế. Campuchia mời các nhà đầu tư đến Campuchia để sản xuất sản phẩm xuất khẩu sang thị trường châu Âu trên nền tảng Campuchia không bị rào cản về hạn ngạch trên thị trường này. Đối với Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và các quốc gia lớn khác cũng vậy, đa số là miễn thuế và không áp dụng hạn ngạch. Campuchia có một chính sách thương mại hoàn toàn rộng mở.

18. HẠN CHẾ TRONG VIỆC ĐẦU TƯ KINH DOANH TẠI CAMPUCHIA VÀ NHỮNG NỖ LỰC ĐỂ KHẮC PHỤC

Dung lượng thị trường Campuchia chưa lớn, các ngành phát triển đến mức độ nhất định là có thể bão hòa.

Cơ sở hạ tầng tại Campuchia vẫn đang được hoàn thiện. Trong nhiều năm qua, Chính phủ Campuchia đã cố gắng cải thiện cơ sở hạ tầng.

Giá điện còn cao. Tuy nhiên, các công trình thủy điện đã được triển khai xây dựng. Trong thời gian không đến 10 năm tới, nhiều nhà máy điện ở Pursat, Koh Kong và phía Đông Bắc Campuchia sẽ phát điện. Khi ấy, vấn đề giá điện cao sẽ được giải quyết.

Tóm lại, đầu tư luôn dài hạn và lâu nhìn thấy kết quả hơn kinh doanh, nhưng nếu các doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm bắt cơ hội đúng thời điểm, có chiến lược, định hướng và nghiên cứu rõ ràng, tuân thủ các nguyên tắc về đầu tư và thị trường, thì Campuchia là một địa chỉ tốt, có nhiều tiềm năng trong trung và dài hạn.

Tận dụng được chủ trương ưu đãi và mở cửa đầu tư lúc này của Chính phủ Campuchia sẽ đem lại trái ngọt cho các doanh nghiệp, góp phần vì lợi ích chung của doanh nghiệp và người tiêu dùng sở tại, đóng góp vào sự gia tăng kết nối kinh tế và quan hệ hữu nghị tốt đẹp, toàn diện Việt Nam-Campuchia.

Trong quá trình ấy, nghiên cứu tiên khả thi về luận chứng kinh tế kỹ thuật, cùng những bước đi chắc chắn sẽ giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư tránh được rủi ro, từng bước phát triển vững mạnh tại thị trường Campuchia tiềm năng.

Chương IX

TẬP QUÁN VÀ LƯU Ý KHI SINH SỐNG VÀ LÀM VIỆC TẠI CAMPUCHIA

1. CÁCH TIẾP CẬN

Các mối quan hệ kinh doanh tại Campuchia có nền tảng là các mối quan hệ cá nhân. Các kết nối rất quan trọng trong tiếp xúc và xây dựng lòng tin. Người Campuchia cởi mở, gần gũi và thân thiện. Việc tiếp cận với các đầu mối kinh doanh tiềm năng nên được thực hiện khi có giới thiệu trước sẽ hiệu quả hơn.

Các đối tác tiềm năng và khách hàng tại Campuchia thường dễ tiếp cận hơn đối với những người có mối liên hệ với một đầu mối quan hệ kinh doanh giới thiệu. Nên tặng những món quà nhỏ có logo của công ty, cũng có thể mời ăn trưa hay ăn tối để tăng cường tình cảm, sự tin tưởng, trước khi bàn đến các vấn đề kinh doanh và công việc.

2. DANH THIẾP

Đi giao dịch cần có danh thiếp. Cũng như ở nhiều quốc gia khác, danh thiếp được trao đổi trong quá trình giới thiệu. Luôn đưa và nhận danh thiếp bằng cả hai tay để thể hiện sự tôn trọng và đọc danh thiếp sau khi nhận.

Điều này đặc biệt quan trọng khi giao dịch với tại Campuchia, vì nhiều người trong số đó giữ các chức vụ có ảnh hưởng trong cộng đồng doanh nghiệp của nước này.

3. CHÀO HỎI

Chấp tay cúi chào là cử chỉ chào đón truyền thống, đặc biệt đối với phụ nữ, mặc dù việc bắt tay đang trở nên phổ biến hơn. Người nước ngoài có thể bắt tay với đàn ông và cả phụ nữ, nhưng phải chờ người phụ nữ đưa tay trước; nếu không sử dụng lối chào truyền thống.

Chấp tay thể hiện sự kính cẩn, tôn trọng có tên là Sampeah, là cách thức chào hỏi truyền thống của người Campuchia. Người Campuchia

chắp hai lòng bàn tay khép lại trước ngực, cúi đầu nhẹ để chào một cách lịch sự.

Sampeah được sử dụng thường xuyên trong sinh hoạt hằng ngày, chào hỏi khi gặp gỡ hay tạm biệt. Theo phong tục, chắp tay càng cao và cúi đầu càng thấp thì càng thể hiện được sự tôn trọng. Tuy nhiên, hai bàn tay không nên cao quá chân mày.

Không chạm tay vào đầu ai đó. Chỉ bằng bàn chân hoặc chỉ tay vào mặt người khác là hành vi thô lỗ, gây khó chịu. Đội mũ trong nhà và đặc biệt là trong các đền thờ, cũng được coi là hành vi thô lỗ.

4. TRANG PHỤC

Mọi cuộc gặp cần ăn mặc lịch sự. Trong các cuộc họp chính thức, đàn ông nên mặc áo vest và đeo cà vạt; phụ nữ nên mặc váy hoặc bộ đồ mi phù hợp. Trong bối cảnh ít trang trọng hơn, có thể mặc lịch sự, kín đáo là được.

5. HÀNG KHÔNG

Campuchia có các sân bay quốc tế Phnom Penh, Siem Reap và Sihanoukville. Ba sân bay đã được nâng cấp trong những năm gần đây có sảnh đón khách hiện đại. Các tuyến bay nội địa kết nối Phnom Penh với Siem Reap và Siem Reap với Sihanoukville. Hiện nay, Campuchia đang xây dựng thêm sân bay quốc tế Techo.

6. PHƯƠNG TIỆN

Ôtô, xe buýt là những phương tiện rẻ tiền để đi đến hầu hết các tỉnh lỵ. Campuchia đã khai trương dịch vụ xe buýt công cộng tại Phnom Penh vào tháng 2/2014. Số lượng hành khách sử dụng phương tiện công cộng đang dần tăng lên.

Các dịch vụ vận chuyển bằng xe máy, xe ba bánh, xe lôi hay xích lô khá phổ biến, với mức chi phí vừa phải. Nên hỏi giá trước để đạt được đồng thuận về địa chỉ và giá cả trước khi lên xe. Đa số người dân Campuchia thân thiện, theo đạo Phật nên hướng thiện, ít khi có các vấn đề tranh cãi với du khách về cước phí.

Xe hơi tư nhân có thể thuê ở hầu hết các thành phố. Chi phí thuê biến động từ 30 đến 50USD/ngày tùy loại, độ cũ mới và chất lượng xe. Mạng lưới đường bộ của Campuchia đã được cải thiện đáng kể trong những năm qua, có thể du lịch khắp đất nước dễ dàng.

7. LIÊN LẠC

Campuchia có 4 nhà mạng chính, trong đó có Liên doanh Metphone giữa Tập đoàn Viettel và Campuchia. Nhà mạng Metphone đã có mặt tại Campuchia hơn 15 năm, với thị phần lên tới 43% và ngày càng tăng lên, cùng với tổng số hơn 7 triệu thuê bao di động.

Mua SIM tại Campuchia cần có hộ chiếu và visa. Cước điện thoại quốc tế tương đối cao. Dịch vụ điện thoại di động đã bao trùm hầu hết các vùng trong cả nước và được cung cấp bởi một số công ty, như Mobitel, Smart, Metfone...

Dịch vụ chuyển vùng quốc tế cho điện thoại di động cũng có sẵn, nhưng chi phí còn cao. Dịch vụ Internet được cải thiện nhanh chóng cả về giá cả và dịch vụ. Truy cập Internet không dây được cung cấp ở đa số khách sạn lớn và được sử dụng miễn phí tại nhiều hàng quán.

8. Y TẾ VÀ THUỐC MEN

Cơ sở vật chất và dịch vụ y tế ở Campuchia đang trong quá trình phát triển và được gia tăng đầu tư cả trong lĩnh vực nhà nước và tư nhân. Trên cả nước, có khoảng hơn 3000 quầy thuốc.

Các loại thuốc đặc trị đều bán theo toa. Cũng như các nước khác trên thế giới, sang công tác hay du lịch Campuchia, sẽ tốt nếu chúng ta có các loại thuốc cá nhân mang theo để tránh khi cần đi tìm mua, nhiều khi không thuận tiện.

9. GIỜ LÀM

Giờ làm việc thường kéo dài từ 7h30 sáng đến 12h00 trưa và từ 1h30 đến 5h00 chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng ngày thứ Bảy. Một số đơn vị dịch vụ làm việc cả thứ Bảy, Chủ nhật.

Cơ quan nhà nước có giờ làm việc từ 7h30 đến 11h30 sáng và từ 2h00 đến 5h00 chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu.

10. NGÔN NGỮ

Tiếng Khmer là ngôn ngữ chính thức của Campuchia. Tiếng Anh thường được sử dụng trong hầu hết các cuộc hội họp kinh doanh. Nhân viên nhà nước và doanh nhân Campuchia đa số sử dụng tiếng Anh khá tốt.

Một số lãnh đạo các cấp thường sử dụng tiếng Khmer trong các cuộc họp chính thức. Ngoài ra, tiếng Hoa, Pháp, Thái Lan và Việt Nam cũng được sử dụng rộng rãi.

11. NGÀY LỄ

- ✓ Ngày 01/01: Năm mới dương lịch.
- ✓ Ngày 07/01: Chiến thắng Chế độ diệt chủng.
- ✓ Ngày 14/02: Ngày lễ Meaka Bochea.
- ✓ Ngày 08/3: Ngày Quốc tế Phụ nữ.
- ✓ Ngày 14/4 - 16/4: Năm mới của Campuchia. Tết Cổ truyền của người Khmer.
- ✓ Ngày 01/5: Ngày Quốc tế Lao động.
- ✓ Ngày 13/5 - 15/5: Sinh nhật Quốc vương Norodom Sihamoni.
- ✓ Ngày 13/5: Ngày Visaka Bochea.
- ✓ Ngày 26/5: Lễ cày bừa Hoàng gia.
- ✓ Ngày 01/6: Ngày Thiếu nhi quốc tế và Campuchia.
- ✓ Ngày 18/6: Sinh nhật Hoàng Thái hậu Norodom Monineath Sihanouk.
- ✓ Ngày 22/9 - 23/9: Lễ tôn giáo Pchum Ben.
- ✓ Ngày 24/09: Ngày Hiến pháp.
- ✓ Ngày 15/10: Tưởng niệm Quốc vương Norodom Sihanouk.

- ✓ Ngày 23/10: Lễ kỷ niệm Hiệp định Hòa bình Paris.
- ✓ Ngày 29/10: Ngày đăng quang của Quốc Vương Norodom Sihamoni.
- ✓ Ngày 05/11 – 07/11: Lễ hội nước.
- ✓ Ngày 09/11: Ngày Độc lập.
- ✓ Ngày 10/12: Ngày Nhân quyền Quốc tế.

12. TẾT CỔ TRUYỀN KHMER (CHOL CHNAM THMEY)

Hàng năm, cứ mỗi dịp tháng 4 về là người Khmer lại nô nức mừng đón năm mới. Đây là dịp Tết cổ truyền gắn với các hoạt động lễ hội căn cứ theo lịch truyền thống của người Khmer. Trong tiếng Khmer, người ta gọi tết này là Chôl Chnăm Thmây.

Trong văn hóa của người Khmer, tháng 4 là điểm giao thời giữa hai mùa nắng và mưa. Kể từ thời điểm này trong năm, cỏ cây tươi tốt trở lại và thiên nhiên bừng lên sức sống và màu xanh.

Sự sống thiên nhiên trỗi dậy được người Khmer quan niệm như sự khởi đầu của một năm mới. Tổ chức Tết Chol Chnam Thmay xuất phát từ mục đích ban đầu là để cầu xin Thượng đế cho mùa khô chóng qua và muôn dân có thể bắt đầu vụ mới.

Người dân Campuchia rất chờ đón dịp Tết cổ truyền này, như các nước đón năm mới Dương lịch vậy. Nếu may mắn sang công tác hay du lịch đúng thời điểm Tết sẽ là một trải nghiệm thú vị và đừng quên gửi những lời chúc phúc tốt đẹp tới bạn bè, đồng nghiệp Khmer nhân dịp Tết văn hóa cổ truyền đặc sắc này.

Tết Chol Chnam Thmey là dịp để nâng cốc chúc nhau những điều tốt đẹp, sức khỏe dồi dào, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, kinh doanh phát đạt, bình an và hạnh phúc.

Hãy nhớ, vui nhưng kiểm soát tốt nồng độ cồn. Đã uống rượu, đừng lái xe – “Phắc Sra, Cùm Bác Bo!”

13. VISA VÀ XUẤT NHẬP CẢNH

Hộ chiếu Việt Nam vào Campuchia được miễn visa 30 ngày. Nếu muốn lưu trú lâu hơn, cần đổi visa tại xuất nhập cảnh.

Campuchia có chế độ Visa on arrival. Bên cạnh đó, để nhập cảnh hộ chiếu còn hạn tối thiểu 6 tháng.

Trước khi nhập cảnh phải thực hiện đăng ký online trước khi xếp hàng làm thủ tục để tiết kiệm thời gian.

14. ẨM THỰC

Ẩm thực Campuchia đa dạng và phong phú với các món ăn truyền thống đặc trưng, cách chế biến nhiều món cầu kỳ, nhưng cũng có những món dù chế biến không quá cầu kỳ vẫn mang hương vị khác biệt.

Campuchia có nhiều món cá, thủy sản khô đặc trưng của vùng Biển Hồ. Tại đây, thực khách có thể được thưởng thức cả những món ăn Âu, Á tùy theo khẩu vị ưa thích của mỗi người.

Một số món ăn nên thưởng thức tại Campuchia có thể kể tên như: Pốt-Linh-Chiên (ngô non chiên dầu bơ), cá két (trảy két), bò nướng đá (cô-đốt hay cô ăng)...

Đặc biệt, có thể dễ dàng tìm thấy những món ăn Việt Nam với rất nhiều những nhà hàng và quán ăn do chính những người Việt hoặc người gốc Việt làm chủ, nhất là ở Thủ đô Phnom Penh.

Nhiều người trong số họ đã có rất nhiều năm gắn bó với ẩm thực Việt tại Campuchia. Ngoài kinh doanh họ còn làm ẩm thực với niềm đam mê khám phá các giới hạn của nghệ thuật về hương vị, góp phần giới thiệu, quảng bá và phát huy những giá trị ẩm thực Việt tới người dân Campuchia và bạn bè quốc tế.

15. QUÀ TẶNG

Mặc dù không bắt buộc, việc chuẩn bị những món quà nhỏ để tặng đối tác là cần thiết, giúp tăng tình cảm, sự gắn kết và nuôi dưỡng niềm tin cậy trong công việc.

Quà không cần giá trị lớn, quan trọng không phải là tặng gì mà là cách tặng như thế nào. Các sản phẩm hàng Việt cũng là một sự lựa chọn thích hợp để dùng tặng các đối tác tại đây. Tặng quà là cử chỉ thân thiện, cũng giống như “miếng trầu là đầu câu chuyện” trong văn hóa Việt Nam.

Chương X

Ý KIẾN HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, Thương vụ Việt Nam tại Campuchia đã tham khảo ý kiến của Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và một số doanh nghiệp có thời gian hoạt động tích cực và nhiều kinh nghiệm tại Campuchia. Xin đề cập những ý kiến chia sẻ trong khuôn khổ cuốn sách này để các quý đọc giả, doanh nghiệp và nhà đầu tư tham khảo.

1. HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA (VCBA)

Oknha Leng Rithy, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia (VCBA) đã khái quát và khuyến nghị về cách tiếp cận thị trường Campuchia, theo đó Ông nhấn mạnh về thái độ và sự nghiêm túc khi đến kiếm tìm cơ hội kinh doanh đầu tư tại đây.

Cụ thể, để thành công, các doanh nghiệp và nhà đầu tư cần xác định chiến lược rõ ràng, đầu tư thời gian, công sức để tìm hiểu và quyết tâm đi tới cùng, vì lợi ích của cả hai phía. Nếu thiếu đầu tư thời gian và nguồn lực để nghiên cứu nắm bắt thị trường thì khả năng không thành công là rất cao.

Để thành công thực sự, nhất thiết cần phải nhập tâm vào thị trường, làm ăn nghiêm túc, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, nghiên cứu điều chỉnh để hàng hóa hợp thị hiếu người tiêu dùng, đảm bảo uy tín với tư cách nhà sản xuất và xuất khẩu.

Các doanh nghiệp quan tâm phát triển kinh doanh tại Campuchia sẽ nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan đơn vị Nhà nước, trong đó có Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại Campuchia và từ Hiệp hội VCBA. Cần xem xét lĩnh vực có thế mạnh và khi cần có thể liên hệ với các ban của Hiệp hội để được hỗ trợ như: Ban Pháp chế, Ban Dịch vụ, Ban Nông nghiệp, Ban Kỹ thuật và Xây dựng, Ban Thông tin...

Để kinh doanh tốt tại Campuchia, có một số vấn đề cần lưu ý, trong đó có thể kể đến chiến lược tiếp cận và phương thức làm thị trường, đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm, thương hiệu, chất lượng và giá cả phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà sản xuất – doanh nghiệp phân phối và người tiêu dùng; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh mang tính cộng đồng; giữ chữ tín, nói không với hàng giả – hàng kém chất lượng; bên cạnh sản xuất tại Việt Nam để bán hàng sang Campuchia, cần xem xét khả năng đầu tư tại sở tại...

Động cơ tốt, năng lực tốt, trí và tâm tốt sẽ là những yếu tố giúp đảm bảo cho thành công cho các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia. Phải tìm hiểu rõ tập quán, văn hóa kinh doanh, tạo dựng lòng tin với các đối tác và người tiêu dùng...

Thương vụ Campuchia nhận thấy:

Được thành lập từ tháng 01/2024, Hiệp hội VCBA đã phát triển nhanh chóng, phát huy vai trò quan trọng trong việc định hướng, giúp đỡ, tư vấn và hỗ trợ cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam sang tìm hiểu thị trường Campuchia, cũng như tìm kiếm đối tác và cơ hội kinh doanh đầu tư.

Ban Lãnh đạo Hiệp hội VCBA gồm có Oknha Leng Rithy, Chủ tịch Hiệp hội, người đã gắn bó cả cuộc đời và hiểu sâu sắc về thị trường Campuchia. Các Phó Chủ tịch Hiệp hội, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký, các trưởng ban phụ trách các lĩnh vực khác nhau trong VCBA đều là những người đã trải qua quá trình nhiều năm kinh doanh và làm ăn tại Campuchia, đúc rút được nhiều kinh nghiệm. Họ cùng chung tay góp sức làm công tác hiệp hội, vì sự phát triển của Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tại Vương quốc Campuchia.

2. NGÂN HÀNG AGRIBANK, CHI NHÁNH TẠI CAMPUCHIA

Kinh doanh tại Campuchia có những thuận lợi sau đây:

- ✓ Thị trường Campuchia có nhiều dư địa để đầu tư.
- ✓ Các DN và cá nhân Việt Nam được Chính phủ, NN Việt Nam luôn ủng hộ, khuyến khích đầu tư, phát triển tại Campuchia như các

DN có vốn của Nhà nước (ngân hàng BIDC, Agibank, tập đoàn cao su...) vì địa lý, lịch sử...

- ✓ Đội ngũ lãnh đạo có nghiệp vụ chuyên môn, có kinh nghiệm trong hoạt động ngân hàng; nắm bắt và thích ứng nhanh.
- ✓ Luôn tranh thủ sự giúp đỡ của ĐSQ, các cơ quan bên cạnh ĐSQ. Vận dụng hiệu quả các mối quan hệ ngoại giao từ Chính phủ đến các bộ, ban ngành của nước bạn.
- ✓ Có cộng đồng dân cư và các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia, các DN Khmer gốc Việt và DN của nước sở tại ủng hộ.
- ✓ Ngân hàng Agribank có nhiều lợi thế: mạng lưới rộng, chuyển tiền nhanh, phí thấp...; phát huy lợi thế của phương thức thanh toán, chuyển tiền để phát triển khách hàng thanh toán xuất nhập khẩu giữa 2 nước; tăng trưởng giao dịch điều chuyển vốn cho các TCTD, tăng thu dịch vụ...

Vẫn còn một số khó khăn nhất định như:

- ✓ Về quy định luật pháp, luật thuế...
- ✓ Phong tục, tập quán, văn hóa kinh doanh...
- ✓ Nhân lực người Việt bị hạn chế ($\leq 10\%$ /Tổng số lao động), tuyển dụng lao động bản địa có trình độ đáp ứng điều kiện làm việc gặp khó khăn và tính gắn bó thấp...
- ✓ Nguồn vốn huy động khó khăn, một phần do tâm lý người dân Campuchia ko muốn gửi tiết kiệm hoặc ko muốn gửi tại các ngân hàng nước ngoài; tình trạng đôla hóa cao (tỷ lệ $>90\%$), nên công tác huy động vốn bằng đồng tiền Riel (KHR) còn khó khăn.
- ✓ USD là đồng tiền có giá trị lưu hành hơn đồng tiền KHR, thuận tiện trong thanh toán và ít “mất giá”. Khách hàng vay không muốn nhận vay đồng tiền KHR, trong khi Ngân hàng quốc gia Campuchia quy định tỷ lệ cho vay đồng tiền KHR tối thiểu 10% /tổng dư nợ.

- ✓ Nền kinh tế thế giới trong giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng sau dịch bệnh Covid, khách hàng chuyển đổi mô hình kinh doanh...
- ✓ Công tác xử lý nợ xấu, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ mất nhiều thời gian và chi phí xử lý, thu hồi nợ thường rất cao.
- ✓ Nhiều ngân hàng nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh đầu tư vào lĩnh vực công nghệ, hạ tầng cơ sở, hoặc ngân hàng tư nhân, do họ có cơ chế tự quyết nên có nhiều chính sách cạnh tranh thị phần. Điều này làm cho mức độ cạnh tranh tăng cao.
- ✓ Agribank là ngân hàng duy nhất có 100% vốn của NN Việt Nam nên cơ chế điều hành cũng như tác nghiệp không những phải tuân thủ các quy định của Agribank Việt Nam mà còn phải tuân thủ pháp luật Campuchia, cũng như các quy định của ngân hàng quốc gia Campuchia. Hoạt động kinh doanh đảm bảo luôn phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa kinh doanh của nước sở tại.
- ✓ Khách hàng là các doanh nghiệp, tập đoàn của Việt Nam có hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Campuchia thường không có tài sản đảm bảo là BĐS hoặc khó đáp ứng đủ điều kiện vay theo quy định của ngân hàng có 100% vốn của nhà nước (Agribank).

Chia sẻ một số kinh nghiệm:

- ✓ Cần đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn về con người, tài sản; bảo toàn vốn đầu tư.
- ✓ Hoạt động kinh doanh cần linh hoạt và hiệu quả, lợi nhuận tăng trưởng đều, đảm bảo thu nhập cho người lao động và tăng thêm hàng năm (lương và thưởng).
- ✓ Cần xây dựng cơ chế thi đua khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ làm việc và giữ nhân lực.
- ✓ Giữ gìn mối quan hệ, phát huy tình đoàn kết hữu nghị giữa hai quốc gia, dân tộc Việt Nam - Campuchia.
- ✓ Nỗ lực góp phần vào sự tăng trưởng quan hệ kinh tế hai nước và an sinh xã hội của sở tại.

AGRIBANK CHI NHÁNH CAMPUCHIA - MANG PHỐN THỊNH ĐẾN VỚI KHÁCH HÀNG

1) Giới thiệu về Agribank Chi nhánh Campuchia

Agribank Chi nhánh Campuchia là Chi nhánh nước ngoài của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam. Với sứ mệnh kết nối giao thương, hỗ trợ tài chính và thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Campuchia, Agribank Chi nhánh Campuchia cam kết mang đến các sản phẩm, dịch vụ tài chính an toàn, hiệu quả cho khách hàng.

2) Sản phẩm và dịch vụ nổi bật

Dịch vụ ngân hàng: Mở tài khoản thanh toán, gửi tiền, gửi tiền tiết kiệm, chuyển tiền, thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại.

Sản phẩm tín dụng: Hỗ trợ tài chính cho cá nhân, doanh nghiệp và nhà đầu tư tại Campuchia.

Agribank Chi nhánh Campuchia kế thừa uy tín và thương hiệu vững mạnh của Agribank đồng hành cùng sự phát triển của khách hàng và kinh tế Việt Nam - Campuchia.

3) Cam kết với khách hàng

An toàn - Minh bạch - Hiệu quả trong mọi giao dịch.

Mở rộng kết nối, thúc đẩy hợp tác thương mại song phương Việt Nam - Campuchia.

4) Liên hệ

Địa chỉ: Số 364 đường Monivong, phường Boeng Keng Kang 1, quận Boeng Keng Kang, thủ đô Phnom Penh.

Số điện thoại: 023 223 750

Agribank Chi nhánh Campuchia - Mang phồn thịnh đến với khách hàng.

3. CÔNG TY RUNAM CAMPUCHIA VÀ SHOWROOM NỘI THẤT QUỲNH

Campuchia là thị trường có những đặc tính riêng, có phân khúc rõ ràng, nhưng vẫn còn những đặc điểm sơ và giàu tiềm năng. Muốn làm ăn thành công tại thị trường Campuchia, cần phải bài bản, trên cả tư vấn khách hàng, cần có thông tin định hướng giới thiệu tới khách hàng.

Điều quan trọng là muốn kinh doanh tốt cần có tư duy mở và nhất là phải làm có tâm. Nghiên cứu kỹ không làm vội vã. Phát triển nóng có thể sẽ không tốt cho doanh nghiệp và công việc kinh doanh của mình.

Nếu mang tư tưởng ăn sổi ở thì, sẽ khó phát triển và thành công tại Campuchia. Mỗi lĩnh vực kinh doanh đều có đặc thù riêng và cách thức tiếp cận cũng phải linh hoạt.

Tính cạnh tranh hàng hóa tại Campuchia khá cao, nhất là các thương hiệu lớn và hàng hóa Trung Quốc.

4. CÔNG TY DROPII VÀ NHÀ HÀNG WHISTLE, CHAMPA-MAGNOLIA

Muốn thành công tại Campuchia cần tìm hiểu rõ, nghiên cứu kỹ thị trường. Đầu tư thời gian đến với Campuchia cảm nhận đủ lâu rồi hãy quyết định nên làm gì. Đầu tư ào ào, muốn làm lớn ngay sẽ dễ gãy.

Cần phải có sự thấu hiểu văn hóa, con người, tuyệt đối tránh suy nghĩ rằng ta đi đầu tư thì hơn bạn. Làm gì cần có tư duy và kế hoạch cụ thể, có sự chuẩn bị cho việc mình định làm. Kiên nhẫn, học hỏi, làm dần, hoàn thành ngay rất khó thành công.

Nhà hàng Champa (Magnolia) tọa lạc tại trung tâm Phnom Penh, mang đến cho thực khách không gian ấm cúng, hài hòa giữa kiến trúc cổ điển và hiện đại. Tại đây, thực khách có thể thưởng thức các món ăn truyền thống Việt Nam và Khmer như bún mắm, chả giò, bún bò Huế, cơm tấm, bê thui, trong không gian sân vườn xanh mát và ánh đèn vàng lung linh vào buổi tối, lý tưởng cho các buổi tiệc ngoài trời hay gặp gỡ đối tác. Nhà hàng cũng có phòng riêng ấm cúng, mang lại sự riêng tư cho thực khách.

Món bánh xèo tại Champa là một điểm nhấn đặc biệt của nhà hàng. Với lớp vỏ giòn, nhân bánh đầy đặn, được cuốn cùng rau thơm và nước mắm chua ngọt, mang đến một trải nghiệm ẩm thực đậm đà, đúng chất Việt Nam. Champa luôn nỗ lực mang đến cho thực khách hương vị chân thật và một trải nghiệm ẩm thực tuyệt vời.

Mọi thông tin liên lạc: No. 55 Đường 51 (Pasture). Ms. Ly: +855-975529977. Mr. Tuấn: +855-9092876.

5. NGÂN HÀNG SACOMBANK, CHI NHÁNH CAMPUCHIA

Sự kiên trì, nỗ lực, chần chu trong tiếp cận và triển khai dịch vụ là mấu chốt cho thành công. Bên cạnh đó, vấn đề sử dụng nhân lực, đào tạo và giữ chân họ cũng là điểm cần tập trung.

Ngoài ra, thúc đẩy quan hệ với các đối tác, quan tâm chăm sóc tốt khách hàng ở các quy mô khác nhau, thường xuyên nghiên cứu, đổi mới các loại hình dịch vụ cũng giúp đem lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn.

- ✓ Tên tiếng Anh: Saigon Thuong Tin Bank (Cambodia) Plc.
- ✓ Tên viết tắt: Sacombank (Cambodia) Plc.
- ✓ Địa chỉ: 60 Preah Norodom Blvd, Daun Penh, Phnom Penh
- ✓ Điện thoại: (+855) 23 223 423
- ✓ Email: ask-sc@sacombank.com.kh
- ✓ Trang Web: www.sacombank.com.kh
- ✓ Ngày thành lập: 23 June 2009
- ✓ Vốn điều lệ: 75,000,000 USD

6. NGÂN HÀNG BIDV, CHI NHÁNH CAMPUCHIA (BIDC)

Thành quả các doanh nghiệp có được là nhờ vào nhiều yếu tố, nhất là sự hỗ trợ quan trọng từ các cơ quan đơn vị của Nhà nước tại Campuchia, trong đó có Đại sứ quán, Thương vụ... Tiềm lực của doanh nghiệp, cùng với sự kiên định và nhất quán trong định hướng kinh doanh là mấu chốt cho doanh nghiệp vững bước theo thời gian.

Năm 2009, thực hiện chủ trương của Chính phủ hai nước Việt Nam – Campuchia về việc thiết lập một định chế tài chính có nhiệm vụ kết nối 2 nền kinh tế nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư – thương mại – du lịch song phương lên một tầm cao mới, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã xúc tiến thành lập Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) trên cơ sở mua lại và tái cơ cấu toàn diện Ngân hàng Đầu tư Thịnh vượng Campuchia (PIB). Ngày 01/9/2009, BIDC chính thức đi vào hoạt động và ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng tại thị trường Campuchia

Sau hơn 15 năm hoạt động, đến nay, BIDC trở thành một trong những định chế tài chính có uy tín, thương hiệu tại Campuchia với Vốn điều lệ là 100 triệu đô la Mỹ; Vốn chủ sở hữu đạt gần 120 triệu đô la Mỹ; Tổng tài sản 940 triệu đô la Mỹ; DNTD 675 triệu đô la Mỹ; HDV dân cư 460 triệu đô la Mỹ; hàng năm đều có hiệu quả kinh doanh và chất lượng TS tốt. Đồng thời, BIDC tiếp tục tập trung đẩy mạnh, phát triển và tái cấu trúc cơ sở khách hàng: số lượng khách hàng tại BIDC tăng trên 10% so với năm 2023, tiếp tục phát triển và hợp tác với nhiều đối tác quan trọng mới như Savimex, Thaco, Viettel Post, Melatec... tỷ lệ cho vay bán lẻ tăng lên gần 49% trên tổng dư nợ...

BIDC tiếp tục tập trung thúc đẩy phát triển quan hệ Campuchia – Việt Nam, là ngân hàng hàng đầu thúc đẩy hoạt động thanh toán và giao dịch thương mại giữa Campuchia và Việt Nam thông qua các kênh thanh toán kết nối trực tuyến với trên 50 NHTM tại Việt Nam. Năm 2024, tổng khối lượng thanh toán giữa nước Việt Nam – Campuchia thông qua hệ thống BIDC đạt gần 1,4 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2023. (Tổng doanh số thanh toán quốc tế năm 2024 thông qua hệ thống BIDC đạt 1,85 tỷ USD).

Với trọng tâm tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ngân hàng số, ngân hàng công nghệ hiện đại cùng sự hỗ trợ của BIDV, BIDC đã và đang đẩy mạnh hoàn thiện một số sản phẩm số, chuyển đổi số nội bộ như: hoàn thành tiến khai giải pháp Smart POS hỗ trợ thanh toán bằng quét mã Bakong QR; triển khai mở rộng kênh chuyển tiền về Việt Nam

bằng quét mã Viet QR; triển khai tính năng thanh toán QR Code kết nối với 45 kết nối trực tuyến với 45 NHTM tại Campuchia, phát triển hơn 4000 merchant QRcode/năm, hỗ trợ thúc đẩy kết nối thanh toán giữa Campuchia và Việt Nam, được lãnh đạo NHTW hai nước ghi nhận và đánh giá cao. Triển khai kết nối chuyển tiền nhanh 24/7 Hàn Quốc - Campuchia với ngân hàng KEB Hana; nâng cấp công nghệ, giao diện UI/UX hệ thống Mobile Banking mới; hệ thống quản lý theo dõi phê duyệt tín dụng (RLOS), nâng cấp hạ tầng mạng, bảo mật, hệ thống email của BIDC; đẩy nhanh tiến độ triển khai tiến độ triển khai dự án nâng cấp, chuyển đổi hệ thống Core thẻ; triển khai thay đổi nhận diện thương hiệu để nâng tầm vị thế, sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới... Trong đó, giao dịch trên kênh số tăng trưởng trên 20% so với năm 2023.

Hiện tại, mạng lưới BIDC gồm 10 chi nhánh hoạt động tại các địa bàn trọng điểm của Campuchia và Việt Nam với trên 450 cán bộ nhân viên. BIDC đã thu xếp nguồn vốn và cung ứng dịch vụ ngân hàng cho nhiều dự án lớn của Campuchia, một số dự án trọng điểm của Việt Nam đầu tư tại Campuchia và phục vụ đa dạng khách hàng dân sinh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế Campuchia, tích cực đóng góp cho hoạt động an sinh xã hội tại Campuchia và hoạt động giao thương Campuchia - Việt Nam. Bên cạnh hoạt động kinh doanh, trong 15 năm qua, BIDC luôn dành tâm sức của mình đóng góp cho hoạt động an sinh xã hội tại Campuchia, góp phần đồng hành cùng Chính phủ Campuchia hỗ trợ người dân khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Những nỗ lực không ngơi nghỉ, những kết quả nổi bật và những đóng góp tích cực của BIDC đã được Quốc vương Campuchia; Nhà nước, Chính phủ và ngành ngân hàng 2 nước Campuchia - Việt Nam đánh giá cao và phong tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập (T9/2024), hệ thống BIDC được Quốc vương Campuchia trao tặng Huân chương Monisaraphon hạng Mohasena - Huân chương cao quý nhất của Vương quốc Campuchia. Có thể khẳng định rằng, đây là dấu mốc quan trọng trên hành trình phát triển của hệ thống BIDC.

Thời gian sắp tới, BIDC sẽ đẩy mạnh tăng cường phát triển quy mô, cung cấp đa dạng các sản phẩm ngân hàng, nhất là sản phẩm bán lẻ gắn liền định hướng chuyển đổi số, áp dụng công nghệ hiện đại trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, qua đó phục vụ tốt hơn, mang lại nhiều lợi ích hơn cho các khách hàng tại Campuchia.

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập, BIDC đã công bố điều chỉnh nhận diện thương hiệu. Theo đó, ngân hàng vẫn giữ nguyên tên đầy đủ là “Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia”, tên viết tắt là “BIDCBank”; phần biểu tượng là hình kiến trúc tháp đặc trưng của Campuchia, tượng trưng cho sự hòa nhập, kết nối và sự cam kết bền vững của BIDC tại Vương quốc Campuchia. Logo mới gồm 2 màu chính là xanh ngọc lục bảo và vàng. Màu xanh thể hiện sức sống, sự trẻ trung hiện đại và khát vọng vươn xa của BIDC. Màu vàng bổ trợ, tượng trưng cho tiền tệ, sự thịnh vượng và sung túc.

Việc điều chỉnh nhận diện thương hiệu là bước đi trong chiến lược của BIDC nhằm khẳng định hình ảnh nhất quán về một ngân hàng năng động, thân thiện, luôn sẵn sàng với sứ mệnh mang lại tiện ích và lợi ích tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số. Trong thời gian tới, BIDC tiếp tục có những chuyển mình mạnh mẽ để cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng cao và đồng hành, hợp tác, phát triển cùng khách hàng và đối tác...

Quá trình chuyển đổi nhận diện thương hiệu của BIDC được xác định theo lộ trình. Theo đó, BIDC sẽ không chuyển đổi đồng loạt tại thời điểm công bố nhận diện thương hiệu mới mà thực hiện dần dần theo nguyên tắc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện cụ thể của ngân hàng.

7. LIÊN DOANH VIỄN THÔNG VIETTEL - CAMPUCHIA (METPHONE)

Viettel đầu tư vào Campuchia từ tháng 06/2006 theo hình thức liên doanh, trong đó Viettel chiếm 90% vốn sở hữu. Tháng 02/2009, Công ty chính thức khai trương mạng di động trên toàn lãnh thổ Campuchia với thương hiệu Metfone.

Sau 15 năm kinh doanh, Metfone đã là nhà mạng viễn thông lớn nhất Campuchia cả về thuê bao, doanh thu và mạng lưới, là một trong những công ty có đóng góp ngân sách nhiều nhất, được Chính phủ và Bộ Quốc phòng hai nước ghi nhận là hình mẫu điển hình thành công về sự hợp tác tốt đẹp giữa Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam – Campuchia.

a) Kết quả hoạt động

- ✓ Hạ tầng mạng lưới: Với 5.600 vị trí phát sóng, 34.000km cáp quang, phủ sóng đến 96% lãnh thổ Campuchia, đưa Internet đến 100% tỉnh thành, giúp Campuchia có vùng phủ sóng 4G thuộc loại tốt trong khu vực.
- ✓ Thuê bao, thị phần di động: chiếm hơn 44% thị phần và trở thành nhà mạng có số thuê bao di động lớn nhất Campuchia. Ngoài ra, Công ty có thuê bao cố định băng rộng lớn nhất, đứng số 1 tại Campuchia.
- ✓ Thuê bao thị phần ví điện tử: Ví điện tử E-money của Metfone với hơn 3 triệu thuê bao đăng ký, 1,5 triệu thuê bao sử dụng thường xuyên, kết nối liên thông tới tất cả các ngân hàng, tạo sự tiện dụng cho người dân trong các dịch vụ tài chính và thanh toán, đóng học phí, chi trả lương cho công chức, doanh nghiệp; chuyển tiền cho người dân nghèo tại các khu vực chưa có ngân hàng.
- ✓ Nộp ngân sách: Trung bình trong 3 năm qua, Metfone nộp ngân sách 130 triệu USD/năm. Lũy kế từ khi thành lập đến nay, Metfone đã nộp ngân sách 1.14 tỷ USD. Metfone tự hào là doanh nghiệp luôn tuân thủ các quy định pháp luật và là một trong những doanh nghiệp đóng góp vào ngân sách lớn nhất của Chính phủ Hoàng gia Campuchia.
- ✓ Tiên phong chuyển đổi số cho Chính phủ và bộ ban ngành Campuchia: Hiện Metfone đã ký kết hợp tác với hầu hết các bộ trong Chính phủ Campuchia về chuyển đổi số, trong đó có các dự án đặc biệt quan trọng với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục (hệ sinh thái giáo dục của Metfone đã phủ đến hơn 395 trường học trên toàn quốc,

với hơn 400.000 giáo viên học sinh được hưởng lợi từ môi trường học tập số).

- ✓ Tạo việc làm cho khoảng 3.000 lao động việc làm trực tiếp với thu nhập cao và hơn 30.000 việc làm gián tiếp, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho đất nước Campuchia.
- ✓ Hoạt động xã hội: Metfone tham gia rất nhiều hoạt động tài trợ và thiện nguyện tại Campuchia: là nhà tài trợ chính cho giải bóng đá vô địch quốc gia Campuchia; thực hiện chương trình “Tìm người thân thất lạc sau chiến tranh”; xây dựng nhà thờ, nhà quy tập hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu và hy sinh tại Vương quốc Campuchia; tài trợ chương trình “Trái tim cho em”; ủng hộ người nghèo, ủng hộ Hội Chữ thập đỏ Campuchia... với tổng giá trị tài trợ và thiện nguyện lên đến 120 triệu USD.

b) Giải thưởng nhận được

Với những đóng góp nói trên, Metfone đã được Chính phủ và Bộ Quốc phòng Campuchia ghi nhận và đánh giá cao, đồng thời đã nhận được nhiều danh hiệu cao quý như:

- ✓ Năm 2018: Huân chương Sahametrie do Chính phủ Hoàng gia Campuchia trao tặng.
- ✓ Năm 2019: Huân chương Lao động hạng Nhất do Chính phủ Hoàng gia Campuchia trao tặng.
- ✓ Năm 2020: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng do có thành tích tốt trong phối hợp triển khai các hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày Thủ tướng Hunsen về nước.
- ✓ Năm 2021: Huân chương Monisaraphon.
- ✓ Năm 2022: Huân chương Xây dựng Tổ quốc do Bộ Quốc phòng Campuchia trao tặng cho 2 cá nhân thuộc Công ty.
- ✓ Năm 2023: Tặng 4 Huân chương Monisaraphon - hạng Moha Sereyvath cho tập thể Công ty Metfone và 3 cá nhân của Viettel.

- ✓ Năm 2024: Huân chương Lao động hạng nhì do Chính phủ Việt Nam trao tặng.

c) Nhiệm vụ Chiến lược giai đoạn 2026 - 2030

Chiến lược 2026 - 2030 trở thành công ty đa ngành nghề: viễn thông - công nghệ - logistic, có ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt của nền kinh tế và đời sống xã hội của người dân. Trong đó, viễn thông vẫn là dịch vụ chủ đạo cùng với các lĩnh vực giúp chuyển đổi số mọi mặt cho Chính phủ và người dân như: tài chính số, giải pháp công nghệ, nội dung số, hạ tầng CNTT, logistic

- ✓ Viễn thông: Duy trì vị trí số 1 về thị phần (di động và CĐBR), chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Luôn ở vị thế tiên phong về công nghệ mới với 5G và XGSPON
- ✓ Giải pháp công nghệ: Trở thành công ty cung cấp GPCNTT lớn nhất tại Campuchia.
- ✓ Tiếp tục đồng hành cùng chính phủ và tham gia sâu rộng trong việc phát triển Chính phủ điện tử.
- ✓ Phát triển các nền tảng, giải pháp số (du lịch, Smart Home, Data Center, Smart City, Smart Factory) để xây dựng chính phủ số - kinh tế số - xã hội số.
- ✓ Fintech: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính công nghệ số hàng đầu Campuchia tập trung vào 5 lĩnh vực chính: tài chính số, dữ liệu số, quảng cáo số, thương mại số, nền tảng số.
- ✓ Nội dung số: TV360 vươn lên số 1 thị trường truyền hình với trên 2 triệu thuê bao.
- ✓ Mở rộng không gian tăng trưởng bằng 1 lĩnh vực kinh doanh mới ngoài viễn thông (Logistics).

8. CÔNG TY SỮA ANGKOR MILK

Angkormilk (AKM) là doanh nghiệp với 100% vốn của CTCP Sữa Việt nam - Vinamilk. Sau 10 năm đi vào hoạt động, với diện tích 6 ha,

từ vốn đầu tư ban đầu 20 triệu USD, AKM đã nâng mức vốn đầu tư lên 51 triệu USD, nhà máy sản xuất ra thị trường khoảng 75 triệu lít sữa các loại, tạo công ăn việc làm cho gần 600 cán bộ, công nhân viên người Campuchia với doanh thu hơn 80 triệu USD/năm.

Lũy kế nộp ngân sách cho Nhà nước Cambodia 65 triệu USD, an sinh xã hội 600 ngàn USD. Hệ thống phân phối rộng khắp 25/25 tỉnh/thành Campuchia với thị phần khoảng 30%. Để đạt được con số nêu trên, Angkormilk đã rất nỗ lực đáng kể nhờ vào một số yếu tố quan trọng như sau:

- ✓ Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại: Hầu hết MMTB đến từ Tetrapack (Thụy Điển), IPI (Italy) tập trung ưu tiên cho sản xuất sản phẩm và kênh phân phối, đảm bảo cung ứng ổn định cho thị trường. Hệ thống phân phối rộng khắp 25/25 tỉnh, thành của Cambodia, từ chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa đến kênh bán hàng trực tuyến...
- ✓ Hiểu thị trường và luôn ưu tiên cho chất lượng sản phẩm: Angkormilk thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, thị hiếu, nhu cầu, thói quen của người dân Campuchia khi thâm nhập hoặc đưa ra sản phẩm mới, sản phẩm được điều chỉnh phù hợp với khẩu vị địa phương nhưng vẫn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cao.
- ✓ Chính sách giá hợp lý và đa dạng sản phẩm, cung cấp sản phẩm với mức giá phù hợp thu nhập đa số của người dân. Ngày càng đa dạng hóa danh mục sản phẩm từ sữa đặc, sữa tươi, sữa chua ăn, sữa chua uống nhằm đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng Campuchia.
- ✓ Tập trung xây dựng thương hiệu Angkormilk, nhanh chóng tạo dựng thương hiệu uy tín tại Campuchia với chất lượng sản phẩm ổn định, đảm bảo.

Khuyến nghị cách giải quyết các khó khăn và thách thức vướng mắc gặp phải trong quá trình hoạt động tại Campuchia:

- ✓ Cần vượt qua rào cản khác biệt văn hóa, thượng tôn pháp luật Cambodia. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng hình ảnh thân thiện với cộng đồng.
- ✓ Đối phó với cạnh tranh từ các thương hiệu nội địa và quốc tế, đặc biệt đến từ Thái Lan, Angkormilk luôn tuân thủ về chất lượng sản phẩm, đầu tư vào công nghệ, luôn cải tiến đưa ra thị trường thêm các sản phẩm mới. Xây dựng chiến lược giá cả và khuyến mãi hợp lý để phát triển thị phần.
- ✓ Phát triển chuyển giao nhân sự bản địa, đặc biệt là nhân sự cấp quản lý nhằm vận hành hiệu quả, đào tạo giúp họ hiểu rõ và tuân thủ quy trình sản xuất, quy trình quản lý... nhằm tối ưu hóa để giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.
- ✓ Tìm hiểu kỹ thị trường và văn hóa địa phương. Campuchia có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có những khác biệt quan trọng so với Việt Nam. Doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ về pháp luật, tìm hiểu rõ nhu cầu, sở thích văn hóa, xu hướng tiêu dùng của các tất cả đối tượng tiêu dùng địa phương. Đặc biệt, việc xây dựng mối quan hệ tốt với đối tác là nhà phân phối địa phương sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và mở rộng thị trường.
- ✓ Tuân thủ pháp luật và chính sách. Hệ thống pháp lý tại Campuchia có nhiều điểm khác biệt so với Việt Nam. Doanh nghiệp cần đảm bảo xây dựng uy tín, minh bạch trong kinh doanh, tuân thủ đầy đủ các quy định về đầu tư, thuế, lao động...giúp doanh nghiệp tạo dựng lòng tin với chính quyền và đối tác.
- ✓ Người tiêu dùng Campuchia ngày càng quan tâm đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy, doanh nghiệp cần tập trung vào chất lượng và giá trị mang lại cho người tiêu dùng. Các chiến dịch marketing cần được điều chỉnh phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa, luật pháp và xu hướng tiêu dùng tại địa phương.
- ✓ Phát triển kênh phân phối chất lượng hiệu quả. Việc xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp là yếu tố quan trọng để hàng hóa

có thể tiếp cận khách hàng. Thời kỳ của công nghệ 4.0, nên kết hợp các kênh truyền thống (Chợ, Cửa hàng tạp hóa), kênh hiện đại (siêu thị, TMDT) để tăng cường hiệu quả, trong bối cảnh xu hướng mua sắm trực tuyến đang dần phát triển Campuchia.

Tóm lại, đầu tư vào Campuchia là một cơ hội lớn nhưng cũng đi kèm với nhiều thách thức. Doanh nghiệp Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, hiểu rõ thị trường, tôn trọng pháp luật, văn hóa địa phương và kiên trì tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài để đạt được thành công.

9. CÔNG TY ĐIỆN QUANG, CHI NHÁNH CAMPUCHIA

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang là một trong những doanh nghiệp hàng đầu chuyên về thiết kế, cung cấp giải pháp, sản phẩm và dịch vụ về chiếu sáng, thông minh, điện gia dụng, hệ thống điện năng lượng mặt trời... tại Việt Nam.

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, Điện Quang đã không ngừng đổi mới, tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm mang đến những sản phẩm chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Trong suốt hành trình phát triển, Điện Quang đã mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường quốc tế, trong đó có Campuchia - một thị trường tiềm năng và đẩy mạnh hợp tác từ năm 2019, mở rộng việc kinh doanh tại thị trường Campuchia.

Điện Quang đã cung cấp giải pháp chiếu sáng cho nhiều công trình lớn tại Campuchia như hệ thống đèn chiếu sáng Cầu Koh Pich, cầu New Chrong Chrayvar, nhà máy Coca Cola, nhà máy bia Vattanac, nút giao thông Chom Chao...

Đặc biệt, Điện Quang đã thiết kế, sản xuất và lắp đặt LAMPSHADES, là hệ thống trần trang trí tích hợp chiếu sáng nghệ thuật tại khu vực chờ của hành khách và cung cấp giải pháp chiếu sáng ngoài trời cho các công trình phụ trợ tại dự án sân bay Techo.

Điện Quang còn là nhà cung cấp giải pháp, thiết bị, thi công, vận hành và bảo trì toàn bộ hệ thống điện mặt trời. Ngoài ra, Điện Quang còn xây dựng hệ thống kênh phân phối và đại lý nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng và quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng tại Campuchia.

10. CÔNG TY ĐÁ GRANITE RITHY (DAVI)



11. TẬP ĐOÀN CAO SU, CHI NHÁNH CAMPUCHIA

Thực hiện chủ trương hợp tác, đầu tư trồng cao su tại Campuchia, từ những năm 2006 - 2007, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đã triển khai thực hiện dự án trồng 100.000ha cao su tại Campuchia.

Hiện nay, VRG có 16 công ty đầu tư cao su trải dài trên 7 tỉnh tại Campuchia, với diện tích 87.584,84ha.

Năm 2024, sản lượng mủ cao su của các công ty cao su tại Campuchia đạt 138.672 tấn, bằng 99% kế hoạch; chế biến 130.113 tấn, bằng 95,3% kế hoạch; tiêu thụ khoảng 133.786 tấn, bằng 94,5% kế hoạch (trong đó xuất

khẩu 94.571 tấn, đạt 104,9% kế hoạch); doanh thu ước đạt 5.656 tỷ đồng, bằng 112,6% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.348 tỷ đồng, bằng 194,3% kế hoạch.

Các công ty tại Campuchia đã tạo việc làm cho 17.576 lao động, với thu nhập bình quân hơn 8 triệu đồng/người/tháng. Các công ty cao su luôn thực thi chiến lược phát triển bền vững, không chỉ phát triển sản xuất kinh doanh, mà còn đặc biệt chú trọng đến đảm bảo phúc lợi cho người lao động, an sinh xã hội tại vùng dự án.

Các công ty đã đầu tư 60 triệu USD để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác an sinh xã hội, làm đường giao thông, thiết lập hệ thống điện, trường học, trạm y tế và các công trình tôn giáo, nhà ở cho người lao động...

Điều này đã góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Campuchia với mức tăng trưởng ổn định, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho lao động bản địa. Đó là một minh chứng sống động cho mối quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị bền chặt giữa Việt Nam và Campuchia.

Phụ lục I. MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

1. Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại CAMPUCHIA

Đại chỉ: 436 Monivong Blvd., Phnom Penh

Điện thoại: 023 726 274

Fax: 023 726 495

Email: ttCampuchia@mofa.gov.vn, vnembpnh@angkornet.com.kh.

2. Thương vụ Việt Nam tại CAMPUCHIA

Địa chỉ: 67 Samdech Pan (ex. 214) Streets Phnom Penh, Cambodia.

Điện thoại: (+855) 12 831 922

Fax: (+855) 23 217 886

Email: kh@moit.gov.vn; phuongdvi@moit.gov.vn.

3. Bộ Thương mại Campuchia

Địa chỉ: No. 19-61, Confederation de la Russie Blvd (110) Phnom Penh, Cambodia 12200.

Email: cabinet.info@moc.gov.kh.

4. Phòng Thương mại Campuchia

Địa chỉ: Building No.7D, Russian Blvd, Sangkat Tek Laok 1, Khan Toul Kok, Phnom Penh, Cambodia.

Điện thoại: (+855) 23 880 795

Email: info@ccc.org.kh

Trang Web: www.ccc.org.kh.

5. Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Campuchia (FASMEC)

Địa chỉ: #T 168, Norodom Blvd., Chamkar Morn, Phnôm Penh, Campuchia.

Điện thoại: +855 23 993 920.

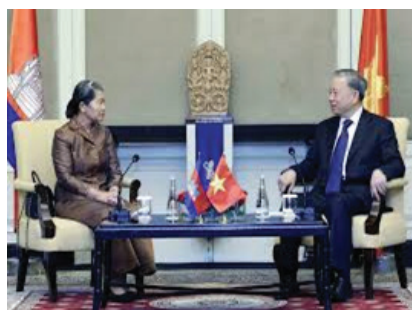
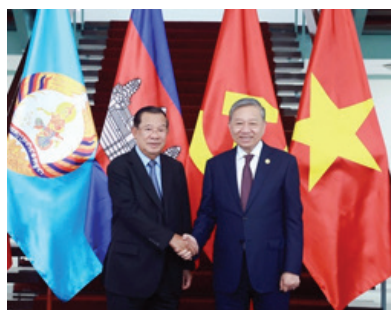
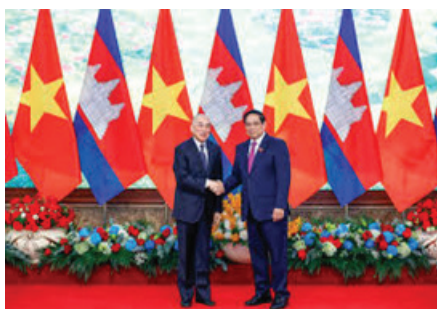
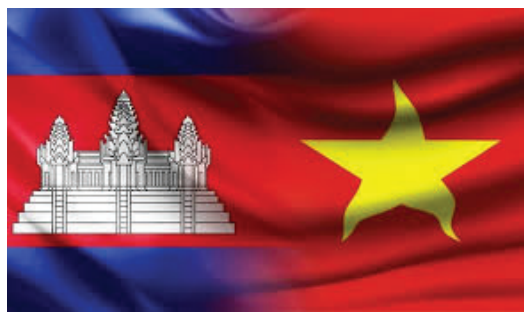
Trang Web: www.fasmec.com

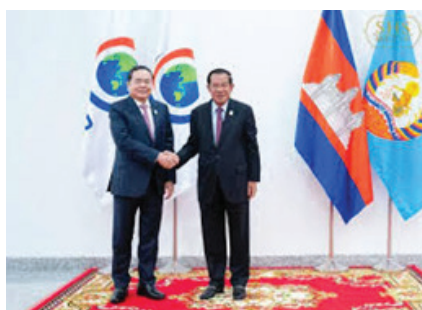
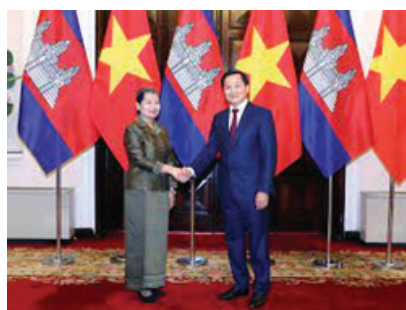
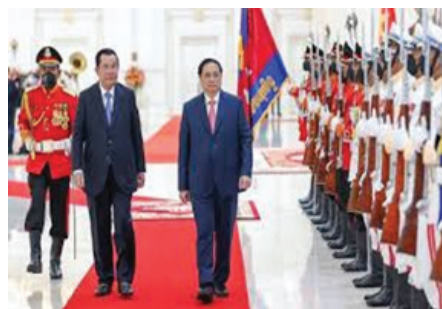
6. Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia (VCBA)

Địa chỉ: #46, St.228, Sangkat, Chaktomuk, Khan Daun Penh, Phnom Penh

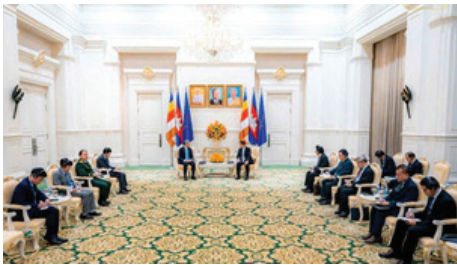
Chủ tịch Hiệp hội: Oknha Leng Rithy.

Phụ lục II. MỘT SỐ HÌNH ẢNH QUAN HỆ VIỆT NAM - CAMPUCHIA















Phụ lục III. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia (sau đây gọi chung là “Các Bên” hoặc gọi riêng là “Bên”),

GHI NHẬN những lợi ích mang lại từ Hiệp định về mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại khu vực biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 26 tháng 11 năm 2001 tại Phnom Penh, Campuchia,

CĂN CỨ Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ký ngày 24 tháng 3 năm 1998 tại Hà Nội, Việt Nam,

THƯA NHẬN việc phát triển thương mại biên giới giữa hai nước là một trong những chiến lược quan trọng để thúc đẩy quan hệ kinh tế và thương mại; tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa các Bên, giúp nâng cao mức sống của cư dân biên giới của hai nước và phát triển kinh tế của mỗi Bên trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi,

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1

Mục tiêu

Các mục tiêu của Hiệp định này như sau:

1. Cải thiện và nâng cao mức sống của cư dân biên giới hai nước;
2. Tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện và phát triển bền vững của các Bên;
3. Tạo mối liên kết phát triển lâu dài, ổn định và bền vững cho nhân dân hai nước;
4. Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân của hai nước.

ĐIỀU 2

Phạm vi điều chỉnh

Hiệp định này điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa tại khu vực biên giới và/hoặc trao đổi hàng hóa tại các chợ biên giới, với thương mại biên giới và chợ biên giới như được định nghĩa trong Hiệp định này, giữa hai nước.

ĐIỀU 3

Định nghĩa

Trong Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Thương mại biên giới là hoạt động mua bán hàng hóa ở khu vực biên giới và/ hoặc tại chợ biên giới của thương nhân hoặc cư dân biên giới của hai nước.

2. Khu vực biên giới trong Hiệp định này bao gồm các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương cấp xã, tiếp giáp với đường biên giới trên đất liền giữa hai nước.

3. Thương nhân là một tổ chức hoặc cá nhân hoạt động độc lập và có đăng ký kinh doanh theo luật về quy định có liên quan của mỗi nước.

4. Cư dân biên giới là công dân Việt Nam hoặc công dân Campuchia được cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên đăng ký thường trú tại khu vực biên giới theo quy định của pháp luật của mỗi nước.

5. Chợ biên giới là địa điểm được thành lập ở khu vực biên giới theo luật và quy định của mỗi nước để phục vụ hoạt động thương mại biên giới giữa các Bên.

6. Cửa khẩu/trạm kiểm soát biên giới đất liền là cửa khẩu/trạm kiểm soát được xác định theo quy định của pháp luật của mỗi nước (sau đây gọi là “cửa khẩu/trạm kiểm soát”).

ĐIỀU 4

Địa điểm thực hiện các hoạt động thương mại tại các khu vực biên giới

Mua bán và trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới được thực hiện thông qua các cửa khẩu/trạm kiểm soát biên giới do các Bên chính thức thành lập.

ĐIỀU 5

Thúc đẩy phát triển chợ biên giới

1. Các Bên đồng ý tạo điều kiện phát triển chợ biên giới và hệ thống logistics tại khu vực biên giới nhằm thúc đẩy thương mại biên giới và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến mua bán hàng hóa.

2. Thương nhân và cư dân biên giới của mỗi Bên được khuyến khích hoạt động thương mại tại chợ biên giới phù hợp với luật và quy định của mỗi nước.

ĐIỀU 6

Hàng hóa trong thương mại biên giới

1. Các Bên cam kết tăng cường và tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa thông qua các cửa khẩu/trạm kiểm soát biên giới chính thức nêu tại Điều 4.

2. Các Bên thống nhất rằng hàng hóa được giao dịch ở khu vực biên giới không bao gồm hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định của luật và quy định của mỗi nước.

3. Danh mục hàng hóa cấm hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng theo luật và quy định của mỗi Bên và các thỏa thuận song phương có liên quan giữa các Bên và các điều ước quốc tế mà hai Bên là thành viên.

4. Việc xuất nhập khẩu hàng hóa bởi thương nhân biên giới và quản lý bằng hạn ngạch, giấy phép và các hình thức quản lý khác như thuế, luật và quy định của mỗi nước sẽ được áp dụng.

5. Các Bên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa cần thiết cho sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.

6. Hàng hóa có xuất xứ từ một Bên và xuất khẩu sang Bên còn lại có thể được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế theo luật và quy định của mỗi nước.

ĐIỀU 7

Thanh toán trong thương mại biên giới

1. Thanh toán trong thương mại biên giới có thể được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc Đồng Việt Nam hoặc Riel Campuchia theo quy định tại Hiệp định này và luật, quy định của mỗi nước.

2. Phương thức thanh toán trong thương mại biên giới là:

- a) Thanh toán qua các ngân hàng được ủy quyền của mỗi nước;
- b) Thanh toán bằng tiền mặt theo luật và quy định của mỗi nước;
- c) Thanh toán theo phương thức bù trừ hàng hóa xuất khẩu với hàng hóa nhập khẩu.

3. Khuyến khích thanh toán qua ngân hàng đối với thương mại biên giới.

4. Phù hợp với luật và quy định của mỗi nước, các Bên đồng ý khuyến khích thành lập chi nhánh ngân hàng thương mại hoặc phòng giao dịch tại khu vực biên giới để thúc đẩy và tạo thuận lợi cho thanh toán thương mại biên giới.

5. Lượng tiền mặt có thể mang vào hoặc mang ra khỏi mỗi nước mà không cần khai báo hải quan thực hiện theo luật về quy định của mỗi nước. Nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại biên giới giữa hai nước, các Bên nhất trí thúc giục Ngân hàng Trung ương của các Bên tiếp tục làm việc theo hướng tối ưu hóa lượng tiền mặt có thể được đưa vào hoặc đưa ra khỏi mỗi nước mà không cần khai báo hải quan.

6. Số tiền mặt có thể đưa vào hoặc đưa ra khỏi mỗi nước mà không cần khai báo hải quan sẽ được đăng Công báo Chính phủ hoặc Cổng

Thông tin điện tử Chính phủ và niêm yết tại trụ sở của tất cả các cửa khẩu/trạm kiểm soát biên giới

ĐIỀU 8

Dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới

Các Bên đồng ý thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới, bao gồm nhưng không giới hạn đối với: kho bãi, giao nhận, vận chuyển, chế biến, bảo quản hàng hóa, dịch vụ ngân hàng và tài chính, phù hợp với luật và quy định của mỗi nước.

ĐIỀU 9

Tạo thuận lợi cho việc xuất nhập cảnh qua biên giới

1. Các Bên đồng ý tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu của thương nhân và cư dân biên giới, người được chủ hàng ủy quyền, phương tiện, người điều hành vận tải, người điều khiển phương tiện và người phục vụ trên phương tiện với điều kiện phải có các giấy tờ cần thiết, bao gồm cả giấy phép của người điều khiển phương tiện theo luật và quy định của mỗi nước.

2. Các Bên đồng ý tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện vận tải xuất/nhập cảnh đến các địa điểm dỡ hàng/chất hàng ở khu vực biên giới phù hợp với luật và quy định của mỗi nước.

ĐIỀU 10

Kiểm soát hàng hóa qua cửa khẩu

1. Các Bên đồng ý áp dụng các biện pháp kỹ thuật và kiểm dịch đối với hàng hóa vận chuyển qua các cửa khẩu/trạm kiểm soát để đáp ứng các yêu cầu về áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và các biện pháp kiểm dịch động thực vật; bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người; bảo vệ động thực vật, môi trường sinh thái, đa dạng sinh học; phòng, chống các bệnh truyền nhiễm.

2. Các Bên khuyến khích cơ quan có thẩm quyền của mình phối hợp với nhau để hướng tới việc tạo thuận lợi hơn khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật đối với các giao dịch nhỏ giữa các cư dân biên giới hai nước.

3. Hàng hóa qua cửa khẩu/trạm kiểm soát giữa các Bên phải thực hiện các thủ tục qua biên giới theo luật và quy định của mỗi nước.

ĐIỀU 11

Xúc tiến thương mại

Các Bên đồng ý tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xúc tiến thương mại do các cơ quan, tổ chức và hiệp hội có liên quan của mỗi Bên thực hiện, bao gồm các hoạt động ở các khu vực biên giới của Bên kia. Tất cả các thương nhân, cư dân biên giới và cá nhân được khuyến khích tham gia vào các hoạt động này.

ĐIỀU 12

Phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại

Các Bên cam kết hợp tác chặt chẽ trong việc phòng, chống và trấn áp buôn lậu và gian lận thương mại, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi gian lận thương mại xuyên biên giới, buôn bán trái phép thuốc lá, gỗ, gỗ chế biến, động vật hoang dã, ma túy, tiền chất hóa học, vũ khí, chất nổ và hàng giả. Để hợp tác có hiệu quả, các Bên kêu gọi các cơ quan biên giới tăng cường trao đổi thông tin.

ĐIỀU 13

Trao đổi thông tin

Các Bên đồng ý cung cấp cho nhau, theo yêu cầu, thông tin cập nhật về luật và quy định liên quan đến thương mại, bao gồm các quy định về thủ tục xuất/nhập cảnh biên giới; thủ tục xuất nhập khẩu; danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; thuế, phí và lệ phí và các khoản khác.

ĐIỀU 14

Vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong thương mại biên giới

1. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình theo luật và quy định của mỗi nước, chính quyền cấp tỉnh khu vực biên giới có thể thỏa thuận các biện pháp thích hợp để tăng cường và tạo thuận lợi cho thương mại biên giới.

2. Các Bên khuyến khích chính quyền cấp tỉnh của mình tại các khu vực biên giới tham gia vào mối quan hệ “Các thành phố kết nghĩa” nhằm tăng cường thương mại biên giới và quan hệ giữa nhân dân hai nước.

ĐIỀU 15

Tổ chức thực hiện

1. Các Bên thống nhất giao Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia làm đầu mối phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và chính quyền cấp tỉnh thực hiện Hiệp định.

2. Các bộ, cơ quan liên quan và chính quyền cấp tỉnh của mỗi Bên có trách nhiệm thực hiện Hiệp định này sau khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 16

Giải quyết tranh chấp

1. Mọi khác biệt hoặc tranh chấp giữa các Bên phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn hoặc thương lượng.

2. Mọi yêu cầu tham vấn hoặc thương lượng phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi qua các đầu mối quy định tại khoản 1 Điều 15 của Hiệp định này và qua kênh ngoại giao.

3. Khi một Bên yêu cầu tham vấn hoặc thương lượng theo khoản 1 của Điều này, Bên kia sẽ trả lời trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu và sẽ tham gia tham vấn hoặc thương lượng trong một khoảng thời gian hợp lý không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nhằm đạt được giải pháp kịp thời và thích hợp cho mỗi Bên.

ĐIỀU 17

Sửa đổi và bổ sung

Một trong hai Bên có thể yêu cầu bằng văn bản, thông qua kênh ngoại giao, về việc sửa đổi một phần nhất định hoặc toàn bộ văn bản của Hiệp định. Bên kia phải trả lời trong vòng 03 (ba) tháng kể từ khi

nhận được yêu cầu đó. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung, được các Bên nhất trí, sẽ là một phần không thể tách rời của Hiệp định và sẽ có hiệu lực sau 45 (bốn mươi năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn thành các thủ tục nội bộ của các Bên.

ĐIỀU 18

Hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này phải được hoàn thiện các thủ tục nội bộ phù hợp với luật pháp và quy định của mỗi quốc gia. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ qua đường ngoại giao và sẽ có hiệu lực trong 03 (ba) năm. Thừa thuận sẽ tự động được gia hạn sau mỗi 01 (một) năm nếu không Bên nào thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, trong vòng 03 (ba) tháng trước ngày Hiệp định hết hạn.

2. Việc chấm dứt Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động hoặc chương trình đang diễn ra đã được các Bên thỏa thuận trước ngày chấm dứt Hiệp định này và sẽ được thực hiện cho đến khi kết thúc các hoạt động và chương trình đã định, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

3. Kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, Hiệp định về mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại khu vực biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 26 tháng 11 năm 2001 tại Phnôm Penh, Campuchia sẽ hết hiệu lực.

ĐỂ LÀM CHỨNG, những người ký kết dưới đây được sự ủy nhiệm hợp pháp của Chính phủ nước mình, để ký Hiệp định này.

ĐƯỢC LÀM tại Phnôm Penh ngày 08 tháng 11, 2022, sao thành 02 (hai) bộ bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt về cách diễn giải, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

Phụ lục IV. THÔNG TƯ SỐ 28/VBHN-BCT

Số: 28/VBHN-BCT

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUÁ CẢNH HÀNG HÓA CỦA VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA QUA LÃNH THỔ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thủ tục cấp[2] giấy phép quá cảnh, vận chuyển hàng hóa quá cảnh và tiêu thụ hàng hóa quá cảnh theo quy định của Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013 (sau đây viết tắt là Hiệp định).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia các hoạt động có liên quan đến quá cảnh hàng hóa theo quy định của Hiệp định.

Chương II

THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Điều 3. Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa

Thủ tục xin giấy phép quá cảnh hàng hóa được thực hiện như sau:

1. Đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng quy định tại khoản[4] 3 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục IA[5] ban hành kèm theo Thông tư này) đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

a) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ của chủ hàng, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương trả lời chủ hàng bằng văn bản.

2. Đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia quy định tại khoản[6] 4 Điều 4

Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIA ban hành kèm theo Thông tư này) đến Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh (Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương). Địa chỉ: 12 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm của Campuchia quy định tại khoản[8] 5 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.

4. Đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại khoản[9] 2 Điều 5 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1A[10] ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.

5. Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa quy định tại điểm b khoản[11] 3, điểm b khoản[12] 4 Điều này được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Trường hợp bằng tiếng Khmer thì chủ hàng phải gửi kèm theo bản dịch ra tiếng Việt đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Vương quốc Campuchia hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Vương quốc Campuchia tại Việt Nam chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

6. Đối với hàng hóa quy định tại khoản[13] 5 Điều 4 Hiệp định và mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại khoản[14] 2 Điều 5 Hiệp định,

Bộ Công Thương cấp giấy phép quá cảnh sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ của chủ hàng và văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa gửi đến Bộ Công Thương Việt Nam qua Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại Campuchia hoặc Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Campuchia tại Việt Nam.

7. Thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại khoản[15] 2, khoản[16] 3, khoản[17] 4 Điều này là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận, được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi chủ hàng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa.

9. Mẫu giấy phép quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Phụ lục IB, Phụ lục IIB ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp giấy phép quá cảnh, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

10.[18] Hình thức nộp hồ sơ đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này bao gồm trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Bộ Công Thương.

Điều 4

STT	Tên cửa khẩu phía Việt Nam	Tuyến đường nối của Việt Nam	Tên cửa khẩu phía Campuchia	Tuyến đường nối của Campuchia
1	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	Sông Tiền - Cửu Long	Ca om Samno (tỉnh Kandal)	Sông Mê Kông
2	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Sông Tiền - Cửu Long	Cốc Rô Ca (tỉnh Prey Veng)	Sông Mê Kông
3	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Quốc lộ 22A	Ba Vét (tỉnh Svay Riêng)	Quốc lộ 1
4	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	Quốc lộ 22B	Torapeng Phơ long (tỉnh Kong Pong Chàm)	Quốc lộ 72
5	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Quốc lộ 19	O Da Dao (tỉnh Ratanakiri)	Quốc lộ 78

STT	Tên cửa khẩu phía Việt Nam	Tuyến đường nối của Việt Nam	Tên cửa khẩu phía Campuchia	Tuyến đường nối của Campuchia
6	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Quốc lộ 13	Torapeng Sre (tỉnh Kara Chê)	Quốc lộ 74
7	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Quốc lộ 91	Phơ-nông Đơn (tỉnh Takeo)	Quốc lộ 2
8	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Quốc lộ 80	Prek Chak (Lork - tỉnh Kam Pốt)	Quốc lộ 33A
9	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Quốc lộ 30	Bontia Chăk Cray (tỉnh Prêy Veng)	Tỉnh lộ 30
10	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Quốc lộ 62	Pray Vor (tỉnh Svay Riêng)	Tỉnh lộ 314D

Điều 5. Quá cảnh hàng hóa khác

Các loại hàng hóa khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 và khoản [20] 1, khoản[21] 2 Điều 5 Hiệp định, khi quá cảnh theo đường bộ, đường thủy hoặc đường sắt qua các cặp cửa khẩu quy định tại Điều 7 Hiệp định, chủ hàng hoặc người chuyên chở được ủy quyền hợp pháp làm thủ tục quá cảnh tại cơ quan Hải quan, không phải xin giấy phép quá cảnh hàng hóa của Bộ Công Thương hoặc Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh (Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương).

Chương III

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Điều 6. Phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh và người áp tải

1. Các phương tiện vận tải của Việt Nam, Campuchia hoặc nước thứ ba tham gia vận chuyển hàng hóa quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy quy định tại Điều 10 Hiệp định phải tuân thủ Hiệp định Vận tải đường bộ được ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 01 tháng 6 năm 1998, Hiệp định được ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy ngày 17 tháng 12 năm 2009, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh phương tiện vận chuyển và người áp tải; thủ tục lưu kho, lưu bãi hàng hóa quá cảnh; thủ tục sang mạn, thay đổi phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh được thực hiện theo quy định của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hải quan.

Điều 7. Cửa khẩu quá cảnh hàng hóa

Hàng hóa quá cảnh được phép qua các cặp cửa khẩu quốc tế và các tuyến đường nối sau:

Điều 8. Chứng từ khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa quá cảnh

Chủ hàng hoặc người chuyên chở phải nộp, xuất trình các loại chứng từ cho cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Giám sát hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát của Hải quan Việt Nam trong toàn bộ thời gian hàng hóa quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 10. Thời gian quá cảnh hàng hóa

Hàng hóa quá cảnh được phép lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian tối đa là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập khẩu, trừ trường hợp được gia hạn thời gian quá cảnh theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 11. Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa

1. Việc gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa do cơ quan cấp phép xem xét giải quyết đối với hàng hóa quá cảnh theo giấy phép và do cơ quan Hải quan xem xét giải quyết đối với hàng hóa quá cảnh không theo giấy phép theo quy định của pháp luật. Mỗi lần gia hạn không quá 30 (ba mươi) ngày và tối đa không quá 03 (ba) lần gia hạn.

2. Đối với hàng hóa được lưu kho bãi tại Việt Nam hoặc bị hư hỏng, tổn thất hoặc phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh bị hư hỏng trong thời gian quá cảnh cần phải có thêm thời gian để lưu kho bãi, khắc phục hư hỏng, tổn thất thì thời gian quá cảnh được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó.

Điều 12. Tiêu thụ hàng hóa quá cảnh

1. Cấm tiêu thụ tại Việt Nam hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

2. Hàng hóa không thuộc Danh mục quy định tại khoản[23] 1 Điều này không được phép tiêu thụ tại Việt Nam trừ trường hợp bất khả kháng. Việc tiêu thụ hàng hóa quy định tại khoản[24] này phải được Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

3. Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh nêu tại khoản[25]2 Điều này phải thực hiện qua các thương nhân Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan Hải quan theo quy định hiện hành về quản lý xuất nhập khẩu.

4.[26] Trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2 Điều này, chủ hàng nộp hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Bộ Công Thương hoặc gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng), nếu là hàng hóa quá cảnh theo giấy phép.

c) Tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh xin được tiêu thụ tại Việt Nam.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh là 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 13. Thay đổi cửa khẩu quá cảnh

Việc thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi quy định tại Hiệp định do cơ quan cấp phép xem xét giải quyết đối với hàng hóa quá cảnh theo giấy phép và do cơ quan Hải quan xem xét giải quyết đối với hàng hóa quá cảnh không theo giấy phép.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của chủ hàng và người chuyên chở hàng hóa quá cảnh

Chủ hàng, người chuyên chở thực hiện hoạt động quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hiệp định, Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 4 Điều 12 Thông tư này và trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

2. Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh (Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XNK.

Phụ lục V. THỎA THUẬN THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG

BẢN THỎA THUẬN THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG GIỮA CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chính phủ Vương quốc Campuchia và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây được gọi tắt là “các Bên ký kết”;

Căn cứ Tuyên bố chung Campuchia - Việt Nam giữa Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Campuchia và Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 10 tháng 10 năm 2005 tại Hà Nội về việc hai nước thỏa thuận sớm đưa ra chính sách ưu đãi thuế quan cho hàng hóa xuất xứ từ mỗi nước;

Nhắc lại Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Hà Nội, và;

Nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt thương mại hàng hóa nông sản, thủy sản và sản phẩm công nghiệp với mục tiêu cải thiện đời sống của người dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi nước;

Hai Bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1.1. Bản Thỏa thuận này quy định danh mục những mặt hàng có xuất xứ từ một Bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của Bên ký kết kia.

1.2. Ngoài những quy định cụ thể tại Bản Thỏa thuận này, các mặt hàng có xuất xứ từ mỗi Bên ký kết, khi nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên ký kết kia, phải tuân thủ các quy định khác về xuất khẩu, nhập khẩu của Bên ký kết kia, giống như hàng hoá buôn bán thông thường qua biên giới giữa hai nước.

Điều 2

2.1. Tất cả các mặt hàng có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia, nêu tại Phụ lục I của Bản Thỏa thuận này, khi nhập khẩu vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đều được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0%. Riêng số lượng được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% đối với các mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô, được quy định tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

2.2. Tất cả các mặt hàng có xuất xứ từ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nêu lại Phụ lục II của Bản Thỏa thuận này, khi nhập khẩu vào lãnh thổ Vương quốc Campuchia, đều được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0%.

2.3. Đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về Việt Nam thì áp dụng theo các quy định và văn bản pháp luật có liên quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia. Số lượng các mặt hàng này không tính vào số lượng nêu tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

2.4. Đối với hàng nông sản có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác, sẽ được áp dụng theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và các Hiệp định khu vực và quốc tế mà hai Bên tham gia ký kết và không tính vào số lượng nêu tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

Điều 3

Đối với mặt hàng gạo:

3.1. Các mặt hàng gạo nêu trong Phụ lục I của Bản Thỏa thuận được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% theo hạn ngạch.

3.2. Số lượng gạo có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% theo Bản Thỏa thuận này được quy định như sau:

- Năm 2025: 300.000 tấn gạo.

- Năm 2026: 300.000 tấn gạo.

3.3. Hai Bên quy định tỷ lệ quy đổi: 2 kg thóc = 1kg gạo.

Điều 4

Đối với mặt hàng lá thuốc lá khô:

4.1. Các mặt hàng lá thuốc lá khô là đối tượng được hưởng ưu đãi thuế suất 0% và trong hạn ngạch theo Bản Thỏa thuận này, bao gồm các mặt hàng lá thuốc lá khô được nêu trong Phụ lục I.

4.2. Số lượng lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% theo Bản Thỏa thuận này được quy định như sau:

- Năm 2025: 3.000 tấn lá thuốc lá khô.

- Năm 2026: 3.000 tấn lá thuốc lá khô.

Điều 5

Hai Bên sẽ áp dụng mã số HS tại Phụ lục I và Phụ lục II theo Danh mục biểu thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN) 2022.

Điều 6

Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, hai Bên sẽ đối chiếu số liệu thực hiện hạn ngạch hàng năm quy định tại Điều 3 và Điều 4 trên đây. Trong trường hợp lượng nhập khẩu thực tế mỗi năm vào Việt Nam không đủ số lượng hạn ngạch quy định, Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia có thể gửi văn bản cho Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề nghị phía Việt Nam xem xét khả năng cho phép các doanh nghiệp Campuchia sử dụng lượng hạn ngạch còn lại trong năm tiếp theo.

Điều 7

Việc nhập khẩu lá thuốc lá khô quy định tại Điều 4 của Bản Thỏa thuận này được thực hiện như sau:

7.1. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam nằm trong số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2, Điều 4 của Bản Thỏa thuận

này, thì áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định của Bản Thỏa thuận này;

7.2. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam vượt số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của Bản Thỏa thuận này, nhưng vẫn nằm trong tổng mức hạn ngạch chung, và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lượng hạn ngạch thuế quan, thì áp dụng thuế suất nhập khẩu quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

7.3. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam vượt số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của Bản Thỏa thuận này, và vượt tổng mức hạn ngạch chung hoặc không đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lượng hạn ngạch thuế quan, thì phần vượt áp dụng theo mức thuế suất ngoài hạn ngạch quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8

Đối với hàng hóa là đối tượng điều chỉnh của Bản Thỏa thuận này, trừ hàng hóa quy định trong Điều 3 và Điều 4, khi khối lượng nhập khẩu tăng đột biến và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất trong nước của nước nhập khẩu, nước nhập khẩu có thể ngừng áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận này và áp dụng mức thuế suất theo biểu thuế của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ASEAN Trade In Goods Agreement) hoặc theo quy định pháp luật của từng nước.

Điều 9

9.1. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Phụ lục I của Bản Thỏa thuận này, nhập khẩu vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S phải được làm trên giấy khổ A4 tiêu chuẩn ISO, theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Bản Thỏa thuận này. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S được làm bằng tiếng Anh.

9.2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Phụ lục II của Bản Thỏa thuận này nhập khẩu vào Vương quốc Campuchia là Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X phải được làm trên giấy khổ A4 tiêu chuẩn ISO, theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Bản Thỏa thuận này. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X được làm bằng tiếng Anh.

9.3. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Bản Thỏa thuận này tương ứng ở mỗi nước là Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia và cơ quan được Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia ủy quyền nếu có.

9.4. Để tạo thuận lợi cho hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo Bản Thỏa thuận này, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đã thống nhất và sẽ áp dụng những quy định phù hợp trong chương 3 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và các phụ lục liên quan.

9.5. Để tạo thuận lợi cho hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo Bản Thỏa thuận này, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia nhất trí phối hợp chặt chẽ, sớm công nhận chứng nhận xuất xứ điện tử và tự chứng nhận xuất xứ của mỗi Bên trong thời gian tới.

Điều 10

10.1. Danh sách các cửa khẩu thông quan cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Bản Thỏa thuận được nêu tại Phụ lục III của Bản Thỏa thuận này.

10.2. Danh sách các cửa khẩu nêu tại Phụ lục III có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự nhất trí chung của các Bên ký kết và là một phần không thể tách rời của Bản Thỏa thuận.

Điều 11

Bản Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 12

12.1. Trong quá trình thực hiện Bản Thỏa thuận này, nếu nảy sinh vướng mắc. Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia sẽ cùng tích cực phối hợp giải quyết thông qua thương lượng.

12.2. Các Bên ký kết sẽ rà soát và cập nhật các Phụ lục I và Phụ lục II trong vòng 06 tháng hoặc một năm theo sự đồng ý của cả hai Bên. Các Bên ký kết cũng tổ chức một cuộc họp hàng năm để rà soát việc thực hiện Bản Thỏa thuận này.

Điều 13

Mỗi Bên sẽ xúc tiến các công việc cần thiết để các cơ quan có thẩm quyền có thể triển khai, thực hiện các nội dung được ghi trong Bản Thỏa thuận này.

Làm tại Hà Nội vào ngày 28 tháng 4 năm 2025 thành hai (02) bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

CHAM NIMUL
Bộ trưởng Bộ Thương mại

NGUYỄN HỒNG DIÊN
Bộ trưởng Bộ Công Thương

**DANH MỤC CÁC CẤP CỦA KHẨU ĐƯỢC PHÉP THÔNG QUAN
CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

STT	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Vương quốc Cam-pu-chia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ou Va Dav (tỉnh Ratanakiri)
2	Bu Prăng (tỉnh Đắk Nông)	Dak Dam (tỉnh Mondulakiri)
3	Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông)	Nam Lear (tỉnh Mondulakiri)
4	Hoa Lư (tỉnh Đồng Nai)	Trapeang Sre (tỉnh Kratie)
5	Hoàng Diệu (tỉnh Đồng Nai)	Lapakhe (tỉnh Mondulakiri)
6	Lộc Thịnh (tỉnh Đồng Nai)	Tonle Cham (tỉnh Tboung Khmum)
7	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Bavet (Svay Rieng Province)
8	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	Trapeang Plong (tỉnh Tboung Khmum)
9	Chàng Riệp (tỉnh Tây Ninh)	Da (tỉnh Tboung Khmum)
10	Kà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chan Mul (tỉnh Tboung Khmum)
11	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bosmon (tỉnh Svay Rieng)
12	Vạc Sa (tỉnh Tây Ninh)	Doun Rodth (tỉnh Tboung Khmum)
13	Tân Nam (tỉnh Tây Ninh)	Meun Chey (tỉnh Prey Veng)
14	Bình Hiệp (tỉnh Tây Ninh)	Prey Vor (tỉnh Svay Rieng)
15	Mỹ Quý Tây (tỉnh Tây Ninh)	Samrong (tỉnh Svay Rieng)
16	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Banteay Chakrey (tỉnh Prey Veng)
17	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Koh Roka (tỉnh Prey Veng)
18	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	Ka-Orm Samnor (tỉnh Kandal)
19	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Takeo)
20	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrey Thom (tỉnh Kandal)
21	Vĩnh Hội Đông (tỉnh An Giang)	Kampong Krosang (tỉnh Takeo)
22	Hà Tiên (tỉnh An Giang)	Prek Chak (tỉnh Kampot)
23	Giang Thành (tỉnh An Giang)	Ton Hon (tỉnh Kampot)

PHỤ LỤC VI. LUẬT ĐẦU TƯ CAMPUCHIA

NS/RKM/1021/014

Sắc luật

Quốc vương

Norodom Xi-ha-mô-ni

- Căn cứ Hiến pháp Campuchia
- Căn cứ Nghị định Hoàng gia số 0918/925 ký ngày 06.09.2018 về bổ nhiệm Chính phủ Campuchia
- Căn cứ Nghị định Hoàng gia số 0320/421 ký ngày 30.03.2020 về bổ nhiệm và điều chỉnh thành phần Chính phủ Campuchia
- Căn cứ Sắc luật số 0918/012 ký ngày 28.06.2018 thông báo đưa vào sử dụng Luật về tổ chức và hoạt động của HĐNC
- Căn cứ Sắc luật số 0498/09 ký ngày 08.04.1998 thông báo đưa vào sử dụng Luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Hiến pháp
- Căn cứ Sắc luật số 0107/005 ký ngày 31.01.2007 thông báo đưa vào sử dụng Luật về sửa đổi Luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Hiến pháp
- Căn cứ Sắc luật số 0318/005 ký ngày 10.03.2018 thông báo đưa vào sử dụng Luật về sửa đổi Điều 26, Điều 27 mới, Điều 28, Điều 31 và Điều 32 của Luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Hiến pháp.
- Theo đề nghị của Thủ Tướng Hun Sen.

Thông báo đưa vào sử dụng

Luật đầu tư của Campuchia đã được Quốc hội thông qua ngày 09.09.2021 tại kỳ họp Quốc hội lần thứ 6 nhiệm kỳ 6 và được Thượng viện xem xét hoàn chỉnh về hình thức và khái niệm văn bản pháp lý này vào ngày 20.09.2021 tại kỳ họp lần thứ 7 nhiệm kỳ 4, cũng như đã được Hội đồng Hiến pháp thông báo tính hợp Hiến trong Quyết định số 002/2021 ký ngày 29.09.2021 và đã có thông báo rộng rãi.

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Luật này nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý công khai, minh bạch, dễ dàng và thuận lợi cho đầu tư nhằm thu hút và xúc tiến đầu tư của các cá nhân Campuchia hoặc nước ngoài một cách có chất lượng, hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội tại Vương quốc Campuchia bằng cách:

1. Tăng khả năng cạnh tranh của Campuchia trên tinh thần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế và khả năng chống chịu với các cuộc khủng hoảng khu vực và toàn cầu.

2. Hiện đại hóa và tăng năng suất các ngành công nghiệp địa phương và tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu bằng cách thúc đẩy tăng trưởng dòng vốn và chuyển giao công nghệ, kiến thức và bí quyết.

3. Thiết lập cơ chế khuyến khích đầu tư minh bạch, dễ dàng, không phân biệt đối xử, có tính cạnh tranh và hỗ trợ các chính sách kinh tế - xã hội.

4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư tại Vương quốc Campuchia bằng cách thiết lập một khuôn khổ pháp lý toàn diện và cân bằng, phù hợp với lợi ích quốc gia.

Điều 2

Luật này áp dụng cho tất cả các dự án đầu tư đủ điều kiện, mở rộng các dự án đầu tư đủ điều kiện và các dự án đầu tư được đảm bảo đã đăng ký với Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư tỉnh - thành phố.

Điều 3

Các thuật ngữ sau đây được sử dụng trong luật này được định nghĩa như sau: “Dự án đầu tư” là dự án đầu tư đủ điều kiện, mở rộng dự án đầu tư đủ điều kiện và dự án đầu tư được bảo đảm.

“Dự án đầu tư đủ điều kiện” viết tắt là “QIP” là dự án đầu tư đã được Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Ủy ban đầu tư tỉnh – thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký.

“Dự án đầu tư đủ điều kiện phục vụ xuất khẩu” có nghĩa là QIP bán hoặc chuyển bất kỳ tỷ lệ sản phẩm nào của mình cho người mua hoặc người nhận bên ngoài Vương quốc Campuchia.

“Dự án đầu tư đủ điều kiện là công nghiệp hỗ trợ” đề cập đến một QIP trong đó các sản phẩm của nó ở bất kỳ tỷ lệ nào được cung cấp cho ngành xuất khẩu.

“Dự án đầu tư đủ điều kiện phục vụ thị trường trong nước” đề cập đến một QIP không phục vụ vào xuất khẩu.

“Dự án mở rộng của dự án đầu tư đủ điều kiện” “viết tắt là” EQIP đề cập đến việc mở rộng QIP dưới mọi hình thức, bao gồm mở rộng các dây chuyền sản xuất hiện có, mở rộng bằng cách đa dạng hóa các dòng sản phẩm trong các sản phẩm tương tự, mở rộng thông qua việc lắp đặt các công nghệ mới nâng cao năng suất hoặc bảo vệ môi trường, mở rộng cơ sở hạ tầng để phục vụ dịch vụ viễn thông cơ bản, hoặc mở rộng dưới các hình thức khác sẽ được quy định trong Tiểu Nghị định.

“Dự án đầu tư có bảo đảm” viết tắt là “GIP” là dự án đầu tư đã đăng ký với Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban đầu tư tỉnh – thành phố và nêu rõ rằng dự án đầu tư chỉ được bảo lãnh đầu tư mà không được hưởng ưu đãi về thuế.

“Ngày làm việc” là ngày dương lịch, là ngày làm việc chính thức của Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

“Đầu vào sản xuất” là nguyên liệu, bán thành phẩm và các phụ kiện sản xuất được biến đổi trong quá trình sản xuất, trừ các sản phẩm xăng dầu và phụ tùng cho xe có động cơ.

“Pháp nhân Campuchia” có nghĩa là công ty có địa điểm kinh doanh và được đăng ký tại Vương quốc Campuchia, trong đó ít nhất 51 (năm mươi một) phần trăm cổ phần trong công ty thuộc sở hữu của người có quốc tịch Campuchia.

“Thiết bị xây dựng” có nghĩa là thiết bị được lắp ráp, chế tạo hoặc sản xuất để sử dụng trong hoặc gắn vào công trình nhằm tăng chất lượng, sự thoải mái và dễ sử dụng trong xây dựng, đó là đèn, dây điện, dây quang, bồn rửa, vòi nước, bồn tắm, thang máy và đường ống, ngoại trừ máy điều hòa không khí. Đặc biệt, việc nhập khẩu máy điều hòa không khí cho các hoạt động đầu tư hoặc dự án trong một lĩnh vực cụ thể sẽ nhận được các ưu đãi bổ sung, sẽ được quy định trong Luật quản lý tài chính [hàng năm] hoặc trong Tiểu Nghị định.

“Cá nhân” dùng để chỉ một thể nhân hoặc pháp nhân.

“Giấy chứng nhận đăng ký” là giấy chứng nhận do Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Ủy ban đầu tư tỉnh – thành phố cấp xác nhận việc công nhận dự án đầu tư.

“Nhà đầu tư” là người thực hiện dự án đầu tư đã đăng ký với Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban đầu tư tỉnh – thành phố.

“Hoạt động Đầu tư” có nghĩa là các hoạt động kinh doanh tại Vương quốc Campuchia do tổ chức phụ trách thành lập, mua lại, bán, chuyển nhượng, mở rộng hoặc kết hợp và ủy quyền bằng văn bản phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành.

“Đề xuất Dự án Đầu tư” là đề xuất do một người đệ trình lên Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh – thành phố nhằm mục đích thiết lập QIP và GIP. Đề xuất này có thể bao gồm một hoặc nhiều giai đoạn, bao gồm cả yêu cầu mở rộng QIP.

“Thiết bị Sản xuất” dùng để chỉ máy móc, máy móc và thiết bị được sử dụng chủ yếu trong dây chuyền sản xuất, ngoại trừ xe có động cơ. Đặc biệt, việc nhập khẩu xe có động cơ cho các hoạt động hoặc dự án đầu tư trong một lĩnh vực cụ thể sẽ nhận được các ưu đãi bổ sung, sẽ được quy định trong Luật quản lý tài chính [hàng năm] hoặc trong Tiểu Nghị định.

“Vật liệu xây dựng” đề cập đến các hạng mục xây dựng bao gồm Thiết bị xây dựng đã được QIP chuyển đổi hoặc sử dụng trong việc xây dựng các tòa nhà để thực hiện các hoạt động đầu tư của mình trong giai đoạn xây dựng ban đầu hoặc mở rộng.

Vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng và thiết bị sản xuất nêu trong điều này phải có tiêu chuẩn kỹ thuật và số lượng phù hợp với dự án đầu tư.

“Người nộp đơn” là người nộp đơn đăng ký dự án đầu tư tại Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh – thành phố.

“Tiểu Nghị định” là Tiểu Nghị định về Thi hành Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia.

Chương II

THỂ CHẾ HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA

Điều 4

Phải thành lập Hội đồng phát triển Campuchia viết tắt là “CDC”, là một tổ chức điều hành và Cơ quan một cửa của Chính phủ Hoàng gia Campuchia về lãnh đạo, quản lý, hợp tác phát triển, đầu tư tư nhân và Khu kinh tế đặc biệt.

Điều 5

CDC do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch và bao gồm một hoặc nhiều Phó Chủ tịch và một số thành viên khi cần thiết. Thủ tướng, theo quyết định riêng của mình, có thể giao quyền cho quan chức cấp cao của Chính phủ Hoàng gia hoặc lãnh đạo của CDC để thực hiện các vai trò của mình ở các cấp mở rộng hoặc các bộ phận của công việc của CDC nhằm đảm bảo tính hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 4 nêu trên, bao gồm quản lý, sử dụng ngân sách và nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc chỉ định các văn bản của CDC sẽ được thực hiện bởi Nghị định Hoàng gia.

Điều 6

Cơ cấu tổ chức của CDC như sau:

- Tổng thư ký CDC;
- Ban Hợp tác và Phát triển Campuchia “CCDB”;
- Ban Đầu tư Campuchia “CIB”;

Tổng Thư ký CDC, CCDB và CIB, sẽ do một Tổng Thư ký tương ứng lãnh đạo và một số Phó Tổng Thư ký làm trợ lý khi cần thiết.

CDC có thể thiết lập các cấu trúc hoặc cơ chế bổ sung bằng Tiểu Nghị định khi cần thiết.

Điều 7

CDC có ngân sách riêng là ngân sách quốc gia, có công chức và nhân viên hợp đồng riêng theo luật và quy định hiện hành.

Điều 8

Tổ chức và hoạt động của CDC sẽ do Nghị định Hoàng gia xác định.

Chương III

CƠ CHẾ ĐẦU TƯ Ở CẤP ĐỘ CHÍNH QUYỀN

Điều 9

Để tăng cường hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư, việc xem xét và phê duyệt đầu tư tư nhân và giải quyết các tranh chấp liên quan đến Dự án đầu tư sẽ được giao cho Chính quyền tỉnh/thành phố theo quyết định của Chính phủ Hoàng gia thông qua việc thành lập Tiểu ban Đầu tư trực thuộc tỉnh/thành phố thông qua Tiểu Nghị định riêng.

Chương IV

ĐĂNG KÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 10

Một người có ý định thực hiện QIP, EQIP hoặc GIP phải gửi đề xuất bằng văn bản lên Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh – thành phố.

Đề xuất Dự án Đầu tư cũng có thể được thực hiện thông qua nền tảng công nghệ thông tin.

Điều 11

Đề xuất Dự án Đầu tư phải kèm theo một số thông tin nhất định theo quy định của Tiểu Nghị định.

Điều 12

Sau khi nhận được Đề xuất Dự án Đầu tư, Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ xem xét và phê duyệt đề xuất thông qua cơ chế Dịch vụ một cửa.

Cơ chế Dịch vụ một cửa như quy định tại khoản 1 là cơ chế xem xét và quyết định Đề xuất Dự án Đầu tư của đại diện các Bộ và cơ quan liên quan tại Hội đồng Phát triển Campuchia theo sự phân công và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền quyết định. Từ người đứng đầu các bộ và cơ quan liên quan dưới sự điều phối của Hội đồng Phát triển Campuchia.

Nếu Dự án đầu tư được đề xuất không nằm trong danh sách tiêu cực sẽ được xác định riêng bởi Tiểu Nghị định, Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho Người nộp đơn không muộn hơn 20 Ngày làm việc.

Giấy chứng nhận đăng ký phải có mã vạch với mã số nhận dạng hoặc mã QR hoặc hệ thống công nghệ khác chứa một số dữ liệu cơ bản liên quan đến Dự án đầu tư đã đăng ký để phục vụ cho việc đăng ký liên quan và cho việc thực hiện Dự án đầu tư.

Các bộ, cơ quan liên quan trong việc đăng ký và rà soát tuân thủ việc thực hiện Dự án đầu tư có thể không yêu cầu Người nộp đơn hoặc Nhà đầu tư cung cấp thông tin đã có trong mã vạch với mã số nhận dạng hoặc mã QR hoặc hệ thống công nghệ khác trên Giấy chứng nhận đăng ký do Hội đồng cấp cho sự phát triển của Campuchia.

Điều 13

Các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký có thể được triển khai tự động. Việc nhận được Giấy chứng nhận đăng ký không dẫn đến Dự án đầu tư không được cấp các giấy phép khác theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành.

Tất cả các Dự án đầu tư phải chịu sự giám sát và kiểm tra của Hội đồng Phát triển Campuchia để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

Chủ đầu tư phải cung cấp báo cáo theo tiến độ cụ thể do Hội đồng Phát triển Campuchia quy định về việc thực hiện Dự án đầu tư. Định dạng chi tiết của mẫu báo cáo sẽ được xác định theo hướng dẫn của Hội đồng Phát triển Campuchia.

Việc cung cấp báo cáo tình hình thực hiện Dự án đầu tư không phải là cơ sở để miễn kiểm tra tại chỗ nếu Hội đồng Phát triển Campuchia xét thấy cần thiết hoặc nếu có bất kỳ phản đối nào từ những người cho rằng đã bị ảnh hưởng bởi tình hình thực hiện Dự án đầu tư.

Điều 14

Thủ tục đăng ký Dự án đầu tư tại Tiểu ban Đầu tư tỉnh - thành phố do Tiểu ban quy định.

Chương V

BẢO ĐẢM VÀ BẢO VỆ ĐẦU TƯ

Điều 15

Các nhà đầu tư sẽ được không phân biệt đối xử khi liên quan đến việc bồi thường, bồi thường hoặc các biện pháp kinh tế khác trong trường hợp khoản đầu tư của họ bị thua lỗ do xung đột vũ trang, xáo trộn dân sự hoặc tình trạng khẩn cấp nếu có luật và chính sách của Chính phủ Hoàng gia Campuchia về bất kỳ điều kiện hợp lý về bồi hoàn và bồi thường.

Các nhà đầu tư nước ngoài không phải chịu bất kỳ sự phân biệt đối xử nào do quốc tịch nước ngoài, ngoại trừ quyền sở hữu đất đai theo quy định của Hiến pháp Vương quốc Campuchia và bất kỳ quy định nào khác có hiệu lực.

Điều 16

Nhà nước sẽ không thực hiện bất kỳ hành động quốc hữu hóa nào có thể ảnh hưởng đến tài sản của các Nhà đầu tư tại Vương quốc Campuchia.

Điều 17

Nhà nước không được thực hiện việc trưng thu có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Dự án đầu tư đã được phê duyệt hoặc thực

hiện các biện pháp có tác động tương tự để trưng thu, trừ trường hợp vì lợi ích công cộng với các điều kiện sau:

1. Không phân biệt đối xử;
2. Bồi thường công bằng và chính đáng; và
3. Tuân thủ luật pháp và các thủ tục pháp lý có hiệu lực.

Điều 18

Chính phủ Hoàng gia Campuchia sẽ không ấn định giá của các sản phẩm hoặc dịch vụ do Dự án đầu tư tạo ra hoặc cung cấp.

Điều 19

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Nhà đầu tư có quyền tự do mua ngoại tệ và chuyển về toàn bộ số ngoại tệ đó để thanh toán các nghĩa vụ tài chính liên quan đến khoản đầu tư của mình thông qua hệ thống ngân hàng được phép trung gian. Các khoản chuyển nhượng này bao gồm:

- 1 - Các khoản đóng góp cho Thành phố, bao gồm các khoản đóng góp Ban đầu cho Thành phố;
- 2 - Thu nhập, lãi vốn, cổ tức, tiền bản quyền, phí giấy phép, phí quản lý và hỗ trợ kỹ thuật, lãi và các khoản thu nhập khác từ các khoản đầu tư;
- 3 - Lợi nhuận từ việc bán hoặc giải thể toàn bộ hoặc một phần công ty thực hiện Dự án đầu tư;
- 4 - Thanh toán nhập khẩu và trả tiền về nước thanh toán cả gốc và lãi của khoản vay;
- 5 - Trả tiền bồi thường trong trường hợp gây rối dân sự, trưng thu, tịch thu tài sản bởi Nhà nước;
- 6 - Thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm cả quyết định của tòa án hoặc phán quyết của trọng tài; và
- 7 - Thu nhập khác và tiền lương của người lao động.

Điều 20

Tài sản trí tuệ của nhà đầu tư được bảo vệ theo luật pháp và các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ của Vương quốc Campuchia.

Điều 21

Nhà đầu tư chỉ được phép sở hữu đất để thực hiện Dự án đầu tư đối với người có quốc tịch Campuchia theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành.

Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất thông qua hình thức nhượng đất kinh tế hoặc thuê và thuê vĩnh viễn với thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22

Người được coi là nhà đầu tư theo luật này có các quyền sau:

1 - Quyền thuê nhân viên nước ngoài quản lý hoặc vận hành Dự án đầu tư trong hạn mức không vượt quá số lượng theo quy định của pháp luật và các quy định có hiệu lực trong trường hợp không tìm được nhân viên Campuchia đủ năng lực để quản lý hoặc vận hành Dự án đầu tư. Việc cho phép thuê nhân viên nước ngoài dựa trên hoàn cảnh thực tế và không có giá trị vĩnh viễn.

2 - Quyền xin giấy phép tạm trú dài hạn cho bản thân, vợ / chồng và con chưa thành niên trong thời gian Dự án đầu tư của họ đang hoạt động.

3 - Quyền xin giấy phép tạm trú dài hạn cho nhân viên nước ngoài và cho vợ/ chồng và con chưa thành niên của những nhân viên nước ngoài này trong thời gian hợp đồng lao động còn hiệu lực.

4 - Quyền được cấp giấy phép lao động và sổ lao động cho bản thân và cho nhân viên nước ngoài của họ.

Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Ủy ban cấp tỉnh - thành phố sẽ cấp giấy chứng nhận tư cách nhà đầu tư cho người có liên quan đến Dự án đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư để xin giấy phép tạm trú dài hạn, giấy phép lao động và sổ lao động và các mục đích cần thiết khác theo quy định của thủ tục hiện hành.

Các thủ tục đặc biệt để xin giấy phép lao động và sổ lao động như đã nêu trong điều này sẽ được quy định trong quy định Quyết định số chung của Hội đồng Phát triển Campuchia và Bộ Lao động.

Các thủ tục và thủ tục đặc biệt để xin giấy phép tạm trú dài hạn như đã nêu trong điều này sẽ được quy định bởi một Tiểu Nghị định riêng.

Điều 23

Nhà đầu tư có quyền nhận các dịch vụ chăm sóc sau đối với các Dự án Đầu tư đã đăng ký với Hội đồng Phát triển Campuchia và Tiểu ban Đầu tư tỉnh Thủ đô.

Điều kiện, quy trình và thủ tục cung cấp dịch vụ chăm sóc sau cho Dự án đầu tư nêu tại khoản 1 Điều này do Tiểu Nghị định quy định.

Chương VI

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 24

Các lĩnh vực, hoạt động đầu tư sau đây được hưởng ưu đãi đầu tư:

- 1 - Công nghiệp công nghệ cao sáng tạo và nghiên cứu phát triển;
- 2 - Các ngành hoặc nhà sản xuất mới với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính sáng tạo và sức cạnh tranh cao;
- 3 - Các ngành công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu;
- 4 - Công nghiệp hỗ trợ liên quan đến nông nghiệp, du lịch, chế tạo, công nghiệp phục vụ chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu và các ngành công nghiệp chuỗi cung ứng;
- 5 - Công nghiệp điện và điện tử;
- 6 - Công nghiệp phụ tùng, lắp ráp và lắp đặt;
- 7 - Công nghiệp cơ khí và máy móc;
- 8 - Nông nghiệp, công nghiệp nông sản, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu;

9 - Doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực ưu tiên và phát triển cụm doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu công nghiệp, khu khoa học, công nghệ và khu công nghệ cao;

10 - Ngành du lịch và các hoạt động liên quan khác của nó;

11 - Phát triển các đặc khu kinh tế;

12 - Công nghiệp kỹ thuật số;

13 - Đầu tư cho giáo dục, dạy nghề và nâng cao năng suất;

14 - Đầu tư vào lĩnh vực y tế;

15 - Phát triển cơ sở hạ tầng vật chất;

16 - Đầu tư vào lĩnh vực hậu cần;

17 - Đầu tư cho quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế tuần hoàn;

18 - Đầu tư vào năng lượng xanh, công nghệ góp phần thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu;

19 - Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư khác không được luật này liệt kê nếu Chính phủ Hoàng gia Campuchia xét thấy có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 25

Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư liệt kê tại Điều 24 nêu trên không nằm trong danh sách tiêu cực sẽ được hưởng các ưu đãi cơ bản về thuế hoặc thuế hải quan toàn bộ hoặc một phần sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký xác nhận tình trạng QIP.

Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư nêu tại Điều 24 nêu trên không được hưởng cả ưu đãi về thuế và thuế hải quan sẽ được xác định trong danh sách tiêu cực được quy định trong Tiểu Nghị định.

Điều 26

Hoạt động đầu tư được đăng ký với tư cách là QIP có quyền lựa chọn các hình thức khuyến khích cơ bản trong hai phương án sau:

Phương án 1:

- Được miễn thuế thu nhập từ 3 (ba) năm đến 9 (chín) năm, tùy thuộc vào lĩnh vực và hoạt động đầu tư, kể từ khi có thu nhập đầu tiên. Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư, cũng như thời gian miễn thuế thu nhập sẽ được xác định trong Tiểu Nghị định và / hoặc luật quản lý tài chính [hàng năm]. Sau thời gian miễn thuế thu nhập, QIP được hưởng khuyến khích nộp thuế thu nhập theo tỷ lệ lũy tiến theo thời gian tương ứng với tổng số thuế phải nộp như sau:

25% trong 2 (hai) năm đầu tiên;

50% trong 2 (hai) năm tiếp theo; và

75% trong 2 (hai) năm gần nhất.

- Được miễn thuế trả trước trong thời gian miễn thuế thu nhập;

- Được miễn thuế tối thiểu với yêu cầu phải có báo cáo kiểm toán độc lập;

- Được miễn thuế xuất khẩu, trừ khi các luật và quy định khác có quy định khác; Hoặc

Phương án 2:

- Có quyền khấu trừ chi tiêu vốn thông qua khấu hao đặc biệt như đã nêu trong các điều khoản thuế hiện hành;

- Đủ điều kiện để được khấu trừ lên đến 200% cho các chi phí quan trọng khác trong tối đa 9 (chín) năm. Các lĩnh vực và hoạt động đầu tư, cũng như khoảng thời gian được khấu trừ, sẽ được xác định trong Tiểu Nghị định hoặc luật quản lý tài chính [hàng năm];

- Được miễn thuế trả trước trong một khoảng thời gian cụ thể phù hợp với các lĩnh vực và hoạt động đầu tư như sẽ được quy định trong Tiểu Nghị định hoặc luật quản lý tài chính [hàng năm];

- Được miễn thuế tối thiểu với yêu cầu phải có báo cáo kiểm toán độc lập;

- Được miễn thuế xuất khẩu, trừ khi có quy định khác trong các luật và quy định khác.

Ngoài các ưu đãi trong đoạn 1 của điều này:

A- QIP xuất khẩu và QIP hỗ trợ được nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng, thiết bị sản xuất và đầu vào sản xuất được miễn thuế hải quan, thuế đặc biệt và thuế giá trị gia tăng với chi phí của Nhà nước;

B- QIP trong nước được quyền nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng và thiết bị sản xuất với việc Nhà nước miễn thuế hải quan, thuế đặc biệt và thuế giá trị gia tăng. Các ưu đãi cho Đầu vào Sản xuất sẽ được xác định trong Tiểu Nghị định và / hoặc luật quản lý tài chính [hàng năm].

QIP nằm trong các đặc khu kinh tế được hưởng các ưu đãi và bảo vệ giống như các QIP khác được quy định trong luật này.

Điều 27

Ngoài các ưu đãi cơ bản quy định tại Điều 26 của luật này, các hoạt động đầu tư đăng ký với tên gọi QIP được hưởng thêm các ưu đãi sau:

1 - Được miễn thuế giá trị gia tăng đối với việc mua Nguyên liệu đầu vào sản xuất trong nước để thực hiện QIP.

2 - Được khấu trừ 150% (một trăm năm mươi phần trăm) trên cơ sở tính thuế đối với bất kỳ hoạt động nào sau đây:

A - Nghiên cứu, phát triển và đổi mới;

B - Phát triển nguồn nhân lực thông qua việc cung cấp đào tạo nghề và kỹ năng cho công nhân / nhân viên Campuchia;

C - Xây dựng nhà ở, khu ẩm thực, căng tin bình dân, vườn ươm và các cơ sở khác cho công nhân / nhân viên;

D - Nâng cấp máy móc phục vụ dây chuyền sản xuất;

E - Cung cấp các phúc lợi cho công nhân / nhân viên Campuchia, chẳng hạn như phương tiện đi lại thuận tiện cho công nhân / nhân viên đi từ chỗ ở đến nhà máy, chỗ ở, khu ẩm thực, căng tin giá phù hợp, nhà trẻ và các cơ sở khác.

3 - Mở rộng QIP được miễn thuế thu nhập sẽ được quy định trong Tiểu Nghị định

Điều 28

Ngoài các ưu đãi quy định tại Điều 26 và Điều 27 của luật này, bất kỳ lĩnh vực cụ thể và hoạt động đầu tư nào có tiềm năng đóng góp cao vào sự phát triển kinh tế quốc gia đều có thể nhận được các ưu đãi đặc biệt khác sẽ được quy định trong Luật Quản lý tài chính.

Chương VII

MUA, BÁN HOẶC SÁP NHẬP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 29

Các quyền, đặc quyền và lợi ích khác mà QIP có được không thể được chuyển nhượng cho bất kỳ bên thứ ba nào, ngoại trừ thông qua việc mua, bán và sáp nhập Dự án Đầu tư.

Điều 30

Dự án đầu tư có thể được mua, bán hoặc sáp nhập mà không làm mất các ưu đãi, bảo đảm đầu tư và bất kỳ nghĩa vụ nào kèm theo nếu việc mua bán, sáp nhập phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và được thực hiện thông qua văn bản đề nghị với Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh - thành phố, nơi các thủ tục chi tiết sẽ do Tiểu Nghị định quyết định.

Chương VIII

HỦY BỎ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 31

Dự án đầu tư có thể bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

1. Không có khả năng tiếp tục thực hiện QIP;
2. Pháp nhân thực hiện QIP bị giải thể;
3. Không thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong luật và các quy định hiện hành;
4. Theo đề nghị của các Bộ, ngành có liên quan đối với Dự án đầu tư có ảnh hưởng xấu đến môi trường, an ninh quốc gia, lợi ích công cộng, dân sinh hoặc theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

Điều 32

Trong trường hợp hủy bỏ theo Điều 31-1 của luật này, Chủ đầu tư phải nộp đơn xin hủy bỏ trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền cho Hội đồng Phát triển Campuchia. Yêu cầu phải có chữ ký của Chủ đầu tư hoặc người đại diện được ủy quyền, nêu rõ lý do không thực hiện được và kèm theo các tài liệu chứng minh.

Đối với trường hợp hủy bỏ do giải thể theo quy định tại Điều 31-2 của luật này, nếu việc giải thể được thực hiện theo phương thức thanh lý, giải thể tự nguyện, Chủ đầu tư phải trực tiếp xin hủy bỏ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố.

Trong trường hợp hủy bỏ do giải thể theo quy định tại Điều 31-2 của luật này, nếu việc giải thể được thực hiện theo quyết định của tòa án, Nhà đầu tư phải nộp đơn xin hủy bỏ trực tiếp cho Hội đồng Phát triển Campuchia, Tiểu ban Đầu tư Tỉnh - Thành phố. , kèm theo quyết định cuối cùng của tòa án và các tài liệu liên quan về việc giải thể pháp nhân thực hiện QIP và tuyên bố về mối quan hệ lợi ích với QIP cũng sẽ bị hủy bỏ.

QIP có thể bị hủy bỏ theo quyết định của Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh - thành phố phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 31-3 của luật này.

Các thủ tục chi tiết để hủy bỏ theo yêu cầu và hủy bỏ theo quyết định theo khoản 1 đến khoản 4 Điều 31 của luật này sẽ do Tiểu Nghị định xác định.

Điều 33

Ngay cả khi Dự án đầu tư bị hủy bỏ, Nhà đầu tư không được miễn thuế và các nghĩa vụ khác.

Điều 34

Nhà đầu tư có thể khiếu nại việc hủy bỏ Dự án đầu tư bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban đầu tư tỉnh - thành phố theo thủ tục hiện hành.

Trong trường hợp có kháng nghị, Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh – thành phố sẽ quyết định về việc kháng nghị đó.

Trong trường hợp không hài lòng với quyết định trên, Nhà đầu tư kháng cáo có thể gửi đơn khiếu nại đến Tòa án có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia.

Điều 35

Trong trường hợp Dự án đầu tư bị hủy bỏ, Nhà đầu tư có thể chuyển các tài sản còn lại ra nước ngoài hoặc sử dụng các tài sản này tại Vương quốc Campuchia. Trường hợp Dự án đầu tư sử dụng vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng, thiết bị sản xuất và đầu vào sản xuất nhập khẩu được miễn thuế hải quan, thuế đặc biệt và thuế giá trị gia tăng do Nhà nước chịu chi phí dưới 05 (năm) năm thì Nhà đầu tư có nghĩa vụ nộp thuế đối với vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng, thiết bị sản xuất và các đầu vào sản xuất khác do Tiểu Nghị định quy định theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành.

Chương IX

TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 36

1. Trọng tài quốc gia hoặc quốc tế;
2. Tòa án có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia.

Tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Nhà đầu tư liên quan đến Dự án đầu tư có thể được giải quyết thông qua cơ chế hòa giải bởi Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Ủy ban đầu tư tỉnh – thành phố theo yêu cầu bằng văn bản của Hội đồng phát triển Campuchia hoặc Ủy ban đầu tư tỉnh – thành phố. Tiểu ban của bất kỳ bên nào trong tranh chấp.

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu hòa giải, Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh – thành phố sẽ tổ chức hòa giải với Nhà đầu tư và các bên liên quan khác, nếu cần, để tìm ra giải pháp phù hợp.

Nếu cơ chế hòa giải trên không thành công, tranh chấp có thể được giải quyết thông qua:

1. Trọng tài quốc gia hoặc quốc tế;
2. Tòa án có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia.

Chương X

THỰC HIỆN

Điều 37

Sau khi luật này có hiệu lực, Chính phủ Hoàng gia Campuchia sẽ ban hành một Tiểu Nghị định về Thi hành Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia để thực hiện các quy định của luật này một cách hiệu quả và toàn diện.

Chương XI

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Điều 38

Các Tiểu Nghị định sau đây sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi một Tiểu Nghị định mới hoặc công cụ pháp lý thay thế chúng:

1. Tiểu Nghị định số 111 ngày 27 tháng 9 năm 2005 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia;
2. Tiểu Nghị định số 79 ngày 8 tháng 6 năm 2021 về việc Thành lập Tiểu ban Đầu tư cấp tỉnh - thành phố;
3. Tiểu Nghị định số 34, ngày 23 tháng 4 năm 2007, về việc sửa đổi Phần 1, Phụ lục 1 của Tiểu Nghị định số 111, ngày 27 tháng 9 năm 2005, về thi hành Luật sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia;
4. Tiểu Nghị định số 60, ngày 5 tháng 4 năm 2016, về Tổ chức và Chức năng của Hội đồng Phát triển Campuchia;
5. Tiểu Nghị định số 33, ngày 13 tháng 2 năm 2019, về việc sửa đổi Điều 15 của Tiểu Nghị định số 111, ngày 27 tháng 9 năm 2005, về Thi hành Luật sửa đổi Luật Đầu tư của Vương quốc Anh của Campuchia;

6. Tiểu Nghị định số 148 ngày 29 tháng 12 năm 2005 về Thành lập và Quản lý Khu kinh tế đặc biệt;

7. Các công cụ pháp lý khác có liên quan.

Điều 39

Hội đồng Phát triển Campuchia sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình cho đến khi có Nghị định của Hoàng gia về Tổ chức và Chức năng của Hội đồng Phát triển Campuchia thay thế.

Điều 40

Các khoản đầu tư được ưu đãi đầu tư và được sự cho phép của Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia do Hoàng gia Kram ban hành số 03 / NS / 94 ngày 05 tháng 8 năm 1994 và Luật sửa đổi Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia ban hành bởi Royal Kram số NS / RKM / 0303/009, ngày 24 tháng 3 năm 2003, và các Tiểu Nghị định khác được coi là QIP theo luật này và Tiểu Nghị định có liên quan.

Các khoản đầu tư không được ưu đãi đầu tư nhưng đã được bảo lãnh đầu tư và được sự cho phép của Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia do Hoàng gia Kram ban hành số 03 / NS / 94 ngày 05 tháng 8 năm 1994 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia do Hoàng gia Kram ban hành số NS / RKM / 0303/009, ngày 24 tháng 3 năm 2003, và các Tiểu Nghị định khác được coi là GIP theo luật này và Tiểu Nghị định có liên quan.

QIP đã được miễn thuế thu nhập đã được Hội đồng Phát triển Campuchia hoặc Ủy ban Đầu tư cấp tỉnh - thành phố chấp thuận bằng văn bản trước khi ban hành luật này, được tiếp tục miễn thuế thu nhập còn lại.

Chương XII

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 41

Luật Đầu tư của Vương quốc Campuchia số 03 / NS / 94 ban hành ngày 05 tháng 8 năm 1994 và Luật sửa đổi Luật Đầu tư của Vương quốc

Campuchia NS / RKM / 0303/009, ban hành ngày 24 tháng 3 năm 2003
và bất kỳ quy định nào trái với luật này sẽ bị bãi bỏ.

Điều 42

Luật này sẽ được ban hành ngay lập tức.

Phnôm Penh, ngày 15.10.2021

Quốc vương

Norodom Xi-ha-mô-ni (đã ký)

Theo đề nghị gửi Quốc vương

T.Tg Hun Sen (đã ký)

Đã copy đúng theo bản gốc

Phó T.Tg Thường trực,

Bộ trưởng Phụ trách VP HĐNC Bin Chhin

PHỤ LỤC VII. DANH SÁCH NHÀ HÀNG, QUÁN ĂN ẨM THỰC VIỆT TẠI PHNOM PENH, CAMPUCHIA

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
1	RuNam Restaurant & Café	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bún nước lèo - South west style noodle Cháo Tôm Sugarcane Shrimp Sticks	Bún nước lèo - South west style noodle Bún Bò Huế - Beef noodle soup from Hue Cà phê trứng - Egg coffe	7	7	GF, Chipmong Mega Mall, Meanchey, Phnom Penh	Chị. Dorothy: 0977950974	https://maps.app.goo.gl/md8YjzfDpHdANxUD6 https://maps.app.goo.gl/DMxglL538ZYr5bs818
2	Lau Bo 68	Chuyên thịt bò	Bun Chả - Beef Noodle soup Noodle soup from Viet Nam Highland	Bun Chả - Beef Noodle soup from Viet Nam Highland Lẩu bò- Special Beef Hot pot Orange juice	3,5	3	#30, street 360, BKK2, Phnom Penh	Anh. Chiến: 0972448102	https://maps.app.goo.gl/dTswJUK4pyTXVFgx8
3	Hello Việt Nam	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Dê quay, dê nướng	Dê nhiều món- all dish made from goat Lẩu Gà Đen - Black chicken hotpot Vietnam liquor	5	3	#17, Street 542, Toul Kork, Phnom Penh	Anh. Tony: 097989168	https://maps.app.goo.gl/m6cfrECMTriDjSpy7
4	Whistle restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Miến Xào cua - Fried Vermicilion with crabmeat	Cá Kho-Vietnam Stewed fish Canh Chua cá- Vietnam sour soup Dua tac- Coconut and kumquat juice	4	2,5	#17, Street 242, DaunPenh, Phnom Penh	Chị. Lee (Ly): 095529977	https://maps.app.goo.gl/qQASKqWqreKBCnxV8

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
5	Magnolia Champa	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bánh xèo	Bánh xèo - Vietnam pancake Gỏi cuốn - Fresh Spring roll Bánh canh giò heo - Tay Ninh Pork knuckle noodle	5	2	#55, St. Pasteur corner 242, Phnom Penh,	012 529 977	https://maps.app.goo.gl/Vvf6ozjPfH69h1eH7
6	Arita Garden	Món ăn phía Bắc Việt Nam	Bún Cá	Vịt nhiều món - all dish made from Duck Arita steak Hồng Ngự Mam Xoai - Deep fried Snapper with mango	5	3	# 08, Street 240, Phnom Penh, Cambodia, Phnom Penh	Anh. Nhân: 097 878 5858	https://maps.app.goo.gl/3gFd1yyF5ZJkSeXZ9
7	Ngon Restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bún riêu	Bánh Cánh Cua - Thick noodle & crabmeat soup Bún thịt nướng - Vermicilin with Grilled pork and spring roll Cá Lóc Hấp - Steam Mudfish served with Vegetables	4	3	#60, sihanouk Biv, Phnom penh	Anh. Tuan Kenny: 0888026666	https://maps.app.goo.gl/YsgQU68TYzEyuEhB6
8	Koi Garden Café and Restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bánh Mì	Vietnam cold cut Bánh Mì Việt Nam Bún Chả Cá- Fish Cáke noodle	5	2	National 6A, Sangkat Prek Leap, Khan Chroy Chongva, Phnom Penh	088 524 7247	https://maps.app.goo.gl/KchMEXNFtUTMdNES7

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
9	Co Vang Tofu	Tào phớ	Tofu	Đậu hũ tươi - Fresh made tofu		2,5	#66A, street 369, Chba Ampov, Phnom Penh	Anh Tú: 0975345777	https://maps.app.goo.gl/wnHAaW2stT6vrHbmU6
10	Ha Long Quan	Món ăn phía Bắc Việt Nam	Hải sản noodle soup	Chả mực - Squid cake Bún Hải sản Ha Long - Hải sản noodle soup Ha Long style Rượu Việt Nam - Vietnam liquor	5	3	#120E0, street 278, BKK2, Phnom Penh	Anh Hùng 097852652	https://maps.app.goo.gl/5wpuKqgTKEAwSinTA
11	Phương Nam Restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Lẩu Cá kèo - Goby fish hot pot	Gà hấp lá chanh - Steamed chicken with lime leaves Kho Quệt - Steamed vegetable & Caramelized fish sauce Cá lăng nướng - Grilled Bagridae Fish	5	3	Street 105, Daun Penh, Phnom Penh	0978766777	https://maps.app.goo.gl/9mouyHep9WRxNGZU8
12	Oc Lien 99	Thức ăn đường phố - Hải sản	Oc len xao dưa - blunt mud creeper with coconut sauce	Sò Diệp nướng mỡ hành - grilled scallop & spring onion Tôm nướng Muối ớt - Grilled Shrimp with salt & chilli Hàu sống - Fresh Oyster	5	3	#99, Street 105, Daun Penh, Phnom Penh	0978113567	https://maps.app.goo.gl/xXCyeb1ZGPeGTdWE7

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
13	Pho & Bún Chả Deli	Bún Chả	Bún Chả	Bún Chả Bún Bò xào - Fried beef with noodle & sweet Sour sauce Nước mơ - Apricot huice	3	2	#79, Street 110, Phsa Cha, Phnom Penh	Anh. Tuấn: 0884448679	https://maps.app.goo.gl/r7zsFx44qvCLhCUA
14	The Nam	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Bò	Banh Sung - Coconut milk rice noodle Phở Bò The Nam Platter - mixed of grilled served with vegetable	2	2	#166, street 215, Phsa Daeum Kor, Phnom Penh	085383676	https://maps.app.goo.gl/LN6R2GZDVpghAnhBd6
15	La Marina	Hải sản	Hải sản combo	Sashimi Combo Hàu sống-Fresh oyster Tôm hùm sốt phô mai - Grilled lobster with cheese	5	2	#2, street 462, Chamkarmon, Phnom penh	0976564794	https://g.co/kgs/22Y1y9k
16	Bassac Pho	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Bò	Phở Bò Bún mắm miền tây - Mekong Fish Sauce Noodle Soup Cà phê sữa đá	4	2	#12 Street 282, BKK1, Phnom Penh	016364477	https://maps.app.goo.gl/C4NWzGzdXhJaGHKc6
17	Hanoi Corner	Món ăn phía Bắc Việt Nam	Bánh cuốn - Steam rice roll	Phở Việt Nam Bún Đậu - Deep fried tofu & vermicilin served with shrimp paste Nước mơ - Apricot juice	3	2	#2, street 294, Chamkarmon, Phnom Penh	0889929099	https://maps.app.goo.gl/C4NWzGzdXhJaGHKc6

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
18	Pho Saigon	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Bò	Phở Việt Nam Bún Bò Huế - Beef noodle soup from Hue Cà phê sữa đá - Cà phê Việt Nam	3	2	Rose condominium, GF, Acácia street, Phnom Penh	0978355188	https://maps.app.goo.gl/CV5pJfSJCoFbT9zh8
19	Roka Vietnam noodle bar	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Gà	Phở Việt Nam Bún Bò Huế - Beef noodle soup from Hue Cà phê sữa đá - Cà phê Việt Nam	4	3	#215, Street 51, BKK1, Phnom penh	098456678	https://maps.app.goo.gl/djuRqbChiACPA79dK9
20	Bún Kitchen	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bánh Mì Bún Chả Xiu Mai - Vietnam minced pork		4	3	#47, street 51, BKK1, Phnom Penh #30BEO, Street 123, BKK2, Phnom Penh	069620109 077727233	https://maps.app.goo.gl/oM4XuLf7Yhd99xSq7 https://maps.app.goo.gl/Lfo8IR6iqALWX3bn8
21	V restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Mien Ga	Cơm Tấm - Vietnam broken rice Bún riêu - Vietnam crab meat soup Cà phê sữa đá	4	2	# 32 Street 184, Daun Penh, Phnom Penh	0973639777	https://maps.app.goo.gl/ZyZtyfxWHaP6Q7LS8

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
22	Pho Fortune	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Bò	Phở Việt Nam Gỏi cuốn - Vietnam fresh spring roll	3	2	#15 street 242 Sangkat Chak Tomuk, phnom penh	'0968108080	https://maps.app.goo.gl/Wsut2tMoAxNCnFCE9
23	Gánh	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Ganh's roll	Cơm Tấm - Vietnam broken rice Cá diêu hồng chiên - Deep fried Tiapila fish	5	2	Chip Mong Noro Lane, 3F, Norodom Biv, Phnom Penh	015 997 717	https://maps.app.goo.gl/D2Vub4kfGWhC6Ke9
24	Pho Town	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Phở Bò	Phở Việt Nam Gỏi cuốn - Vietnam fresh spring roll	4	2	House14, Street 214, Daun Penh, Phnom Penh	0998096666	https://maps.app.goo.gl/wtJx8eySuuYRpdJSA
25	Your Việt Nam restaurant	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Bún Bò Huế	Bún Bò Huế - Hue Style Noodle Lẩu riêu cua- Crab meat hot pot	5	2	#37, Street 180, Daun Penh, Phnom Penh	0967564302	https://maps.app.goo.gl/TC9jZieNm5EC5mmq8
26	VIP Pho	Món ăn Việt Nam và Tổng hợp	Pho Sate	Phở Sate Chả giò - deep fried spring roll Hoành thánh- Wonton	5	2	#17-21, St P10B Borey Penghuoth Chbar Ampov Phnom Penh,	099601332	https://maps.app.goo.gl/n5vhdQhqUT5Kwwtn9

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
27	Pho 68	Phở Bò	Phở Bò	Phở Bò Việt Nam - Phở Bắc	5	2	#149 Street 113, BKK2, Phnom Penh	Chị. Thủy: 0718806168	https://maps.app.goo.gl/gttDP5H5QvT1x6UXA
28	Pho Khiet	Phở Bò	Phở Bò	Phở Bò Việt Nam - Phở Bắc	4	2	#28BC, Street 292, Phnom Penh	Anh. Khiết: 012483483	https://maps.app.goo.gl/8H28Ejkd63K7rYBA
29	Bánh canh cá lóc 168	Món ăn Miền Trung	Bánh canh cá	Bánh canh cá - Bún cá miền trung	4	2	Street 384, Toul Svay Prey, Phnom Penh	Anh Vinh: 0979568568	https://maps.app.goo.gl/hf2jnhZSYQ1kPBjV8
30	Pho De Paris	Phở Việt Nam	Phở Bò	LSuon kho sa-emon Grass pork rib Bún thịt nướng - Vermicilin and grilled pork Beef luk lak - Vietnam fried beef	5	2	260 Preah Monivong Blvd (93), Phnom Penh	089308525	https://maps.app.goo.gl/kdxdDeDNiqRX2CfD8
31	Tofu Home made	Bún đậu miền Bắc	Bún Đậu mắm tôm	Bún Đậu - Deep fried Tofu served with Shrimp Paste Oc chuối dau - Stewed Snail & green banana with shrimp paste Bánh tôm - Deep fried shrimp cake Hanoi style	3	2	#30 Street 468, Phnom Penh	0888170173	https://maps.app.goo.gl/ZA5yhFgheoPzyStj6

STT	Tên Nhà hàng	Loại đồ ăn phục vụ	Món ngon nổi bật	Thực đơn	Mức giá trung bình đồ ăn (USD)	Mức giá trung bình đồ uống (USD)	Địa chỉ nhà hàng	Điện thoại/ Đầu mối liên hệ Đầu số: +855	Bản đồ/Định vị
32	Bánh cuốn Phnom Penh	Thức ăn đường phố	Bánh cuốn - Steam rice roll	Bún Chả Xôi gấc - Spiny Cucumber sticky rice	3	2	Street 143, BKK2, Phnom Penh	0962072727	https://maps.app.goo.gl/qMYBBPtoGoVaJUXr9
33	Siêu thị Việt Nam	Vietnam grocery					floor 1 -No, 129 Street 199, Phnom Penh	Chi. Tyna: 096 998 8879	https://maps.app.goo.gl/J1gyzRADTndvZpCx9
34	Vinamart	Vietnam grocery					# 310 Preah Monivong Blvd (93), Phnom Penh	Chi. Thuyền 0977770096	https://maps.app.goo.gl/sGoh1XofHepysKLf7

CẨM NANG GIỚI THIỆU THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Tầng 4, số 655 Phạm Văn Đồng,
Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 3934 1562 * **Fax:** 024 3938 7163
Website: nxbcongthuong.vn
Email: nxbct@moit.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trương Thu Hiền

Biên tập

Trương Hữu Thắng

Chế bản

Vũ Việt Dũng

Thiết kế bìa

Nguyễn Hữu Vương

In 200 cuốn, khổ 16×24cm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Hợp tác Quốc tế
Địa chỉ: Số 32 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, TP. Hà Nội
Xác nhận đăng kí xuất bản số: 3021-2025/CXBIPH/4-216/CT
Quyết định xuất bản số: 423/QĐ - NXBCT cấp ngày 12 tháng 08 năm 2025
Mã số ISBN: 978-632-612-495-8
In xong và nộp lưu chiểu năm 2025

CẨM NANG
GIỚI THIỆU THỊ TRƯỜNG
CAMPUCHIA



SÁCH KHÔNG BÁN